

Âm mưu và son phấn

Phần 01 - Hàng Hóa Kỳ Lạ

Người con gái mua cả một quốc gia

Chỉ có người cực kỳ thông minh, xảo trá mới có thể tham dự được trò chơi quyền lực. Nhưng chỉ dựa vào tâm kế sẽ không đủ, cần có thêm hai chất khí quan trọng nữa: kiên nhẫn và cảm bằng mình xông lên không hề nguy hiểm hoặc án binh khi cần thiết. Có thể nói đó là sự kết hợp giữa bản lĩnh của một thương nhân với tâm lý liều lĩnh. Có nhiều người sau khi dựa vào âm mưu, chí và sự sáng suốt đã đạt một thành công tương đối lớn nhưng sau đó lại trở nên rụt rè e sợ và cuối cùng thất bại.

Mùa xuân năm 260 trước công nguyên ở Hàm Đan, kinh đô nước Triệu, phủ đệ nhà buôn lớn Lã Bất Vi luôn tung bừng đèn, hoa rực rỡ, yến tiệc la liệt. Một hôm, chủ và khách đã ngà ngà say, khách là công tử nước Tần mới có hai mươi tuổi. Trước đó vài năm chàng hãy còn là cậu bé con đến nước Triệu làm con tin. Nay chàng là một thanh niên anh tuấn, ăn mặc hào hoa vương giả, châu ngọc đầy mình, nên được ông chủ đón tiếp ân cần, nồng nhiệt. Theo sau chàng có một tốp tùy tùng để bảo vệ cho tấm thân cao quý của chàng. Chủ nhân Lã Bất Vi đang độ trung niên, vốn là người Dương Cù nước Hàn (nay ở huyện Vũ, tỉnh Hà Nam). Nhờ buôn bán mà Lã trở nên giàu có và là sự phụ của chàng khách lạ. Cử chỉ của Lã lịch sự, ăn nói cẩn trọng và kiêu hãnh, thỉnh thoảng lại lóe một cái nhìn sắc sảo như thép, lạnh lùng chủ động.

Hôm nay chàng khách lạ rất vui sướng vì Lã Bất Vi vừa mới cho chàng biết một vài tin tức tốt lành bên nước Tần: Cha của chàng là Tần thái tử An Quốc Quân đã chính thức xác nhận chàng là duệ chính thừa tự. Có nghĩa là chàng sẽ là người kế vị ngôi vua nước Tần, một nước được coi là hùng cường nhất. Những nước như Hàn, Triệu, Ngụy, Tề, Sở... đều run sợ dưới sự uy hiếp và tấn công của đại quân nước Tần bởi nước nào mà chẳng sợ chết chứ? Chàng cảm thấy mình chỉ nắm tay hoặc khua chân thì có thể sẽ tỏ ra một sức mạnh vô cùng to lớn. Lã Bất Vi lại còn mang từ nước Tần về cho chàng nhiều của quý như vàng bạc, ngựa xe, đồ đạc và những hầu nam hầu nữ. Chàng chạnh lòng nghĩ đến năm xưa bị lưu lạc long đong và nay như đã biến thành một con người khác. Lần đầu tiên chàng nhận thấy mình là con người cao quý và tôn nghiêm đến như vậy. Điều đó càng làm cho chàng sung sướng với người con gái trước mắt. Chàng thấy ngay đây không phải là cô gái bình thường. Ôi, phi thiếp! Nàng là cô gái nhà hào hoa giàu có đất Hàm Đan. Khuôn mặt kiêu diễm tuyệt vời, múa rất đẹp. Lã Bất Vi phải bỏ ra số vàng vô cùng lớn mới lấy được nàng về. Nàng được sủng ái hết mức. Hôm nay nàng sẽ ra chuốc rượu. Đó là tấm lòng của Lã Bất Vi tỏ ra thật đặc biệt đối với chàng. Không gọn một mấy may mắn đó gì. Tuy vậy, có trời mới biết vì rượu, vì không khí mùa xuân dễ chịu hãy là vì sự gợi tình của cô gái yêu kiều mà chàng không cầm lòng nổi. Chàng cảm thấy thân thể mình như bị đốt lên. Chàng cũng biết là sau này chàng sẽ có nhiều cô gái. Nhưng thật vô vị, chàng đang còn trẻ. Trước đây chưa hề được tiếp xúc với cô gái nào lại tuyệt đẹp như thế này. Chàng không thể chế ngự được sự thèm muốn cô gái đứng trước mình.

Cô gái đang múa, thân, eo mềm và dẻo. Lúc ẩn lúc hiện như dòng sữa trắng. Đôi mông cao vút, lúc nhô lên lúc hạ xuống như con cá nhẹ bơi lúc gần lúc xa. Có lúc cô xích gần lại chàng một chút, lúc lại xa ra một chút làm cho hồn vía chàng nao nao bay lên mây. Chàng say rồi. Lúc màn múa kết thúc, chủ nhà biếu lễ vật cho khách, chàng vẫn còn say sưa như người trong mộng. Hình như Lã Bất Vi đã thấy mình bắt đúng long mạch, đã khêu gợi tâm sự của khách. Lã nói với chàng: "Được công tử hạ xe giá quang lâm tới, tôi đặc biệt cảm thấy một vinh hạnh lớn lao. Các lễ vật nhỏ mọn thật không xứng với nỗi lòng kính trọng. Công tử thích điều gì xin công tử cứ dạy cho...". Khách ngẩng đầu nhìn cô gái đó, thấy đôi mắt cô ta như bốc lửa nhìn chăm chăm về phía mình tỏ vẻ khẩn cầu tình yêu của mình. Lã Bất Vi khiêm nhường kính cẩn, khuyến khích khách. Thế rồi chàng giơ một ngón tay lên mà nói: "Xin cho cô phi này được theo hầu tôi suốt đời. Xin ngài. Ngài gia ân cho, muôn đời không dám quên...". Không ngờ Lã Bất Vi sa sầm nét mặt, nói: "Bất Vi tôi đã khuynh gia bại sản để mưu nghiệp cho công tử mà công tử lại rắp tâm nhòm ngó người nhà của Bất Vi! Công tử cho Bất Vi làm sự phụ mà công tử lại nói lời như vậy ư!". Giọng nói của Bất Vi khò khè, rõ ràng là

rất bức tức. Khách giật mình, luống cuống không biết nói gì. Khách hiểu ra rằng trước mặt Lã Bất Vi, khách chỉ là một kẻ yếu ớt.

Trở về phòng khách, công tử không sao ngủ được. Hình ảnh của những năm tháng trước đây hiện ra với công tử.

Chừng sáu, bảy năm về trước, thân sinh của chàng là Tần Chiêu Nhượng Vương cầm quân đi chinh phạt sáu nước nhưng hòa với nước Triệu, nên chàng bị đưa sang đó làm con tin. Tình cảnh của con tin thật vô cùng khốn khổ, đã thế người dân nước Tần lại không quan tâm đến con tin. Hơn nữa, trước đó năm năm, phụ thân của khách được phong là thái tử kế nghiệp. Người có hơn hai mươi người con trai, mà chàng lại không phải là con trưởng. Mẫu thân của công tử là Hạ Cơ cũng không được sủng ái thì lấy gì làm đảm bảo được đây. Ngay việc cung cấp vật chất để duy trì cuộc sống còn lúc có lúc không đến nỗi quần áo thì thô kệch, ngựa già xe cũ, chẳng có chút đáng đáp công tử xênh xang gì. Chàng lại ở quê người, không được tự do, không được nhận chút lạc thú trên đời nên thấy cuộc sống thật là thừa. Đột nhiên, Lã Bất Vi xuất hiện làm cho tất cả mọi chuyện đều thay đổi. Lần đầu tiên, Lã Bất Vi đến gặp và hàn huyên với công tử đôi câu rồi nói lớn lên: "Tôi có thể làm lộng lẫy môn đình của công tử". Chàng còn tưởng là nhà buôn này nói bốc, thật tức cười, và trả lời: "Xin ông hãy làm lộng lẫy môn đình nhà ông trước đi đã!". Lã Bất Vi nhìn chàng rất bình tĩnh mà rằng: "Môn đình nhà tôi phải đợi môn đình của công tử mới trở nên lộng lẫy". Chàng hiểu ngay: "Thì ra ông nhà buôn này lấy ngay bản thân mình làm món hàng buôn bán!". Hay là ông ta đã đến đường cùng, hết hi vọng, nên tính làm một chuyện "được ăn cả ngã về không?". Thế rồi dần dần, họ thân thiết với nhau. Khi Lã Bất Vi nói tường tận kế hoạch dự định của mình cho chàng nghe, chàng mới phát hiện thấy Lã tính toán kín kẽ, tinh vi sáng suốt hơn người. Chàng coi Lã là vị cứu tinh của mình, bèn quỳ xuống, cúi đầu hứa: "Nếu đúng được như lời ngài nói, sau này nước Tần sẽ là của chung của chúng ta!".

Lã Bất Vi kinh doanh nhiều năm, của cải trị giá hơn ngàn cân vàng. Nhưng Lã không cho là đủ. Các nhà buôn chẳng có địa vị xã hội cao. Hơn nữa, dưới sự thống trị của cường quyền thì của cải cũng không là chỗ dựa vững. Ông ta muốn dùng sự giàu có của mình để mưu lợi ích to lớn hơn nhiều. Trong lúc nhìn thấy người chàng tiêu tụy, ông ta phát hiện thấy đó là món hàng thời sự có thể kiếm được giá trị lớn, bất giác kêu to lên: "Món hàng kỳ lạ này có thể "phát" đây". Ông vốn là một nhà buôn bốn bể khắp nơi xa gần và biết rất rõ tình hình các nước. Ông cũng biết dùng cách nào có thể tiêu thụ được cái món hàng là ông khách trẻ này.

Mọi công việc được tiến hành khẩn trương theo đúng kế hoạch. Lã Bất Vi huy động toàn bộ tài sản, giao cho chàng một nửa là năm trăm cân vàng để chàng sắm sửa mọi thứ cần dùng, giao du và chiêu mộ khách quý. Các tân khách quý tộc thời chiến quốc là những người "sĩ tử" đi đây đó, dựa vào tài, chí cá nhân của mình mà thăng tiến trên con đường chính trị. Những sĩ tử như vậy đương nhiên rất chú ý đến việc lựa chọn một ông chủ thích hợp. Do đó, cửa nhà nào tân khách dập diều đều được coi là người hiền. Còn lại năm trăm cân vàng, Lã bỏ ra mua những châu ngọc, các vật cực quý hiếm rồi tự mình sang nước Tần. Thái tử Tần lấy hiệu là An Quốc Quân, sủng ái Hoa Dương phu nhân nhất nên bà được phong làm vợ chính gần gũi. Thoạt tiên Lã mua chuộc người chị của Hoa Dương phu nhân, nhờ bà dẫn đường chỉ lối rồi hiến tất cả các vật quý hiếm, châu ngọc cho Hoa Dương phu nhân. Ông khoe với phu nhân và tài, chí, hiền minh của chàng như thế nào, giao tiếp rộng rãi với tân khách của các nước và thiên hạ ra sao. Sau đó Lã nói về việc chàng có lòng kính yêu cao quý đối với Hoa Dương phu nhân, rằng ở Hàm Đan ngày đêm chàng khóc than thương nhớ Thái tử và phu nhân. Chàng thường nói rằng mình coi phu nhân như trời cao. Hoa Dương phu nhân không sinh dè. Dùng một cái lại nhận được bao nhiêu là của quý hiếm, quả là sung sướng quá chừng, lại bỗng dưng có được đứa con sống ở quê người ngày đêm thương yêu tưởng nhớ. Làm sao lại không cảm động cho được?

Ngày thứ hai, bà chị của Hoa Dương phu nhân lại vào cung, khuyên phu nhân rằng: "Nhan sắc người đàn bà làm nên sự nghiệp nhưng khi sắc đẹp đã tàn phai, lòng sủng ái cũng sẽ nhạt đi. Nay phu nhân được thái tử yêu quý đậm đà sao chẳng nắm lấy cơ hội này, chọn lấy trong số đứa con một đứa có lòng kính yêu và hiếu thảo với mình mà lập làm kế nối ngôi? Coi nó như con đẻ của mình? Khi chồng còn sống có thể cùng cố được địa vị của mình. Nếu chồng sang thế giới bên kia, cổ vụn đắp cho con kế vị lên ngôi vua thì không bao giờ bị thất thế. Chỉ cần mở miệng ra nói một lời mà lại

có lợi đến muôn đời! Không thừa lúc thịnh mà xây dựng cơ nghiệp cho bản thân mình, sợ khi nhan sắc đã về trời thì còn gì mà nói nữa? Đã có kẻ có thể thế vị thì nên lập ngay đi. Như vậy cô sẽ được người đó chịu ơn và đền nghĩa. Bây giờ, công tử không có khả năng được lập là người thế vị, mẹ nó lại không được sủng ái và may mắn nên tình nguyện phục tùng vào phu nhân. Co đưa công tử lên cao là có được chỗ dựa suốt đời...". Rõ ràng, tất cả những lời này là do Lã Bất Vi đã lên lớp. Từng lời, từng nói một cứ bám lấy trái tim phu nhân. Bà gật đầu khen là phải.

Sau đó không lâu, nhân lúc tình cảm giữa thái tử và Hoa Dương phu nhân đang đà lại là giây phút thái tử quần quít, bà sử dụng duyên dáng toàn thân đến đầu mày cuối mắt. Rồi bà dẫn đến chuyện công tử đang làm khách tại nước Triệu. Bà bảo tuy công tử đang ở Triệu nhưng lại được tiếng thơm và vinh dự rộng lớn. Ai nấy ở Triệu đều khen công tử hiền hậu và hiếu thuận. Bà rơm rớm nước mắt: "Thiếp có hạnh phúc được vào làm hậu công cho thái tử nhưng bất hạnh không có con. Nếu thái tử lập đứa khác lên ngôi thì thân thiếp không có chỗ nương dựa". Lúc đó, làm sao An Quốc Quân có thể để cho con tim yêu quý của mình bị xót thương? An Quốc Quân liền nhận lời khiến bà chuyển từ khóc sang cười. Bà vẫn chưa yên tâm, cho người khắc lời hứa của thái tử vào ấn ngọc để giữa lấy làm bằng chứng. Tiếp đó, An Quốc Quân và Hoa Dương phu nhân ban cho công tử rất nhiều của báu, nhờ Lã Bất Vi mang về cho công tử và làm lễ mời Lã Bất Vi làm sư phụ cho công tử. Cuối cùng, một loạt những hành động đó đã làm cho công tử luôn bơ vơ như kẻ mất hồn trở thành người kế vị của vua nước Tần.

Nhưng hiện giờ công tử thao thức, trần trọc, không yên lòng vì chàng vẫn ở nước Triệu, biết có an toàn mà về nước Tần không? Đó cũng là một vấn đề. Minh nhờ vào Lã Bất Vi nhiều quá, không biết lòng dạ lão ra sao? Điều đó biết đâu mà dò. Khách hơi hối hận. Nhưng dung nhan diễm lệ, thần thái mê hồn, thân thể nhịp nhàng của cô gái đó cứ nhảy múa phiêu bồng trong đầu óc công tử làm cho công tử không sao bình tĩnh nổi.

Ngày thứ hai, công tử dậy hơi muộn, nhận được thông báo có Lã Bất Vi đến thăm, công tử kinh ngạc, vội ra đón. Thấy Lã Bất Vi nở nụ cười rạng rỡ, hòa hảo chàng mới yên tâm. Đúng ngay sau Lã Bất Vi lại chính là cô gái đẹp tuyệt trần kia. Sau khi Lã đáp lễ xong, ông cười nói: "Hôm qua uống quá say, nói năng chẳng ra sao, mong công tử đừng trách cứ. Công tử yêu cô phi này cũng là vận may cho cô ta đó. Hôm nay tôi dắt cô ta đến giao phó cho công tử". Công tử vui quá mức tưởng tượng, quỳ xuống, miệng mấp máy không nói được nên lời. Lã lại đang hoàng nói: "Nàng phi này xuất thân hiền lương, vạn mong công tử coi trọng". Công tử hứa đi hứa lại, nhận nàng là phu nhân của mình và bảo đảm không bao giờ bỏ nàng. Đó là một đêm vừa êm ái vừa điên cuồng, một đêm tận hưởng khoái lạc của đời người đã diễn ra. Không lâu sau, phu nhân báo với công tử việc nàng có mang. Công tử đặc ý coi như huyền thoại, như tất cả mọi vận may đều trút cả lên đầu chàng. Nhưng chàng không biết chính Lã Bất Vi đã trồng cây thai nhỏ đó. Đúng vào tháng giêng năm thứ hai (năm 259 trước công nguyên) đứa bé đã ra đời. Vì sinh vào tháng giêng nên được đặt tên là "Chính". Đó chính là vị Hoàng đế đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Cuộc chiến tranh giữa Tần và Triệu càng ngày càng dữ dội, đúng vào cái năm công tử lấy nàng phi mà Lã Bất Vi rất yêu thương, đại quân của Tần đánh tan quân Triệu ở Trường Bình, giết bốn mươi vạn quân Triệu rồi rút về tạm nghỉ. Sau đó hai năm, quân Tần lại bao vây Hàm Đan. Dân Triệu không chịu được nổi nên bất chấp thông lệ về ngoại giao tuyên bố xử tử con tin để báo thù. Công tử bị nhốt trong quán khách, không được ra ngoài. Tình hình thật nguy cấp. Lã Bất Vi thấy tình hình không có lợi, nghĩ nát nước, tập trung sáu trăm cân vàng hối lộ các quan lại trông coi quán khách để họ thả công tử ra. Sáu trăm cân vàng là số tài sản quá lớn. Cả cuộc đời làm quan trông coi chưa bao giờ dám nghĩ đến số lượng tiền bạc to lớn đến như vậy nên thả công tử ra. Lã Bất Vi lại an bài cho phu nhân của công tử nương náu nhà mẹ và dẫn công tử ra khỏi Hàm Đan, chạy qua các doanh trại Tần bao vây Hàm Đan để về Hàm Dương. Công tử liền đi yết kiến Hoa Dương phu nhân. Vì phu nhân là người Sở, chàng ăn mặc kiểu quần áo Sở. Quả nhiên phu nhân rất vui lòng, nói: "Ta là người nước Sở, ta nuôi nấng người như con của ta, con hãy đổi tên theo Sở đi". Thế là Lã Bất Vi lại cứu giúp công tử một lần nữa. Từ đó chàng càng cảm kích ân tình, hết lòng mong được đáp công ơn Lã.

Năm 251 trước công nguyên, Tần Chiêu Vương tạ thế, thái tử An Quốc Công kế vị lấy tên là Hiếu Văn Vương. Từ Sở (tức công tử, khách của Lã Bất Vi) được lập là thái tử. Lúc này quan hệ giữa Tần và Triệu hòa hoãn. Phía Triệu tỏ rõ thiện ý, đưa phu nhân và con trai của Từ Sở trả về nước

Tần.

Hiếu Văn Vương lên ngôi được một năm thì quan đời. Từ Sở kế vị lấy hiệu là Trang Hoài Vương. Để báo đáp công ơn của Lã Bất Vi, vừa mới lên ngôi, Trang Hoài Vương đã phong Lã làm tướng quốc, nắm lực lượng quân đội. Sau đó không lâu, lại phong là Văn Tín Hầu được nhận thuế và lợi tức của mười vạn hộ tại Lạc Dương. Phong hầu của mười vạn hộ, điều này chưa có tiền lệ ở Lạc Dương. Lại còn kỳ quái hơn nữa là hầu như để nhường bước cho đứa con của Lã Bất Vi tiến lên, Trang Hoài Vương lên ngôi ba năm và mới ba mươi năm tuổi đã qua đời. Những năm 251 đến 247 trước công nguyên, trong bốn năm qua, ba vị vua nhà Tần đã ra đi. Thật là huyền bí, chẳng ai rõ. Người kế vị là thái tử của Trang Hoài Vương mà thực tế là Doanh Chính, là máu thịt của Lã Bất Vi, sau này là Tần Thủy Hoàng. Ông lên ngôi lúc mười ba tuổi, thái hậu vẫn có quan hệ thân thiết với Lã Bất Vi như trước. Do đó, quốc gia đại sự đều do Lã Bất Vi xử lý. Lã là kẻ thống trị thật sự của nước Tần. Ngay cả Tần Thủy Hoàng cũng tôn gọi ông là trọng phụ (tức thúc phụ). Tiền của nơi Lã, ngoài việc thu nhập được hộ thực ấp ở Lạc Dương, còn mười huyện ở Lam Điền. Kẻ hầu người hạ trong dinh của Lã có đến trên vạn người. Nói về giàu có, trong thiên hạ không ai sánh được với Lã. Nghe nói, lúc Lã Bất Vi mới bắt đầu quyết định giúp đỡ khôi phục địa vị cho công tử, ông có thương lượng với người chú. Ông hỏi ông chú: "Thu lợi lớn nhất trong việc làm ruộng được bao nhiêu?". Trả lời: "Gấp mười lần". Lại hỏi: "Kinh doanh châu ngọc được lợi lớn nhất là bao nhiêu?". Trả lời: "Gấp một trăm lần". Lại hỏi nữa: "Lợi lớn nhất khi đưa được người lên làm vua sẽ là bao nhiêu?". Trả lời: "Không thể tính toán được". Thế là bây giờ Lã thu được lợi nhuận không lồ. Bản thân là một nhà buôn bình thường mà một bước nhảy lên làm kẻ nắm quyền của cả một quốc gia. Lã Bất Vi là một con người tuyệt nhiên chưa từng có trong lịch sử.

Nhưng Lã Bất Vi chưa cho thế là đủ. Một mặt ông lợi dụng lực lượng quân sự hùng mạnh của nước Tần, mở rộng dư đồ, thực hiện thôn tính sáu nước để thống nhất toàn thiên hạ. Mặt khác, ông hết sức khuếch trương thế lực củ a mình hòng khống chế toàn diện chính quyền Tần. Trong thời chiến quốc, nước Ngụy có Tín Lăng Quân, Sở có Xuân Thân Quân, Triệu có Bình Nguyên Quân, Tề có Mạnh Thường Quân... Đó là những người tôn quý và có quyền lực rất lớn ở mấy quốc gia. Những người này đều lấy lễ mà chiêu hiền đãi sĩ, chiêu mộ tân khách. Lã Bất Vi cũng bắt chước họ, xuất tiền của, mở rộng việc thu nạp kẻ sĩ. Môn hạ có chừng ba nghìn thực khách. Trong đám thực khách không thiếu gì những kẻ sĩ đa tài túc chí sau này đã giúp đỡ Tần Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ. Lý Tư là một thí dụ điển hình. Chiến quốc cũng là thời đại trăm nhà đua tiếng. Thời kỳ này có nhiều tác phẩm của các nhà tư tưởng lừng tiếng khắp thiên hạ và các vị đó cũng nhận được tiếng tăm và vinh dự cực lớn. Lã Bất Vi tổ chức để các vị khách trong môn đệ của mình viết bộ sách ghi lại những lời nói bất hủ trên hai mươi vạn từ và được in ra với danh nghĩa của Lã. Đó là bộ Lã Thị Xuân Thu được truyền cho đến tận ngày nay. Bộ Lã Thị Xuân thu vừa được viết xong. Lã Bất Vi ra lệnh cho người sao chép rồi cho treo giữa chợ Hàm Dương náo nhiệt. Đồng thời treo lên nghìn cân vàng làm giải thưởng có băng đề: "Ai có thể chữa được một chữ sẽ được thưởng nghìn vàng". Đó là màn kịch ồn ào phù hợp với tâm địa của Lã, cho rằng để gì Lã tự chuốc lấy sự chệch bại. Như vậy mỗi chữ Lã viết ra chẳng ai sửa chữa được nó, trở thành chân lý tối cao. Thành ngữ: "Nhất tự thiên kim" ra đời từ đây. Nghìn cân vàng là một món tiền to lớn, đem treo lên đã làm lóe mắt thiên hạ, ai cũng muốn sấn đến nơi náo nhiệt đông vui. Thế là chợ Hàm Dương đông đúc hẳn lên, người nọ chen lấn người kia, tiếng kêu la, gọi nhau ầm ĩ. Vua Tần gần như bị chìm trước thanh thế của tướng quốc. Sau khi Trang Hoài Vương qua đời, thái hậu vốn là thiếp yêu của Lã Bất Vi, không cam sống trong cô đơn tịch mịch, thường cho mời Lã Bất Vi vào phòng của mình để sưởi ấm tình xưa. Lã Bất Vi đã già nên hứng cảm đôi với phụ nữ cũng không như ngày xưa nữa. Còn Tần Thủy Hoàng lớn lên từng ngày. Tình hình này có phần làm cho Lã đâm chiêu, liền tìm cách lấy một người thay cho mình. Lã chọn được Lạc Uy. Nghe nói Lạc Uy là người có bản lĩnh cao cường có thể đáp ứng được những người đàn bà quá thịnh vượng trong vấn đề tình dục. Lã Bất Vi có sáng ý - tổ chức những cuộc vui chơi phóng túng trong vương phủ để Lạc Uy dùng sinh thực khí ngáng chặn bánh xe quay đi quay lại rồi cho người loan báo tin ấy cho thái hậu biết. Quả nhiên thái hậu thấy rất thú vị, nói với Bất Vi tỏ ý muốn gặp con người có kỳ tài ấy. Lã bèn tìm cách sai người cáo phát tội của Lạc Uy, xử phạt hình sự Lạc Uy bằng cách cắt sinh thực khí của Lạc Uy rồi sung hấn vào hàng ngũ hoạn quan. Hình phạt đó đương nhiên là giả tạo mà chỉ cạo nhẵn râu, ria làm phép mà thôi. Lạc Uy hầu hạ thái hậu

và tư thông với bà đến mức sinh được hai người con trai. Khi thái hậu mang thai, bà được rời ra ngoài thành, cung ở ngoại thành để tránh tiếng tăm. Bằng công lao ấy, Lạc Úy được phong làm Trưởng Tín Hầu.

Lạc Úy là một cái mầm tai họa. Gã tư thông với thái hậu. Đó là điều cần phải giữ kín mít. Nhưng gã là tên vô lại tiểu nhân, không cam lòng im đi. Mọi việc đều có ý khoe khoang thanh thế của mình. Gã được thái hậu ban thưởng rất hậu. Gã nuôi hàng nghìn kẻ hầu người hạ trẻ tuổi. Môn hạ cũng điem nhiên chiêu tập trên hàng nghìn thực khách. Có con đường tắt dẫn đến phòng thái hậu, dĩ nhiên là có nhiều người dòm ngó, nhưng gã giữ thái độ mực hạ vô nhân. Với việc đại sự quốc gia, gã đề xuất một số "cao kiến". Thái hậu trọng dụng và nghe theo lời gã. Chính sự nước Tần bao phủ làn khói đen. Trong lúc thời cuộc rất rối ren đó, Tần Thủy Hoàng lớn lên, bắt đầu tự mình quản lý đất nước. Pháp chế nước Tần vốn hà khắc, hình phạt nghiêm khắc. Xuất xứ của Tần Thủy Hoàng thì lại khác hẳn mọi quân vương khác, không được sự yêu mến, tính tình lạnh và tàn khốc nhưng chí lực rất cao. Sau khi ông tự mình trông nom chính sự, ông thấy cục diện không lợi bèn chuẩn bị lập hai vị Xương Bình Quân, Xương Văn Quân làm tướng quốc, tước bớt quyền lực của Lã Bất Vi và Lạc Úy. Mâu thuẫn nổ ra từ Lạc Úy. Nghe nói, có lần Lạc Úy cùng uống rượu với các quý phi. Khi uống say nảy sinh tranh chấp. Lạc Úy trợn mắt quát lớn: "Ta là cha nuôi của vua, các người là lũ lớp dưới hèn hạ dám chống chọi với ta?". Lời nói đó đến tai Tần Thủy Hoàng. Ông không ngăn nổi lòng giận dữ. Có người liền thừa cơ, cáo phát Lạc Úy không phải là hoạn quan thái giám, mà loạn dâm với thái hậu được hai đứa con trai. Lạc Úy còn rắp mưu với thái hậu, cho rằng nhà vua không thể sống lâu. Khi nhà vua nằm xuống, sẽ cho hai đứa con đó lên kế ngôi vua. Tần Thủy Hoàng vội giao cho các quan điều tra sự việc. Lạc Úy thấy chuyện không hay, mạo dùng dấu ngọc của Tần Vương và thái hậu để điều quân, chuẩn bị đánh vào Thiên Viên cung của Tần Thủy Hoàng. Sau khi biết tin, Tần Thủy Hoàng đã chuẩn bị từ trước nên sai các tướng quốc Xương Bình Quân và Xương Văn Quân đánh Lạc Úy chiếm lấy Hàm Dương. Lạc Úy thua to bị Tần xử chết bằng cách cho xe đè lên mình. Cả họ hàng nhà Lạc đều bị giết. Hai đứa nhỏ do thái hậu sinh ra còn bé cũng bị Tần Thủy Hoàng đập chết như một nắm thịt. Thái hậu bị đưa đi giam trong lãnh cung. Sau Tần Thủy Hoàng lo lắng đến bộ mặt của đất nước mới đón bà về. Lúc đó là năm 238 trước công nguyên. Tần Thủy Hoàng mới hai hai tuổi.

Giải quyết xong việc Lạc Úy, Tần Thủy Hoàng chĩa mũi nhọn về phía Lã Bất Vi vì nguyên do Lã Bất Vi đã hiến lễ vật cho thái hậu thì Lã phải chịu trách nhiệm. Sau loạn Lạc Úy được một năm, Lã bị bãi chức tương quốc, phải rời Hàm dương, về đất phong của mình ở Lạc Dương thuộc Hà Nam. Kỳ thực lúc đương thời có được quyền lực tương đương, nếu cứ cố ném Lã đi khi thời cơ chưa chín thì vị tất đã thành công. Cũng không thể nói là không có hy vọng. Chính vì nghĩ đến điều đó mà Tần Thủy Hoàng không tiến hành một bước là xong mà bức Lã tới tử lộ dần dần. Và lại Lã mất đi chỗ dựa là thái hậu nhưng vẫn còn chút ảo tưởng với đứa con của mình. Lã Bất Vi nghe được nhiều chuyện mà không có động tác gì, ở Lạc Dương theo kiểu tách biệt, chẳng làm được chuyện gì cả. Về quan hệ đặc biệt giữa Lã và Tần Thủy Hoàng nhiều người đã biết. Mọi người cho rằng ông không bị cô đơn lạnh lẽo lâu dài. Họ thích được xem Lã ra tay thù ghét cho cái tạng của lão và vẫn muốn kết giao với Lã. Trên con đường lớn dẫn đến phủ đệ của Văn Tín Hầu ở Lạc Dương dập dìu những sĩ tử đi du thuyết. Nhiều sứ thần các nước ùn ùn đi lại, ngựa xe tít tít. Đã qua đi một năm như vậy. Trong lúc ấy Tần Thủy Hoàng làm việc thanh trừ tai họa ngầm, chỉnh đốn nội bộ và làm được nhiều việc để đi đến một nước cờ sau cùng. Nhưng Tần Thủy Hoàng không chịu được sự tồn tại đương nhiên của Lã Bất Vi. Không những thế lực của Lã là sự uy hiếp đối với Tần Thủy Hoàng mà những người trong tôn thất nhà Tần còn thấp thỏm sợ Lã tiết lộ huyết thống khả nghi của Tần Thủy Hoàng ra. Tội đáng chết của Lã Bất Vi được quyết định ngay từ khi gã đưa người con gái đã có mang mà tặng cho công tử làm vợ. Một ngày trong năm 235 trước công nguyên, khi Lã Bất Vi đã già yếu, đang ngồi trong nhà thì nhận được một lá thư do sứ giả mang đến. Trong thư viết: "Ông có công lao gì với nước Tần mà nghiêm nhiên nhận bổng lộc của mười vạn hộ ở Hà Nam? Ông có thân thuộc và duyên phận gì với nhà Tần mà nghiêm nhiên xưng lạ trọng phụ? Mời ông đưa gia quyến về đất Thục mà ở!". Thục là đất ngày nay gọi là Tứ Xuyên. Là mảnh đất bị nhà Tần chiếm không lâu, hoang vu và xa cách, là nơi đi đày biệt xứ của những kẻ phạm tội. Lã Bất Vi đọc những dòng do bàn tay của con mình viết ra, không khỏi run lên, biết rằng không còn hy vọng gì nữa. Vấn đề

giữa Lã với nước Tần là sự hiện diện của vua Tần. Lão lúng túng, lạnh toát người và buồn bã. Nhưng Lã biết là đứa con của mình muốn nói gì. Để tránh những tai họa to lớn và để lại một con đường sống cho gia quyến, Lã Bất Vi đã uống một chén thuốc độc, ngã lăn xuống đất, kết thúc cuộc đời ngang dọc gian hùng. Còn như người tỳ thiếp yêu quý của Lã là thái hậu nước Tần thì qua đời năm 228 trước công nguyên. Bảy năm sau, Tần Thủy Hoàng quét sạch sáu nước, thu về một mối. Từ ngôi Tần Vương, ông chính thức xưng Hoàng Đế.

Xét qua cuộc đời của Lã Bất Vi, có thể thấy trong suốt quá trình rắp mưu đưa công tử lên ngôi vua, Lã cực sáng suốt và có chí, sau khi nhận chức tướng quốc, Lã bộ lộ quá rõ ràng và có nhiều lời âm ỉ. Sau sự biến Lạc Ủy lại trở nên nhu nhược. Rốt cuộc lại, Lã chỉ là một nhà buôn giỏi tính toán, thiếu hẳn hai khí chất quan trọng cần thiết để nắm chính quyền. Đó là tính kiên nhẫn và một mình đánh một "nước" khi cần thiết. Nhưng dù sao đi nữa Lã đã cải biến được huyết thống nền quân chủ nước Tần, ông vẫn là một nhà chiến lược thiên tài.

Phần 02 - Thấu Hiểu Lòng Người

Tiền nô uống máu những kẻ cao quý

Một tên thái giám vô đạo hủy diệt cả một vương triều hùng mạnh, đã giết hoàng đế, vương tử, công chúa, thừa tướng, tướng quân và không biết bao nhiêu những kẻ cao quý. Vấn đề ở chỗ hẳn thấu hiểu lòng người, biết rõ được những nhược điểm có thể lợi dụng được ở mỗi người. Đó là phép tắc trong trò chơi quyền lực.

Trong lịch sử Trung Quốc, hoạn quan là một loại nhân vật đặc biệt. Bản thân hoạn quan là một vật hy sinh của chế độ xã hội dã man. Nếu không phải là con nhà quá quẩn bách đến nỗi không có gì để sinh sống hoặc bị tội phải thiến thì họ đã chẳng thành hoạn quan. Trong cung đình, họ chỉ là thân phận nô bộc. Nhưng, trong nền chuyên chế, giữa quan hệ quân thần thường có lòng dè phòng và va chạm nhau. Hoạn quan là gia nô, thường ngày hầu hạ các vị quân, vương đã luyện được bản lĩnh vô vấp đón chào, lấy lòng, lại rất dễ dàng nhận được sự tín nhiệm. Hồ mợn oai hùm lâu rồi thành ra thật. Hoạn quan nắm được quyền lực đáng kể. Đặc biệt trong những lúc cung đình phát sinh những xung đột nghiêm trọng thì tác dụng của hoạn quan trở nên kỳ diệu. Chỉ cần xử lý được đúng đắn, có gan mạnh tay, trời có sập xuống cũng không cho là chuyện lạ. Lịch sử đã có vài chục trường hợp hoạn quan đã lập hoặc phế bỏ hoàng đế.

Việc hoạn quan cướp quyền lực và thực hiện quyền lực có ba đặc điểm cơ bản. Một là họ không phải là thành viên trong kết cấu quyền lực thường xuyên phải nhờ và mượn uy thế của quân vương đi đến việc thao túng quân vương. Như vậy không thể không dựa vào âm mưu, thủ đoạn. Hai là hoạn quan thoán quyền, về căn bản là phá hoại trật tự thống trị phong kiến, họ không được hoàng tộc, đại sĩ phu cam chịu và dung thứ. Hơn nữa hoạn quan không có con, cháu để kế tiếp ngôi vị và tài sản. Do vậy, trong họ rất ít đặt vấn đề nghĩ để lợi ích lâu dài. Thường chỉ là một quãng thời gian thật vội vàng. Ba là, tâm lý của hoạn quan đều bị biến thái vì họ mất đi năng lực tiến công, họ không được thỏa mãn đầy đủ tính trời cho. Hơn nữa, mang thân phận của kẻ ty tiện lại sống giữa đám người cao quý nhất đã khiến tinh thần họ bị đè nén quá trầm trọng. Do đó, một khi có thể, họ sẽ tiến hành báo thù một cách điên cuồng vì trong lòng chôn giấu chất lâu ngày nhiều điều oán giận. Họ lấy việc đâm, chém, máu chảy làm vui. Từ ba điểm đó, ta thấy sự phá hoại mãnh liệt đối với quốc gia phong kiến khi hoạn quan thoán quyền. Từ xưa đến nay, các đại sĩ phu thường khinh ghét hoạn quan. Đã có nhiều ý kiến hay đề phòng sự phá hoại của các hoạn quan. Nhưng đối với chế độ tàn khốc, vô nhân đạo đối với hoạn quan thì chẳng ai có ý kiến gì, cứ như chẳng có chuyện ấy xảy ra. Đó là một mặt tiêu cực về văn hóa của sĩ đại phu truyền thống.

Việc các hoạn quan mang tai họa cho đất nước, hầu như có từ đầu đến cuối trong lịch sử Trung Quốc. Sự kiện đầu tiên làm cho đất rung, trời sập phải kể đến sự kiện Triệu Cao đời Tần. Trong lịch sử Trung Quốc, Tần là một đế quốc lớn thống nhất, tập quyền đầu tiên đã bị hủy diệt trong bàn tay một viên hoạn quan.

Đó là năm thứ 37 đời Tần Thủy Hoàng, tức là vào tháng 7 năm 210 trước công nguyên, trên con đường từ Sa Khâu (Hà Bắc) đến phía đông có một đội quân kéo dài dằng dặc đầy khí thế hào hùng. Phía trước là đội nghi trượng sắc sỡ kỳ xí đủ màu. Theo sau là một đội ngũ ngay ngắn chỉnh tề của các kỵ binh, bộ binh, vệ binh. Tất cả đều trang nghiêm, uy phong lẫm liệt. Tiếp sau đó là mười cỗ xe ngựa, hai bên có vệ sĩ đi kèm. Sau cùng là một đội quân oai hùng. Cát bụi tung bay mù mịt cũng không che phủ được những nét lấp lánh sáng quắc của các loại binh khí. Đi đầu cả đoàn quân là một cỗ xe rực rỡ những vàng, ngọc. Xe được trang điểm đặc biệt long lẫy. Thân xe rất lớn. Những chiếc xe khác chỉ có nóc và bốn bề để hở. Nhưng cỗ xe này thì bố trí giống như một gian nhà nhỏ. Hai bên có cửa sổ. Phía trước có cửa lớn. Điều lạ lùng là trời thì nóng nực mà các cửa lại đóng kín. Ngay cả rèm lụa cũng buông kín. Cỗ xe đó là ngự giá của Hoàng Đế. Sau khi Hoàng Đế Thủy Hoàng bình thiên hạ, thống nhất toàn Trung Quốc, Ngài thường đi tuần tra để tăng cường sự thống trị toàn quốc. Lần này Hoàng Đế đi thị sát ở phía bắc Giang Nam (bây giờ là Sơn Đông), cuộc thị sát nửa chừng kết thúc vì ông bị ốm và trở về kinh đô Hàm Dương theo hướng tây.

Các quan viên bồi tòng Tần Thủy Hoàng đi thị sát rất nhiều. Người có thẩm quyền cao nhất tất nhiên là tả thừa tướng Lý Tư. Ông không phải là người nước Tần nhưng lại lập được sự nghiệp cao

nhất ở nước Tần. Trong quá trình Tần thống nhất được sáu nước ông đã có tác dụng quan trọng trong việc hiền kế sách. Giờ đây, các con của ông đều lấy các công chúa nhà Tần. Các con gái của ông cũng lấy các công tử họ Tần làm chồng. Như vậy là ông ở bậc thần được tôn quý không ai sánh nổi. Đáng lẽ ra Mông Nghị cũng đi theo đoàn thị sát nhưng vì Tần Thủy Hoàng bị ốm nên được phái đi tế lễ cầu khẩn thần linh, thần sông núi nên không có mặt trong đoàn quân. Từ khi ông nội của Mông Nghị là Mông Ngao người nước Tần sang ở nước Tề đến bây giờ đã ba đời. Cả ba đời đều có được những chiến công hiển hách. Mông Ngao người nước Tần sang ở nước Tề đến bây giờ đã ba đời. Cả ba đời đều có được những chiến công hiển hách. Mông Ngao đã đánh thắng hàng trăm thành trì của nước Hàn, Triệu, Ngụy. Con của Mông Ngao là Mông Thúc, một trong những tướng lĩnh chủ yếu đã đánh bại nước Sở. Vua Sở bị Mông Ngao bắt làm tù binh. Mông Thúc có hai người con. Người anh cả là Mông Thiết hiện đang soái lĩnh ba mươi vạn đại quân bảo vệ tuyến Trường Thành. Con thứ hai của Mông Thúc là Mông Nghị được phong hàng thượng khanh, được Tần Thủy Hoàng sủng ái, ngay cả thừa tướng cũng nể. Công tử mười tám của Hoàng Đế là Hồ Hợi mới hai mươi tuổi, chàng là đứa con được yêu chiều nhất trong số hơn hai mươi người con trai của Tần Thủy Hoàng. Hồ Hợi hay đi nơi này nơi nọ, tính tình ôn hòa. Thực ra, Hồ Hợi không đến lượt kế vị. Để bảo đảm tập quyền trung ương, Tần Thủy Hoàng không phân đất đai cho các chư hầu và các con nên Hồ Hợi cũng chỉ sống phóng khoáng hưởng lạc mà thôi. Chàng sống bên cạnh Hoàng Đế với đám hoạn quan hầu hạ. Đứng đầu đám hoạn quan là trung xạ phủ lệnh Triệu Cao. Triệu Cao đảm nhiệm chức tương đương với cai trò bí thư của cung đình, phụ trách thảo công văn dâng lên Hoàng Đế và bảo quản ngọc tỷ là ấn lớn của Hoàng Đế.

Trời đã tối, mọi người cần được nghỉ ngơi. Cả đội ngũ dừng lại. Một viên quan đi trước xa giá xin phép được dừng lại qua đêm ở một làng phía trước. Nơi đây đã có người an bài tất cả. Ý kiến của Hoàng đế được chuyển tới hàng quân qua giọng truyền đạt của hoạn quan. Từ buổi sau lúc rời khỏi Sau Khâu, không thấy Hoàng Đế lộ diện, Hoàng Đế chẳng nói gì... cơm, nước, trà được những người hầu mang tới phía trước xa giá rồi do một hoạn quan nhận lấy. Các quan có điều gì tâu với Hoàng Đế cũng đứng phía trước xa giá mà cao giọng báo cáo. Sau đó viên hoạn quan ở trong xa giá truyền lại ý chí quyết định của Hoàng Đế. Thường là chỉ biểu thị của một sự cho phép giản đơn. Trăm quan cảm thấy không yên lòng, lo lắng bệnh của Hoàng Đế trầm trọng. Nhưng Hoàng Đế rất kiên kỳ nói đến điều chết. Hoàng Đế lên ngôi đã xấp xỉ bốn mươi năm mà đến giờ vẫn chưa xác lập được thái tử kế vị. Hay là Người chưa muốn nghĩ đến chuyện sau này?

Dù sao, Ngài cũng là người đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc tuyên xưng Đế, uy phong của danh hiệu đế không phải chỉ cho một đời. Mấy năm gần đây, Doanh chính đã phái người đi khắp ngả tìm kiếm thuốc tiên trường sinh bất tử. Nhưng thật ra, Hoàng Đế đã chết từ lúc ở Sau Khâu rồi. Trong xa giá là chiếc quan tài. Sự thật ghê gớm này chỉ có Lý Tư, Hồ Hợi và Triệu Cao cùng mấy hoạn quan thân tín, chừng năm sáu người biết mà thôi. Tạm thời giữ bí mật, không phát tang, đó là chủ trương của tể tướng Lý Tư. Vì lúc còn sống Hoàng Đế chưa lập Thái Tử dù rằng Người có di chúc nói miệng. Có ý để quân của giám quân Mông Thiết giữ Trường Thành đưa người con cả của Hoàng Đế là Phu Tô về Hàm Dương để chủ trì tang lễ và cũng để Phu Tô kế vị. Nhưng Phu Tô không đủ danh phận thái tử chính thức. Trong số hai mươi vị công tử chưa xác định được ai là đại thống. Chẳng ai dám bảo đảm là không có một vị nào nắm quân đội gây nên rắc rối. Lý Tư cũng muốn đợi cho đến khi về đến Hàm Dương, sẽ do Phu Tô tự thân phát tang. Phu Tô là con trưởng mà. Lại có lời di chúc của tiên hoàng. Thiên hạ sẽ bình yên vô sự.

Đến đêm Triệu Cao đứng ngồi không yên. Nóng lòng nóng ruột như kiến bò trên chảo rang. Ông ta phải quyết định một việc. Di chiếu của Thủy Hoàng viết cho Phu Tô còn đang nằm trong tay ông ta. Có nên công bố ra không? Điều này có liên quan đến vinh nhục hay sống chết của ông ta. Trong cung, ông cũng được chút địa vị. Ông thân với Hồ Hợi. Nhưng nói cho cùng, ông chỉ là một gã nô bộc cho hoàng gia. Nếu hủy bỏ di chiếu mà kế hoạch của mình không thành công thì chỉ có con đường chết. Nhưng, nếu công bố và phát chiếu đi xa, ngôi Hoàng Đế sẽ về Phu Tô, sau này nắm chính sự sẽ là Mông Nghị và anh em Mông Nghị. Trước đây, lúc thẩm lý tội trạng, Mông Nghị ghép cho Triệu Cao vào tội tử hình. Nhưng, may thay, Tần Thủy Hoàng thấy Triệu Cao nhanh nhẹn, cơ trí nên tha cho. Nhưng, mối thù của Triệu Cao với Mông Nghị là chuyện vặt. Sau khi Phu Tô trở nên nhĩ đế thì địa vị của Triệu Cao trong cung đình không bảo đảm. Triệu sẽ mãi mãi chỉ là một tên

hoạn quan nhân hạ, lạng câm. Há chịu vậy sao?

TRiệu Cao vốn bất hạnh từ lúc chào đời. Cha Triệu phạm tội. Mẹ Triệu bị bán vào phủ quan làm nô lệ. Như vậy là từ lúc ra đời, Triệu đã mang cái thân nô lệ. Triệu Cao và mấy anh em Triệu Cao bị thiên từ nhỏ và được đưa vào phục dịch trong cung. May mắn thay, Triệu thông minh, cơ chí. Đặc biệt là có thể nắm bắt được tâm tư của từng người. Do vậy mà Triệu thoát khỏi cảnh hậu hạ của kẻ hèn. Triệu được tuyển vào làm quan hoạn xử lý các sự vụ về văn tự. Triệu đọc rất nhiều sách, tốn nhiều công phu trong việc đi sâu nghiên cứu luật pháp Tần đến nỗi thuộc lòng nên sau này mới được Tần Thủy Hoàng vời đến, đề bạt chức trung xa phủ Lệnh.

Đã một số năm, hằng nhìn thấy những người cao quý, Triệu cúi đầu, khom lưng, giữ ý tứ, hòa hợp với nhiều người ở mọi nơi mà không khỏi cảm thấy xấu hổ khiến cho Triệu ghét cay ghét đắng và thù hận hơn bọn cao quý lắm. Triệu nhất định phải làm được một hành động kinh thiên động địa nào đó để cho những kẻ cao quý kia phải cúi đầu trước mặt mình, phải vò đầu gãi tai biểu hiện cái tướng mạo hèn hạ như chó, như lợn của chúng. Để thực hiện được mục tiêu của mình. Triệu Cao không sợ mạo hiểm. Triệu Cao hiểu rằng con người là "tổng hòa mọi mối quan hệ, có cái cao thượng và cái ti tiện; có cái hùng và cả sự yếu hèn". Chỉ cần nắm vững các điểm yếu của họ là có thể đối phó được dễ dàng. Đối với Hồ Hợi cố nhiên không cần lo lắng về Hồ Hợi. Còn đối với con người mình miễn, tinh vi, giỏi giang như Lý Tư, liệu Triệu Cao có nắm được không?

Về Lý Tư, có một chuyện được lưu truyền rộng rãi. Nghe đâu, lúc Lý Tư còn trẻ đã làm chức lại nhỏ ở Thượng Thái nước Sở. Một hôm Lý đi giải trông thấy mấy con chuột gày xơ xác đang ăn những thứ dơ bẩn. Chợt có người đi tới, mấy con chuột hốt hoảng bỏ chạy. Sau đó Lý Tư tới kho thóc, nhìn thấy đàn chuột ở kho thóc, con nào con nấy béo núc ních. Lý than lên rằng: "Thì ra con người có khác gì con chuột đâu? Người ta cũng như chuột. Có điều sống ở nhả xí hay sống ở kho thóc mà thôi". Nghĩ đến câu chuyện này, chủ ý của Triệu Cao đã được định hình. Triệu Cao là trong đầu óc của Lý Tư đã nói lên rằng cơ hội vừa lóe ra đã tắt, với thái độ thúc thủ vẫn chế ngự được người đời, Triệu quyết định liều mình một phen.

Hồ Hợi đang chơi bời, chòng ghẹo vui thú với một cung nữ thì TRIệu Cao tới, Hồ có ý nhường chỗ cho Triệu. Hồ luôn ở bên cạnh phụ thân nên rất thân với Triệu là người phục dịch cho phụ thân. Lúc còn nhỏ, Triệu dạy Hồ học, lúc Hồ lớn, Triệu dạy Hồ pháp luật. Triệu được coi như thầy dạy của Hồ. Triệu ra ý bảo Hồ Hợi cho cô gái đi chỗ khác rồi mới đến gần sát Hồ Hợi. Triệu nói ngay: "Hoàng thượng đã về trời, chỉ có bức di chúc cho con cả, không có di chúc cho công tử đầu. Con cả trở về sẽ được lập Hoàng Đế. Ngai không có lấy một tấc đất. Sau này biết ra sao?". Hồ Hợi run run, than thở: "Thế ư? Nhưng cha làm như vậy thì con lấy gì mà sống?". Triệu Cao bảo: "Cũng không phải như thế đâu. Hiện nay, địa sự trong thiên hạ nằm trong tay công tử, Triệu Cao và thừa tướng, ba người chúng ta. Công tử hãy suy nghĩ đi. Nào là ta có chế nguwofi, vua ở khắp thiên hạ, hưởng thực tất cả... như vậy, chẳng phải là cùng một lời nói trong cùng một ngày hay sao?". Hồ Hợi không ngăn được trái tim đập thình thịch, nhìn Triệu Cao với con mắt sợ sệt và do dự nói: "Chào đón anh, lập em lên... như vậy là bất nghĩa, làm ngược lại lời cha. Đó là bất hiếu. Trí tài mỏng manh mà được hưởng thành công. Đó là vô năng. Cả ba điều đó đều là những hành vi phản lại đạo đức. Như vậy sẽ nhận được sự chê trách của thiên hạ. Làm như vậy tự chuốc lấy nguy hiểm ư?".

Nghe xong, TRIệu Cao cười lên the thé đến đình tai nhức óc và bảo: "Thành công sẽ có đức, chỉ cần quả cảm, quyết đoán thì quỷ thần cũng phải nhường bước. Nói làm gì đến lời của thiên hạ. Những lời đó chỉ để cho những người ngu ngốc nghe. Công tử nghĩ xem, xưa vua Thanh đời Vương, vua Vũ đời Chu há chẳng phải là lấy thân diện quân ư? Thế mà người người đều gọi họ là thánh nhân. Nước Vệ có ông vua giết cha mà người nước Vệ vẫn cảm kích cái tài và cái đức của ông. Không thể để mất cơ hội. Thời gian không trở lại, triều đại lỡ qua, hối tiếc không kịp". Sau khi nghe xong, Hồ Hợi gật đầu, lo lắng hỏi: "Tang lễ chưa xong chúng ta mang chuyện này ra mà thương lượng với thừa tướng ư?". Triệu Cao đứng hần dẩy, vừa lùi vừa bảo: "Nơi thừa tướng, tôi sẽ có cách riêng". Triệu đến nói làm việc của thừa tướng thấy tâm tư của Lý Tư thật ngổn ngang. Trên bàn ăn chất đầy thức ăn và rượu thịt như chưa ai đụng đến. Thấy TRIệu Cao vào, Lý Tư liền hỏi: "Ngài đã cho phát di chiếu của Hoàng Đế chưa?". Triệu Cao phớt lờ, hỏi lại: "Lúc lâm chung, lưu di chiếu cho con cả là Phu Tô và việc lúc Hoàng Đế băng hà là hai việc không ai biết. Bây giờ phù tử (ấn) đang nằm trong tay Hồ Hợi, viết một cái chiếu thư khác cũng cho phép. Việc định ngôi thái tử chỉ cần hai

chúng ta bàn với nhau là xong. Ngài thấy thế nào?". Lý Tư cả giận, mặt biến sắc: "Sao Ngài lại nói cái lời vong quốc đó nhi! Chuyện lớn như vậy, chẳng lẽ bọn làm quan như chúng ta lại có thể bàn luận ư?".

Sắc mặt Triệu Cao không biến đổi chút nào, nói luôn: "Thừa tướng so sánh với Mông Thiết thì thế nào? Công lao có cao hơn ông ta không? Tài năng có cao hơn không? Mưu trí có cao hơn không? Uy vọng có cao hơn không?". Lý Tư ừ ừ đáp: "Đều không bằng Mông Thiết, nhưng bây giờ nói những cái đó ra làm gì?". Triệu Cao chuyển sang bộ mặt hòa thuận, hồ hởi xen với sự cung kính, giọng nói trầm lắng mà rằng: "Chẳng qua tôi chỉ là một người nô bộc trong cung, nhưng quản lý việc trong cung đã hơn hai mươi năm, chưa hề thấy một vị thừa tướng nào cùng với con cháu được bình an vô sự khi các công thần bị bãi miễn. Sau cùng là bị giết sạch cả. Điều đó chắc ngài cũng biết chứ?". Đương nhiên Lý Tư biết rõ pháp luật nhà Tần là nghiêm ngặt và tàn khốc. Làm đến quan càng cao, công lao càng lớn lao càng gặp nguy hiểm một khi đã bị thất sủng. Nghĩ tới đây, Lý Tư run người nhưng vẫn giả vờ không hiểu: "Cái đó có liên quan gì đến tôi?". Triệu Cao khẽ cười: "Con cả là Phu Tô lên ngôi ắt dùng Mông Thiết làm thừa tướng, ông có muốn về quê hương sống qua ngày có lẽ cũng không được phải không?". Tiếp đó, Triệu Cao lại kể một loạt về lòng tốt của Hồ Hợi. Kỳ thực muốn nói về năng lực của Hồ Hợi yếu kém. Như vậy rất dễ thao túng.

Lúc này Lý Tư đã động lòng. Tuy vậy có một lực lượng khác vẫn cứ đè nặng lên ông, miễn cưỡng ngăn lên: "Mi hãy về trộm nôm việc củ ami nhé! Chẳng là tôi theo mệnh trời. Lý Tư ta bất quá là người dân bình thường ở đất Thượng Thái, được hoàng thượng tọng dụng đưa lên ngôi thừa tướng. Con cháu cũng được giàu sang, há dám phụ lòng ủy thác của hoàng thượng? Trung thần không tránh cái chết. Tôi theo mệnh trời!...".

Triệu Cao nghe thấy hai tiếng Thượng Thái liền liên hệ nhớ lại câu chuyện ở nơi chuồng xí mà Lý Tư đã đi giải nhìn thấy đám chuột gầy. Triệu châm biếm: "Chẳng lẽ thừa tướng lại nói cái câu nghe lời trời, theo số mệnh ư? Tôi nghe nói các thánh nhân cũng biến đổi không thường, hãy lập Hồ Hợi là thái tử kế vị được xưng là Hoàng Đế thứ hai".

Hồ Hợi lên ngôi Hoàng Đế vui sướng khôn tả. Ngày nào cũng vui đùa với hàng loạt những cung phi trong cung điện. Một hôm Hồ Hợi cho gọi Triệu Cao (mới được lên chức lang trung lệnh) tới thương lượng. Hợi rằng: "Nay ta là vua khắp thiên hạ, muốn được thật vui vẻ, ông thấy thế nào?". Triệu Cao quá vui đáp: "Đó là việc làm của đáng vương chủ hiền minh!". Nói xong mặt sa sầm và tiếp: "Nhưng hãy còn sự việc phải lưu ý. Đó là vụ âm mưu Sa Khâu. Các vị công tử và các vị đại thần có nhiều người nghi ngờ. Số lớn các công tử là huynh trưởng của hoàng thượng. Trong lòng họ không phục, hạ thần sợ có thể xảy ra biến cố". Lại nói thêm: "Mông Thiết tuy đã chết, nhưng Mông Nghị cầm binh ở phía ngoài càng làm cho mọi người lo lắng. Tình thế như vậy, hoàng thượng có thể bình tĩnh mà hưởng vui thú sao?".

Hồ Hợi nghe nói, hơi sợ hãi nói: "Làm thế nào bây giờ?". Triệu Cao tâu: "Hoàng thượng không phải lo lắng nhiều, chỉ cần sửa đổi luật pháp cho nghiêm hơn, hình phạt nặng hơn. Phạm kẻ có tội phải nhất luật từ giam tù cho đến diệt cả họ. Dần dà xa rời các vị công tử. Trừ diệt tất cả các quan do tiên đế cho giữ chức, chuyên dùng những kẻ có gia cảnh bần hàn. Như vậy họ sẽ cảm động về công ơn và đức độ của hoàng thượng và trở thành những người thân cận... Như vậy, tự nhiên thiên hạ sẽ được an bình, hoàng thượng có thể gối đầu cao, không phải lo lắng và hưởng lạc". Hoàng thượng truyền: "Ý khanh hợp với ý trẫm". Và lệnh cho Triệu Cao cứ theo vậy mà làm việc. Cuối cùng, Hàm Dương trở thành bãi giết người của Triệu Cao. Cứ chốc lát lại có mật báo cho biết một đại thần hay một công tử nào đó phạm tội. Sau đó Triệu Cao sai người tống phạm nhana vào ngục chịu hình phạt, đánh đập, tra khảo. Thế rồi, Mông Nghị và cựu thần bị giết, mười hai vị công tử và huynh trưởng của Hồ Hợi cũng bị giết. Số người có liên quan bị giết đếm không xuể. Đáng sợ nhất là mười vị công chúa cũng bị giết chết chẳng biết vì tội gì. Nhìn thấy thân thể nõn nà tươi đẹp của các vị công chúa bị bóc ra từng miếng một, những vết máu thấm vào các chi bị tách khỏi thân, Triệu Cao cảm thấy khoan khoái vô cùng vì hầu như cái dục vọng tàn nhẫn hơn dã thú tạo ra với sinh lý của lão què quặt và bị đè nén lâu năm dường như được thỏa mãn một phần.

Luật pháp càng ngày càng hà khắc. Hình phạt một ngày mỗi nghiêm ngặt. Không phải chỉ đám quần thần bị sát hại mà bách tính dân đen cũng hãm hại nhau khiến nơi nơi lán lóc những đầu lâu, xương cốt. Với mục đích hưởng lạc, Hồ Hợi huy động nhiều gỗ, đá, vật liệu để xây dựng các công

trình kỷ niệm Tần Thủy Hoàng, các dinh thự và tiếp tục xây dựng cung A Phòng bị bỏ dở từ trước. Hoàng đế còn lấy mười vạn quân phục dịch cho việc đi xâm chiếm, chinh phạt các dân tộc nhỏ. Trăm họ không có cách gì sinh sống đành nổi dậy làm loạn. Đầu tiên là Trần Thắng, Ngô Quảng vác gươm vác dao nổi lên ở làng Đại Trạch. Sau là những lớp đại quý tộc của sáu nước cũng lần lượt khởi nghĩa, phục thù. Bình, lửa lan ra khắp nơi...

Vương triều nhà Tần gặp nguy.

Vì nổi oán hờn của riêng mình, Triệu Cao đã giết quá nhiều người, sợ lúc các đại thần vào triều bàn quốc sự phát hiện ra mình bèn khuyên Hồ Hợi: "Thiên tử luôn luôn gặp mặt các quần thần. Như vậy không thể hiện được sự cao quý của hoàng vị. Huống chi bệ hạ còn trẻ, nếu có xảy ra một cử chỉ nào không thích đáng, các vị đại thần sẽ phê bình. Sẽ mất đi cái phép thần minh của thiên tử. Tốt nhất, bệ hạ cứ an cư trong thâm cung, mọi việc cá cquan tấu lên tiểu thần sẽ tìm cách khuôn xử theo luật pháp của triều đình. Như vậy sẽ xưng tụng bệ hạ là vương chủ thánh minh". Phương pháp này hợp với ý muốn của Hồ Hợi. Thế là quốc csự do Triệu Cao giải quyết cả. Thực tế Triệu đã trở thành vua.

Không gặp được Hoàng Đế, mọi người đành ra về. Lý Tư nóng ruột đến điên đầu. Thiên hạ rối bời như thế này, thừa tướng như ông biết làm gì đây? Triệu Cao nghe nói Lý Tư xin vào gặp Hoàng Đế, Triệu rõ Lý Tư có chức vị cao, công lao lớn, không dễ gì phớt lờ đi được liền chủ động gặp Lý Tư trước, tỏ lòng muốn giúp đỡ Lý. Triệu sẽ nhân lúc Hoàng Đế rảnh việc bắm bảo rồi cho Lý Tư biết để tránh mọi sự vấp vấp.

Sau đó không lâu, Triệu Cao thiết yến tiệc trong cung bởi hoàn để Hoàng Đế hưởng lạc. Hồ Hợi vừa ôm lấy một cung nữ, vừa uống rượu ngắm nhìn các cung nữ uốn éo vừa múa vừa ca hát. Cuộc vui lên đến đỉnh cao, Hoàng Đế thấy mình mảy ngứa ngay, gãi chân gãi tay múa may quay cuồng. Đúng lúc đó, có người báo có Lý thừa tướng xin gặp Hoàng Đế để bẩm báo những sự việc quan trọng. Hồ Hợi rất khó chịu liền nói: "Không gặp! Không gặp! Dù trong cung có việc gì đi nữa, vội gì!". Lý Tư gặp phải cái đỉnh nhọn, hỏi ra mới biết rõ là hoàng đế đang dự yến tiệc đúng như lời Triệu Cao đã cho biết. Ông đành ra về.

Cũng như lần trước, Lý Tư xin gặp lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba... làm cho Hồ Hợi giận sôi lên, bảo Triệu Cao rằng: "Hàng ngày lúc ta nhàn rồi thì thừa tướng không đến, cứ đến lúc ta vui chơi giải trí là thừa tướng lại xin gặp, như thế là thế nào? Chẳng lẽ thừa tướng thấy ta còn trẻ mà khinh ta, coi ta không ra gì ư?". Triệu Cao làm bộ khấn trương, lo lắng: "Thưa, nguy rồi! Thừa tướng cũng mất nhiều sức lực về vụ âm mưu ở Sa Khâu. Sau khi bệ hạ được lập Hoàng Đế, chức quan của thừa tướng đã lên đến tột đỉnh, không thể nào nanag cao hơn nữa, hay là ông ta muốn xin phong vương, cắt đất chăng?". Triệu Cao lại xuống giọng làm ra vẻ thần bí mà rằng: "Có một việc mà tiểu thần không dám nói ra. Đó là nghe nói người con cả của thừa tướng là Lzs Do làm thái thú Tam Xuzên thường đi lại với bọn giặc Trần Thắng đất Sở. Mà sao giặc cướp lại hoành hành để ở đất Sở. Haz là vì Thừa tướng là người đồng hương của chúng. Thừa tướng ở bên ngoài, bệ hạ ở trong cung, quzền lực của thừa tướng mạnh hơn bệ hạ, là là nguy hiểm lắm.

Hồ Hợi vốn chẳng rõ việc gì, Triệu Cao nói điều gì, Hồ Hợi nghe điều ấy. Hồ cũng muốn bắt Lý Tư nhưng còn sợ là bắt sai nên bèn sai Triệu Cao đi điều tra cho rõ. Lý Tư biết tin, dùng dùng nỗi giận liền vội vàng viết sớ lên Hoàng Đế, tố cáo Triệu Cao là kẻ tiểu nhân bần tiện, lũng đoạn quyền bính, gây nguy hại cho quốc gia. Nhưng đã muộn, Hồ Hợi không những không tin lời Lý mà còn nói lại tất cả với Triệu CAo. Triệu bác lại một câu ý nói sau khi quật đổ được Triệu tức là không còn chướng ngại vật nữa, Lý sẽ lên làm Hoàng Đế! Lời nói đó làm cho Hồ Hợi sợ hãi, nhảy lên rồi ra lệnh: "Bắt Lý Tư, giao cho lang trung lệnh thẩm xét!".

Đó là năm thứ hai của Tần nhị đế (208 trước công nguyên). Lý Tư ở tuổi giữa sáu mươi đến bảy mươi. Nhà chính trị kiệt xuất nhất trong lịch sử Trung Quốc cuối cùng cũng không lại được với nhfa đại âm mưu Triệu Cao mà phải vào nhà ngục.

Tất cả gia đình, họ tộc và cả các môn khách của Lý Tư đều phải vào tù hết. Trong khi tra khảo, Lý Tư chịu đủ mọi cực hình. Ông không chịu được nhục hình quá đổi nên đành phản nhận là có âm mưu làm phản. Nhưng ông còn chút ảo tưởng nên không tự sát. Hy vọng có cơ hội được sáng tỏ. Trong tù, ông viết thư lên nhị đế, trình bày về công lao trước đây của ông, mong được khoan hồng. Nhưng lại quan là người của Triệu Cao biết trắng đại án mưu phản phải thông qua giai đoạn phúc

thâm. Thăm vấn mấy lần, chỉ cần Lý Tư phản cung là roi vọt nhục hình lại trút xuống người Lý Tư đến nỗi thân thể toi bời, trái tim cũng tàn tạ. Khi Hồ Hợi cho người đến phúc thăm thì Lý không còn dũng khí nữa để phản cung, thừa nhận tất cả. Hồ Hợi được báo, lấy làm vui và bảo: "Nếu không có Triệu Cao, sứt nữa ta bị thừa tướng mua...".

Tháng 7 năm đó, Lý Tư bị xử đập chết giữa chợ Hàm Dương náo nhiệt. Ba họ bị tru di. Lúc vừa mới ra khỏi nhà ngục, Lý nắm lấy tay người con mà than rằng: "Năm sau, bố sẽ về quê, sẽ cùng con dắt con chó vàng ra khỏi Cửa Đông làng Thượng Thái, đi săn thỏ... Ôi! Nghĩ đến cái ngày đó... không thể được nữa rồi!". Hầu như lúc này ông nghĩ mình cứ như con chuột gầy sống gần nhà xí mà lại an toàn...

Sau khi Lý Tư chết, Hồ Hợi đưa Triệu Cao lên ngôi thừa tướng. Toàn bộ quyền hành của vương triều nhà Tần nằm gọn trong tay Triệu Cao. Để chứng tỏ quyền uy của mình, Triệu Cao biết Hồ Hợi một cái đầu hươu nói rằng đó là đầu ngựa. Hồ Hợi thấy tức cười liền bảo Triệu Cao: "Đó là đầu hươu chứ? Sao lại bảo là ngựa?". Triệu Cao nghiêm sắc mặt trả lời: "Rõ là đầu ngựa, sao bệ hạ lại bảo là hươu?". Hồ Hợi rất kinh ngạc hỏi khắp văn võ bá quan, tùy tùng. Tất cả đều bảo là đầu ngựa. Lúc này, Hồ hoàn toàn mơ hồ, nghi mình bị ma ám, liền cho gọi thầy phù thủy vào cung bói một quẻ. Thật là tội ở ma quỷ.

Hồ Hợi làm hoàng đế cứ hồ đồ, mơ màng như thế. Chẳng biết trời đất là gì. Đầu có biết là đã không thu tóm được thiên hạ. Năm thứ ba đời Tần nhị đế (107 trước công nguyên), vào mùa xuân, Hạng Võ đại phá quan tinh nhuệ của Tần do Trương Kiềm soái lĩnh tự Cự Lộc. Tháng 7, Trương Kiềm lại dẫn hai mươi vạn dân sang đầu hàng Hạng Võ. Cùng lúc đó, Lưu Bang cho một cánh quân đánh lấy Hàm Dương, các quan lại mọi nơi lũ lượt đầu hàng. Tháng 8 lại phá được Vũ Quan địa môn ở Hàm Dương, Hồ Hợi vẫn chẳng hay biết gì. Chỉ đến khi Vũ Quan bị thất thủ, Hồ Hợi chuẩn bị lễ thủy thần, đến ngoại thành Hàm Dương thụ chay giới trong cung Vọng Di mới nghe nói là giặc đã chiếm được một nửa thiên hạ rồi.

Hồ Hợi liền hạ chiếu thư chỉ trích Triệu Cao không dẹp được phiên loạn để Hoàng Đế thành trò cười. Nhưng ngoài những âm mưu ra, Triệu Cao chẳng biết gì về trị quốc và cầm quân thì biết làm thế nào? Triệu Cao chỉ còn cách khéo léo bày trò, chuẩn bị giết Hồ Hợi rồi cầu hòa với Lưu Bang. Sau khi Hồ Hợi hạ chiếu thư được vài ngày, có một đội quân gồm trên một nghìn người xông vào Vọng Di cung, hề thấy ai là hạ giết. Vệ binh lính hầu, các quan sợ hãi chạy bán sống, bán chết. Người soái lĩnh đạo quân thọc vào cung là con rể của Triệu Cao (Triệu có con gái nuôi) tên là Diêm Lạc. Hồ Hợi cả giận, triệu tập người xung quanh để mình chống đỡ. Nhưng chẳng ai để ý tới. Ngay cạnh chỉ còn có một hoạn quan. Hồ Hợi hỏi tên quan: "Sự tình đã đến nông nổi này, sao người không báo ta sớm?". Viên quan trả lời: "Tôi vì không dám nói mà mới sống đến ngày nay. Nếu nói sớm một điều gì thì sao có được ngày nay?". Hồ Hợi thở dài, ngẩng đầu lên trời.

Diêm Lạc xông lên phía trước, kể tội: "Túc hạ ăn chơi ngang dọc, tùy tiện giết người, thiên hạ đã phản lại túc hạ, xin túc hạ tự quyết cho". Diêm nói luôn: "Trừ túc hạ rõ ràng không ai coi ông là Hoàng Đế. Hồ Hợi hỏi: "Có thể gặp tể tướng một lát được không?". Diêm Lạc đồng dạ nói: "Không được!". Hồ Hợi đánh giá về mình. Lúc đầu nghĩ đến việc làm vương một quận, sau đó xuống làm chức vạn hộ rồi xuống đến nấc làm dân bình thường, chỉ cần giữ được mạng sống. Nhưng yêu cầu của Hồ không được đáp lại. Thất Hồ Hợi sợ chết, Diêm Lạc liền cảnh cáo: "Ta vâng lệnh thừa tướng và vì bần dân thiên hạ, đến giết túc hạ. Không được nhiều lời. Ta cũng không dám về báo với thừa tướng". Nói xong, giơ cao tay gọi các binh sĩ tập trung trước mặt. Hồ Hợi thấy vậy, bèn rút kiếm, run run đặt lên cổ rồi cứa đi cứa lại. Lúc này Hồ Hợi mới hai mươi ba tuổi.

Bức tử xong Hồ Hợi, Triệu Cao còn thêm con ghien Hoàng Đế, mang ngự ấn lên điện, triệu hiệu các quan. Chẳng có ai tới. Đứng là quan hoạn làm Hoàng Đế. Những người quá sợ hãi không hiểu sao lại có Hoàng đế như vậy. Các quan sợ Triệu Cao nhưng mặt mũi nào lại chịu phụng sự cáo trò này. Triệu Cao đứng trên điện, nhìn ngược nhìn xuôi cũng không thấy một người nào, cụt hứng, phái người loan báo lập người cháu của Hồ Hợi làm Hoàng Đế. Triệu công báo với chúng dân như sau: "Đế quân Thủy Hoàng có mặt khắp thiên hạ mới xưng là Hoàng Đế. Ngay nay sáu nước đã tự lập. Giang sơn nhà Tần không rộng như xưa nên không cần xưng đế, chỉ xưng Tần Vương. Từ Anh sẽ làm Tần Vương. Sự kiện này có ý nghĩa cho Lưu Bang và Hạng Võ biết để mặc cả, lấy giá trả giá, bỏ đi sự thống trị toàn quốc mà vẫn giữ đất đai thời Tần Thủy Hoàng thống trị Trung Quốc.

Tần chủ lên ngôi, theo thường lệ phải chay giới vài ngày rồi mới đến thái miếu nhận ấn tín. Tử Anh là một con người rất ít ỏi trong đám tôn thất nhà Tần dũng mãnh, không sợ chết. Tử Anh luôn bị kinh hoàng không biết sống chết thế nào. Tử Anh tin làm sao được Triệu Cao? Khi làm xong lễ chay giới đến ngày phải ra thái miếu cáo tổ, tất cả đều đã chuẩn bị xong xuôi. Tử Anh giả vờ ốm, trốn trong cung không chịu ra. Triệu Cao giận lắm tự mình vào cung dụ Tử Anh đến thái miếu. Trông thấy Tử Anh, Triệu Cao lớn tiếng trách: "Việc trọng đại như vậy, vương tử sao có thể thoái thác được". Lời nói của Triệu Cao chưa dứt thì một thanh kiếm dài đâm từ lưng Triệu Cao xuyên qua ngực, máu phun tràn lênh lảng.

Triệu Cao gục xuống đất, thu hết tàn lực, ngóc đầu lên, ngược nhìn về hướng Tử Anh với cặp mắt độc ác, oán giận, kỳ quái. Triệu Cao thực sự không ngờ tới đứa bé yếu đuối hết hơi đó lại có được tấm lòng gan góc đến như vậy. Triệu hối hận không giết hết lũ con cháu nhà Tần, không giết hết cả thiên hạ.

Ba tháng sau quân Lưu Bang vây Hàm Dương. Tử Anh ra khỏi Thành, đầu hàng. Thế là nhà Tần bị diệt. Sau đó không lâu, quân của Hạng Võ lại đến. Quân của Lưu Bang không địch nổi, giao Hàm Dương cho Hạng. Tử Anh bị Hạng Võ giết chết.

Tính lại, trong thời gian chưa đến ba năm, Triệu Cao không những đã hủy diệt một quốc gia, còn giết một Hoàng Đế Hồ Hợi, giết thừa tướng Lý Tư tài giỏi và sáng suốt, giết vị tướng trứ danh nhất của nhà Tần là Mông Thiệt, giết anh em nhà Mông Nghị, giết ba bốn chục công tử và công chúa của Tần Thủy Hoàng, giết vài chục vị danh thần... Còn nhiều nữa không đếm xuể. Triệu Cao là kẻ sát nhân điên cuồng. Nhưng cũng bao hàm ý nghĩa báo thù của kẻ nô lệ.

Phần 03 - Thổ Chết, Chó Bị Giết

Thuật dùng người của một Hoàng Đế vô lại

Trong lịch sử Trung Quốc có một vị quân chủ đầu tiên đi từ hạ tầng xã hội lên, đó là tấm gương sáng cho những kẻ lang thang mà có chí lớn. Người ấy cũng tô vẽ thêm một sắc thái kỳ lạ và đặc sắc cho sử sách Trung Quốc. Người đó giỏi dùng người nên lấy được thiên hạ. Tuy vậy, phép dùng người không phải là chuyện giản đơn, nó bao hàm cả một số thành phần xảo trá, độc ác...

Hán cao tổ Lưu Bang chỉ là tên vô lại bình dân ở huyện Bái (nay là Giang Tô), mặc dù một số nhà văn nịnh hót có tô vẽ cho Lưu Bang một dòng dõi tổ tiên hiển hách. Ông có ba anh em. Ông là thứ ba nên là lão Ba. Chữ Bang ở trong tên Lưu Bang được người ta tán rộng ra như có thể làm được Hoàng Đế, vì chữ Bang cũng có nghĩa là đất nước. Trong "Cao Tổ bản ký" có ghi lại tính cách của vị Hoàng Đế này khi chưa được biết đến. Ví như Lưu Bang chỉ ở trong nhà, không chịu làm gì, chỉ ăn cơm gạo trắng, thích ăn to nói lớn, thích uống rượu chịu rồi không trả tiền v.v... Những chuyện như vậy khiến nhân phẩm của ông ta tựa tựa như kiểu của A. A. Nhưng, ở thời mạt Tần, loạn lạc liên miên, Lưu Bang nổi dậy ở Thảo Mãng, xách ba tác kiếm, cưỡi ngựa, đi bốn ba khắp chốn. Và rồi trở thành một quân chủ số một của kẻ xuất thân từ lớp dưới trong lịch sử.

Làm nên một sự nghiệp to lớn như thế, tất nhiên phải là con người có tài trí hơn ai. Sở trường của Lưu Bang là khéo dùng người. Khi mới lên ngôi Hoàng Đế, ông thiết tiệc yến mời quần thần, thuật lại nguyên nhân lấy được thiên hạ để tổng kết vào điểm này. Ông nói: "Văn chuyển rồi nắm chặt, quyết chiến vạn dặm. Quản lý nhà nước, ta không bằng Trương Lương. Làm yên lòng dân, điều khiển quân đội ở phía ngoài, lương thực dồi dào bất tận, ta không bằng Tiêu Hà. Thống lĩnh trăm vạn binh lính, chiến là thắng, đánh nơi nào lấy được nơi đấy, một mực vô địch ta không bằng Hàn Tín. Ba vị ấy mới đáng là anh hùng hào kiệt. Ta cũng hết lòng tín nhiệm và sử dụng họ nên lấy được thiên hạ". Quần thần nghe xong ai nấy đều khâm phục, rồi chỗi ngôi và quỳ xuống. Ngay những sử gia ngày nay cũng công nhận ông ta nói đúng, đáng khâm phục.

Nhưng, sự ảo diệu của hai từ "dùng người" thì Lưu Bang không hoàn toàn nói ra hết. Thực ra, gọi là dùng người không chỉ giỏi phát huy sở trường của người nào đó, mà còn phải lợi dụng cả sở đoản của người ấy để khống chế họ. Khi một người mà ông không dùng nữa, lại phải khéo chọn thời cơ để bỏ người ấy. Như vậy mới hoàn chỉnh được cái thuật để vương dùng người. Lưu Bang không muốn nói ra tất cả. Một là không tiện nói. Hai là bí quyết ấy chỉ nên truyền cho con cháu thôi, không thể cho mọi người biết. Đáng tiếc, không chỉ quần thần tham gia dự yến tiện hỏi đó bị ông lừa mà những sử gia thời nay dù thông minh đến mấy cũng bị ông lừa. Họ chỉ biết bái phục lẫn lóc. Thí dụ rõ nét nhất là khi Lưu Bang được liệt vào trong Tam Kiệt, Lưu Bang quý trọng Hàn Tín một cách phi thường. Sau khi nhà Tần diệt vong, thế lực của Hạng Võ là mạnh nhất. Là minh chủ của phái phản Tần. Hạng Võ tự xưng là Tây Sở Bá vương, được phong là chư hầu. Lưu Bang là đối thủ đáng gờm của Hạng Võ, được phong là Hán Vương chiếm đất đai Hán Trung (phía nam Thiểm Tây). Nơi đây núi non hiểm trở, giao thông không tiện lợi nên Lưu Bang gấp tâm chuẩn bị đánh ra Hán Trung, tranh thiên hạ với Hạng Võ. Lúc này Hàn Tín không được Hạng Võ trọng dụng nên về với Lưu Bang. Thừa tướng Tiêu Hà của Lưu Bang rất đố kỵ tài năng của Hàn Tín. Kết quả là Hàn Tín được phong đại tướng, làm tổng lĩnh toàn quân. Nói đến công lao của Hàn Tín ít ai bì kịp, từ lúc đầu, trận đánh từ Hán Trung ra Tam Tần (nay là Bắc Thiểm Tây) là do việc định kế và xuất quân của Hàn Tín rồi sau đó mới phân chia binh lính với Lưu Bang. Trong ba năm đánh từ Sơn Tây, Hà Nam, Hà Bắc cho đến tận Sơn Đông, phá hàng trăm vạn địch, lấy được nửa thiên hạ. Năm thứ tư đời Hán (203 trước công nguyên), Hàn Tín chiếm đất Tề (nay là Sơn Đông) xin được phong là Tề Vương, Lưu Bang không thể không nhận lời. Lúc đó Lưu Bang soái lĩnh vài chục vạn binh đối diện với đại quân Hạng Võ. Tình hình này cho biết nếu Hàn Tín nghiêng về Hán thì Hán thắng, nghiêng về Sở thì Sở thắng. Hạng Võ khuyên Hàn Tín nên phản lại Lưu Bang, về với Hạng Võ rồi cùng chia thiên hạ. Mưu Sĩ đất Tề cũng khuyên Hàn Tín phản Hán để tự lập một mình, tranh thiên hạ cùng Lưu Bang và Hạng Võ. Nhưng, Hàn Tín không muốn phụ ân tình của Lưu Bang với mình nên cự tuyệt những lời khuyên đó. Sau cùng, quân Hán đã vây thành rồi giết Hạng Võ tại Cai Hạ (nay tại An Huy). Đó là tác dụng quyết định của ba mươi vạn quân dưới sự soái lĩnh của Hàn Tín. Tóm lại,

không có Hàn Tín sẽ không có thiên hạ của Lưu Bang.

Sau khi diệt Hạng Vũ, không ai có công lao sánh nổi công lao của Hàn Tín, mà thiên tài quân sự của ông cũng không ai theo kịp. Ba mươi vạn quân trong tay Hàn Tín là một đội quân tinh nhuệ, dũng mãnh nhất. Năm thứ năm đời Hán (năm 202 trước công nguyên), vào mùa đông năm Hạng Vũ bị giết, Hàn Tín dẫn quân đến đóng ở Định Hào (bây giờ là vùng nam Sơn Đông). Vì đại chiến đã kết thúc, việc canh phòng bảo vệ có lỏng lẻo một chút. Đêm ấy, một đội quân lớn đột xuất xông vào doanh lũy trung quân nơi đóng quân. Lúc đó một số tàn quân của Hạng Vũ nhất định giữ thành cho đến chết, mặc dù số tàn quân còn nhiều nhưng làm sao chống lại với ba mươi vạn đại quân. Do vậy, khi có bất báo, vị đại tướng cũng không để ý lắm, không rõ tình hình ra sao, chỉ biết đứng trên tường đất bản doanh quan sát và dặn dò chuẩn bị nghênh chiến. Lúc này các binh sĩ của đoàn quân ấy đều vây lấy bốn phía, tách tất cả các doanh trại khác ra. Hàn Tín nhìn kỹ cờ của đối phương, nhận ra cờ của Lưu Bang.

Nguyên là, sau khi trận chiến ở Cai Hạ kết thúc, quân lính quan tướng ở đất Lỗ (nay là Sơn Đông) trung thành với Hạng Vũ không chịu đầu hàng. Lưu Bang tự dẫn quân đi bình định. Ông cho người mang thủ cấp của Hạng Vũ bêu ở các mặt thành. Quân tướng thủ thành thấy Hạng Vũ đã chết nên không chống lại nữa, lần lượt quy hàng. Đất Lỗ bị bình định. Lưu Bang lại dẫn quân đi về phía tây Lạc Dương. Giữa đường, bỗng ngoặt về hướng Định Hào, thừa thế đánh úp một cách sấm chớp, bao vây doanh trại chính của Hàn Tín. Thì ra, đó là mục đích của ông tự cầm quân đi bình định đất Lỗ!

Một lát sau, người ta thấy Lưu Bang ngồi trên chiến mã cao to, ngẩng cao đầu, đi vào cửa lớn doanh trại cùng với vài chục người tùy tùng. Hàn Tín vội vã cho các tướng chinh đồn đội ngũ để đón. Hàn Tín mời Lưu Bang cùng đoàn tùy tùng vào lều trưởng, mở tiệc khoản đãi. Trong bữa tiệc, Lưu Bang vừa cười vừa nói, vừa ca ngợi công lao của Hàn Tín đánh Hạng Vũ; Sau đó, ông đổi giọng nói ngay rằng: "Giờ đây thiên hạ đại định, phải cho binh lính nghỉ và cho nhân dân đỡ vất vả. Tướng quân có thể trao lại quân phù mà trở về đất Tề hưởng phú quý!". Giờ phút này, Hàn Tín còn biết nói gì? Chỉ một nháy mắt, ba mươi vạn quân nằm trong tay Lưu Bang.

Sau đó không lâu, được sự ủng hộ của nhiều vương tước, Lưu Bang xưng đế, đóng đô ở Lạc Dương rồi sau rời đến Tràng An (nay gọi là Tây An) cuối cùng, lấy Lạc Dương làm đông đô. Lúc này thể chế dựa theo chế độ quận và huyện nhà Tần. Cùng một lúc phong chia tám tước vương với những tên họ khác nhau. Việc cắt phong này không chỉ vì những người được phong có công lao mà còn là vì trước đây họ có những lực lượng riêng đóng tại chỗ họ mà họ đã là vương. Tề vương Hàn Tín bị cải phong thành Sở vương vì Hàn Tín vốn người nước Sở, có thể mũ áo về quê vinh dự cho họ hàng tổ tiên. Kỳ thực, Lưu Bang đã suy nghĩ đến vị trí địa lý quan trọng của đất Tề. Một khi có loạn sẽ không thu phục lại được nên không để cho Hàn Tín làm vương đất Tề. Còn về con người Hàn Tín tuy có tài hơn hẳn mọi người về quân sự, nhưng lại ấu trĩ về chính trị. Về quê hương xưng vương. Hàn Tín cũng cảm thấy vừa lòng. Thế là, bàn cờ do Lưu Bang an bài, hàn Tín đi một nước cờ bị động.

Sau khi thành lập nước Hán, vài người công thần thông minh biết tính của Hán cao tổ nên rất thận trọng. như Trương Lương trước là mưu sĩ chủ yếu của Lưu Bang, nay chỉ im tiếng, không hỏi han việc gì, chỉ nghiên cứu thuật trường sinh. Tiêu Hà là thừa tướng chỉ một lòng một dạ giúp Lưu Bang xây dựng cung điện ở tân đô Tràng An, chiều lòng Lưu Bang. Bình thường, ở nhà, ông sinh hoạt sa sỉ, hưởng lạc, để biểu thị "đại chí hướng" của mình. Nhưng Hàn Tín lại không hiểu những điều đạo lý ấy. Hàn Tín thích tỏ rõ uy phong. Sau khi đến nước Sở, ông đã nhanh chóng tổ chức được quân đội của mình. Có lúc lại đi tuần sát ở các thành, huyện có mang theo nhiều vệ binh, không quên mình đã từng làm nguyên soái thống lĩnh mấy mươi vạn đại quân. Cái đó rất dễ làm cho Lưu Bang có điều nghi kỵ. Tài năng quân sự của Hàn Tín trong thời kỳ chiến tranh lưu lại cho Lưu Bang một ấn tượng sâu sắc và cũng lưu lại ở Lưu Bang một sự không yên ổn lớn. Hàn Tín mà còn sống, Lưu Bang chưa thể an tâm được.

Lại có một sự kiện nữa làm cho Lưu Bang không vui. Số là có thủ hạ của Hạng Vũ tên là Chung Ly Vĩ là bạn của Hàn Tín. Sau khi Hạng Vũ bị chết, dũng tướng Chung Ly Vĩ không có chỗ gởi thân mới tìm tới Hàn Tín. Nể tình bạn, Hàn Tín thu giữ Chung. Sự việc này được mật báo đến Lưu Bang. Lưu Bang kinh hãi sợ Hàn chiêu tập kẻ đến hàng, rắp tâm làm phản, mang lòng bất lương.

Lưu Bang chiếu cho Hàn Tín, cho biết Chung Ly Vĩ ẩn náu ở Sở và lệnh cho Hàn bắt Chung. Hàn Tín nhận được chiếu chỉ, thấy khó xử, tạm thời dè dặt bị t. Lưu Bang biết được, vô cùng tức giận, triệu tập chư tướng tuyên cáo có người cáo phát Hàn Tín âm mưu tạo phản và bàn cách xử lý như thế nào. Trong đám tướng quân, ai nấy đều sẵn tay áo lên. Có người hét lớn: "Cho một đoàn quân sang Sở, bắt lấy tên phản tặc, băm ra trăm mảnh". Trong điện náo động hẳn lên.

Lưu Bang trông thấy cảnh ồn ào lại nghĩ đến khi xưa Hàn Tín soái lĩnh đại quân đã trấn tĩnh được như thế nào, lòng se lại, gạt tay nói: "Hôm sau lại bàn nhé!". Đám tướng quân không vui, rút khỏi điện đường. Lưu Bang lập tức mời mưu thần Trần Bình tới thương lượng. Trần Bình là thành viên trong đoàn mưu thần của Lưu Bang. Ông là chuyên gia âm mưu. Trần Bình hỏi tình hình rồi nhíu mày hỏi: "Hiện giờ ta có quân đội đánh được với quân đội của Hàn Tín không? Lưu Bang nghĩ một lát rồi trả lời: "Không được". Không phải là số lượng binh sĩ trong tay Lưu Bang không so được với của Hàn Tín mà quân đội được Hàn Tín huấn luyện có được năng lực tác chiến đặc biệt mạnh. Ba năm về trước, Lưu Bang và Hạng Võ đối mặt ở Hà Nam, đánh lẫn nhau thua lẫn ấy. Nhuệ khí của binh lính giảm sút, hoàn cảnh rất khó khăn. Còn Hàn Tín tác chiến ở đất Triệu (nay là Hà Bắc) khai triển được rất thuận lợi. Thế là, Lưu Bang chỉ mang theo vài người tùy tùng, đi ngày đêm đến nơi trú quân của Hàn Tín, ra lệnh Hàn Tín giao cho đội quân do Lưu mang đến Hà Nam đánh nhau. Lại để Hàn Tín chiêu mộ một loạt binh sĩ mới khác để huấn luyện rồi cho đi đánh nước Tề. Không ngờ chỉ chừng một năm, Hàn Tín chỉ dựa vào số quân lính mới được huấn luyện mà đánh được nước Tề. Sau đó, trong trận bao vây Cai Hạ cũng chỉ có quân đội của Hàn Tín là đối địch với đội quân tinh dũng vô bì của Hạng Võ. Những chuyện cũ đó được Lưu Bang nhớ như vừa mới xảy ra. Tiếp đó, Trần Bình lại hỏi: Hoàng thượng có đại tướng nào địch với Hàn Tín?". Câu hỏi này chẳng cần phải đặt ra. Nghĩ mà xem, nếu như có được nhà quân sự thiên tài thắng được Hàn Tín thì Lưu Bang chẳng cần phải lo lắng? Khi xưa hà tất phải bắt Hàn Tín là đại tướng quân! Lưu Bang chỉ lắc đầu, nói thực: "Không có". Trần Bình nói: "Tình hình đã như thế rồi, phát binh đi đánh Sở, chẳng hóa là bức Hàn Tín phải ra tay sao! Thật là nguy hiểm!".

Lưu Bang lờm Trần Bình, nghĩ bụng: "mưu thần được tìm đến không phải để thảo luận dụng binh ra sao. Ngài lại buột miệng ra: "Làm thế nào?". Để cho Hàn Tín vô thiên tạo phản ư?". Trần Bình nghĩ một lát rồi chậm chạp nói ra một kế sách. Lưu Bang nức lòng khen: "Tiên sinh quả không hổ thẹn là người túc trí đa mưu!". Trần Bình lại ra vẻ ưu tư mà bổ sung thêm một câu: "Cũng có một điều phải suy nghĩ. Nếu như Hàn Tín đã thực sự có ý tạo phản thì cái kế sách đó không những là vô dụng mà ngay Hoàng thượng cũng gặp nguy hiểm!". Ý của Trần Bình châm biếm Lưu Bang. Lưu Bang thừa biết rằng Hàn Tín chưa có ý làm phản, chỉ là để giải trừ cái họa ngầm sau này nên mới cứ diệt cho là Hàn Tín tạo phản. Lưu Bang phớt lờ, lấy bàn tay to, vỗ lên vai Trần Bình, cười lớn tiếng: "Kế sách của ngài thật là hay. Ngoài ra, chẳng cần nói nhiều".

Mùa đông, năm thứ sáu đời Hán (năm 201 trước công nguyên) Lưu Bang báo cho tất cả các vương hầu tin ông sẽ đến chơi đầm Vân Mộng (nay ở Hồ Nam, thuộc giới tuyến giữa Hồ Nam và Hồ Bắc). Đó là khu vực ao hồ, đầm trạch đã bị khô, nay chỉ còn lại Đòng Đình hồ) lệnh hội họp tất cả các chư hầu ở Trần (nay là Chuán Dương - Hà Nam) cũng dự làm những nghỉ cử, thịnh tình. Việc này bắt chư hầu các tiên liệt của vua nhà Chu đi tuần thú, đôi lúc việc này có ý nghĩa đi thị sát, có lúc chỉ là một cái cớ để đi du ngoạn. Phong cảnh đầm Vân Mộng tươi đẹp, dân số thưa thớt. Đến nơi này thường là đi du ngoạn, hưởng lạc.

Hàn Tín nhận được chiếu thư, rất băn khoăn. Hàn biết Lưu Bang giao hoạt và quỹ quyết không ai sánh kịp.

Đã hai lần, Hàn bị Lưu đoạt binh quyền đều không còn cách nào phòng trước. Lần này Lưu nói là đi tuần du. Ai biết trong hồ lô đựng thuốc gì? Nhưng, dự định tập hợp các vương hầu lại nơi đất Trần sát cạnh biên giới phía tây nước Sở. Hàn là vương của Sở mà thoái thác không đi dự thì rõ ràng là có ý tạo phản. Chính vì thế mà Hàn đau đầu, nhức óc. Môn hạ có tân khách hiền kẻ nói: "Hoàng thượng rất hận Chung Ly Vĩ, đại vương chém Chung đi rồi gặp Hoàng thượng là khỏi phải lo". Hàn Tín im bất không nói gì. Sau khi Chung Ly Vĩ nghe được tin, chạy tới nơi làm việc của Hàn Tín khẩn thiết Hàn thậm tệ rồi phần uất, rút kiếm tự tử. Hàn Tín thấy xấu hổ trong lòng, thấy mình không phải với bạn. Nhưng muốn đem thủ cấp của Chung Ly Vĩ nộp cho Lưu Bang để chứng tỏ lòng mình trong trắng vô tội. Hàn lại phạm một sai lầm nghiêm trọng. Đối với một chính trị gia,

như cầu về lợi ích là hàng đầu. Có tội hay không có tội chẳng quan trọng. Ngoài nhu yếu ra, có tội có thể không bị hỏi han gì, với người vô tội có thể bị buộc thêm cho một vài tội danh. Hàn bức tử Chung Ly Vĩ chẳng những không bỏ ích mà lại còn lòi đuôi chuột ra.

Tháng 12, Hàn Tín đến Trần để bái kiến Lưu Bang. Trên đại điện hành cung, hai hàng võ sĩ, gương giáo uy nghiêm. Lưu Bang ngồi trên cao, mũ áo chỉnh tề, tinh táo và nghiêm nghị. Nhưng hình như ông chưa quen làm Hoàng Đế nên thỉnh thoảng vẫn rung đùi. Hàn Tín được một lính hầu dẫn vào, bái đầu cung kính trước điện. Sau đó, nhận từ tay người lính hầu một cái hộp gỗ và tấu rằng: "Thần phụng chiếu chỉ bắt Chung Ly Vĩ, đã chém được đầu, thần đặc biệt mang thủ cấp của Chung nghịch tướng để chúc mừng Hoàng thượng". Tấu xong, Hàn đảo mắt nhìn Lưu Bang. Lưu Bang chẳng nói chẳng rằng, ra hiệu bằng ngón tay, hai hàng võ sĩ ập đến, trói chặt lấy Hàn Tín đến nỗi Hàn chưa kịp tỉnh khỏi cơn bàng hoàng. Hàn Tín than rằng: "Thỏ chết, chó săn bị giết, chim đã bay đi, cung tên xếp có, giặc nước tan, mưu thần vong. Bây giờ thiên hạ đã bình định. Đã đến lúc tôi phải chết!".

Lưu Bang thấy Hàn Tín nói có vẻ trách móc, liền nói lớn:

- Có người tố cáo mi làm phản, mi còn nói gì đây!

Nói xong, Lưu Bang cảm thấy như trò đùa, ông bèn cười.

Bắt được Hàn Tín, Lưu Bang rất đổi hài lòng, đưa Hàn Tín về Lạc Dương, giáng xuống chức Hoài Âm hầu rồi đưa về Trảng An. Còn việc có mật báo cho là Hàn có âm mưu làm phản, thật hay không thật, chẳng cần truy cứu.

Hàn Tín biết Lưu Bang ghen và e ngại tài năng của mình, trong lòng âm ức, không vui. Đáng lẽ, qua lần đại biến này Hàn phải biết chỉ có ôn tồn, kính cẩn, mà dùng tất cả mọi nét sắc sảo sáng chói thì mới cầu được con đường sống. Nhưng do kinh lịch nhiều năm, sóng gió ào ào đã làm cho Hàn không quen cuộc sống hầu hạ, nhún mình. Trong mọi trường hợp, Hàn luôn nhấn mạnh đến cái giá trị của một nguyên soái cầm quân.

Có một lần Hàn Tín đến phủ của Phan Khoái. Phan cũng là một danh tướng được phong hầu ở Vũ Dương, là bạn với Lưu Bang từ cái thời chưa ai biết đến, lại là chồng của em gái Lã Hậu nên được tin dùng và sủng ái. Phan rất tôn kính Hàn Tín, đưa đón đều quý và gọi Hàn là đại vương mà tự xưng là thần. Phan nói: "Đại vương cũng chịu đến tể xá của thần ư!". Nhưng khi Hàn Tín ra khỏi cửa chỉ cười lạnh lùng mà bảo: "Hôm nay, làm bạn với Phan Khoái, là một người như vậy đó". Rõ ràng là xộc xệch, lại một lần khác, Lưu Bang mời Hàn Tín dạo chơi, Lưu đánh giá cao tài năng của Hàn Tín, bỏ qua đẳng cấp mà hỏi rằng: "Người như ta có thể chỉ huy được bao nhiêu đội quân?". Hàn đáp: "Như bệ hạ, có thể chỉ huy được chừng mười vạn, nhiều hơn nữa sợ không được". Lưu Bang cười lớn mà hỏi tiếp: "Người có thể nắm được bao nhiêu?". Hàn không chút khiêm tốn đáp: "Như thần đây, càng nhiều càng tốt". Lưu Bang không nóng đầu mày mà rất đặc ý, hỏi vặn lại: "Đã là càng nhiều càng tốt, sao chỉ một lát mà bị ta bắt?". Hàn Tín lúng túng, nói giọng châm biếm: "Tuy bệ hạ không giỏi thống lĩnh quân đội nhưng lại giỏi điều khiển tướng lĩnh nên tôi bị bệ hạ bắt. Hơn nữa sự thành công của bệ hạ là do ý trời mà không phải là người làm nên được". Nghe xong, Lưu Bang chẳng nói gì cả. Ông cảm thấy Hàn Tín không chịu thuận phục. Ông quyết tâm thu phục triệt để Hàn Tín trong một ngày nào đó.

Năm thứ 10 đời Hán (năm 197 trước công nguyên), Trần Hy dấy binh tạo phản tại đất Đại, Triệu (nay là Bắc trung bộ Hà Bắc). Lưu Bang thân tự cầm quân đi dẹp loạn. Lúc này Trần Hy nhận lệnh giữ đất Đại. Lúc sắp sửa ra quân, Hàn Tín câu kết với Trần phản lại Lưu Bang theo thế trong đánh ra ngoài đánh vào. Năm sau của cuộc khởi binh Trần Hy, tức là năm 11 đời Hán, Hàn Tín ở Trảng An đặt một kế hoạch cùng với gia thần, chuẩn bị làm chiếu thư giả, thả các kẻ phạm tội và nô bộc của phủ rồi tập kích Lã Hậu và thái tử. Sự việc bị phát giác. Do đó Hàn bị giết. Chuyện đó là căn cứ vào văn kiện nào mà viết ra? Sự thực không thể nào như thế được. Hàn Tín ở Trảng An trong trạng thái bị giám thị chặt chẽ. Trong các sử, sách không hề nói đến việc Hàn Tín cầm binh làm phản. Trong tay Hàn Tín không lấy một vệ sĩ. Hàn là nhà quân sự kiệt xuất lúc đó sao lại có thể lèm nhèm làm việc phóng thích nạn nhân, nô lệ đi công kích hoàng hậu? Lại nữa, đất Triệu và Đại hẻo lánh heo hút cách xa Trảng An, làm sao có chuyện trong ứng ngoại kết hợp được. Đó chỉ là râu ông nọ cắm cằm bà kia. Cách giải thích duy nhất đúng là Lã Hậu thấy Lưu Bang đã già, không còn sống bao lâu được nữa, mà thái tử lại yếu ớt, không có khả năng gì. Bà thấy trước tiên phải quét sạch tất cả những vật cản trở làm khó khăn cho việc thống trị sau khi Lưu Bang chết đi. Hàn Tín đã là con

hổ trong chuồng. Nếu để nó xổng chuồng thì không thể tượng tượng nổi điều gì sẽ xảy ra. Bà lại sợ Lưu Bang không có ý hạ thủ Hàn. Bà phải tìm một lý do để khử Hàn trước. Ngay cả việc tìm một người ra mặt cáo phát Hàn là một việc cực kỳ khó khăn rồi.

Hôm đó, Hàn Tín ngồi nhà, bỗng nghe tướng quốc Tiêu Hà đến thăm, liền ra cổng đón tiếp. Tiêu Hà là bạn tri ân của Hàn Tín. Khi Hàn Tín mới đến Hán Trung, không được coi trọng, tức giận bỏ đi.

Tiêu Hà không kịp bẩm báo với Lưu Bang, phải đi tìm suốt đêm, mới đưa được Hàn Tín trở về.

Kinh kịch đã kể câu chuyện đó qua tích tuồng: "Dưới trăng, Tiêu Hà đuổi theo Hàn Tín". Bây giờ, Tiêu Hà cùng Lã Hậu đặt một cái bẫy, đưa Hàn Tín vào tử địa. Do đó có thành ngữ: "Thành cũng Tiêu Hà, bại cũng Tiêu Hà". Nhưng Hàn Tín nào có biết. Thấy Tiêu Hà đột nhiên đến thăm, Hàn thấy vui. Sau khi ngồi xuống, cho Hàn biết Hoàng thượng đã bắt được tù binh và đã giết Trần Hy, chiến thắng trở về. Trong cung, hoàng hậu mở yến tiệc ăn mừng, lệnh mời các chư hầu quần thần đến dự. Vì bất mãn với Lưu Bang, mấy năm nay, Hàn Tín đều thoái thác không đến dự các buổi lễ, tiệc của triều đình. Hàn nói là bị ốm. Lần này, trả lời Tiêu Hà, Hàn Tín cũng cáo ốm không dự. Tiêu Hà bảo: "Dù có ốm cũng nên cố gắng hoặc chống gậy mà đến chẳng? Nếu không hoàng hậu không vừa lòng mà hoàng thượng cũng có điều suy nghĩ". Hàn Tín không còn cách từ chối nữa, sợ mọi người xì xào, đành đi vào cung. Lúc Tín vào cung, quanh hết đoạn này đến đoạn khác. Yến tiệc to lắm. Hân đang có điều nghi ngại thì một đội võ sĩ xông đến trói chặt Hàn lại, dẫn Hàn sang Trường Lạc cung là cái nhà nhỏ treo chiếc đồng hồ báo giờ bằng đồng. Hàn quay lại nhìn Tiêu Hà thì Tiêu Hà không còn bóng đâu nữa. Đến nhà treo đồng hồ thì thấy ở đây đã có hai hàng đao kiếm chờ sẵn để hành hình. Không cần phải hỏi thăm vấn tra hỏi một câu. Họ đưa ngay Hàn Tín về trời. Lúc này, Hàn Tín hối hận vô cùng nghĩ tới lúc làm vương đất Tề, Bành Triệt đã khuyên Hàn Tín bội tín với Hán mà đứng riêng một mình. Hàn nói: "Ta hối hận không dùng mưu Bành Triệt, nay bị bọn tiểu nhân và đàn bà lừa, há chẳng là số trời sao!". Cũng chẳng cần nói nhiều, bọn đao phủ lấy đầu Hàn Tín, vứt lặn ra đất rồi gạt ra góc tường. Sau đó, toàn gia đình và dòng họ Hàn bị giết hết. Kẻ bị mua chuộc, hứng mặt ra cáo phát Hàn Tín có âm mưu làm phản là Nhạc Thuyết được phong là Thận Âm hầu.

'Sau khi Hán Cao tổ dẹp xong loạn Trần Hy, về đến Lạc Dương, nghe nói Hàn Tín đã chết, về mặt vui mừng, miệng nói lảm nhảm: "Đáng tiếc" nhiều lần. Chân tính của Lưu Bang lộ ra.

Được phong vương hầu thời kỳ Hán sơ còn có Bành Việt là vương đất Lương. Bành Việt là một tên giặc xuất thân ở đầm Cự Dã (nay ở Sơn Đông) sống bằng nghề đốt nhà, cướp của. Trong cuộc đại loạn thời Tần mạt, Bành Việt cũng tụ được hơn vạn người, cát cứ một địa bàn nhỏ không thuộc về Hạng Võ mà cũng không liên quan gì đến Lưu Bang. Khi Hạng Võ và Lưu Bang xuất đầu lộ diện, tranh thiên hạ. Lưu Bang thấy Bành Việt có thể dùng được, bèn cho sứ giả mang tới một hộp ấn tín tướng công lớn, nhờ Bành Việt quấy phá Hạng Võ. Trong mấy năm Hán Sở tranh hùng, thế lực của Bành Việt lớn dần, hoạt động chủ yếu ở vùng biên giới giữa Hà Nam và An Huy tức là sau lưng quân chủ lực của Hạng Võ. Bành dùng chiến thuật du kích, luôn gây khó khăn cho quân đội của Hạng Võ. Đánh không được thì chạy, chạy đi rồi chạy về, làm cho Hạng Võ phải vô đầu gối tai. Nguy hiểm nhất là Bành Việt thường cắt đứt đường tiếp tế lương thực của Hạng Võ, cướp kho lương của Hạng Võ rồi chở ra cung cấp cho Lưu Bang. Sau cùng, Hạng Võ bị thất bại. Một nguyên nhân quan trọng của thất bại là đường tiếp tế bị cắt đứt, binh tận, lương tuyệt. Bành Việt lập công to lớn với Lưu Bang. Lúc vây Cai Hạ, Lưu Bang chiêu mộ quân của Bành Việt tham chiến. Trả công cho Bành là phong cho Bành chức lương vương với đất đai của Bành đã chiếm từ trước. Sau khi Bành Việt được phong vương không lâu, Bành biết Lưu Bang giả vờ đi Vân Mộng để lập kế bắt Hàn Tín trong lòng sợ hãi. Năm thứ 10 đời Hán. Lưu Bang mang quân đi dẹp loạn Trần Hy. Đi đến Khiêm Đan, lưu lệnh cho nước Lương do Bành Việt dẫn quân đi trợ chiến. Bành Việt sợ Lưu Bang, không đến, nói là bị bệnh mà chỉ cử tướng dưới mình dẫn một đạo quân xung trận. Lưu Bang cả giận, khiển trách Bành Việt. Sau đó Bành Việt cảm thấy hối hận, định tự mình đến tạ tội với Lưu Bang. Tướng lĩnh thủ hạ thấy không ổn bèn khuyên Bành Việt: "Lúc đại vương không chịu đi. Bây giờ đi sẽ bị bắt. Tốt nhất là làm phản ngay bây giờ. Hai mảnh đất Lương và Đại cùng làm "biến" một lúc, Hán Đế cũng chẳng làm gì được. Chuyện thiên hạ không biết ra sao". Bành Việt không nghe nhưng cũng thủ tiêu ý kiến đến tạ tội Lưu Bang, lại lấy cớ là ốm.

Về sau không hiểu vì sao Bành Việt giận viên quan Thái Bộc nước Lương, muốn chém đầu thái

bốc. Biết tin thái bốc chạy trốn một mạch đến quân doanh của Lưu Bang, mật báo Bành Việt âm mưu làm phản. Lưu Bang cũng biết Bành Việt và cũng không nghe lời xúi bẩy, nhưng tội gì mà buông trôi cơ hội này? Lưu cũng biết phòng hỏa còn hơn để xảy ra. Nếu đợi cho đến lúc Bành Việt thật sự có động tác ấy thì đã muộn. Giặc Trần Hy đã được dẹp xong, Lưu dẫn quân về Lạc Dương, phái một sứ giả sang Lương để đến Định Hào là kinh đô của Lương.

Bành Việt không định làm phản. Đương nhiên cũng không chuẩn bị đề phòng. Sứ giả đến phủ, Bành Việt tưởng rằng Lưu Bang có chiếu thư cho Bành, nghênh đón cung kính như thường lệ. Nhờ đâu trong lúc Bành đang quỳ xuống lắng nghe chiếu chỉ, một đám tùy tùng xông ra từ phía sau lưng sứ giả, bắt lấy Bành. Các vệ sĩ vương phủ thấy Bành bị bắt chạy lên, nhìn sứ giả với con mắt tức giận. Lúc đó, sứ giả nói với Bành Việt rằng: "Có người mật báo rằng đại vương mưu làm phản. Hoàng thượng mời đại vương về Lạc Dương hỏi rõ sự việc. Nếu không có sự ấy, tất nhiên lại đưa đại vương về nước. Xin mời đại vương tự thu xếp". Bành Việt biết rằng mật mưu của Ấp Gia bị tiết lộ, nghĩ thấy mình chẳng có tội gì. Nếu đánh nhau với bọn chúng kiêu hãnh chiến mà bị giết thì chỉ bằng đi một chuyến về Lạc Dương, bèn cho vệ sĩ rút lui, đồng ý đi theo sứ giả. Ấp Gia vội chạy tới đồng ý nhận tội nhưng cũng đi với Bành Việt về Lạc Dương.

Xe tù nhân được giải đến Lạc Dương, hai người bị đưa vào nhà ngục. Sau mấy ngày bắt đầu được qua thăm vấ. Sự việc vốn không phức tạp, rất nhanh có thể biết rõ. Ấp Gia bị tử hình, còn Bành Việt cho về nước Lương. Quan xử án ngầm theo ý của Lưu Bang, biết rằng Lưu không cho thả một cách dễ dàng nên cứ định tội danh là mưu phản. Kế hoạch mưu phản cố nhiên do Ấp Gia mà ra. Nhưng Bành Việt có lòng trung thành thì phải chém Ấp Gia đi. Không giết Ấp Gia là rắp tâm phản nghịch, định tội là mưu phản. Lưu Bang thấy rằng Bành có nhiều công lao, nếu chỉ căn cứ vào một tội rồi đem chém e rằng nhân dân không phục. Thế là có chiếu xá cho giáng xuống dân thường, đi đầy sang Thục (nay là Tứ Xuyên). Sự việc này cách lúc Hàn Tín bị giết có vài ngày.

Bành Việt mang cả gia quyết đi về phía Tây Nam, có quan áp giải đi kèm. Đi được vài hôm gặp một đội quân. Đó là đội quân của hoàng hậu đi từ Tràng An đến Lạc Dương để gặp Hoàng đế. Bành Việt không biết rằng mình gặp may mắn có thể từ con ngựa chết trở thành con ngựa sống hay vì tấm lòng người đàn bà thường mềm mại, dễ mũi lòng hơn người đàn ông bao giờ cũng thế. Bành quỳ gối giữa đường, xin được gặp Lã Hậu.

Bành khóc than, kể ra sự oan uổng của mình. Bành không dám xin quá mức, chỉ thấy đường Thanh Y ở Tứ Xuyên quá hoang vu, heo hút, đến được tới đó cũng không sống được, khẩn xin Lã Hậu nói với Hoàng Đế thương tình cho về quê hương làm dân thường...

Nghe xong, Lã Hậu tươi tắn hẳn lên. Bà nghĩ bụng: "Vừa mới giết một kẻ oan uổng đầu to thì trời lại đưa cho ta một tên nữa chẳng? Nếu giết đi thì cũng chỉ trong vài ngày trời là có thể giết được hết". Bà làm ra dáng từ bi, khuyên Bành Việt: "Bành Việt không phải đi về phía tây nữa, hay đi cùng xa giá về Lạc Dương, đợi ta gặp Hoàng Đế, sẽ nói lại với ngài rõ rệt. Đâu đấy sẽ được an bài". Bành Việt sung sướng quá mức tưởng tượng, đập đầu xuống đất nghe công cốc rồi bay theo đám bụi đường.

Đến Lạc Dương, Lã Hậu vội gặp Lưu Bang, trách rằng: "Bành Việt là tráng sĩ trong thiên hạ. Dù có việc âm mưu tạo phản, sẽ thừa cơ mà trừ diệt. Sao hoàng thượng lại đầy sang Thục, chẳng phải là lưu lại hậu họa sao?". Lưu Bang hơi ân hận nói: "Nó vốn phải như thế. Bành Việt đi được vài ngày rồi. Cứ để cho nó đi". Lã Hậu cười đắc ý nói: "Giữa đường, thiếp đã mang nó về đây. Đã ở Lạc Dương rồi". Lưu Bang khâm phục vợ mình.

Lại nói Bành Việt đứng ở ngoài cửa điện, đợi mãi, dăm nghĩ lung tung, mong đợi một tin vui ngoài ý muốn. Một toán vệ sĩ nói lại với nhau rồi đưa Bành Việt vào nhà lao. Cai ngục thấy Lương Vương đã đi khỏi vài ngày trước đây, nay lại thấy vệ sĩ của Hoàng Đế đưa đến. Mọi người lấy làm lạ, chẳng hiểu sao cả. Lã Hậu gọi Vương Khóat Khai là quan cao nhất về hình sự tới lệnh cho xét lại bản án kỹ càng. Tấu báo: "Bản án này đã được Hoàng Đế xét lại và chuẩn y, không thể làm ngược lại". Lã Hậu cười, nói: "Lại hồ đồ đến thế ư? Bành Việt đã cùng với Ấp Gia vạch kế sách làm phản, cũng có thể viết kế sách cùng với người khác nữa chứ!". Vương Khóat Khai tỉnh ra, gật đầu. Qua vài ngày, có một môn khách của Bành Việt đến tố cáo mật, tiết lộ việc Bành Việt đã bàn kế hoạch tạo phản ở đâu, vào lúc nào. Bành Việt hiểu ra mình đã sa lưới. Thế là bản án của kẻ phản nghịch đã thẩm sát rõ ràng. Vương nước Lương Bành Việt chịu tội tru di tam tộc. Sau khi giết xong Bành Việt,

Lưu Bang cho rằng xác của Bành Việt còn có tác dụng, lệnh cho tước da thịt Bành, băm ra rồi nấu lên thành tương, đưa luân lưu đến các chư hầu, Hoài Nam Vương Anh Bố quý xuống nghe chiếu chỉ, kinh hãi đến hồn bay phách lạc. Ông đón nhận lọ tương mà Hoàng Đế ban cho, nhìn thấy một đám đục lờ mờ, nhầy nhụa, thấy đó là Lương Vương lẫm liệt uy phong ngày nào. Ông run run, đứng không vững.

Anh Bố là một dũng tướng thực thụ. Ông cũng xuất thân là tướng giặc. Nguyên bộ hạ của Hạng Vũ, nhân chức tiên phong. Chiến tích của ông lẫy lừng hơn cả trong hàng ngũ các vị tướng. Vì công tích, ông được phong vương Cửu Giang. Về sau, ông bắt lực trong việc giúp Hạng Vũ đi chiến đấu, bị quở trách. Nhờ tài du thuyết của sứ giả Lưu Bang là Tùỳ Hà, ông đã bỏ Sở mà về với Hán. Nếu không có sự kiềm chế làm cho Hạng Vũ không thể nào dùng được toàn lực lượng công kích Lưu Bang thì trong trận đại chiến ở Bành Thành, Lưu Bang đã bị quân Sở bắt làm tù binh dưới thềm rồi. Đó là vào năm thứ ba đời Hán. Trong trận bao vây Cai Hạ, Anh Bố đã cầm quân tham chiến. Sau này Lưu Bang phong cho là Hoài Nam Vương, lãnh địa của ông là một bộ phận của giang Tây và một bộ phận của An Huy.

Hàn Tín, Bành Việt, Anh Bố được công lớn nhất trong cuộc chiến tranh lấy thiên hạ của Lưu Bang. Ba người này cũng đứng đầu trong tám vị vương. Bây giờ, Hàn và Bành đã chết. Anh Bố không dám mạo hiểm may. Ông ra lệnh cho các bộ hạ trú quân và cảnh giới các địa điểm ở những quận biên giới của Hoài Nam. Nhưng ông không nghĩ đến làm phản. Về sau, vị đại phu Phần Hạch của đất Hoài Nam làm hại ông, trốn đi Trảng An, tố cáo ông mưu phản. Triều đình nhà Hán phái người đến điều tra. Anh Bố thấy tấm gương năm trước của Hàn và Bành nên không chịu bó tay chịu chết. Lúc đó, ông mới công khai cầm binh làm phản. Lưu Bang không nghĩ đến tuổi mình đã cao, lại ốm đau, tự mình dẫn quân đi xuống Nam hạ dẹp loạn. Cuối cùng đề bẹp được loạn Anh Bố. Vì chuyện này không thuộc về phạm vi của những âm mưu nên không nói thêm.

Trong thời gian hơn một năm trời, Lưu Bang và phu nhân Lã Trĩ đã giết ba người mà họ lo ngại nhất trong số những chư hầu. Ba người này là những người tài giỏi nhất. Thiên hạ nhà Hán được củng cố và ổn định từ đây. Sau khi phá được Anh Bố. Trên đường về, Lưu Bang qua huyện Bái, rẽ về quê nhà. Ông mời các bộ lão ở quê hương cùng đến dự tiệc. Trong lúc say sưa ông gõ vào cái chúc (một loại nhạc khí) mà hát lên:

*Gió quét hề... mây bay
Uy phong hề cố hương
An dũng sĩ - hề bốn phương!*

Trong khi Lưu Bang hát những câu hát này, không biết ông có nghĩ đến cái chết của Hàn Tín, Bành Việt, Anh Bố hay không? Trong những câu hát có bao hàm giá trị của các dũng sĩ không? Có cảm thấy cái tiếc thương cái chết của ba người không? Cũng không rõ.

Năm xưa, vào những ngày nông bận rộn, bố ông ghét đứa con nhỏ vô lại, lang thang và thường khoe là đứa con thứ hai cần cù làm ăn đã tạo dựng được khối sản nghiệp. Bố bảo đứa con thứ ba phải học tập đứa thứ hai. Bây giờ, đứa thứ ba lấy được cả thiên hạ, thết đãi yến tiệc tại Lạc Dương, mời cha đẻ đến dự. Cha đẻ của đứa con thứ ba đã là thái thượng hoàng. Trong yến tiệc, ông Ba Lưu nhớ đến khi xưa thường bị bố cốc đầu tỏ ra rất bất bình, liền hỏi: "Xưa bố thường khoe anh Hai có cơ nghiệp lớn: dê, lợn đầy chuồng. Bây giờ, bố thử xem cơ nghiệp anh Hai lớn hay là cơ nghiệp của con lớn?". Rõ ràng Lưu Bang coi Trung Quốc là cơ nghiệp của mình. Cho nên dũng sĩ là cần lắm. Nhưng chỉ có công dụng là "giữ" cái cơ nghiệp đó của mình. Nếu không có thể trông nom và giữ gìn tài sản hoặc là có khả năng phá hoại cái sản nghiệp đó thì dũng sĩ nào cũng có con đường chết.

Phần 04 - Đại Thiện Đại Ngụy

Vị "thánh nhân" không có tính người

Có người bảo: Đại thiện tắc đại ngụy. kẻ đã tâm muốn ngồi cao trên quyền lực thường có tâm địa nhỏ nhất, giỏi che giấu, đóng giả vai quân tử khiêm nhường và có thiên tâm tích đức, dốc lòng và nhân nghĩa, đạo đức. Nhưng một khi nắm quyền lớn trong tay thì giết hàng loạt. Do vậy, kẻ có tài mà không có tình người còn đáng sợ hơn kẻ tiểu nhân, bán thù nhiều lần.

Đó là chuyện cuối đời Tây Hán.

Ở Trường An có một người bán bánh rán tên là Vương Thịnh. Thân hình cao lớn, mặt mũi khôi ngô, tính tình thực thà nhút nhát. Tháng ngày trời chưa sáng anh đã dậy, rán chừng trăm chiếc bánh rồi mang ra chợ bán, kiếm được ít tiền về nuôi vợ con. Hôm đó không may, mặt trời đã lên cao mà vài chục chiếc bánh ế, đành phải ngồi đợi. Bên cạnh là hàng bán rau. Đi một chút nữa là hàng thịt chó. Hàng ế ảm, mọi người coi thường Vương Thịnh, lấy ra làm trò cười để tiêu khiển. Người bán rau nói: "Vương Thịnh, anh không tìm được sách trời ư?". Vương Thịnh không hiểu, hỏi lại: "Thế nào là sách trời?". Anh bán rau cười: "Sách trời ấy ư? Đó là sách viết cho Hoàng Đế Nhiếp. Là cái phù hiệu trời cho ông ấy làm Hoàng Đế. Có khi được khắc lên đá hoặc lên đồng. Nhiều nười đã tìm được, nộp lên trên là được làm quan Anh không phải bán bánh rán nữa. Hãy đến đằng phía sông mà mò. Biết đâu lại tìm được một cái tha hồ mà ăn thịt chó mà không sợ vợ mắng!". Anh bán thịt chó cũng góp vào: "Anh họ Vương, Nhiếp hoàng đế cũng họ Vương. Chắc là chung dòng họ. Đợi đến lúc Nhiếp hoàng đế lên làm Hoàng đế chính thức, ai họ Vương đều được làm quan cả! Ôi! Ông anh ơi! Sau này thịt chó của em sẽ án cho ông anh hết! Được chứ?". Vương Thịnh thấy họ nói đùa, chỉ cười: "Số tôi là số bán bánh rán!".

Lại phải đợi một lúc nữa, Vương Thịnh thấy chợ đã vắng, chép miệng, mang giỏ bánh về. Nghĩ bụng thế nào cũng bị vợ mắng cho một trận. Đi đến một cái ngõ nhỏ, nhor nhóp bùn, thấy nhà mình lỗ nhỏ những người đứng vây quanh. Có cả quan, cả lính. Vương hoảng sợ, không dám chạy lên phía trước.

Chẳng biết có chuyện ma quỷ gì. Bên cạnh có người hét lên: "Lại đây! Lại đây!". Vương Thịnh thấy ần náu không được, run rẩy đi tới. Vương thấy ở giữa có người có dáng vẻ quan cách, liền quỳ xuống, khấu đầu. Nhưng, nằm mơ cũng không thể được. Ông quan ấy lại quỳ xuống trước, cúi đầu trước mặt Vương Thịnh. Anh sợ quá, rung cả người làm cho giỏ bánh rán tung ra đất, lăn cả vào vũng bùn. Vương tiếc những chiếc bánh đó quá. Ông quan nói gì đó nghe không rõ lắm, rồi Vương cùng vợ, con đi ra khỏi ngõ hẹp. Họ được đưa cả lên chiếc xe ngựa, tất cả đi về phía hoàng thành. Vương Thịnh cứ nghĩ quanh nghĩ quẩn và hỏi vợ: "Hay là nhà tìm thấy được sách trời?". Vợ Vương ngạc nhiên: "Đâu có sách trời gì! Làm gì có". Hai vợ chồng không biết là họa hay là phúc. Họ được đưa đến một tòa nhà lớn.

Gớm, sang trọng quá! Lốp lốp cao vút, mái quét sơn. Đường trải đá chính tề. Hai bên là hai dãy cây cổ thụ. Vương Thịnh hỏi viên quan mang họ đến đây: "Nơi này là nơi nào?". Viên quan trả lời: "Đây là phủ đệ của Ngài đó. Trong ấy có viết tên Ngài, muốn Ngài phụ tá thiên tử mới lên ngôi để trị thiên hạ mà!". Vương hoảng quá, hai mắt trừng trừng: "Muốn tôi làm quan à?". Đứa con nhỏ của Vương vui quá: "Ồ! Làm quan lớn, ăn thịt rồi!".

Chuyện trước đây không lâu: Có người bán sách tên là Ai Chương. Hoàng hôn hôm đó ông vào miếu thần Cao tổ Hoàng đế. Ông nói rằng thần linh cho ông một cái hộp bằng đồng. Quan giữ miếu mở cái hộp ra xem. Thật là ghê gớm quá. Trong đó có một bức bản đồ. Đó là bản đồ cái tử vàng có ấn của tiên đế. Nó cũng là hành ấn của Xích Đế Lưu Bang truyền lại sách thư bằng vàng cho Hoàng Đế. Lại có cả một phong thư. Vốn là thần linh của thiên đế và Hán cao tổ Lưu Bang truyền mệnh cho Nhiếp hoàng đế Vương Mãng nói: "Vương Mãng là chân mệnh thiên tử, muốn ông lên ngôi vào ngày Nguyên Đán năm sau. Cải triều hoán đại, tên của triều mới gọi là "Tân". Trong bản đồ và lá thư có viết tên mười một người. Tin được báo đến Vương Mãng. Vương tự mình đến miếu, khấu đầu trước thần linh của Cao tổ, cung kính nhận lấy chiếc hộp đồng. Ông trở về cung, báo với quần thần và trăm họ về chuyện lá thư và bản đồ cái tử vàng.

Tám trong số mười một đại thần phò tá vốn là những vị quan trọng trong triều đình gồm người anh

ruột của Vương Mãng là Vương Thuần; Lưu Khiêm, tôn thất họ Lưu. Còn ba vị ở ngoài thì một vị tên là Ai Chương là người biểu cái hộp đồng cho quan giữ miếu, hai người nữa là Vương Hưng và Vương Thịnh. Người ta không biết Vương Hưng và Vương Thịnh là ai. Chỉ biết hai cái tên đó gộp lại ý nghĩa là hưng nghiệp và thịnh vượng. Vương Mãng cho người đi tìm khắp nơi. Cuối cùng đã tìm thấy Vương Hưng là tiểu quan lại trông nom thành Tràng An, nay đã nghỉ việc. Còn tìm Vương Thịnh thì khó quá. Khắp cả Tràng An chỉ có hai người. Một là ông già mù, một nữa là người bán bánh rán. Nhưng thiên mệnh không thể cưỡng lại được, quyết định mời Vương Thịnh bán bánh rán vào làm phò tá cho triều mới. Thật là trong đời có tai họa bay đến, cũng có chữ phúc bay đến. Vương Thịnh trở thành tiền tướng, tước vị "Sùng Tân Công".

Thoáng một cái đã đến năm mới, ngày nguyên đán, hợp với thiên mệnh. Nghi thức trọng thể cử hành. Vị Ương cung được trang trí như mới, nguy nga, long lẫy. Trăm quan xếp hàng rầm rập đứng theo thứ vị. Vương Thịnh là quan cấp cao, đứng phía sau chỗ ngồi của ngài ngự. Chỉ thấy trên chỗ ngồi của Ngài ngự một đứa bé bốn, năm tuổi. Đôi mắt cậu bé ngơ ngác, có vẻ sợ sệt. Đó là Lưu Anh, vị hoàng đế cuối cùng nhà Tây Hán. Vì còn ít tuổi lại chưa là Hoàng đế chính thức nên được gọi là "nhũ tử". Ngồi bên cạnh là một người chừng trên năm mươi tuổi, miệng rộng, cằm ngắn, mắt tròn xoe, da đỏ, thân hình đầy đặn. Đó là nhiếp hoàng đế Vương Mãng (Theo sử sách ghi. Vương Mãng người bé nhỏ, lùn, thích đi ủng có đế cao, đội mũ cao, bên trong áo có đệm thêm lông cứng để có vẻ to cao).

Cuộc lễ bắt đầu, đại diện không một tiếng động. Vương Mãng đứng dậy. Ông đọc lệnh thay "nhũ tử" giọng khàn khàn. Đại ý nói là từ khi Cao tổ khai sáng đến nay đã được hơn hai trăm năm lập quốc với sự giúp đỡ của trời. Nay trời thay đổi chủ ý, muốn ta lên ngôi hoàng đế. Không thể làm trái được. Ta đặc biệt phong Lưu Anh làm Định An Công... Lưu Anh không biết đã xảy ra chuyện gì, thấy bao nhiêu là người phía dưới không nói một lời. Họ cứ đứng như gỗ. Lão già ấy cứ âm ừ như con chó gầm gừ, dọa nạt làm bật lên tiếng khóc. "Oa, oa"... Lúc ấy, Vương Mãng hơi ân hận nước mắt giàn giụa, đi về phía trước, nắm lấy tay Lưu Anh mà nói: "Khi xưa, Chu công nhiếp chính thay Thành vương. Cuối cùng Thành vương cũng từ ngôi. Bây giờ, do thiên mệnh áp đặt, tôi không dám làm theo ý tôi. Thật là buồn". Ông ta vừa nói vừa khóc. Nước mắt, nước mũi đầy cả mặt. Quần thần nhìn thấy, ai cũng cảm động. Không ít người đã khóc theo. Vương Thịnh không biết mình có nên khóc hay không. Nước mắt chẳng chảy ra được.

Có một viên quan tiến lên, bế Lưu Anh xuống bệ, đặt xuống đất bảo Lưu Anh khấu đầu trước mặt Vương Mãng đang ngồi. Thế rồi triều đại thay đổi. Năm đó là năm đầu lập quốc của tân triều (năm thứ 9 trước công nguyên).

Màn kịch ấy có nguồn gốc ngẫu nhiên từ một cơ duyên mơ hồ. Số là năm thứ 52 trước công nguyên, người con gái mà thái tử Lưu Bách hết lòng yêu quý tên là Tư Mã Lương Đế bị bệnh mà chết. Nàng mới độ hai mươi tuổi, chết mà còn oan ức. Trước khi nhắm mắt, nàng nói với thái tử: "Thiếp không chết theo số trời đã định mà do các phi tần trong cung cho thuốc bùa. Họ dùng bùa thuật phù thủy hại thiếp. Bây giờ ở làng quê có trò đó đấy, ở trong cung đình còn nhiều hơn". Thái tử tin lời nàng Tư Mã Lương Đế, từ đó không bao giờ còn để ý nhòm ngó đến bất kỳ một cô gái nào trong cung đình. Điều này làm cho Tuyên Đế giật mình lo ngại. Thái tử chưa có con trai, không bao giờ chịu ăn nằm với con gái thì làm sao có con được? Tuyên Đế bàn với hoàng hậu, tìm ra một phương pháp.

Một buổi sáng, theo lệ thường, thái tử đến chào mẫu hậu. Sau lễ vấn an, hoàng hậu làm như thể như kẹo dẻo trẻ con: "Này, ta cho xem mấy con này...". Bà vỗ tay, năm cô cung nữ đứng sau bình phong lượn ra. Cô nào cô nấy đều có thân hình nhẹ nhàng, đầy đặn, xiêm áo long lẫy. Họ đều như hoa như ngọc. Thái giám đứng bên cạnh giới thiệu tuổi tác, tên họ và nguồn gốc xuất thân của từng cô. Thái tử chỉ nghĩ đến Tư Mã Lương Đế, không thêm để ý đến bất kỳ cô gái nào. Chàng chỉ lướt nhìn một cách lạnh lùng, không có phản ứng gì. Lúc đó hoàng hậu chưa nói gì với thái tử. Đợi khi tên thái giám đưa mấy cô đó ra, bà mới hỏi: "con chọn ai nào?". Thái tử chẳng nhớ tên ai, nhưng nếu nói thích tất cả hoặc không ưng ai sẽ làm cho hoàng hậu không vừa lòng, chàng buột miệng nói: "Cũng có một cô khá". Thái giám đứng gần đấy định hỏi thêm, thái tử đã quay mình đi mất. Điều đó làm cho thái giám khó xử.

Về đến phòng của hoàng hậu, đã thấy năm cô cung nữ đứng ở bên cạnh. Hoàng hậu hỏi: "Thái tử

thích cô nào?". Thái giám chỉ liếc cô gái mặc áo đỏ màu ráng chiều. Cô đứng gần thái tử nhất cũng nói: "Đúng là cô ta". Hoàng hậu vui vẻ không hỏi gì nữa. Cô cung nữ đó được mang ngay đến cung của thái tử để thái tử sử dụng. Cô ta tên là Vương Chính Quân.

Thái tử Lưu Bách đã sớm quên đi cái sự kiện đó. Một hôm, trong lúc vô ý, chàng nhìn thấy một cô gái đẹp, nhu mì mà chàng chưa nhìn thấy bao giờ. Chàng hỏi tên cô. Cô là Vương Chính Quân e ấp. Một lúc sau chàng mới rõ. Thái tử đã tránh con gái. Giờ đây, nhìn thấy một cô gái kiều diễm như hôm nay, sóng tình trong chàng bột phát, liền dẫn cô gái vào nội thất. Ba lần bảy lượt bóc gỡ cô gái sạch bong, lộ ra một mảng ân trời. Kể cũng lạ, trong cung nội của thái tử có hơn mười phi thiếp. Trong đó, nhiều nàng đã chung chăn gối với hoàng tử đã lâu mà không nàng nào có mang cả. Nàng Vương Chính Quân, qua một cuộc gặp gỡ thái tử đã mong manh có tin vui và sang năm sau đã sinh một con trai làm cho Tuyên đế vui mừng khôn xiết kể. Tự mình đặt tên cho cháu trai là "Ngao", tên tự là "Thái tôn". Gọi là Thái tôn tức là đã xác định kế vị ngôi vua.

Qua đi vài năm, Tuyên đế qua đời. Thái tử Lưu Bách lên ngôi gọi là Nguyên đế. Lại qua hơn chục năm, Nguyên đế cũng qua đời. Thái tử Lưu Ngao lên nối ngôi gọi là Thành đế. Vương Chính Quân trở thành hoàng thái hậu.

Mấy đời hoàng đế triều Tây Hán đều thích trọng dụng họ bên ngoại. Vì họ ngoại được tính là người trong nhà. Không giống như tôn thất nhà họ Lưu dễ dàng dẫn đến phân tranh hoàng quyền. Sau khi Thành đế lên ngôi, phong người anh cùng mẹ Vương Phong là đại tư mã, đại tướng quân nắm triều chính, lại phong người em cùng mẹ với thái hậu là Vương Sùng là An Thành hầu. Vài năm sau lại phong hầu cho năm người anh em khác mẹ với thái hậu. Lúc ấy đây triều là người anh em, con cháu trong các vương gia. Đặc biệt Vương Phong quyền lực rất lớn. Các quan lại mọi nơi hầu như đều là môn hạ của hắn ta. Tính tình của Thành đế nhu nhược. Ông muốn nhiệm mệnh Lưu Âm làm quan trung thường, nhưng Vương Phong không đồng ý, cũng đành vậy. Đủ biết Vương Phong lợi hại nhường nào.

Họ Vương thịnh vượng phú quý nhất cả một thời, xa xỉ, hào hoa. Toàn dân thiên hạ bốn phương hiến về vàng bạc châu báu vô kể. Phi, thiếp lũ lượt. Nhà nào nhà nấy đều có nô bộc hàng nghìn người, các phủ đệ hoành tráng, nguy nga hơn cả cung vua. Không lúc nào ngừng gảy ca điệu múa. Xe, ngựa tinh oanh. Tác uy, tác phúc không ai sánh nổi. Từ trước đến nay, thế lực của dòng họ ngoại chưa bao giờ có được đến mức độ này.

Tuy vậy vẫn có một người khác hẳn với mọi người. Người đó là Vương Mãng. Phụ thân của ông là Vương Mạn là người anh em khác mẹ của hoàng thái hậu, nhưng đã sớm qui tiên, chưa kịp phong hầu. Các anh em đồng đường với Vương Mãng đều là vị hầu tước cả, phú quý vinh hoa, được tôn vinh, tiếng tăm lừng lẫy. So với nhà Vương Mãng, người ta thấy Vương Mãng thanh đạm, cơ hàn, chật hẹp hơn nhiều. Nhưng muốn nói gì thì nói, Vương Mãng cũng là cháu của hoàng thái hậu. Nhưng nếu cần có uy phong hay cần những gì ghê gớm, ông đều có thể có phương pháp. Nhưng ông không phải loại người như vậy. Ông sống cẩn kiem, thật thà chất phác, đọc thật nhiều sách. Ông thích giao du với các danh sĩ nơi kinh thành mà xa lánh các vị công tử quyền quý rong chơi nhàn nhã. Ông đối đãi với mọi người khiêm tốn kính cẩn. Ra khỏi nhà ông như một nhô sinh thành thực. Chẳng ai nghĩ ông là đệ tử của thái hậu. Với thân mẫu và chị dâu ở góa, ông rất mực săn sóc. Ông tôn kính mấy vị thúc phụ. Khi đại tướng Vương Phong bị bệnh, các con gái của Vương đến thăm qua loa cho phải phép mà thôi. Nhưng Vương Mãng là cháu lại hầu hạ trước giường. Trước khi cho uống thuốc, Vương Mãng uống trước một ngụm. Khi bệnh của Vương Phong trầm trọng, hàng tháng Vương Mãng không có thì giờ thay quần áo. Vì ngủ tạm bợ gần giường bệnh nên đầu tóc bù rối, trông như một tên tội phạm. Vương Phong cảm động lắm. Trước khi chết Vương Phong đặc biệt xin thái hậu và hoàng đế trông nom cho Vương Mãng.

Thái hậu Vương chính Quân nghe lời dặn của anh cả, thấy các anh đều giàu sang phú quý, chỉ riêng có Vương Mạn chết sớm, môn đình thừa thót nên cảm thấy buồn. Thái hậu truyền cho thành đế bãi Vương Mãng vào làm quan, tước hoàn môn lang. Mọi người thấu hiểu tâm tư của thái hậu và cũng thấy Vương Mãng là người hiền minh nhất trong đám con cháu các vương gia. Thúc phụ Dương Thương đề xuất chia cho Vương Mãng một nửa ấp của mình để Vương Mãng cũng được phong hầu. Trong triều các quan liên tiếp dâng thư lên trên ca ngợi đức hạnh và tài năng của Vương và mong nhà vua tuyển dụng Vương. Do đó, năm đầu Thành đế Vĩnh Thủy (năm 16 trước công

nguyên) Vương Mãng được phong là tân đô hầu. Quan chức thăng đến Quang Lục đại phu. Tới đây trong hàng anh em, Vương Mãng đã đạt được mức cao hơn cả rồi. Nhưng tước vị càng cao, quan chức càng hiển hách, Vương Mãng càng thận trọng tế nhị, ôn hòa, khiêm nhường, cung kính. Trong nhà không tích xúc tiền tài. Tất cả đều bỏ ra để chiêu đãi và nuôi các tân khách, giúp đỡ các danh sĩ, kết giao với các khanh tướng.

Người anh của Vương Mãng là Vương Vĩnh chết sớm. Vương nuôi con của anh tên là Cường Quang và cho vào học tại thái học. Hôm đó, Vương Mãng nghỉ, mang thịt dê và rượu đi khoản đãi thầy dạy của Vương Quang cùng với những bạn học của Quang. Ông tặng cho tất cả mọi người. Với thân phận được tôn kính như ông mà có thái độ hiền và có lễ với kẻ dưới, giản dị mà gần gũi với mọi người thì thật là hiếm có. Các học sinh trường Thái học đều quây lầy ông. Họ là những bác sĩ (bây giờ gọi là giáo sư) có đức cao, danh vọng lớn mà xem có vẻ nghèo. Tình cảnh này thật là cảm động. Đương thời, tuy không có các báo chí để đăng tin này, kèm theo một bức ảnh. Nhưng các hải học sinh đều là tử đệ của các nhà quý tộc, quan lại nên tin này cũng bay rất nhanh, đến tận Tràng An.

Lại một lần nữa, Vương Mãng mua một cô tỳ nữ rất đẹp. Không biết thế nào, người anh của Vương biết được. Thế là có điều ra tiếng vào. Nói rằng: "Thường làm ra vẻ hay ho, kỳ thực cũng thế mà thôi". Vương Mãng nói với người ta: "Không phải là tôi cần cô gái đó. Vì hậu tướng quân Chu Tử Nguyên không có con trai. Nghe nói là nhà cô gái này đều đẻ con trai. Tôi mua cho Chu tướng quân đó". Ngay hôm đó, ông đưa cô gái đến nhà Chu.

Trên trên, dưới dưới nhiều người được Vương Mãng giúp đỡ, đều tranh nhau nói tốt về Vương. Đến khi các nhà du thuyết được Vương Mãng cuu mang cũng đi khắp chốn uốn ba tấc lưỡi, trăm mồm nghìn miệng ca ngợi Vương. Tiếng tăm của Vương ngày một tăng đến nỗi át hẳn tiếng tăm của các vị thúc phụ của ông.

Nhưng, đến lúc cần làm việc gì, Vương Mãng cũng có thể quyết đoán làm được ngay. Người con trai của chị thái hậu âm cũng là anh em họ của Vương Mãng tài năng, lanh lợi, được Thành đế tin yêu. Tước vị quan còn cao hơn Vương Mãng là Thuần Vu Trường cây thế, coi pháp luật không ra gì, chẳng việc xấu nào không dám làm, kiêu sa và hống hách. Trong triều các quan làm điều sai trái cũng nhiều, nhưng là những việc nhỏ. Vương Mãng không nói nhiều. Nhưng tội làm hại mọi người mang tai họa đến cho mọi người như Thuần Vu Trường thì sao? Nhưng, lúc đó quan chấp pháp chính là Tư Mã Vương Căn (cũng là em của thái hậu) ốm yếu đã từ lâu nhiều xin xin thoái chức mà Thuần Vu Trường trong ngoại thích có địa vị cao nhất, lại được Thành đế yêu quý sẽ có khả năng lên thay chức của Tư Mã Vương Căn chấp chính. Vương Mãng không thể bỏ qua được chuyện này. Ông phái người đi dò khắp nơi về những hành động tệ hại đủ để có chứng cứ khép Thuần Vu Trường vào tội chết.

Vốn Thành đế còn có một hoàng hậu họ Hứa. Bà bị phế vì đã tranh giành lòng sủng ái của vua với đại mỹ nhân Triệu Phi Yến, đã sử dụng tà thuật bùa yêu. Việc bại lộ. Bà muốn nối lại tình yêu với Thành đế ở cương vị hoàng hậu. Bà thông qua chị bà, nói với Thuần Vu Trường giúp đỡ. Bà biếu Thuần nhiều vàng bạc châu báu. Sự phế, lập hoàng hậu trong cung không ai được dính vào. Hơn nữa Triệu Phi Yến đang quá được sủng ái đến nỗi hoàng đế cũng phải sợ nàng. Hoàng hậu Hứa nằm mộng ban ngày. Thuần Vu Trường tham tài, dễ dàng và nhận lời tìm mọi cách cho Hứa hoàng hậu đứng vững cùng hoàng hậu cũng như Triệu Phi Yến. Sắc đẹp che được cả trời mà. Trong thư gửi cho Hứa hoàng hậu, Thuần viết nhiều lời có tính chất đùa bỡn, trêu ghẹo. Thoạt đầu, Vương Mãng chỉ điều tra việc Hứa hoàng hậu dùng tiền hối lộ Thuần. Ông cũng thấy bên trong còn có âm tình, liền cáo phát với Vương căn, thái hậu và thành đế. Sau đó, tìm được tội trạng rõ ràng, Thuần mắc tội "đại nghịch bất đạo", bị giết trong ngục. Qua sự kiện này, Vương Mãng được nổi tiếng hơn về sự trung trực. Trong thư xin yêu cầu miễn chức của Vương căn cũng có bảo lưu đề nghị Vương Mãng được nhậm chính thay cho Vương Căn. Năm đầu Noãn hòa (8 năm trước công nguyên), Vương Mãng ba mươi tám tuổi, lên bảo tọa đại tư mã.

Lúc này, không phải vì Vương Mãng đã là một đại thần mà những đức tính khiêm tốn, cung kính, cẩn kiệm, chất phác của Vương bị giảm đi mà là được tăng lên. Có lâu, mẫu thân Vương Mãng bị ốm. Các bà công, khanh, tướng, hầu đều đến thăm. Các phu nhân lựa là quét đất; ngọc ngà châu báu đầy mình, lấp lánh cùng nhau đi đến phủ của Vương. Họ chỉ thấy một người đàn bà, áo không đủ

chạm đất, quần phủ chỉ đến đầu gối, sắc mặt trắng nhợt. Kiểu người hơi thô ra cửa đón. Các phu nhân tưởng rằng đó là người hầu của vương gia. Nhưng nghe lời nói lại có vẻ là chủ nhà. Họ ngờ ngợ. Khi hỏi rõ mới biết đó chính là phu nhân của đại tư mã Vương Mãng! Các phu nhân quá ngạc nhiên. Sự cần kiệm của Vương gia thật khác với thường tình

Vương Mãng phải cố gắng, mất công sức kiềm chế mình; thả tình cầu danh. Nhưng ông làm phụ chính có một năm thì Thành đế mất. Như vậy là công lao trước đây bị vứt bỏ. Đó là vì Thành đế không có con trai. Kế thừa vị trí Hoàng đế là Định Đào lương Lưu Hân (cháu của Thành đế). Lúc này Vương Chính Quân lên một cấp, xưng thái hoàng thái hậu. Nhưng Ai đế có bà ruột của mình và vợ mới đều cùng vào cùng với mình. Họ lại có riêng một họ ngoại thành cả một thế hệ chờ đợi nắm quyền. Vương Mãng ra sức làm giảm giá trị thái hậu truyền từ phía mẹ của Ai đế và địa vị pháp định của Định thái hậu. Vương bảo rằng họ chỉ là những phi, thiếp của Phiên vương, không thể nào nói chuyện ngang hàng với bên thái hoàng thái hậu được. Ai đế đã vào đại thống kê nghiệp thì phải tôn trọng mẫu thân của Thành đế, không nên lấy thần tình huyết cốt ra mà phá hoại đại nghĩa của quốc gia. Thế lực dòng họ ngoại nhị tính bằg trước mà Ai đế lại tức vị đời nào lại nghe cách nghĩ của Vương? Kết quả là Vương Mãng mang tội bất kính, bị trục xuất khỏi kinh thần về ấp Tân đồ hầu (nay là Tân Dã- Hà Nam).

Bao nhiêu năm kinh doanh thâm đậm, trông chừng nước lũ ra sông, Vương Mãng cam tâm sao được? Ông ở trong phủ, không ra ngoài, nhưng ngầm ngầm vẫn giữ quan hệ nhiều mặt để đợi cơ hội lại vùng lên. Lúc đó, con trai của Vương là Vương Hoạch giết chết một tên quan nô. Sát nô là có tội. Nhưng thực tế đối với giai tầng quyền quý là chuyện bình thường. Bất cứ dùng phương pháp nào cũng có thể im đi được. Nhưng nếu chính trị lợi dụng thì có thể dùng làm bằng chứng để tiến công. Vương Mãng suy nghĩ miên man, không những là phải tiêu trừ sạch những tai họa ngầm có thể xảy ra mà lại còn phải biến yếu tố không lợi thành yếu tố có lợi. Ông gọi con tới, chỉ trích một hồi. Cuối cùng ông bảo: "Cái thanh danh của ta nhờ sự tự kiềm chế nhiều năm nay chẳng lẽ lại đi tong vì một đứa con bất hiếu như mày? Mày tự kết thúc đời mày đi!". Mặt Vương Hoạch sạm lại như đất, quỳ xuống đất khóc lóc van xin thông thiết: "Đại nhân giải tôi vào phủ, cứ theo luật pháp mà xử tội. Cũng chẳng đến nỗi phải chết đâu! Chẳng lẽ đại nhân giết con để mưu cầu danh tiếng ư?". Vương Mãng rút kiếm ra, vứt xuống đất. Các cơ bắp trên mặt cứng lại như đá. Hai mắt trợn ngược lên, chẳng nói một lời. Vương Hoạch thấy tình cảnh này, quá đau lòng, tay vớ lấy kiếm nói: "Con trở thành thánh nhân đây". Rồi tự tử chết. Vương Mãng đem báo lại quan địa phương cái án này. Hành vi vì đại nghĩa diệt tình thân, giữ nghiêm luật pháp kỷ cương này làm chấn động lòng người. Từ khi Vương Mãng bị ép rời khỏi kinh đô, nhiều vị quan đáng đơn lên bề trên kêu ca về việc xử lý oan uổng Vương Mãng. Đến lúc này, mọi người lại càng ca ngợi đức hạnh, tiết tháo của họ Vương, xin cho Vương trở lại kinh đô. Ai đế vừa nghĩ đến việc nể tình thái hoàng thái hậu, lại vừa nghĩ đến tình hình của tập đoàn quan liêu nên cho gọi Vương Mãng trở về nhưng không cho nhận trọng trách. Giờ đây đã ba năm kể từ khi Vương đi khỏi kinh thành.

Khoan nói đến mệnh trời. Chỉ biết số của Vương Mãng thật may. Ai đế tại ngôi sáu năm, đến năm thứ hai Nguyên thọ (năm hử trước công nguyên) thì mất vì bệnh. Ô hô ai tai. Ông không có con, bà của ông là Phó thái hậu và mẹ ông là Định thái hậu cũng đã qua đời. Vương Chính Quân thì lại vẫn khỏe mạnh là có tư cách chủ trì đại sự. Ai đế vừa mới chết bà đã lên Vị Ương cung thu lại ấn hoàng đế, phái người chiêu Vương Mãng vào cung với danh tước đại tư mã, tổng lãnh triều chính. Quyền lực lại vào tay họ Vương. Và sự nghiệp của Vương Mãng lại bước sang một giai đoạn mới. Trước nhất là tuyển chọn một vị hoàng đế từ đám tôn thất. Vương Mãng chọn Trung Sơn Vương Lưu Diễn lên chín tuổi gọi là Bình đế. Đương nhiên hoàng đế lên chín tuổi không thể quản được việc triều chính, cho nên phải cần mời thái hoàng thái hậu lâm triều. Mà thực tế thái hoàng thái hậu đã ủy nhiệm cho Vương Mãng nắm các công việc chính sự trong triều. Sau đến việc chọn thừa tướng, Vương Mãng chọn Không Quang. Ông này dòng dõi nhà Không, đã làm thừa tướng cho ba triều đại. Đức độ và danh vọng của ông rất cao. Hơn nữa càng làm cho mọi người thích ông vì ông là tay biết đoán gió, chèo thuyền, a dua, lấy lòng. Làm việc gì ông cũng không có chủ ý riêng mà cũng không giữ vững ý kiến của mình. Đó là một công cụ vừa dễ được vừa lòng, vừa dễ sử dụng. Để bài trừ những người khác ý mình. Vương Mãng xây dựng cho người thân tín. Phàm những người họ Phó và họ Định hoặc những người đi lại và dựa dẫm vào họ đều bị Vương cho miễn chức

hoặc cho đi viễn xứ.

Cũng có một nhân vật khó chịu. Đó là thúc phụ của Vương Mãng tên là Vương Lập. Ông là người duy nhất còn lại trong đám anh chị em Vương Chính Quân. Vương Lập với Vương Mãng không có oán thù gì. Nhưng Vương Lập cao vai, gầy gù với thái hậu làm cho Vương Mãng có chút ghen tức. Ông sai thừa tướng Khổng Quang tấu lên trên, nhắc lại sai lầm vừa qua của Vương Lập và đề ý kiến đưa Vương Lập về với ấp được phong. Thoạt đầu, thái hậu không nghe. Vương Mãng bèn khuyên bà: Mấy đời hoàng đế nhà Hán không có con trai thừa tự. Đó là cái triệu chứng suy bại. Thái hậu đại diện cho ấu chủ thống lĩnh chính sự. đáng lẽ ra phải biểu hiện công bằng và chính trực thì mới thu nạp được lòng người. Nhưng bây giờ lại vì sự tư tình mà làm ngược lại yêu các của các đại thần. Sợ rằng sẽ có loạn! Hay là ta hãy tạm thời đưa thúc phụ ra ngoài kinh thành, sau đó, tìm cơ hội lại chiêu về. Như vậy là công, tư đều thuận. Có phải đẹp không? Thái hậu nghĩ mãi mà không tìm được cách nào, đành nghe theo lời đề nghị của Vương Mãng. Cứ như thế mà làm. Cơ sở quyền lực của Vương Mãng càng ngày càng được củng cố hơn.

Đến bước sau, phải tiếp tục nâng cao thanh thế của mình. tương truyền, xưa thánh nhân Châu Công chấp chính thay vua còn nhỏ tuổi, đã lấy đạo đức giáo hóa mọi người, thiên hạ đại trị. Ngay cả những bộ tộc man di ở nơi xa xôi cũng ngưỡng mộ, rầm rộ ca ngợi Châu Công, ánh sáng rực rỡ của Châu Công không chỉ chiếu sáng Trung Quốc mà còn là ra toàn thế giới. Có bộ lạc Việt Thường mang đến biểu một con gà rừng lông trắng tượng trưng cho sự tốt lành. Tìm một con gà rừng lông trắng chẳng khó khăn gì. Nhưng Vương Mãng sai một thái thú đi khắp nơi tìm thêm một con gà rừng lông trắng nữa. Rồi lại bố trí một số nam nữ thanh niên dân tộc thiểu số ăn mặc thật đẹp mang đến Trảng An hiến dâng vật tốt lành. Công việc này Vương bố trí từ trước. Một số đại thần lại viết sớ tâu lên bệ trên, ca ngợi công đức của Vương Mãng. Ông cũng vĩ đại như Châu Công trước đây một nghìn năm cho nên mới có bộ tộc thiểu số ở phương xa đến dâng hiến vật tốt lành. Đã có công đức lớn lao như vậy, ắt phải có hiệu xưng cao. Hiệu xưng của Châu Công là: "Châu". Còn của Vương Mãng là "An Hán công". Đồng thời đất đai cũng được phong mở rộng ra cùng với những phần thưởng công.

Ai cũng biết Vương Mãng là người khiêm nhường quân tử, làm sao ông lại có thể dễ dàng tiếp nhận? Ông dâng sớ tâu lên xin cho cả bốn vị đại thần là Khổng Quang, Vương Thuần... cùng với ông hoan nghênh việc lập Trung Sơn Vương và vạch quốc sách. Cũng xin thái hậu phong thưởng cho tất cả các vị đó, còn phần ông xin không cần nghĩ đến. Một bên nhất quyết thưởng, một bên nhất quyết không nhận. Cứ đưa đi đẩy lại. Sau cùng, Vương Mãng quỳ xuống trước mặt thái hậu lệ chảy đôi hàng, tỏ lòng với đất nước mà không nề đến lợi cho chính mình. Thái hậu không hiểu đưa cháu của mình muốn gì. Các đại thần gợi ý rằng đáp lại cái ý đẹp của Vương Mãng, thái hậu có ban thưởng cho cả bốn người thì Vương Mãng mới nhận phần của mình. Cuối cùng, bốn người đều được ban thưởng và phong thêm đất, thêm hộ khẩu. Ai chưa được phong hầu thì được phong, lại được phong thêm dinh thự để ở. Như vậy rồi, Vương Mãng có nhận phong thưởng không? Không ai ngờ đến lại còn một miếng võ nữa: Vương Mãng tiếp nhận xưng hiệu An Hán vương đăng tăng lên thành thái phó. Ngoài ra từ chối tất cả mọi thứ khen thưởng. Vương tâu: đợi đến khi mọi người giàu có cả lên rồi, Vương mới dám xin ban thưởng. Đó là một sự mong mỏi vĩ đại biết bao! Tiếp theo đó, Vương Mãng làm những điều tốt: Tất cả những ai là công thần, vương hầu từ thời cao tổ đến giờ, vì một nguyên nhân nào đó bị mất tước vị, sẽ được khôi phục lại hết. Phát một phần ba giá trị bổng lộc khi tại chức được hưởng như các vị quan già nua về hưu. Nhà nước cứu tế cho những người tàn tật, dân bà góa, những người quá nghèo khổ... Từ đó, thiên hạ đều biết Vương Mãng là người tốt mà chẳng ai nhắc đến hoàng đế, thái hoàng thái hậu cả.

Lão thái thái Vương Chính Quân đã trên bảy mươi tuổi vào năm đầu Bình Đế có người cháu chấp chính nên không muốn ủa đại sự nữa. Vương Mãng biết tâm tình của bà, bèn ngầm xui các đại thần tấu lên, nói rằng lão thái thái từ nay không cần phải để ý đến những việc nhỏ mà nên trao tất cả cho Vương Mãng. Lão thái thái vui vẻ vì mình được thanh nhàn, xuống chiếu: "Từ nay, trừ những việc như phong tước, còn tất cả mọi việc sẽ do Vương Mãng cùng với đại thần quyết định". Như vậy đại quyền triều Hán nay đã được chuyển toàn bộ vào tay Vương Mãng. Với lão thái thái Vương Mãng tận tụy phụng sự, trông nom với hết khả năng. Biết bà thích cái nào nhiệt và cái đẹp, Vương Mãng không để bà lủi thủi trong cung mà tìm cách để bà được đi du ngoạn ở bên ngoài. Để bà được

ngồi xe ngựa lấp lánh kim ngân và có treo những đồng tiền, nhạc ngựa tình tang đi du sơn, ngoạn thủy. Đê bà thường chút gì đó một khi thấy cô nhi, quả phụ rồi mọi người cúi đầu tung hô vạn tuế. Như vậy, bà sung sướng đến tận đáy lòng. Bà còn có một tên hề chuyên nói chuyện vui với bà và làm đủ trò lạ. Có lần, tên hề bị ốm, Vương Mãng tự mình đến trông nom, hầu hạ, tìm ra những lời nói và cử chỉ làm cho bà vui, giảm bớt được cơn sầu. Lão thái thái thấy đứa cháu hiếu thảo và tận tình như thế nên rất tin.

Đến giờ, về mọi mặt đều tiến triển thuận lợi. Nhưng Vương Mãng còn lo một điều. Người bà họ Phùng và người mẹ họ Vệ của Bình đế đều còn bị lưu giữ ở vương địa Trung Sơn. Một khi họ trở về cung tất cả, phía họ ngoại Phùng và Vệ được trọng dụng, nếu Vương không có phương pháp nào khéo sẽ có thể diễn lại màn kịch sau khi Ai đế kế vị! Về điều này, Vương Mãng rất cảnh giác. Trong triều có người cho rằng Bình đế còn non tuổi, không nên để sống xa với mẹ. Người này liền bị đuổi đi. Còn người con cả của Vương Mãng là Vương Vũ, không rõ tâm địa của phụ thân còn nói xa xôi đến thế, sợ Vương Mãng cản trở họ Vệ trở về cung, làm cho hai mẹ con hoàng đế phải xa nhau. Đến khi hoàng đế lớn lên sẽ oán giận họ Vương và có thể gặp tai họa, bèn nghĩ cách để khuyên phụ thân. Không ngờ lại xảy ra một cuộc đâm chém đầy máu.

Đêm hôm ấy môn lại phủ đệ của Vương Mãng chạy nhón nháo hốt hoảng ra phía ngoài cổng để tuần tra. Người đến quấy rối bỏ chạy ngay. Hẳn nguyên là anh vợ của công tử Vương Vũ tên là Lã Khoan. Hẳn là thân tích với Vương Gia, thường lui tới nhà họ Vương. Sao hẳn lại có hành động không đàng hoàng, trước nhà họ Vương? Môn lại nghi ngờ và phát hiện thấy xung quanh phía tường và cánh cửa nhem nhuốc những vết máu bò hay máu chó gì đấy. Lại còn có chỗ máu be bét thành vũng. Trông thật kinh sợ. Bọn môn lại giật mình, về báo với Vương Mãng, cho đó là điềm k hông may mắn. Vương Mãng cả giận, phái người đi điều tra, bắt Lã Khoan về phủ.

Lã Khoan không sợ hãi lắm, nói rõ đầu đuôi. Số là Vương Vũ muốn khuyên bố nên đón mẹ con họ Vệ của Bình đế về cung. Nhưng chắc ông không chịu, liền bàn luận với thầy giáo Ngô Chương và anh vợ là Lã Khoan. Ngô Chương nghĩ ra một cách rồi nói với Vương Vũ: "Bố anh thường tin có chuyện ma quỷ, chỉ bằng nhờ vào đêm tối, bôi lên cửa cổng một loại những vết máu lợn, máu chó, làm ông nghĩ là có chuyện quỷ gì đó là điềm tốt xấu ra sao. Nhân cơ hội này mà giải thích có lợi cho ta, khuyên ông nên đón Vệ hoàng hậu về cung". Vương Vũ khen mẹo hay, nhờ Lã Khoa thực hiện cho. Lã Khoan về nhà cảm thấy một là công tử của Vương gia chỉ định. Hai là làm việc này để Vương Mãng hoảng hốt một chút rồi cũng tha thứ thôi.

Sau khi Vương Mãng nghe xong, liền gọi Vương Vũ đến đối chứng. Vương Vũ nhận đúng như vậy. Tra hỏi đã rõ, Vương Mãng bỏ đi. Vương Vũ và Lã Khoan bị cận vệ dẫn đi, không biết còn xảy ra chuyện gì nữa. Nghĩ đi nghĩ lại cũng chỉ là chuyện trong vương gia mà thôi, nặng nhất chỉ đến khiển trách, khuyên bảo là cùng. Cũng chẳng ai ngờ tới, không lâu sau đó, một toán thị vệ đến áp giải hai người lên phủ, đưa vào ngục. Sau đó, vợ Vương Vũ là Lã Yên, thầy dạy của Vương Vũ là Ngô Chương đều bị bắt cả.

Càng không thể tưởng tượng được. Ngày hôm sau, có người mang một phong thư của Vương Mãng tới Vương Vũ, lệnh cho Vương Vũ tự sát. Trước đây, Vương Mãng giết Vương Hoạch để cầu danh. Vương Hoạch có tội thật. Lúc đó, hoàn cảnh của Vương Mãng có khó khăn, giết Vương Hoạch về tội Hoạch đã giết nô quan, được mọi người khen ngợi. Nhưng hiện giờ sao lại phải bức tử Vương Vũ? Mà sự việc có to gì. Vương Vũ lại là con cả! Vương Vũ nghĩ mãi không ra. Nhưng không thể trái lệnh cha, uống rượu có thuốc độc mà chết. Lã Yên cũng bị tử hình nhưng có mang. Sẽ bị xử chết sau khi sinh con. Ngô Chương bị đưa đến Trảng An xử tội cắt các chi ra khỏi thân. Chỉ có Lã Khoan bị nhốt trong tù.

Vương Mãng tâu với thái hậu rằng Vương Vũ bị Lã Khoan lôi kéo, dụ dỗ, giao tiếp với phía họ ngoại của Bình đế, đưa ra những ý kiến can rõ, mê hoặc nhân tâm nên đã bị giết chết. Thái hậu dựa theo ý kiến của các đại thần, xuống chiếu khen ngợi Vương Mãng nghĩ đến quốc gia đại sự mà không nghĩ đến tình cha con, khuyến khích Vương Mãng tiếp tục trừ mọi tai họa cho quốc gia. Vương Mãng đã giết cả con đẻ của mình. Đương nhiên đó là vô tư. Cũng vì vô tư, Vương có thể phóng tay phóng mạnh. Cũng vì ngay con đẻ của mình Vương cũng giết nên Vương có lý do để giết người khác.

Lúc này vai trò của Ngô Khoan nổi lên. Qua nhiều lần tra hỏi, lời cung của Ngô Khoan ngày càng

phong phú, những người có liên quan ngày càng nhiều thêm đến nỗi đan dệt thành một cái lưới rộng. Kết quả là: có rất nhiều người câu kết lại với nhau, mưu đồ ủng hộ các cậu của vua là Vệ Bảo, Vệ Ngọc cướp chính quyền, mưu hại Vương Mãng, làm nguy hại quốc gia. Trong đó có công chúa Kính Vũ là em gái Nguyên đế, Lưu Lập là vương đất Lương, Vương Lập là thúc phụ của Vương Thuần, Vương Nhân, các trung và đại thần trong triều, quan lại địa phương. Cộng đến mấy trăm người. Nói tóm lại, những người bất mãn với sự cầm quyền của Vương Mãng, nhưng người không có lợi cho Vương Mãng, chuẩn bị thoán nghịch đều bị khua vào trong lưới. Vương Mãng giết con để bịt miệng thiên hạ, chế tạo ra một bản án oan ức để thanh trừng được những chuồng ngai. Như vậy là tàn nhẫn hay anh minh? Vu cáo vài trăm người, xử tử và bức tử nhiều người đã làm chấn động cả nước. Mọi người dần dần thấy rõ chí theo đuổi của Vương Mãng quả không nhỏ.

Sau đó không lâu, tức năm thứ tư đời Nguyên Thủy (năm thứ tư trước công nguyên). Con gái của Vương Mãng được lập là Hoàng hậu Bình đế. Vương trở nên quốc trọng nhà Hán mà không chỉ là cháu của thái hoàng thái hậu. Sự việc này càng giữ được quan hệ mật thiết với triều Hán, không còn hoàn toàn ỷ lại vào Vương Chính Quân nữa. Lúc này, Bình đế mới mười tuổi.

Sau này, Vương Mãng cảm thấy giữ tước An Hán công đã quá lâu, muốn làm thêm một chức mới. Vương Thuần và bọn tay chân tạo cho Vương một tên quan mới. Đó là quan "tể hành". Về đời Thương, quan lớn nhất trong triều được gọi là "A hành". Châu Công doduri Châu đã từng là "thái tể", hành tể là do hai chức quan đó ghép lại với nhau, cái đó nói rõ rằng công đức của Vương Mãng đã vượt lên trên thánh nhân vĩ đại trong lịch sử. Đi cùng các quan hiệu mới này là được mở rộng trại, ấp, được hoàng hậu cho một trăm triệu đồng tiền. Mẹ của Vương Mãng được phong là "công hiền quân". Con thứ hai của Vương Mãng được phong tướng hầu. Tự nhiên, Vương Mãng rất thành khẩn, cố chấp. Mấy lần trước đều không nhận lộc trên ban cho. Thậm chí còn quỳ dưới đất, khóc lên khóc xuống không nhận bổng lộc. Nhưng lần này Vương không từ chối nhận ngay. Có điều số tiền một trăm triệu, Vương rút ra một nghìn vạn, đưa cho cung trưởng lạc dận thái giám dùng tiền để cung dưỡng thái hậu. Lại có hơn chín trăm các vị có liên kết với nhau gửi tấu thư theo kiểu sách "Châu quan" và "Lễ kí" lên trên đề nghị tặng cho Vương Mãng chín đội rước nghi thức gọi là "cửu tích". Các triều đại sau này cũng có những đội rước đặc biệt "cửu tích". Đó là điều học được ở Vương Mãng.

Từ khi Bình đế lên ngôi, Vương Mãng chấp chính đã được vài năm. Vương Mãng không ngừng tru diệt những người không ăn cánh vo úi mình, bồi dưỡng kẻ thân tín với mình. Kẻ nào lãnh hội được ý của chỉ lệnh: giỏi a dua, thờ phụng là trọng dụng ngay. Những kẻ không có liêm sỉ nhâu nhâu kéo nhau đến, đưa Vương lên gọi là chí thượng. Những sĩ phu cương trực không có chỗ nương thân, chính trị ngày một hủ bại. Lại thêm vào lục, hạn, sâu hại cùng các thiên tai, xã hội ngày càng xuống cấp trầm trọng.

Có những khi gặp tai nạn mà Vương Mãng không bùng bít được, Vương bèn ăn vài bữa cơm đơn tiết kiệm ra cái điều cộng khổ với dân chứ không có những giải quyết hữu hiệu. (Dùng hình tượng đạo đức cá nhân để che giấu những vấn đề xã hội nghiêm trọng cũng là một ác ý trong truyền thống thống trị của Trung Quốc). Ngược lại, Vương phóng tay cho bọn móng vuốt dưới mình tìm đủ mọi mảnh khóc để tô vẽ cho đẹp sự thống trị của mình, ca ngợi thánh đức của mình. Những điều đó thật nhỏ nhặt, vô vị không cần phải nói đến nữa. Có một chuyện lý thú: Năm thứ tư đời Nguyên Thủy, Vương phái Trần Sùng và tám người nữa, phân đi toàn quốc để quan sát dân tình. Kết quả khi họ về, có được một tập về, ca dao giả dối gồm hơn ba vạn từ. Toàn là tán tụng nhân dân hạnh phúc, vui vẻ dưới sự thống trị của Vương Mãng. Đáng tiếc là những câu về và dân ca ấy đã thất truyền.

Phương pháp này cũng có ý nghĩa sáng tạo. Hậu thế còn dùng. Trong thời đại Võ Tắc Thiên, có nơi quan lại có dâng lên những bài về dân ca. Đến giờ còn lưu được. Đại ý những bài đó nói rằng ngày xưa mọi người nghèo đến nỗi lòi cả đít ra mà xuống ruộng. Bây giờ mọi người mặc áo nọ áo kia, nhiều lớp. Cái đó chẳng lẽ là học ở Vương Mãng ư! Trung Quốc có một cách nói cho rằng hiểu dân ca và về là có thể hiểu biết được tình hình chính trị. Nhưng, sự thực mà nói, lúc nào xuất hiện nhiều dân ca và về ca ngợi thường là lúc chính trị đã có nguy cơ xuống dốc rồi. Có lẽ đó là điều mà các nhà nghiên cứu văn học dân gian nên lưu ý?

Vài năm qua đi. Bình đế đã lớn, đó là năm thứ 5 đời Nguyên Thủy (năm thứ 5 công nguyên). Tuy đã mười bốn tuổi. Mẫu thân của ông vua trẻ này vẫn bị Vương Mãng cấm không cho vào cung. Các

ông cậu của vua bị giết. Khi dần dần biết rõ câu chuyện, vua không thể không oán hận Vương Mãng. Hơn nữa, Vương Mãng chuẩn bị về già, không muốn cho vua lớn lên một cách bình an vô sự để nắm chính quyền. Mùa đông năm ấy, Vương Mãng cho thuốc độc vào rượu. Đó là loại thuốc độc mãn tính. Sau khi Bình đế uống vào, thấy mình đau đớn, nằm bất tỉnh. Còn Vương Mãng vừa vui vừa làm ra đau khổ vô chừng. Vương cũng không quên việc Châu Công tái thế, xin cùng chết với Thành vương. Vương Mãng sai người viết hộ mình một lá thư tự nguyện chết theo Bình đế. Thư viết xong được đưa vào một cái hộp, đặt trước điện của cung Bình đế. Vương còn dặn ý đưa các chi dụ tới các quan đại thần chủ yếu: "Việc này không được nói ra! Các đại thần đâu có thể hiểu lầm ý của Vương?". Thế là mọi người cứ đồn âm Vương Mãng giống hệt Châu Công xưa. Hoàng đế bị ốm nặng, lòng Vương như lửa đốt, lại muốn chết cùng với vua, lấy thân chết thay vua. Lòng trung thành của Vương thật hiếm có!

Cuối cùng, thuốc độc có tác dụng hơn lá thư tình nguyện. Bình đế đã chết. Cần phải lập một hoàng đế mới. Vương Mãng chọn ai? Chọn huyền tôn của Tuyên đế là Lưu Anh nhỏ tuổi nhất trong số người dự tuyển. Mới ca hai tuổi!

Trong lúc này có một viên quan báo với Vương Mãng cho biết trong khi Mạnh Thông ở huyện Vũ Công đã đào được một tảng đá trắng trong lúc đào giếng. Tảng đá có hình thù trên tròn dưới thì vuông (tượng trưng cho trời và đất). Trên có những chữ đỏ viết trắng: "Truyền cáo An Hán công Vương Mãng là hoàng đế!". Đó là cái phù mệnh số một, cũng tức là cái quyền "sách trời" mà Vương Thịnh và bọn hạ đẳng cùng anh bàn tán đến. Các đại thần bầm với thái hậu. Bà bảo: "Cái việc lừa dối thiên hạ này không làm được đâu!". Thái bảo Vương Thuần khuyên thái hậu: "Sự tình đã đến nước này, biết làm sao được mà thái hậu cũng không ngăn được. Hơn nữa, Vương Mãng thật sự không muốn làm hoàng đế. Ông ta chỉ muốn nhiếp hành cho hoàng đế để củng cố uy quyền của mình". Lão thái hậu không có cách nào khác nữa. Bà thuận lời. Thế rồi có lệnh cho năm sau (năm thứ 6 công nguyên), Vương Mãng xưng "Nhiếp hoàng đế". Lưu Anh là hoàng đế, tạm thời giữ ngôi, hiệu là "nhũ tử".

Từ đó trở đi, những tấm "phù mệnh" không ngừng xuất hiện trong cả nước, đều mệnh cho Vương Mãng làm hoàng đế thật sự. Tạo dựng phù mệnh là con đường tắt để được thăng chức, phát tài cho một nhóm vô lại.

Ở trên có nói về ông già bán sách Ai Chương. Ông không bán được sách. Linh cơ mách bảo ông nghĩ ra cách đặt ra chuyện lá thư, bản đồ ở cái tủ vàng. Ông gan lắm viết thẳng ngay tên mình vào quyển sách nhà trời, liệ vào một trong những vị đại thần của tân triều làm phụ tá đại thần. Ông thành công rực rỡ. Một bước lên tận trời. Vì ông chỉ viết tên Ai Chương là tên mà không ai biết quá rõ nét như vậy, sẽ trông trải nên tùy tiện bịa ra hai cái tên Hưng và Thịnh làm cho Vương Mãng vui lòng. Thế là ông đưa một tác gác cổng thành và một tên bán bánh rán lên chín tầng mây mà ông cũng không biết.

Trước khi Vương Mãng lên ngôi hoàng đế, Vương phái Vương Thuần đến nơi ở của thái hậu lấy ấn tín của hoàng đế. Lúc ấy, lão thái thái Vương Chính Quân vừa mới tỉnh dậy khỏi cơn mơ. Bà mắng Vương Thuần: "Cha con nhà ngươi hưởng bổng lộc nhà Hán, mấy đời giàu sang, chưa báo đền được gì, sao lại thừa lúc nhà Hán gặp nguy lại tranh cướp thiên hạ! Anh em nhà ngươi là những đồ chó, lợn! Nếu là nhận thiên mệnh của hoàng đế thì làm lấy ấn tín mới, hà tất phải đến đây xin cái của mất nước ấy! Ta là một quả phụ nhà Hán, phải đưa cái ấn vào quan tài cùng ta, không thể cho ngươi được!". Vương Thuần thấy bà cô giận dữ liền quỳ xuống năn nỉ: "Vương Mãng nhất định phải lấy được ấn tín. Chẳng lẽ thái thái lại không cho thật à? Xin lão thái thái nghĩ lại cho". Lão thái thái cũng không biết làm thế nào, nắm lấy ấn, ném xuống đất. May mà sức bà đã yếu, cái ấn chỉ bị vỡ một góc.

Vương Mãng chớp lấy cái ấn, lên ngôi thương đế mười lăm năm. Càng làm càng loạn. Cuối cùng bị quân lục lâm xông vào Tràng An giết chết.

Đời sau, trogn các áng văn thơ có tỏ lòng cảm khái đối với cuộc đời của Vương Mãng. Không ít người cho Vương là điển hình nói lên lòng người khó lường. Trong bài "Tùy hứng" của Bạch Cư Dị có viết:

Châu Công sợ lúc lưu lời lại,

*Vương Mãng khiêm nhường buổi khó khăn.
Nếu như ngày ấy mà sớm chết,
Cuộc đời "chân", "ngụy" đã ai hay?*

Ý nói rằng: Lúc Châu Công chấp chính thay Thành Vương, đã từng lưu lại ý đoạt ngôi của Thành Vương. Trước khi Vương Mãng thoán vị, ai cũng cho Vương là người khiêm nhường, có đức và lễ. Nếu như cái đạo ấy, hai người này đều sớm chết đi, ai đã dễ gì nói đâu là "chân", đâu là "ngụy"? Những câu này hầu như có một chút ít đạo lý. Nhưng không hoàn toàn đúng. Châu Công bị nhà nho bôi, quét kín chặt lại, không còn cách mà nhận thấy điều gì.

Còn Vương Mãng, con người ấy sớm đã làm cho mọi người có điều nghi kỵ. Có thể nói rằng: đạo đức phong kiến Trung Quốc là khuynh hướng phủ định tính bình thường. Cho nên, người biểu hiện đạo đức cao hơn hẳn người bình thường làm cho những người bình thường ngưỡng vọng quá chừng sẽ càng xa rời nhân tính của người bình thường. Tại vì, trong nội tâm của nó càng chứa đựng những yếu tố mai phục mà không mấy ai biết được. Đó là đại thiện, đại ngụy.

Phần 05 - Giấu Kín Móng Vuốt

Khiêm nhường, tích trữ và bạo phát

Trong sách của Lão Tử có nói: "Người ta phải như một cái hũ đựng chỉ có luôn luôn giữ ở trạng thái hư không thì mới có thể tiếp thu không ngừng". Đó là cái triết học chính trị lấy thoái làm tiến truyền thống của Trung Quốc. Tư Mã Ý lấy điều này giáo dục con mình; phải chịu đựng mai phục, giữ kín móng vuốt để chuẩn bị nghênh tiếp một ngày nào đó lưỡi giáo ném tới. Quả nhiên, một thời cơ đến, toàn bộ âm mưu và hùng tâm đại chí sẽ được thực hiện trong cuộc chém giết đẫm máu.

Nhà thơ Đỗ Mục đời Đường có bài thơ tuyệt cú nổi tiếng là: "Hoài cổ Xích Bích". Thơ rằng:

*Giáo gần đất vùi chưa gủ hết,
Tướng quân rửa giáp thấy tiền triều.
Gió đông không giúp Chu Công Cẩn,
Đồng Tước, hai Kiều thuộc về ta...*

Từ xưa đến nay, sự giải thích về bài thơ này đều chưa đi sâu được đến sự tính chính xác. Về sự thực lịch sử mà nói, sự được thua giữa Tào Tháo và liên quân giữa Lưu Bị và Đông Ngô trong trận chiến Xích Bích trong Tam Quốc tuyệt nhiên không quyết định ở một trận "Gió Đông". Cho nên lấy con mắt lịch sử mà bình luận bài thơ này thì bài thơ trở nên buồn cười, nói xạo. Thực tế, nhà thơ có ý khuếch đại tác dụng của gió đông, để nhấn mạnh sự thành công lịch sử của cá nhân cần có một cơ hội nào đó. Mà cái cơ duyên không phải sức người có được. Dưới con mắt của Đỗ Mục, luận về phong lưu mã thường tài, tài hoa tung hoành, thao lược đầy mình, chỉ ở phương xa... tất cả những điểm ấy của mình nào có khác gì Chu Du đâu? Nhưng Chu Du sinh ra gặp thời do đó làm nên nghiệp oanh liệt. Mình lại sống một thời đại không làm được việc gì, chỉ đành: Mười năm Dương Châu mộng danh bạc nơi lầu xanh... Những danh tài, sĩ tử của Trung Quốc cổ đại ca ngợi thời loạn. Vì thiên hạ loạn lạc liên miên, là thời đại không dự liệu được cái gì sẽ đưa lại nhiều cơ hội cho họ. Hơn nữa trong cơn mạo hiểm có thể hiện và phát triển tài năng để trung cầu lạc thú trong sự thành công. Một khi thiên hạ được định đoạt, chỉ cần tuân tặc như tiên trong cơ cấu quyền lực. Hoặc có khi trầm luân không gặp may. Cái đó gọi là "Thời loạn xuất anh hùng". Với Tư Mã Ý mà nói, lúc đầu vận không may mắn lắm, Tư sinh trưởng trong thời thiên hạ đại loạn, đời Đông Hán diệt. Đó là thời kỳ quần hùng phân tranh. Lúc trẻ đã có chí hướng cao xa, được danh sĩ Dương Tu khen ngợi là "công cụ phi thường". Hơi tiếc, Tư ra đời chậm một chút, lại vừa vận gặp Tào Tháo. Năm 201 sau công nguyên, Tư Mã Ý hai mươi tuổi. Đó là tuổi bắt đầu làm nên sự nghiệp. Lúc ấy, Tào Tháo đã đánh bại địch thủ hùng mạnh nhất phương Bắc là Viên Thiệu, thống nhất Bắc Bộ Trung Quốc, có quyền ép thiên tử và ra lệnh cho chư hầu. Tào Tháo cũng có nghe nói về Tư Mã Ý. Năm ấy, Tào Tháo cho người gọi Tư đến để làm thuộc hạ cho mình. Tư Mã Ý không muốn làm việc dưới bàn tay của Tào Tháo, còn muốn xem xét một thời gian đã bèn nói là mình có bệnh ngứa nhọt, không ngồi dậy được. Sau này, Tào Tháo biết Tư nói dối, lại phái người tìm Tư; Tháo giao hẹn với sứ giả rằng: "Nếu chậm chạp, nghi ngại thì bắt ngay!". Tư Mã Ý đành phải đến Hứa Xương, quy phục Tào Tháo. Từ đó, Tư Mã Ý làm việc hết mình dưới sự chỉ huy của Tào Tháo. Tư nhiều mưu trí; khí phách hào hùng, nhanh nhẹn khiến Tào Tháo không yên lòng. Tào Tháo nói với con là Tào Phi rằng: "Tư Mã Ý là con người không cam tâm làm thần (quan) đâu. Sau này sẽ làm hỏng việc của con đấy!" - Ý nói là Tào muốn giết Tư để tránh được việc sau này cho con con cháu của Tào Tháo không đối phó được với Tư. Cũng may, quan hệ giữa Tào Phi và Tư Mã Ý rất tốt, luôn luôn đùm bọc, giúp đỡ nhau. Tư không đến nỗi tồi như điều Tào Tháo nghi kỵ. Sau này, cướp được thiên hạ của triều Hán, xây dựng lên triều Ngụy, Tư Mã Ý trở thành một trong những đại thần quan trọng làm chỗ dựa cho Tào Phi. Trước khi chết, còn giao thác Minh Đế Tào Quyền cho Tư Mã Ý, lệnh cho Tư cùng Tào Trăn và Trần Quân cùng làm phụ chính. Như vậy là công lao và địa vị của Tư Mã Ý càng ngày càng cao mà chính quyền Tào ở nước Ngụy vẫn càng ngày càng được củng cố. Nhìn qua, tưởng là nhân tài hào hùng, có chí hướng cao xa ấy sẽ là trung thần cho Tào gia suốt đời. Nhưng, về sau có một cơ hội. Năm thứ hai đời Cảnh Sơ (công nguyên 238) quan thái úy Tư Mã Ý

mang bốn vạn quân đi đánh Liêu Đông (nay là cả giải Liêu Ninh). Năm sau thắng lợi, kéo quân về. Trên đường về, trong ba ngày nhận được năm phóng chiếu thư của Minh Đế, lệnh Tư về kinh thật gấp. Một phong thư được chính Minh Đế viết: "Sống chết, chỉ còn vài hơi thở, mong sớm về, về đến kinh hãy tới ngay điện cung, may ra còn được gặp". Tư Mã Ý vội vàng dùng cỗ xe "trung truy phong" là cỗ xe nhà binh đi được nhanh nhất để phi về. Một ngày một đêm đi được bốn trăm dặm. Đến Lạc Dương, không để ý, khắp người bê bết đất bụi, vào ngay Hoàng cung. Minh Đế chỉ còn thoi thóp. Thấy Tư Mã Ý như vậy, Minh Đế cảm động, kéo tay Tư: Ta phải cố lụi cái chết lại để đợi người đây. Bây giờ có chết cũng không ân hận nữa. Tư Mã Ý ngồi bên giường bệnh, nước mắt lã chã. Minh Đế lại nhìn con trai Tào Phương đứng hầu ở bên rồi nói với Tư Mã Ý: "Đặc biệt nhờ người cùng gánh vác việc sau này". Nói xong, gọi Tào Phương tiến lên phía trước, quỳ xuống trước mặt Tư Mã Ý. Tào Phương mới chín tuổi, ôm lấy cổ Tư Mã Ý như tình cha con. Cùng nhận di chúc làm phụ chính còn có cả tôn thất nhà Tào, đại tướng quân Tào Sảng. Ba đời Tào gia - Tào Tháo, Tào Phi, Tào Quyên hầu như yếu đi dần. Thế mới là mang đầu con dê đưa cho bà Sói trông nom hộ. Tào Sảng là con trai Tào Chân. Chúng đều là bố hổ con chó. Tào Chân thì dững cảm, có nghị lực, kiên định mà trầm ngâm. Tào Sảng được bên ngoại quá yêu chiều, bản thân lại có tính nhút nhát cùng với thót tạt nông nổi. Điều đó tạo cho Tư Mã Ý một cơ hội làm phản. Trong hai đại thần phụ chính, Tư Mã Ý nhiều tuổi hơn. Trước đây, Tào Sảng vẫn coi Tư Mã Ý là bậc tiền bối. Nói về công lao, tài cán, Tào Sảng là tôn thất của Ngụy nên địa vị cao hơn Tư Mã Ý. Sau khi Tào Phương lên ngôi. Hai người cùng xử lý đại sự quốc gia và rất nhanh đã phát minh ra mâu thuẫn. Trước mặt Tư Mã Ý, Tào Sảng cảm thấy một áp bức vô hình dù rằng Tư Mã Ý rất khiêm nhường đối với Tào. Nhưng trong sự khiêm nhường ấy rõ ràng là có chút coi thường. Cho nên Tào Sảng cần phải làm cho uy tín của mình có thể mở rộng được ra, kháng cự lại sự áp bức của đối phương. Tào Sảng liền đề bạt một loạt người thân cận của mình như: Hà An, Trịnh Dương, Lý Thắng, Đinh Giám, Tắt Cửu... tham gia chính sự và lần lượt nhận các chức trọng yếu trong triều đình. Những người này đều là những danh sĩ của kinh thành. Ai nấy phong độ nhàn nhã, nói ra là rung động lòng người. Như Hà An là triết gia quan trọng thời cổ đại. Nhưng họ không có tài cán thực tế về chính trị một cách cụ thể. Xưa nay, các nhà chính trị thu nạp các danh sĩ có tên tuổi, chủ yếu là để đề cao danh tiếng và vinh dự của mình chứ không phải là để cho những danh sĩ ấy quản mọi việc. Tào Sảng không hiểu cái đạo lý ấy. Kết quả là làm cho sự diệt vong của mình đến nhanh chóng hơn.

Hà An và mấy người khác đều ý thức được tài năng của Tư Mã Ý. Cái ý đồ xa vời của Ý còn hơn cả những gì bọn này nghĩ tới được. Hà An cùng nhóm thân thuộc liền bài xích Tư Mã Ý. Tào Sảng tâu lên với Tiểu hoàng đế, nói rằng Tư Mã Ý đức trọng, danh cao, hàng quan tước lại dưới mình nên không bằng lòng, nên đưa Tư Mã Ý lên chức đại tư mã. Các quan trong triều bàn tâu, nghị về mấy vị đại diện tư mã tiền nhiệm trong triều đều súi quấy không may mắn. Cuối cùng đưa Tư Mã Ý về chức thái phó. Sau đó, Tào Sảng vin cớ là Tư Mã Ý đã ở địa vị cao, xin vua cho Tư giữ chức thượng thư (cơ quan xử lý mọi việc hàng ngày). Mọi việc gì cũng phải báo cáo cho Sảng biết trước. Hà An, Trịnh Dương v.v... đều nhiệm chức thượng thư. Như vậy là quyền lực bị thu hẹp dần.

Trong vài năm Tào Phương mới lên ngôi, Tào Sảng bố trí những người thân tín nắm binh quyền ở kinh thành. Tư Mã Ý soái lĩnh quân đội đi đánh nhau với Đông Ngô - thanh thế càng ngày càng lớn. Tào Sảng càng ngày càng kiêu ngạo tự đại như một quả bóng nở to ra. Tư Mã Ý kiềm chế mình để bảo đảm sự cung kính, nể nhau. Lúc bình thường, Tư dạy dỗ con cái luôn phải khiêm tốn, nhường nhịn, giữ mình như một cái bình luôn ở trạng thái không đựng gì mới có thể không ngừng tiếp nhận được mọi thứ.

Bề ngoài, nhìn thấy thế lực của Tào Sảng mở rộng. Nhưng thực ra bên trong tiềm ẩn một mối nguy cơ sâu sắc.

Đến năm thứ 8 đời Chính Thủy (247 công nguyên) Tào Sảng đã khống chế được triều chính và cấm quân của kinh thành. Ngoài ra một cánh quân do con trai Tư Mã Ý là Tư Mã Sư soái lĩnh ra, toàn bộ đều do Tào Sảng và anh em của Tào Sảng là Tào Nghĩa và Tào Huân nắm hết, Tào Sảng rất ít bàn luận công việc với Tư Mã Ý. Thỉnh thoảng Tư có phát biểu một vài ý kiến, Tào Sảng cũng không nghe. Ngược lại, Tư Mã Ý không suy bì mà vẫn giữ thái độ khiêm nhường. Sau đó không lâu, bệnh ngứa của Tư tái phát nên về nhà tĩnh dưỡng, không quản mọi sự. Bệnh tật kéo dài chừng một năm.

Đường thời, Tư Mã Ý đã gần bảy mươi tuổi. Người ngoài trông thấy Tư Mã Ý có vẻ: ngọn nến trước gió. Cho nên bọn của Tào Sảng thấy Tư Mã Ý bệnh tật rề rề, không mấy nghi ngờ. Hơn nữa thấy đối thủ lợi hại cũng không có gì là ghê gớm lắm. Nhưng Tào Sảng kỹ tính, khi người thân của Tào là Lý Thắng được bổ nhiệm đi làm quan thích sử ở Kinh Châu, Tào đặc biệt dặn Lý quan sát bệnh tình của Tư Mã Ý ra sao khi Lý đến chào từ biệt Tư Mã Ý. Lý Thắng đến phủ Tư Mã Ý, được dẫn vào nội thất. Tư Mã Ý thấy Lý tới, gọi hai nữ tỳ đứng hai bên xóc nách mới đứng lên nôi để tạ lễ. Nhận chiếc áo ngoài từ tay nữ tỳ đưa cho thì tay run run làm áo rơi xuống đất. Sau đó ngồi xuống, giơ ngón tay chỉ lên miệng biểu thị muốn uống. Nữ tỳ mang đến một bát cháo nóng. Tư Mã Ý nhận lấy bát cháo, đưa lên miệng chậm rãi. Nước cháo chảy cả xuống ngực nhòe nhoẹt. Lý Thắng thấy vậy tỏ ra ái ngại, chảy cả nước mắt. Tư Mã Ý nhìn về phía Lý Thắng, lý vội thưa rằng: "Thắng tôi không có công lao, được đội ân sâu nhận chức thích sử tại bản châu nên đến đây bái từ. Ngày nay chúa thượng còn nhỏ tuổi. Mọi việc thiên hạ đều trông cả vào thái phó giải quyết. Không ngờ tôn thể của thái phó lại ra nông nổi này!". Tư Mã Ý vừa đứng dậy, đã thở phò phò một lúc mới hoàn hồn, chậm chạp nói: "Già rồi, bệnh lại nặng chắc cũng chết trong một sớm một chiều. Ông đi Bình Châu ư? Nơi này kể liền với Hồ mong ông giữ gìn!". Lý Thắng cải chính lại: "Là về Bản Châu, không phải là Bình Châu ạ". Lý Thắng lại phải nói rõ thêm là mình đi Bình Châu. Lúc đó, Tư Mã Ý mới nghe rõ, tắc tắc nổi nổi mà rằng: "Tôi già rồi, tinh thần hoảng hốt, nghe không rõ lời ông nói. Ông về Bản Châu làm thích sử là cơ hội lập được công lao. Hôm nay từ biệt ông, sau này không gặp lại được nữa. Xin nhờ ông sau này trông nom cho hai đứa con tôi...".

Lý Thắng về đến nơi gặp Tào Sảng, bẩm báo mọi tình hình về Tư Mã Ý và kết luận: "Tư Mã công không còn sống được mấy ngày nữa. Không đáng lo ngại gì!". Điều này làm cho Tào Sảng rất yên tâm. Từ đó, không cần gì phải chuẩn bị đối phó.

Tháng giêng năm đầu đời Gia Bình (249 công nguyên), hoàng đế Tào Phương ra ngoài thành tế lăng Minh đế. Anh em Tào Sảng cũng đi theo, dẫn có một ít vệ binh. Chỉ một lát không lâu sau, bị tướng Nghiêm Thế ở lại giữ phủ Tào Sảng được báo có tiếng rầm rập quân lính ngựa xe. Nghiêm Thế hốt hoảng, nghi có chuyện xảy ra, lập tức lên lầu quan sát. Nghiêm chỉ thấy Tư Mã Ý ngồi trên mình ngựa, dẫn một đội quân tiến về phía hoàng cung, trông Tư râu tóc bạc phơ mà tinh thần ung dung, mạnh mẽ. Tư Mã Ý đâu có ốm đau gì! Nghiêm thấy tình hình không có lợi, lấy cung tên ra bắn vào Tư Mã Ý. Người đứng cạnh gạt tay Nghiêm ra ngăn trở và khuyên: "Chưa biết chuyện ra sao, đừng có làm bậy". Dùng dằng hai ba lần, Tư Mã Ý đã đi xa. Đoàn quân đi tới trước hoàng cung, xếp thành thế trận. Tư Mã Ý đi thẳng vào cung, xin gặp hoàng thái hậu họ Quách, nói Tào Sảng không có tấm lòng một người làm quan tốt, sẽ làm điều nguy hại cho quốc gia, xin hạ chiếu phê anh em họ Tào. Từ khi nhà Ngụy lập nước, Tào Phi nhận được giáo huấn từ thời Đông Hán, định ra nhiều quy củ, có lệnh cho thái hậu không can vào triều chính nên thái hậu họ Quách không biết gì về đại sự của quốc gia. Nhưng lại bị sức ép của uy phong Tư Mã Ý nên gọi người viết một chiếu thư. Đồng thời lúc này anh em Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu là con của Tư Mã Ý chỉ huy quân đội và cầm tử quân được che giấu lúc bình thường chiếm lĩnh tất cả những điểm xung yếu của kinh thành, đóng kín cửa thành lại. Trong thành, một số cấm vệ quân dưới sự điều khiển của Tào Sảng số người không nhiều lại như rắn không đầu, lại thêm vào địa vị và tiếng tăm ghê gớm của Tư Mã Ý phỏng ai còn dám nhúc nhích? Tư Mã Ý bao vây hoàng cung, sau khi nhận được chiếu thư, liền sai hai đại thần cầm vật làm tin gọi là "tiết" vào ngay sào huyệt cấm vệ quân của Tào Sảng, Tào Nghĩa, cướp lấy binh quyền. Bao nhiêu kết quả, thành công của Tào Sảng đã trở nên trắng tay trong phút chốc.

Đa số những chung thân của Tào Sảng đều không dám động dậy gì, chỉ có vài người cầm cổ chạy ra ngoài thành. Trong số đó có Hoàn Phạm. Phạm vốn là thuộc hạ của Tào Chân, nhậm chức tư y, nhiều mưu trí. Khi Tư Mã Ý phát động cuộc binh biến cho người đi tìm ông ta, muốn ông đứng về bên phía mình. Nhưng Hoàn Phạm có quan hệ thân với nhà Tào, suy nghĩ về sự phát triển của tình thế và việc hoàng đế và Tào Sảng sẽ gắn bó với nhau, như vậy ở phía Tào Sảng có lợi hơn nên không nghe lời Tư Mã Ý, mạo chiếu chỉ với nội dung hoàng đế triệu gọi Hoàn Phạm mà ra ngoài thành. Đại úy Tương Tế nghe nói, rất bối rối và nóng lòng, bảo Tư Mã Ý: "Cái túi tài trí đã chạy mất, sự việc hỏng mất thôi". Tư Mã Ý trấn tĩnh lại, nói: "Bề ngoài, Tào Sảng và Hoàn Phạm kính yêu nhau còn bề trong thì sơ viện. Nếu có nghe ta thì nghe sớm một chút. Tào Sảng cũng không

biết dùng kế sách của Hoàn Phạm đâu!".

Đội cho việc bố trí trong thành được xong xuôi, Tư Mã Ý và Tưởng Tể soái lĩnh quân đội, giữ con đường người ta phải đi từ Bình Lăng vào thành có cầu treo trên sông Lạc. Mặt khác sai người đưa tấu thư đến hoàng đế Tào Phương. Trong tấu thư chỉ trích Tào Sảng làm sai với di chúc của Minh đế, phá hoại phép tắc của quốc gia, bỏ nhiệm thân tình, nắm quyền chuyên chế, có lòng làm hại vua. Có nói thêm là đã xin thỉnh được chiếu lệnh của hoàng hậu bãi miễn binh quyền của anh em Tào Sảng và cho Tào Sảng được nhận hầu tước trở về bản phủ. Những lời này chủ yếu là để dành cho Tào Sảng.

Hoàn Phạm đến gặp Tào Sảng, cho biết tình hình trong thành, khuyên Tào lập tức đưa hoàng đế về Hứa Xương, chiêu tập binh mã đi hộ giá mà thảo phạt Tư Mã Ý với tội danh phản nghịch.

Nói về chế độ quốc gia nhà Tào nước Ngụy từ thái hậu không can dự vào chính sự. Đó là Tư Mã Ý mượn danh nghĩa của thái hậu mà thôi, sức mạnh hiệu triệu không là mấy. Mà Tào Sảng cũng ở liền với hoàng đế, sử dụng danh nghĩa của hoàng đế, danh chính ngôn thuận hơn nhiều. Tuy nói rằng Tư Mã Ý thiện chiến nhưng thành bại cuối cùng, chưa quyết được mèo nào cắn mỉu nào. Ai ngờ, anh em nhà Tào nghe xong, cứ im thin thít, không dám quả đoán, quyết định. Hoàn Phạm cả giận, than lớn: "Đã đến nước này chẳng lẽ chư vị còn muốn làm khổ toàn dân, đi đến tuyệt vọng sao? Hiện giờ các vị đi theo cùng với thiên tử, hiệu triệu và hạ lệnh cho thiên hạ, ai dám không nghe?". Anh em Tào Sảng vẫn không có quyết tâm gì cả.

Đêm hôm đó, Tào Sảng phái một đại thần vốn không có quan hệ mật thiết lắm với mình đến doanh trại đóng quân của Tư Mã Ý để dò xem ý đồ thật hay giả của Tư Mã Ý. Tư Mã Ý nói đi nói lại nhiều lần, bảo đảm quyết không có ý định làm thương hại đến anh em nhà Tào. Lời nói tha thiết lắm. Hôm sau Tư Mã Ý lại phái Doãn Đại Mục là người thân lưu ở trong thành, có quan hệ mật thiết với Tào Sảng sang khuyên giải Tào Sảng. Trong lúc Doãn Đại Mục đi đến với Tào, Tư Mã Ý lại chỉ xuống dòng sông Lạc mà thề: "Nếu tôi vi phạm những lời nói xưa, cả nhà tôi sẽ không có kết cục tốt". Tào Sảng nghe lời Doãn Đại Mục chuyển tới, trong lòng rất cảm động. Hoàn Phạm thấy hoàn cảnh đã đến bước này, vừa tức giận vừa sợ hãi, đã kể ra bao nhiêu thí dụ từ đời xưa để chứng minh Tư Mã Ý giả vờ cúi đầu nhưng không có tâm địa hay ho gì. Hoàn Phạm nói đến tận sáng hôm sau. Hoàn Phạm đã già, mệt mỏi lắm rồi. Tào Sảng đã có được ý kiến, rút kiếm ở lưng ra, vút xuống đất mà nói với mọi người: "Ta đoán ý tứ và thái độ biết là Tư Mã Ý muốn tranh đoạt quyền. Ta có thể giữ tước hầu, trở về phủ, không đến nổi kém cạnh gì một phú ông!". Nghe những lời nói đó, Hoàn Phạm biến hẳn sắc mặt, trở nên trắng bệch, lớn tiếng mắng rằng: "Ôi! Tào Chân lại sinh ra một đứa con như thế này ư! Lão đến đây liên lụy đến người, không trách được dòng họ bị diệt!". Tào Sảng cũng không cần biết Hoàn Phạm nói gì, vào gặp hoàng đế, xin hoàng đế hạ chiếu, miễn chức của mình, rồi phái người mang chiếu thư tới doanh trại Tư Mã Ý. Lúc này Hoàn Phạm định bỏ chạy. Tào Sảng bắt Hoàn đi theo mình vào kinh để chứng tỏ lòng tạ tội của mình. Họ đi đáng ừ rừ đến bờ sông Lạc. Đi qua cầu treo, Tào Sảng lên xe tới nhận lệnh của Tư Mã Ý, đầu cúi xuống. Tư Mã Ý nói đôi câu rất khéo, khuyến khích và an ủi rồi quay về phía Hoàn Phạm, cười chế giễu: "Hoàn đại phu lại thế này sao?". Hoàn Phạm nở nụ cười đau khổ, biết mình sa cơ, làm lý đi vào thành.

Cuộc binh biến của Tư Mã Ý hầu như chỉ là nắm được một cơ hội ngẫu nhiên không có nhiều yếu tố thành công. Không phải, thực ra nó là một cú đánh chí mệnh qua một sự chuẩn bị trường kỳ trong vài năm Tào Phương kế vị, Tư Mã Ý không tranh quyền với Tào Sảng, lại mang quân đi chinh chiến nhiều lần, giữ được uy vọng của mình với triều đình. Một khi sự biến xảy ra, đủ để uy hiếp tất cả các quân thần, tướng lĩnh, làm cho họ không dám nhẹ nhàng mà nghiêng sang phía Tào Sảng. Do vậy, chỉ trong một lát, với một quân đội không nhiều, đã có thể khống chế được cả một kinh thành. Mặt khác, thái độ cung kính, nhường nhịn trường kỳ của Tư Mã Ý đã làm cho Tào Sảng trở nên tự kiêu, tự đại, buông lỏng cảnh giác, cảnh giới. Cuối cùng, Tào Sảng cúi đầu quy hàng. Lại là vì Tư Mã Ý không bức đối phương lắm, ra cái điều không vi phạm lời thề mà đưa ngay đối phương vào tử địa. Ngay cả việc giả vờ đau ốm không chỉ tạo nên những cơ hội tốt mà còn làm được cái việc quan trọng là bảo đảm cho Tư Mã Ý thống lĩnh một đoàn quân. Với những điều kiện như trên, sự việc đâu có phải là ngẫu nhiên mà là tất nhiên phải đến, điều này làm cho mọi người ngạc nhiên, nhất là nhân vật có cái túi "trí khôn" là Hoàn Phạm. Sau khi sự biến phát sinh, Hoàn chỉ biết phân

tích tình thế mà không nghĩ đến chuyện tình thế phải cần người để nắm lấy nó. Hoặc là nói cho cùng, Hoàn bị Tào Chân đánh lừa, lại không ngờ Tào Chân lại có một người con xoàng xĩnh như thế!

Sau khi cuộc binh biến xảy ra, người số một bị bắt là Hoàn Phạm. Còn đối với anh em Tào Sảng, Tư Mã Ý không có vi phạm lời thề. Để hai anh em Tào giữ tước vị hầu, về nhà sống thanh nhàn. Tuy vậy, như một trò tiêu khiển khi con mèo đã bắt được con chuột, Tư Mã Ý phải tám trăm người dân trông coi bốn góc phủ đệ của Tào Sảng. Mỗi góc xây một vọng lâu bằng gỗ. Lính canh có thể luân lưu, lên vọng lâu mà quan sát. Tào Sảng sống im ắng, chẳng làm gì, có lúc đi dạo vườn hoa. Người trên lầu gỗ hát lên: "Cố đại tướng quân du hành về đông nam!", "Cố đại tướng quân du hành về tây bắc!". Từ một đại tướng quân hiên hách, sáng quắc một thời đã trở thành một con chó ghê chịu nhục. Tào Sảng đã tự sát. Đó là mục đích của Tư Mã Ý. Tào Sảng còn phạm một sai lầm nữa. Đó là Tào Sảng nghĩ rằng dù sao mình cũng là công thần, là tôn thất nhà Tào. Tư Mã Ý chỉ là quan (thần) nhà Ngụy sẽ không dám làm quá với mình. Bên cạnh đó hoàng đế Tào Phương lớn dần lên, sẽ nắm hết chính sự, nếu Tư Mã Ý quá quắt với mình thì cả nhà của Tư Mã Ý sẽ không gặp cơ hội tốt. Hơn nữa, lời phán đoán trước đây ở Cam Túc mà Tào Thúc đã dự đoán Tư Mã Ý sẽ không thể cam tâm làm thần đã sớm bị mọi người quên đi. Chính là vì thái độ khiêm tốn, nhường nhịn làm cho mọi người đã không nghĩ đến lời dự đoán nữa chẳng? Ví dụ như Tào Sảng không cam lòng tự sát, Tư Mã Ý cũng sẽ phải đưa Tào về Tây Thiên. Những gì như dòng sông Lạc ra lời thề thốt... cũng chỉ là kế hoạch tiếm quyền, là những sự lừa dối, làm sao mà tin được? Lại nói thêm, khi có quyền trong tay, lập lại các tội danh cho đối phương chẳng là dễ lắm sao? Qua đi mấy ngày, đã có quan viên xuất hiện tố cáo quan họa Trương Đương đã câu kết với Tào Sảng, làm thái giám cho hoàng đế, đã thông báo những tin tức trong cung, có lòng phản trắc... Lại thẩm tra thêm, lập ra đại nghịch án về Tào Sảng câu kết với bọn đồng đảng là Hà An, Trịnh Dương, Tất Cư, Lý Chính, Hoàn Phạm v.v... để tạo phản. Anh em Tào Sảng và đồng bọn đều bị xử chết cùng với gia tộc nam nữ lão ấu của họ. Những người đàn bà đi lấy chồng từ lâu cũng bị xử. Họ bị xâu lại với nhau rồi đưa đi chém. Nhẫn nại, khiêm nhường, nắm bắt thời cơ ra tay đúng lúc, chém cỏ chém cả rễ, không lưu lại tai họa về sau. Đó là tất cả mưu đồ của Tư Mã Ý. Trong số những người bị giết lúc đó, có một số văn nhân nổi tiếng. Cho nên có lời than thở: "Đã giảm mất một nửa số những danh sĩ trong thiên hạ".

Với Tư Mã Ý, việc trừ khử Tào Sảng chỉ mới là bước một. Giết người đến nỗi máu chảy thành sông, làm cho thiên hạ run lên. Từ đó, Tư Mã Ý giữ vững chính quyền. Sau bốn năm thì Tư Mã Ý chết. Các con của Tư là Tư Mã Sư, Tư Mã Chiêu lên thay. Chúng cũng giống cha của chúng, khiêm nhường, chu đáo, lòng hiểm ác, cay độc, phế truất và giết ba vị hoàng đế họ Tào là Tào Phương, Tào Mao, Tào Ương. Giết hết phái đối lập này đến phái đối lập kia. Đến tay con trai của Tư Mã Chiêu là Tư Mã Viêm (Tấn đế) thì hình thành việc thay đổi triều đại. Nhà Hán diệt sinh đại loạn, đẻ ra nhiều nhân vật anh hùng không cam chịu chìm đắm mờ nhạt. Tuy Tư Mã Ý sinh ra hơi muộn, nhưng cuối cùng không phụ lòng thời đại của mình.

Phần 06 - Gan Lớn, Tâm Địa Cay Độc

Trò chơi giết người của một người đàn bà phong lưu, bạo liệt

Một người đàn bà thông minh, phóng đảng, to gan, tâm địa cay độc, đã có một thời mà không một chính trị gia nam giới nào có thể sánh kịp, là vì trái tim người đàn bà đặc biệt đa cảm nhưng cũng lạnh lùng hơn của nam giới. Khi họ làm chính trị trái tim đó sẽ có năm sắc hoa và sáu cửa ra vào làm cho người ta cười, khóc không nguôi và cũng làm người ta run lên vì sợ.

Qua sự cố gắng vô kể cùng với muôn vàn gian khổ của hai con người trong hai triều đại là Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu vất vả và giết bao người mới làm cho vương triều Tây Tấn được thành lập trong bàn tay của Tư Mã Viêm. Nhưng tuổi thọ của vương triều này ngắn ngủi, thời gian tồn tại chẳng qua chỉ có hai đời Vũ Đế và Huệ Đế. Tất cả có bốn mươi năm Tư Mã Viêm dựa trên cơ sở người trước đã diệt xong Hán, Thục và Đông Ngô, thống nhất Trung Quốc. Chính quyền Tây Tấn không phải là một chính quyền yếu đuối. Tại sao lại bị mất vong đi nhanh chóng như vậy? Một là vì Vũ Đế phân đất phong cho những vương, hầu cùng mộ họ, lại cấp cho họ binh quyền tạo nên thế lực phân chia. Một khi triều đình trung ương xảy ra nội loạn, không vị vương nào không nhòm ngó ngôi hoàng đế mà sinh ra đâm chém nhau làm cho thiên hạ đại loạn không có cách nào thu tóm lại được. Một nữa là gia tộc Tư Mã dùng mưu đồ và thủ đoạn đẫm máu mà vẫn thích rêu rao đạo đức nho gia để trang sức cho hư vị, nguy tạo nên sự phân ly cực đoan giữa hành động và thực tế và đạo đức. Do đó mất đi quy phạm đạo đức, không thể hình thành trật tự ổn định trong nội bộ tập đoàn thống trị. Điều thứ ba là tại nhân vật chủ chốt là hoàng hậu Huệ Đế Giả Nam Phong, làm cho các yếu tố bất lợi nằm sâu vào các mâu thuẫn nổ ra, tăng nhanh sự phát sinh của xung đột nội bộ trong tập đoàn chính trị. Về Giả Nam Phong, có câu chuyện nổi tiếng. Trong nha môn phụ trách trị an khu nam thành Lạc Dương, có một chàng trẻ tuổi làm các công việc về văn thư.

Chàng ta rất đẹp trai, cử chỉ nho nhã, chiếm được cảm tình của nhiều người. Chàng chỉ là một tên lại bình thường, ăn mặc giản dị theo kiểu con nhà nghèo. Bỗng một hôm anh bận quần áo vô cùng quý và sang trọng, các ngón tay cũng trang trí không bình thường chút nào. Các đồng sự của chàng là những chuyên gia tróc nã trộm cắp thấy thế đâm nghi. Trưởng quan nghe thấy liền cho bắt chàng ta lại để thẩm vấn. Có một đám thường hay đến chơi với cánh có quan hệ thân thích với họ hàng nhà Giả hoàng hậu để hồng được chút lợi lộc cũng đến xem trưởng quan thẩm vấn chàng. Chàng chưa đến hai mươi tuổi, chưa từng giao du mấy, rất sợ sệt nên kể lại tất cả đầu đuôi câu chuyện. Hôm ấy, chàng đang đi trên đường, gặp một bà già. Bà ta nhìn chàng kỹ lưỡng và đề nghị chàng giúp đỡ bà. Chàng hỏi về việc gì, bà già bảo: "Trong nhà tôi có người ốm, hỏi thầy tướng số xem thế nào. Thầy tướng số bảo phải mời một chàng trai trẻ đến nhà mới có thể trừ được tà. Xin chàng đến nhà lão một chút, xin có một ít vàng để hậu tạ". Chàng trai trẻ thấy bà già ăn mặc sang trọng và đẹp, chắc là bà giúp việc cho người có nhiều tiền. Chàng cho là cũng dễ dàng để được một ít tiền, nên nhận lời đi theo ngay. Nào ngờ, bà già đưa chàng đến một chỗ hẻo lánh lên một cỗ xe ngựa có màn che, trướng rủ. Trên xe có người, không nói năng gì. Bà đẩy chàng vào một cái hòm lớn. Chàng lại sợ hết vía, cho là mình gặp giặc cướp. Lại không hiểu vì sao quân cướp lại tìm đến một tên nghèo xác xơ như mình. Trong đêm tối, chẳng trông thấy gì, chỉ nghe thấy tiếng xe lăn bánh lộc cộc. Xe đi được chừng hơn mười dặm. Đến một nơi rất lạ. Xe băng qua sáu, bảy công rồi dừng lại. Có người mở hòm ra, đỡ chàng xuống xe. Mở mắt ra xem, chàng sợ quá, chỉ thấy lầu đài cao vút, vàng ngọc rực rỡ, giả sơn nhấp nhô, đình gác liên nhau, nước chảy vòng vèo, cây cối xanh um. Nằm mơ, chàng cũng không thấy được một nơi nào đẹp như thế! Lúc đó, có vài cô gái với sắc mặt rạng rỡ, xiêm áo đủ màu tới chào đón chàng. Chàng hỏi: "Nơi đây là đâu? Đưa tôi đến đây để làm gì?". Một cô gái đáp: "Đây là thiên giới, trần gian làm gì có nơi đẹp như thế này? Mời tới đây là có chuyện tốt lành Chàng không phải lo ngại".

Các cô gái đưa chàng đến một gian nhà, đợi cho chàng cởi quần áo, tắm rửa. Nước tắm thơm phức. Một lát sau lại mặc vào cho chàng quần áo đẹp, những lụa là gấm vóc rồi đưa chàng đến một gian nhà trong đó tất cả đều hoa lệ quá đáng, chưa bao giờ thấy cả. Lúc này có một quý phu nhân từ ngoài cửa đi vào. Ước chừng ba mươi năm ba mươi sáu tuổi, người đầy đặn, hơi thấp, nước da ngăm ngăm bánh mật. Cuối lông mày bên trái có một cái ve nhỏ. Các cô gái trông thấy phu nhân,

cúi đầu xuống kính cẩn chào rồi từ từ rút ra ngoài. Phu nhân đi đến, kéo tay chàng lại, vui vẻ nói: "Quả nhiên đúng là người ngọc. Áp chàng vào lòng mình, ve vuốt nhẹ nhàng. lát sau mời chàng lên giường, bảo chàng cởi hết quần áo ra, cùng chơi đùa các trò chơi ái tình với mình. Chàng lại chưa từng có vợ, tuy có lơ mơ nhưng cũng vui đùa với phu nhân. Cứ như vậy bốn, năm ngày mới để chàng đi. Lúc chia tay, ngập ngừng không muốn xa nhau. Phu nhân bảo tặng cho chàng một số quần áo đẹp và nhiều bạc, vàng, châu báu. Chàng cũng không hiểu những thứ đó khác với những thứ bình thường như thế nào. Chàng cứ mặc vào.

Nghe đến đây, trưởng quan trong nha môn chưa tỉnh khỏi cơn mơ, và vị họ gần họ xa với Giả hoàng hậu cười lên khe khẽ. Trưởng quan bỗng tỉnh táo hẳn lên, nói nghiêm túc với chàng lại: "Hình như anh gặp tiên! Toàn chuyện nhà trời. Anh muốn nói gì thì nói ư? Từ giờ trở đi không được chuyện này nhé".

Trong thành Lạc Dương, thường xảy ra những vụ án mất tích của những thiếu niên xinh đẹp như chàng trai vừa rồi. Nhưng, những chàng thiếu niên ấy không bao giờ trở về. Chàng có lẽ được Giả hoàng hậu quá yêu nên không đang tâm giết mà tha mạng sống cho chàng.

Thế thì, Giả hoàng hậu không xinh đẹp như vậy làm sao trở thành hoàng hậu được? Hoàng hậu luôn tìm những chàng trai trẻ, gọi vào cung để ngủ, hoàng đế thì làm gì?

Giả Nam Phong là con của Giả Sung. Giả Sung là đại công thần giúp họ Tư Mã đoạt được chính quyền. Thí dụ: Trong thời đại Tư Mã Chiêu chấp chính, hoàng đế nhỏ tuổi họ Tào nhà Ngụy không cam lòng lại một lần nữa làm bù nhìn, đã can đảm soái lĩnh thái giám thân tín cùng các vệ sĩ xông vào phủ đại tướng quân đánh Tư Mã Chiêu. Việc này rất khó làm vì những con người của nhà Tư Mã từ trước đến nay cứ dùng chiêu bài "Trung" và "Hiếu". Nhưng bây giờ, cải triều hoán đại chưa chuẩn bị được mà hoàng đế lại đánh vào phủ. Như vậy có được không? Giả Sung chỉ huy đội cận vệ, chặn Tào Mao rồi sai người kéo vị tiểu hoàng đế đó ra phố lớn ở Lạc Dương chém đầu. Sau sự việc, đổ vấy trách nhiệm cho quan cận vệ thi hành lệnh. Quan cận vệ bị giết cùng ba họ nhà mình. Lòng trung thành của Giả Sung đối với nhà Tư Mã là thế đấy. Cho nên sau này, Tần Vũ Đế Tư Mã Viêm là hậu duệ trưởng được thành lập lên. Việc này cũng có công lao của Giả Sung. Cũng vì vậy, sau khi Tư Mã Viêm xưng đế, Giả Sung được phong là Lỗ Công, quyền hạn nghiêng cả triều đình. Giả Nam Phong tuy không đẹp vẫn được mời vào cung, là chính phi của thái tử.

Lại nói về người đàn ông của Giả Nam Phong Huệ Đế Tư Mã Ai cũng là nhân vật trứ danh trong lịch sử Trung Quốc. Ông hầu như mắc bệnh hoang tưởng, mộng du. Có một lần, ở vườn rừng trong phủ, tiếng ếch nhái kêu inh ỏi, ông liền hỏi thủ hạ: "Ếch nhái kêu vì "công" hay vì "tư"?". Câu hỏi này không có cách nào trả lời được. Lại một lần nữa, ông đã là hoàng đế, quan viên báo thiên hạ bị mất mùa, đói kém. Bần dân thiên hạ không có gì ăn. Huệ Đế thấy kỳ lạ, hỏi lại: "Không có cơm ăn! Sao không ăn thịt?". Câu khôi hài này hợp với một chuyện trào phúng dân gian. Chuyện trào phúng dân gian kể rằng: "Có người nhà quê hỏi người láng giềng: "Hoàng đế ở trong cung nhất định phải sung sướng lắm, chắc ngày nào cũng ăn thịt?". Người nhà quê cho thịt là loại động vật quý báu nhất cho nên đoán rằng hoàng đế ngày nào cũng ăn thịt. Hoàng đế thấy thịt là thứ quá sức bình thường nên mới nghĩ rằng người nhà quê không có cơm ăn thì ăn thịt. Hai câu chuyện tiểu lâm ấy, người Trung Quốc nào cũng biết.

Giả Nam Phong là một vai lợi hại. Theo quy củ được truyền lại từ đời cụ, kỵ, người đàn bà phải theo tam tòng tứ đức, không được phép chằm mút trộm còn bà cứ phải tìm các chàng trai trẻ để giải cơn thèm. Còn đàn ông thì ba thể bảy thiệp chẳng sao cả. Hoàng đế có ba nghìn cặp má hồng. Bà không cho phép chồng có yêu cầu với người khác. Có một lần Giả Nam Phong thấy một cô cung nữ có mang, bà giật lấy cây giáo từ trong tay người vệ sỹ, xông tới, đánh cho cô gái đến sảy thai (tuy vậy đó là gia phong nhà họ Giả. Mẹ của Giả Nam Phong cũng là một "hung" nữ nổi tiếng. Giả Sung không sợ bất cứ ai, nhưng nhìn thấy vợ là nói chẳng nên lời). Bản thân Tư Mã Ai gốc nghèo, chậm chạp. Từ khi lấy người phi lợi hại ấy, cứ thấy nàng là sợ hãi, lại càng dại dột ngẩn ngơ. Tuy vậy, Giả Nam Phong cũng có công lao với Tư Mã Ai. Năm cuối cùng, Tần Vũ Đế thấy con chẳng làm được gì, muốn phế truất đi và thay vào một thái tử khác. Nhưng còn phải xem sao đã, liền mang đến một loạt những văn kiện chưa xử lý để thái tử phê duyệt. Chính Giả Nam Phong giúp đỡ chồng xử lý những văn kiện đó. Vũ Đế thấy việc xử lý các công văn khá giỏi, lại không đặt vấn đề phế truất thái tử nữa. Hơn nữa, thế lực của gia đình họ Giả rất lớn. Nhiều đại thần cũng vun vào để Giả

Nam Phong làm phi cho thái tử để nhỉnh họ Giả và cũng khuyên Vũ Đế không phế thái tử. Vì vậy, Tư Mã Ai mới tai qua nạn khỏi.

Năm đầu Thái Hy (công nguyên 290) Vũ Đế băng hà, thái tử tức vị, Giả Nam Phong lên ngôi hoàng hậu. Người di của Huệ Đế là Dương Chính được tôn lên hoàng thái hậu. Hoàng hậu trước của Vũ Đế tên là Dương Diễm là mẹ đẻ của Huệ Đế. Trước khi bà chết sợ hoàng hậu mới được lập sẽ không đối xử tốt với con mình nên khẩn thiết xin Vũ Đế đưa em gái của mình là Dương Chính Chiêu vào cung và lập là hoàng hậu để bảo đảm địa vị thái tử cho con mình.

Khi Huệ Đế tức vị tức là lúc ba mươi hai tuổi. Đáng lý ra, sự thay đổi về quyền lực cũng không có vấn đề gì. Nhưng thực tế lại khác. Trong hoàng cung, sự tranh đoạt quyền lực diễn ra giữa thái hậu Dương Chính với hoàng hậu Giả Nam Phong. Tương ứng, ở ngoài hoàng cung lại diễn ra với hai cánh họ ngoại của hai gia đình họ Dương và họ Giả.

Bên phía Dương gia, đương nhiên chiếm được ưu thế. Khi Tấn Vũ Đế còn sống, phụ vương của Dương Chính là Dương Tuấn với thân phận tá túc phụ thân của hoàng hậu, được thăng lên Xa kỵ tướng quân, lâm tẩm hầu. Em của ông là Dương Diễm, Dương Tề đều có những địa vị cao. Khi bệnh tình của Tấn Vũ Đế đang nguy kịch, Dương Chính lợi dụng lúc thần trí mơ hồ của Vũ Đế để xin cho Dương Tuấn là đại thần bổ chính. Đến khi Huệ Đế lên ngôi, Dương Tuấn đã lên đến thái phó, đại đô đốc, tổng lãnh toàn quân. Thậm chí, cha con nhà họ Dương không ngờ đến những bước về sau này. Khi Huệ Đế mới tức vị chưa được bao lâu đã lập thái tử. Giả Nam Phong chỉ sinh con gái, không có con trai. Thái tử Tư Mã Thích là sản phẩm của phi họ Tạ. Dương Tề nhận chức thái tử thái phó (thầy dạy của thái tử) muốn kéo dài thế lực của họ Dương đến tận đời sau. Nhưng nhà họ Dương cũng có nhược điểm nổi bật. Đó là người nhà họ Dương đều dựa vào quan hệ giữa Dương Chính với hoàng đế chứ không phải là thế gia đại tộc. Ở mãi trên cao, thiếu những quan hệ có thể dựa được mà thiếu cả kinh nghiệm về chính trị.

Tình hình nhà họ Giả không thể so đo với nhà họ Dương được. Tuy rằng phụ thân của Giả Nam Phong là Giả Sung là khai quốc công thần của nhà Tây Tấn, đã từng có thế lực tương đối trong triều đình.

Nhưng thế lực ấy đã chết đi khi Vũ Đế mất trước vài năm. Hơn thế, đứa con trai duy nhất của Giả Sung chết sớm. Người kế thừa tước vị Lỗ Công của Giả Sung là cháu ngoại Tôn Hàn Tất đổi họ là Giả. Ảnh hưởng thực tế của Giả Tất đương nhiên không thể bằng ảnh hưởng của Giả Sung. Điều đó không phải ngôn. Hơn nữa, tuy không phải là mẹ đẻ của Huệ Đế nhưng là dì em mẹ. Dương Chính không có con, quan hệ với Huệ Tôn cũng không khác gì mẹ đẻ. Xem ra, Giả Nam Phong là nàng dâu tựa kiêu như chịu khổ để thành mẹ chồng thì mới có hy vọng. Về thân phận mình Giả Nam Phong có người cha là Giả Sung cay độc và hiểm ác, miệt thị cả những quy phạm đạo đức mà mọi người công nhận. Giả Nam Phong dám dùng cả những thủ đoạn phi thường mà cướp lấy quyền lực từ nhà họ Dương. Chính Huệ Đế là cái đồ ngốc sợ vợ nên trở thành công cụ tay sai của Giả Nam Phong.

Khi Giả Nam Phong làm phi của thái tử, có tính tàn khốc và ngang ngược, tùy ý giết người đã bị Dương Chính quả trách nghiêm khắc. Hai bên vốn bất hòa. Khi Huệ Đế tức vị, Giả Nam Phong muốn tham dự triều chính. Nhưng đại quyền đã vào tay Dương Tuấn, không được toại nguyện. Lòng oán hận nhà họ Dương càng trở nên sâu sắc. Nhưng, thời cơ chưa đến, đành phải đợi chờ. Một hôm, thái giám Đồng Mạnh là người tâm phúc nói với Giả Nam Phong rằng các quan trung lang (đứng đầu đội vệ sỹ) trong điện là Mạnh Quan, Lý Triệu có oán hận với Dương Tuấn vì Dương Tuấn kiêu ngạo và vô lễ với các ông. Quan chức của hai vị này tuy không cao nhưng trong tay trực tiếp nắm đội cận vệ tinh nhuệ. Giả Nam Phong hiểu ngay ra rằng: dù trên danh nghĩa, Dương Tuấn là đại đô đốc cầm quân thật đấy, nhưng nếu có thời cơ thuận lợi thì chỉ vài trăm người cũng làm cho trăm vạn quân đội hóa ra vô dụng. Giả Nam Phong thương lượng mọi việc với Đồng Mạnh và Mạnh Quan, Lý Triệu tìm cách diệt Dương Tuấn. Nói là thương lượng mà cũng là ra lệnh. Sau khi diệt được Dương Tuấn, phế truất thái hậu. Đồng thời Giả Nam Phong cũng hiểu rằng chỉ dựa vào Mạnh và Lý hai người đó để làm một đại sự như thế thì uy vọng còn xa mới đủ được nên lệnh cho họ liên hệ với các vương cánh tôn thất, nhận sự viện trợ của ngoại phiến. Lúc mới đầu, khi Vũ Đế kiến quốc, ông cảm thấy những biện pháp của họ Tào làm cho bạc nhược cánh tôn thất đã tạo điều kiện để nhà Tư Mã cướp chính quyền nên mới phái các vương cánh tôn thất lĩnh quân đi trấn thủ

các khu vực xung yếu. Nếu kẻ nào có ý đồ thoán nghịch triều chính thì những "phiên" bên ngoài có thể giúp đỡ hoàng đế một cách mạnh mẽ. Nhưng đó là một nước cờ sai. Khi các vương tôn thất nắm binh quyền, họ không cam lòng nằm yên lặng, mà ngửa ngáy muốn hoạt động. Sau khi Dương Tuấn nắm chính quyền, đại quyền một mình nắm trong tay làm cho các vị vương hầu bất mãn. Cho nên Giả Nam Phong sai Lý Triệu đến bắt liên lạc với Nhữ nam vương Tư Mã Lương, Sở nam vương Tư Mã Hàn, được Tư Mã Lương không phản đối dù không tán thành chủ trương của Giả Nam Phong, còn Tư Mã Hàn thì hết sức hưởng ứng.

Tháng hai, đầu năm Vĩnh Bình (291 công nguyên), Sở Vương Tư Mã Hàn, Hoài Nam vương Tư Mã Doãn vào triều. Dương Tuấn không biết họ vào triều có việc gì, cứ để cho họ vào triều vì như thế dễ kiểm chế. Do vậy, không cản trở gì. Một đêm nọ, vào tháng ba, Lý Triệu, Mạnh Quan xin gặp Huệ Đế báo Dương Tuấn mưu phản. Huệ Đế không biết vì sao Dương Tuấn mưu phản mà cũng không biết đối phó với việc đó ra sao. Vừa vặn lúc ấy, người vợ giỏi giang Giả Nam Phong của ông ở ngay bên cạnh, giúp đỡ ông giải quyết ổn thỏa. Giữa đêm, có chiếu chỉ với danh nghĩa Huệ Đế, ra lệnh giới nghiêm trong hoàng cung, không cho phép ai được ra, vào. Đội cận vệ của hoàng cung chia ra làm ba nhóm, một nhóm do Sở Vương Tư Mã Hàn soái lĩnh, nắm giữ cửa ngoài hoàng thành. Một nhóm do Hoài Nam Vương tướng Lưu Tụng soái lĩnh bảo vệ nội điện. Một nhóm do Tôn thất Đông An công và Tư Mã Do soái lĩnh. Tổng cộng là bốn trăm người. Tất cả xuất phát từ phủ thái phó đi thảo phạt Dương Tuấn. Đồng thời có mang một phong chiếu thư nữa, tuyên bố phế trừ chức quan của Dương, buộc Dương ở lại phủ với tước hầu. Xếp sắp đã xong xuôi. Các đơn vị tự xuất phát. Trước đây, Dương Tuấn đề phòng ai đó sẽ nói những điều không hay về mình với hoàng đế nên cài cháu ngoại là Đoạn Quảng và Trương Chiêu luôn túc trực hầu hạ Ngài. Lúc đó, Đoạn Quảng nghe thấy tin, vội đến xin gặp hoàng đế (Huệ Đế) khấu đầu, rơi nước mắt, biện hộ cho Dương Tuấn rằng: "Dương Tuấn không có con, có đâu lại làm phản? Xin bệ hạ nghĩ lại cho!". Huệ Đế nghĩ một lát, lắc đầu: "Đúng rồi, không có con, làm phản làm gì? Nhưng hoàng hậu bảo nó phản tức là có làm phản!". Đoạn Quảng không biết làm thế nào. Ở phía bên kia, hoàng thái hậu Dương Chính nghe thấy sự việc, lòng nóng như lửa đốt, muốn vào hỏi cháu của hoàng đế liền bị thị vệ ngăn lại, không cho ra khỏi cung. Bà không còn cách nào nữa vội vàng lấy miếng vải, viết lên giòng chữ: "Ai cứu được thái phó sẽ được ban thưởng". Dưới có đóng dấu ấn của thái hậu, cho người treo lên lầu cao trong cung rồi bắn vào hoàng thành, mong có người nhặt được sẽ giúp đỡ Dương Tuấn. Thật là hảo huyền. Một chiếc tên bắn được bao xa? Mảnh vải được vệ sỹ phía ngoài cung nhặt được giao cho Giả Nam Phong.

Ở trong phủ thái phó trước đây lại đại tướng phủ của Tào Sảng, Dương Tuấn biết tin, liền triệu tập các quan thủ hạ tới bàn bạc. Chủ bạ Chu Chấn hỏi: "Trong cung có biến, chắc chắn là do Giả Nam Phong bày mưu cho các quan thái giám. Cái đó sẽ không có lợi cho Ngài. Ta có thể tung lửa, đốt cháy Vân Long Môn (cửa chính của hoàng thành ở Lạc Dương) để uy hiếp nội cung. Sau đó lấy đó làm lý do, soái lĩnh đội vệ binh của đông cung thái tử và cấm quân trú ở ngoài cung đi hộ tống thái tử vào cung, bắt quân gian có mưu đồ làm chệch kỷ cương. Binh mã trong cung không nhiều ắt phải sợ sệt, không yên sẽ xử tử kẻ đầu mưu rồi lôi xác ra ngoài cung bêu gương. Nếu không làm như vậy, chỉ e tai họa giáng lên đầu". Tính cách Dương Tuấn nhu nhược, đắn đo mãi, cho rằng sự tình cũng không đến nỗi ghê gớm lắm, tự ta làm cho nó to ra, e sẽ khó thu xếp được trở lại. Miệng ông cứ lầm nhảm: "Khi xưa xây dựng Vân Long Môn đã phải chi phí không biết bao nhiêu là tiền của, nhân lực, chẳng lẽ lại tùy tiện mà đốt cháy đi sao?". Lời nói này thực sự là của miệng của những người nhà quê. Mọi người nói chung thấy xót xa. Có một số người thông minh hơn đã bịa có nọ có kia mà bỏ chạy.

Bên phía Dương Tuấn chưa có quyết định dứt khoát thì ở trong cung, Tư Mã Do soái lĩnh quân đội, bao vây phủ của Dương Tuấn, bốn bề đều bốc lửa. Dương Tuấn hốt hoảng lệnh cho các vệ sỹ xông ra ngoài. Nhưng xông ra làm sao được? Dương chạy đông, nấp tây. Cuối cùng nấp ở chuồng ngựa, bị người của Tư Mã Do lôi ra, chộp chết. Tiếp đó, Tư Mã Do và một số người lục soát, tìm tòi khắp thành nhằm vào các quan trong phủ Dương Tuấn, giết ba họ nhà Dương Tuấn, trước sau giết đến vài nghìn người.

Giải quyết xong Dương Tuấn, Giả Nam Phong liền lấy danh nghĩa Huệ Đế, hạ chiếu chỉ giam thái hậu Dương Chính vào Vĩnh Ninh cung. Đáng lẽ ra, tất cả mọi người trong họ Dương đều phải bị

giết chết, Giả Nam Phong đã đặc biệt ra ân giữ lại mẹ của thái hậu là Sùng Thị, đi cùng thái hậu vào trong cung. Đó chỉ là Giả Nam Phong đóng kịch nguy trang mà thôi. Sau đó bà lại cho các quan trong triều tâu lên nói: "Hoàng thái hậu và phụ thân của bà cùng mưu làm nguy hại đến xã tắc, dùng tên bắn thư, chiêu mộ binh sỹ phản loạn, tội ác tày trời. Hoàng đế kế thừa sự nghiệp tổ tông làm gương cho thiên hạ về đại công vô tư, không thể vì tư tình mà miễn tội của thái hậu được". Qua sự bàn luận của các quan, quyết định phế hoàng hậu để bà trở thành người dân bình thường, giam giữ ở Kim Đường thành tại ngoại thành Lạc Dương. Chính thức khống cáo hoàng thái hậu tạo phản, đó là sự việc chưa từng có trong lịch sử Trung Quốc. Lại nữa, Dương Chính tuy không phải là mẹ đẻ của Huệ Đế nhưng theo lễ và phép phong kiến mà nói thì cũng là tình mẫu tử. Chuyện con trai hạ lệnh trị tội mẫu thân, phế trừ mẹ đẻ là điều chưa từng thấy. Cái đó rõ ràng là sự điều khiển của Giả Nam Phong rồi. Nhưng không hiểu Huệ Đế vì sợ mà có cái khẩu khí như vậy hay là đã được tặng thưởng gì từ người vợ?

Chuyện này vừa mới xong, lại có một viên quan tâu lên: "Dương Tuấn mưu phản, cả nhfa hẳn phải chịu liên lụy. Vợ hẳn là Sùng thị được đội ơn trên cho khoan miễn là để an ủi thái hậu. Nay thái hậu đã bị phế, trở về làm người dân thường, Sùng thị không đáng được hưởng đặc quyền, xin giao cho đình úy giết đi!". Hoàng hậu bảo hoàng đế xuống chiếu đồng ý. Các quan giữ vững đại nghĩa, không để hoàng đế nặng về tư tình. Hoàng hậu lại bảo hoàng đế phải xuất phát từ kinh điển luật pháp nhà nước mà hành sự. Hoàng đế đành phải biểu thị cho phép thực hiện! Như vậy là Sùng thị bị đưa ra pháp trường hành hình. Thái hậu họ Dương trước đây thấy mẹ đẻ bị giết, ôm lấy mẹ mà khóc như mưa như gió. Để van nài xin cho mẹ khỏi tội chết. Dương thái hậu cắt tóc mình biểu thị nhận tội, dâng biểu tới con dâu là hoàng hậu Giả Nam Phong tự nhận là người đàn bà có tội, xin được đặc biệt gia ân tha cho mẹ. Giả Nam Phong cười khẩy, xé nát tờ biểu.

Theo cái lô gích (logique) của các quan yêu cầu trừng trị Sùng thị là thái hậu đã bị phế xuống làm người dân bình thường thì cũng phải sống theo thân phận người thường dân, truy cứu tội danh mưu phản của bà. Tuy Giả Nam Phong đa mưu, gan lớn cũng không tiện làm như vậy. Bà có một phương pháp khác. Sau khi Dương chính bị giam cầm tại Kim Dung thành một thời gian, bà để cho một thái hậu tôn quý ngàn vàng chết đói lạng lẽ vì không cho người mang thức ăn cho thái hậu. Bà lại còn sợ sau khi chết đi, thái hậu sẽ làm đơn kiện lên Tần Vũ Vương ở dưới suối vàng cho nên không cho ngửa mặt lên, cho áp mặt xuống rồi mới cho vào áo quan mang chôn. Trong quan tài lại đặt nhiều bùa phép để cho âm hồn người chết không còn có thể tác quái.

Cục diện Giả Nam Phong dựa vào sự giúp đỡ của bọn tôn thất và thế lực tiêu diệt họ Dương chưa ổn lắm, nên phải trọng dụng các vương. Thế là, Giả để Nhữ Nam vương Tư Mã Lượng làm quan phụ chính, Tần Vương Tư Mã Luyên, Đông Bình Vương Tư Mã Lâm chủ quản quân sự. Sở Vương Tư Mã Vi thống lĩnh cấm quân. Đông An Công Tư Mã Do có công lao trong việc diệt họ Dương nên được nâng lên tước vương, tham dự triều chính. Người kế thừa Giả Sung là Giả Tất cũng được quyền thế thật lớn. Như vậy là nhóm tôn thất cánh họ ngoại của Giả Nam Phong nắm chặt tất cả mọi việc trong triều.

Sau đó ít lâu, Giả Nam Phong lại thấy các vị vương trong tôn thất nắm quyền lực quá to lớn, sẽ khó bề chi phối nên lại tìm cách khử họ đi. Trước hết, Tư Mã Lượng xuất đầu lộ diện, tố cáo Tư Mã Do lộng quyền. Tư Mã Do bị đẩy đi thật xa. Lại có mặt chiếu cho Tư Mã Vi nói rằng Lượng có âm mưu đi chệch đường, sai Vi thống lĩnh quân cấm vệ tấn công vào phủ của Tư Mã Lượng, bắt Lượng và giết cả nhà Lượng. Cuối cùng, lại hạ chiếu nói Tư Mã Vi làm lệnh chiếu giả, bắt Vi vào tù, xử tử Vi. Khi Tư Mã Vi lên đoạn đầu đài vẫn còn tỉnh táo, hóc lóc, rút tờ mặt chiếu của hoàng đế ra, kêu oan ức. Giả Nam Phong lợi dụng tâm lý của các vị vương được mời đến, ai cũng muốn mình nắm được độc quyền trong tay, bèn xúi giục họ đâm chém lẫn nhau đến nỗi đều chết cả. Tất cả mọi quyền hành đều vào cả trong tay của Giả Nam Phong và nhóm Giả Tất. Có điều từ đó về sau, những nhóm tôn thất khác và các vị vương không tin Giả Nam Phong nữa.

Giả Nam Phong lại có chuyện với thái tử Tư Mã Quát. Vì Quát không phải là con đẻ của bà. Quát được Dương thái hậu lập vị. Quát sống không hợp với bà, nếu bà đã vu cáo Dương thái hậu làm phản mà lại đợi cho đến khi thái tử lên làm hoàng đế. Quát há chẳng sẽ ngăn chặn bà làm phản sao? Phải khử Quát đi mới yên tâm được. Mẹ đẻ của Giả Nam Phong cũng là một người đàn bà dư dối và có quyền thuật mà cũng cảm thấy con gái của mình giết người một cách quá đáng, không muốn

con gái mình lại mưu hại thái tử. Bà khuyên con gái nhiều lần là nên có lòng thiện với thái tử. Giả Nam Phong không nghe lời mẹ. Cái đó cũng khó mà trách cứ được vì Giả càng giết nhiều người, càng cảm thấy không yên tâm nên chỉ còn cách giết tất cả những ai làm mình lo lắng hoặc mình bị giết chết mới xong.

Giả Nam Phong đi một nước cờ đầu tiên. Bà bỗng nhiên tuyên xưng đứa con trai của mình. Tại sao trước kia bà không nói ra? Bởi vì đứa trẻ được sinh ra lúc Vũ Đế mới chết không lâu, nếu đưa ra e bất tiện. Theo chế độ lễ: Sau khi bố, mẹ chết con trai phải thủ tang ba năm. Trong thời gian đó, con trai không được hưởng lạc và cũng không được ăn nằm với vợ. Nhưng đã trót sinh ra thì đứa con cũng vẫn là giống rồng, thân phận của nó cao quý. Nói tóm lại, đó là sự sai lệch của Huệ Đế. Đúng ra, Huệ Đế không được ăn nằm với vợ trong thời kỳ chịu tang bố. Tuy vậy, trong lúc chịu tang, Huệ Đế có nài nỉ vợ hay không là việc không rõ. Nhưng việc sinh con với vợ lại có thể là một nghìn lần không. Bây giờ bảo là có con trai thì Huệ Đế cũng bảo là có. Thật là đáng yêu. Vậy, đứa con ở đâu đến nhỉ? Đó là đứa con do em gái của Giả Nam Phong là Giả Ngộ. Thế là đột nhiên có một vị hoàng tử "chui" được mạo nhận. Ý đồ này của Giả Nam Phong nhiều người đã biết cả. Lại nói về thái tử Tư Mã Quát là người rất thông minh, không yếu o như cha. Khi thái tử mới năm tuổi, lần đó, trong cung bị cháy, Vũ Đế lên lầu quan sát, Quát níu áo cha, đòi cha đứng vào chỗ tối. Vũ Đế hỏi tại sao phải làm vậy. Quát thưa rằng: "Cháy trong đêm tối, phải đề phòng sự cố không bình thường, không thể để cho ánh lửa chiếu sáng đến mình". Vũ Đế nghe nói thấy có điều kỳ lạ, nói với quần thần là con mình rất giống Tuyên Đế (Tư Mã Chiêu). Do đó Tư Mã Quát được đánh giá rất cao trong hàng ngũ quần thần.

Lúc lớn lên, thái tử có chút mê mải chơi bời. Giả Nam Phong e ngại thái tử có uy tín, sẽ khó tạo được lý do để phế trừ thái tử. Thấy thái tử ham mê chơi bời liên tếp nước theo mưa. Giả bảo thái giám luôn khuyên bảo thái tử: "Điện hạ đang tuổi lớn, nên phóng túng ăn chơi, hoan lạc, việc gì phải luôn luôn tự trói buộc mình?". Bà nghĩ ra đủ mọi cách cùng tổ chức mọi trò vui chơi tiêu khiển sôi nổi trong cung và ở vườn hoa. Dần dà, thái tử lơ là đọc sách, trễ nãi cả sự thăm viếng, vấn an hoàng đế và hoàng hậu. Thái giám lại khuyên thái tử nên lấy uy mà bắt mọi người phải phục tùng, xui thái tử đánh mọi người vì cả những việc không đâu. Những chuyện đó truyền từ trong cung ra, ai cũng biết cả.

Mẹ đẻ của thái tử là phi tần họ Tạ, xuất thân nghèo hèn. Là con một người hàng thịt lợn. Giả Nam Phong chăm chú đến điểm đó, bảo thái giám cùng giúp đỡ và chơi trò bày thịt ra bán ngay trong cung.

Hàng tháng, đông cung thái tử được cấp một số tiền để tiêu nhưng không đủ cho thái tử dùng vì thái tử ăn chơi, hưởng lạc. Bọn thái giám lại mượn danh thái tử, xin mọi thứ trong cung rồi bán ra ngoài kiếm lời. Tin tức lan ra ngoài, ai nấy đều bảo. "Thái tử không hổ thẹn là cháu ngoại tên đồ tể, miếng thịt để trên tay cũng ước lượng không sai đến một phân! Thái tử con dạy người ta mua gà, mua rau tính toán đâu ra đấy kiếm được nhiều lời!". Thật chẳng ra vẻ một vị đại thống sau này sẽ kế thừa nghiệp lớn, một thái tử danh vọng tứ bề. Sự tôn nghiêm của hoàng gia bị thái tử làm bại hoại. Cứ như vậy, thanh danh của thái tử dần dà bị tiêu tan sạch.

Giả Tất thường đến cung thăm Giả Nam Phong, có lúc cũng cùng vui chơi với thái tử. Thái tử biết Giả Tất mượn oai phong và thế lực của hoàng hậu nên không coi ai ra gì. Vì thế thái tử cũng không nhường nhịn gì Giả Tất. Một lần, hai người chơi cờ với nhau, xảy ra tranh cãi, xóa cả ván cờ. Giả Tất thấy thái tử giữ mối hận thù với họ Giả, nói với Giả Nam Phong: "Thái tử tàng trữ của cải riêng, giao du với kẻ tiểu nhân là để tính chuyện với họ Giả. Thái tử nói với mọi người rằng: "Đợi đến khi hoàng hậu quy tiên, sẽ giết hết họ Giả!". Chưa hết, một khi hoàng thượng qua đời, thái tử sẽ lên kế vị, sẽ làm như kiểu họ Dương, phế hoàng hậu, nhốt vào Kim Dung ở ngoại thành, giết hết lũ chúng ta. hay là ta phải ra tay? Hoàng hậu phải sớm nghĩ cách gì đó, chọn lấy một hoàng tử nhân cung thuận hiếu để đề phòng mọi chuyện!". Giả Thái hậu đã có ý đó từ rất sớm, nghe Giả Tất nói, liền cảm thấy phải nhanh chóng khởi sự không chậm trễ.

Năm thứ chín Vĩnh Bình, thái tử hai mươi hai tuổi. Ngày mùng một tháng 12, Giả Nam Phong phái người đến gọi thái tử báo cho biết hoàng thượng bị ốm nên vời thái tử vào cung thăm hỏi. Thái tử đến nơi, Giả hậu không cho vào, bảo đoàn vũ nữ cung đình dẫn thái tử đến một phòng trống trải. Lát sau, đoàn cung nữ mang rượu và tào ra mời uống, bảo là rượu của hoàng đế ban cho uống. Thái tử

không uống được nhiều, chỉ nhắm nháp chút đỉnh rồi thôi. Đoàn vũ nữ nghe theo lời Giả hậu nói rằng: "Hoàng thượng bảo thái tử uống, sao người lại không chịu? Chẳng lẽ sợ trong rượu có độc sao?". Thấy nói vậy, thái tử không dám khẳng khái, uống luôn một lát ba thăng rượu. Lúc đó, đầu đã nóng ran, thần trí mơ hồ mê mẩn. Một cung nữ tên là Thừa Phúc mang tới một cuộn giấy. Một mặt là văn cầu thỉnh của văn nhân nổi tiếng trong triều là Phan Nhạc viết nháp. Cung nữ ra lệnh cho thái tử chép lại bài văn. Thái tử thấy ý trong bài văn là một lời thỉnh cáo xin các thần linh phù hộ cho sức khỏe của hoàng thượng, liền sao theo bản chính. Lúc đó, thái tử không tỉnh nhưng cũng theo những nét chữ mà viết. Viết xong, được hoàng hậu cho đem tờ giấy đó vào trong cung. Bài viết sao chép, chỗ thì viết thiếu, chỗ thì chữ nọ sợ chữ kia. Hoàng hậu cho người viết thêm vào và chữa lại.

Ngày hôm sau, Huệ Đế triệu tập quần thần tới, lệnh cho Đồng Mãnh đưa ra một tờ giấy và một phong chiếu thư để mọi người truyền nhau mà đọc. Chiếu thư viết: "Thái tử Quát đã dám viết những điều quá tệ hại, quyết định bắt tội chết!". Mọi người xem lại tờ viết của thái tử thấy những dòng chữ xiêu vẹo, không hàng lối, có đại ý: "Bệ hạ nên tự kết thúc mình. Nếu không, tôi vào cung kết thúc cho. Hoàng hậu cũng nên tự kết thúc mình đi. Nếu không, tự tôi sẽ giải quyết! Phi tần họ Tạ và tôi đã ấn định thời gian hành động, đồng thời khởi sự, đừng có trù trừ không quyết định mà lưu lại hậu họa!". Các tờ giấy đó đã công nhiên bức hoàng đế và hoàng hậu phải tự sát, lại như phi tần họ Tạ có mặt mưu cầu kết với thái tử. Có chút đầu Ngô mình Sở, nhưng cái ý mưu phản lại rõ ràng. Mọi người xem xong, không nói năng gì, chỉ có hai đại thần Trương Hoa và Bùi Hạnh tranh luận với nhau, nói rằng sự việc có điều khả nghi. Thái tử không thể nào lại có thể viết như vậy và đề nghị thẩm vấn người đưa tờ giấy đi lại. Họ bàn luận đến tận lúc mặt trời xuống phía tây vẫn chưa ngã ngũ. Giả Nam Phong thấy tình thế bất lợi, sợ càng kéo dài càng dẫn đến chuyện không hay, bèn đề nghị phế bỏ thái tử về làm người dân bình thường. Đương nhiên Huệ Đế phê chuẩn. Các đại thần cũng không có cách gì, để mặc sự việc được quyết định như vậy.

Trước hết, thái tử bị nhốt vào buồng giam tối ở thành Kim Dung đến tháng giêng năm sau. Lại có thái giám ở trong cung thái tử xuất đầu lộ diện cung khai mình đã có những thương lượng với thái tử trong sự việc mưu làm phản. Giả Nam Phong vừa đưa cho các đại thần xem lá thư tự thú tội của thái giám, vừa phái người áp giải thái tử về giữ ở hành cung Hứa Xương. Chính tay bà làm nên cái án này, trước là thái hậu tạo phản, sau là thái tử tạo phản. Sức tưởng tượng của Giả Nam Phong thật phong phú.

Liệt tích của Giả hoàng hậu như giết bừa bãi những người vô tội, bắt những chàng trai trẻ vào cung để xài, thông dâm với thái y v.v... sớm đã được trong triều ngoài dân đều tỏ tường. Đến nay lại thấy có bản án oan uổng tạo phản của thái tử lại càng nghi ngờ hơn. Trong cung, hoàng hậu lại mới mạo nhận một đứa con trai mà không biết ở đâu tới... Làm cho tất cả mọi người thấy bản dân thiên hạ không thể thái bình được. Hai vị thái tử thời trước viết thư tố ý phản nộ, bất bình, đi tìm mưu thần Tôn Tú của Triệu Vương Tư Mã Luân khuyên cáo: "Thái tử bị phế bỏ, nước không có hậu duệ nối ngôi vua sẽ có loạn. Từ trước đến giờ, ngài một mực phụng sự Giả hậu, mọi người đều nói rằng Triệu vương và ngài đều có tham dự vào vụ án oan uổng của thái tử. Một khi khởi sự, nhị vị không khỏi mắc họa. Sao không sớm tìm ra một phương pháp nào đó!". Tôn Tú bàn bạc với Tư Mã Luân đều thấy phải phế kỳ được Giả hậu. Nhưng Tôn Tú thấy Triệu Vương là người thân tín với Giả hậu. Nếu phế bỏ Giả hậu mà ủng hộ thái tử thì sau này thái tử cũng sẽ thanh toán lớp cũ. Chi bằng để cho Giả hậu giết thái tử rồi mới khởi binh, báo thù cho thái tử. Như vậy là vừa có công lao lại không chúộc lấy hậu họa. Tư Mã Luân cho vậy là một ý kiến thần tình.

Sau đó không lâu Giả Nam Phong nghe mong manh thấy có người âm mưu phế bỏ mình, mời thái tử trở về. Bà vội vàng ra lệnh cho người tình của mình là quan thái y chế một viên thuốc độc, lấy danh nghĩa Huệ Đế mà ban cho thái tử. Từ khi bị giam cầm, thái tử rất sợ có kẻ sẽ cho thuốc độc vào thức ăn nên tự tay mình làm lấy thức ăn. Thái giám và lính canh gác biết rằng việc đầu độc sẽ khó khăn nên không cho thuốc độc vào thức ăn mà cho chết đói. Nhưng thỉnh thoảng vẫn có người lén lút mang thức ăn đến cho thái tử nên ngài vẫn không chết. Thái giám đành phải tuyên bố chiếu thư của hoàng đế bắt thái tử phải uống thuốc độc tự tử. Thái tử vẫn không chịu. Thái giám bị bức, tung ra một đòn cuối cùng, thừa lúc thái tử đi tiêu, đánh một gậy mạnh vào sau gáy thái tử. Thái tử hô hoán lên, thái giám liền đánh thêm mấy gậy nữa. Thái tử nằm chết ở một đoạn rãnh lau lách.

Đợi đến khi thái tử chết hẳn, Triệu Vương Tư Mã Luân lập tức dẫn binh tiến vào cung, phái Tề vương Tư Mã Quýnh đột nhập vào điện, phế bỏ Giả hậu. Giả Nam Phong thấy Tư Mã Quýnh tiến vào nội điện, kinh ngạc, hét lên: "Ông vào đây làm gì?". Tư Mã Quýnh lớn tiếng: "Có chiếu thư bắt hoàng hậu!". Giả Nam Phong cả giận: "Chiếu thư đều do bàn tay ta phát ra, ông làm gì có chiếu thư?". Lúc đó, nhìn xa một chút, thấy Huệ Đế ngồi ở phía cạnh, Giả Nam Phong cho rằng người chồng ngốc nghếch của mình có tham dự vào cái trò này, thực sự cảm thấy đau lòng, lâu lâu nói về phía Huệ Đế: "Bệ hạ cho người phế bỏ vợ của mình. Không có vợ, bệ hạ sẽ bị người ta phế bỏ cho mà xem!". Huệ Đế trầm tĩnh, không biện hộ, không ngăn trở gì mà chỉ ngồi bất động. Bất kể vợ bệ hạ giết người hay người ta giết vợ của bệ hạ thì bệ hạ cũng không biết mình phải làm gì hoặc không phải làm gì.

Giả Nam Phong bị bắt mang về thành Kim Dung. Tư Mã Luân sai người mang đến cho Giả hậu một phong chiếu thư, một chén rượu thuốc độc để tự chết. Những người họ Giả và đồng đảng dĩ nhiên bị giết sạch đến nỗi con gà con chó cũng không tha.

Sau khi Giả hậu chết, Huệ đế cũng không biết làm hoàng đế như thế nào. Triệu vương Tư Mã Luân thấy ngứa mắt, nhảy tót lên làm hoàng đế. Các vương ở những chư hầu khác đời nào lại để cho Triệu vương ngất nghe trên ngôi báu ấy? Chư hầu nọ giết chư hầu kia. Tôi giết đi, anh giết lại, trời đất tối sầm lại. Những bộ lạc thiểu số phương Bắc thấy mọi người chém giết nhau lộn xộn, cũng đẩy binh mã, lập lấy chính quyền cho mình. Cuối cùng, Tây Tấn bị diệt. Những nhân sỹ người Hán lớp trên không thể sống được, tập nập rủ nhau tiến về phía Nam. Những dòng dõi Tây Tấn, Lang nha vương Tư Mã Cối xây dựng chính quyền mới ở Kiến Nghiệp (Nam Kinh), xưng là Đông Tấn. Từ đây bắt đầu thời kỳ Nam Bắc phân biệt bốn trăm năm trong lịch sử Trung Quốc. Cung phải nói Giả Nam Phong là người đàn bà cực kỳ thông minh. Bà bắt đầu từ việc tiêu diệt họ Dương, tiêu trừ thế lực tôn thất. Lòng quả quyết và cơ trí, có gan lớn, hành động tàn bạo của bà đã vượt xa những nhà chính trị nam tử nói chung. Họ không sánh được với bà. Lúc sau này, bà phế thái tử. Nếu như, bà có thể sớm lập con của bà làm thái tử thay cho Huệ Đế và xử lý được thích đáng hơn thì vị tất bà đã không giữ vững được. Sai lầm của bà là ở giai đoạn bà rắp tâm lập nhà họ giả, xúc phạm đến lợi ích của giai tầng thống trị rộng rãi nên đã đưa bà đến thất bại. Còn như sự ăn chơi hoa lá của bà, thực ra chưa thấm thía gì. Trong lịch sử phạm là nữ, nắm trong tay quyền hành lớn, thật khó tránh ít nhiều quy củ sắc tình. Hoàng đế có hàng bảy đàn thê thiếp, hoàng hậu há lại chẳng có được vài "mùi" sao?

Phần 07 - Cầm Môn Trần Máu

Sự quả cảm, quyết đoán của người anh hùng một thời đại

Lịch sử không phát triển theo nguyên tắc đạo đức, mà là kết quả của sự đấu tranh về lợi ích. Trong một lúc cần thiết, một chính trị gia thiên tài không hề do dự sử dụng âm mưu, thủ đoạn, vu cáo, hãm hại, phản trắc, mưu sát. Rồi sau đó lại nói về đạo đức và nhân nghĩa để xây dựng trật tự thống trị. Đó là thực chất của sự biến Huyền Vũ Môn lừng danh nhiều thời đại.

Năm thứ chín đời Đường Vũ Đức (626), buổi sáng ngày mùng bốn tháng sáu. Tại đô thành Tràng An, trên mặt hồ được đặt tên là Ao của biển, có một con thuyền hoa đung đỉnh. Trên thuyền có mấy vị đại thần như Bôi Tịch, Tiêu Vũ, Trần Tịch được ngồi cùng với Đường cao tổ Lý Uyên. Có thêm mấy cô cung nữ hầu hạ bên cạnh. Lý Uyên thấy mặt trời đã lên cao, trong lòng có chút băn khoăn, hỏi mà như không hỏi: "Sao chưa thấy họ vào cung?".

Ngày hôm trước, con thứ của Lý Uyên là Tản vương Lý Thế Dân, sai người mang đến cho Ngai một phong mật tấu tố cáo thái tử Lý Kiến Thành, Tề vương Lý Nguyên Cát làm việc dâm loạn ở nơi hậu cung, lại tố thêm rằng: "Thần không làm điều gì không lợi cho anh và em (Kiến Thành là anh, Nguyên Cát là em). Nhưng anh và em của thần lại có ý đồ giết thần tựa như để báo thù cho Vương Thế Sung và Đậu Kiến Đức. Nay thần oan khuất mà chết, xin vĩnh biệt phụ hoàng, thần hồn phách lìa đời mà xuống âm gian, gặp bọn giặc Thế Sung, Kiến Đức. Thật là xấu hổ!". Lý Uyên cho rằng Kiến Thành, Nguyên Cát làm việc loạn luân ở hậu cung là không quan trọng gì. Cái quan trọng nằm ở mấy câu sau đó. Lý Thế Dân đặc biệt đề cập đến Vương Thế Sung và Đậu Kiến Đức. Việc tiêu diệt thế lực của Vương và Đậu là cả một chiến dịch, là mắt xích quan trọng đối với triều đình nhà Đường để thống trị thiên hạ, diệt trừ cát cứ. Nhưng thái tử và Tề vương ghen với công lao của Lý Thế Dân nên đã ra tay độc ác. Chắc là lại xảy ra việc gì đây? Lý Uyên nghĩ mãi không ra. Ngai lập tức hỏi báo về cho Thế Dân: "Ngày mai, ta sẽ tra hỏi về việc này. Thế Dân hãy vào cung sớm một chút!". Một mặt, Lý Uyên thông tri cho thái tử và Tề vương cùng vào cung, có việc quan trọng cần bàn.

Mặt khác, cũng triệu Bùi Tịch, Tiêu Vũ, Trần Thúc Đạt vào cung để cùng tìm cách hòa giải sự bất hòa giữa ba anh em.

Hôm nay, Ngai sai chuẩn bị một con thuyền đặc biệt để vừa du ngoạn vừa bàn chuyện cho vợ bầu không khí nặng nề. Lý Uyên đợi mãi đến giờ mà chưa thấy ba người tới. Ngai thấy lo sợ. Chuyện về ba đứa con làm ông đau đầu!

Trước đây, Lý Uyên là đại thần triều nhà Tùy. Năm thứ mười một đời Tùy Đại Nghiệp (615) Lý được Tùy Thanh Đế phong là Hữu Kiêu Vệ đại tướng quân. An Phủ Đại Sứ đạo Thái Nguyên rồi lại được thăng Thái Nguyên Lưu Thủ là trụ cột về quân sự trọng yếu của khu Đông Trường An. Lúc đó, chính vì sự bạo ngược của Tùy Thanh Đế và vì luôn bị mất mùa nên thiên hạ nhốn nháo không an, nhiều tướng lĩnh địa phương và các hào kiệt trong dân, lãnh tụ nông dân nổi dậy, dấy quân phản Tùy. Sự thống trị của triều Tùy lao đao muốn đổ. Chiến trường chủ yếu giữa quân đội Tùy với các đội vũ trang phản Tùy là ở Hà Bắc, Hà Nam, Giang Hoài. Bản thân Tùy Thanh Đế ở trấn Giang Đô (Giang Tô). Còn dải đất từ Sơn Tây đến Trường An lại tương đối yên tĩnh. Ở đây, quân đội của Lý Uyên là một lực lượng rất hùng mạnh. Địa hình Sơn Tây được mệnh danh là xương sống của thiên hạ. Thêm vào đó quân đội của Lý lại tích trữ được nhiều lương thực. Nhiều mưu sỹ đặt hy vọng vào Lý. Tuy vậy, Lý không vội vàng, bình tĩnh quan sát, chuẩn bị đầy đủ, liên hệ với các lực lượng địa phương. Đến năm thứ 13 đời Đại Nghiệp (617), vào tháng bảy, chính quyền nhà Tùy tan rã, Lý Uyên mới hồi binh về phía Tây cướp Tràng An. Con cả Lý là Lý Kiến Thành chỉ huy Tả lộ quân, con thứ của Lý là Lý Thế Dân chỉ huy Hữu lộ quân men theo sông Vị tiến vào. Tháng 11 thì lấy được hãn Tràng An. Năm sau đó, Tùy Thanh Đế bị bộ hạ giết ở Giang Đô, Lý Uyên xây dựng triều đình mới ở Tràng An lấy quốc hiệu là nhà Đường, niên hiệu là "Vũ Đức". Con cả của Lý là Kiến Thành được lập làm thái tử. Con thứ là Thế Dân được phong là Tản Vương. Con thứ tư là Nguyên Cát được phong làm Tề Vương. (Con thứ ba là Huyền Bá đã chết sớm)

Lý Uyên rất mãn nguyện về ba người con. Lý Kiến Thành thâm trầm, bình tĩnh, nhân hậu, rộng lòng. Lý Thế Dân quả cảm, dũng mãnh, hiểu thấu lòng người, lại giỏi nắm bắt thời cơ, huy động

được toàn lực. Lý Nguyên Cát tính nóng nảy nhưng cũng dũng cảm. Sau khi khởi binh ở Thái Nguyên, Lý Uyên tự xưng là nguyên soái toàn quân, Kiến Thành và Thế Dân giữ bên trái và bên phải. Nguyên Cát ở lại giữ Thái Nguyên, bảo đảm an toàn hậu phương và tổ chức cung ứng cho quân đội. Có nghĩa là tất cả vào trong tay nhà họ Lý.

Nhưng trong ba người con của Lý, Thế Dân là kẻ có tài nhất. Thế Dân thích học võ từ thuở bé, không chuyên đọc sách lắm, nuôi chí lớn. Lúc ở Thái Nguyên, Thế Dân mới ngót hai mươi tuổi, thấy triều nhà Tùy ọp ẹp, Thế Dân đã kín đáo kết giao với các nhân tài, có ý bình định thiên hạ.

Trong lúc bố trí sách lược khởi binh, Lý Uyên giấu kín không lộ, Thế Dân cứ nằng nặc thúc giục nổi rõ tính bùng bột và dã tâm. Sau khi nhà Lý chiếm cứ được Tràng An, toàn quốc vẫn trong trạng thái cát cứ của các lực lượng quân sự. Nhiều nơi xưng vương, xưng bá om sòm. Từ năm Vũ Đức đầu tiên đến năm Vũ Đức thứ 7 (618 - 624), qua bảy năm chiến tranh gồm trước và sau sáu chiến dịch, vương triều nhà Đường mới đạt được đại nghiệp thống nhất thiên hạ. Trong quá trình đó Lý Thế Dân đánh đông dẹp bắc đánh bại quân hùng và lập được công lao chói lọi. Có thể nói là một nửa thiên hạ của nhà Đường là do Lý Thế Dân lấy về được. Nhưng cũng lại phải nói rõ trong đó có bao hàm những nguyên nhân đặc biệt: Theo tập quán của nhiều triều đại, thái tử người kế quyền vua không mấy xuất trận. Trách nhiệm của thái tử là hiệp trợ hoàng đế để xử lý các sự vụ của quốc gia, ổn định kết cấu quyền lực trung ương. Do đó, cũng khó nói nếu Lý Kiến Thành đảm nhiệm nguyên soái quân đội thì kết quả sẽ ra thế nào. Hơn nữa, sau khi khởi binh ở Thái Nguyên để đánh đến Tràng An, Lý Kiến Thành đã tỏ rõ được tài chỉ huy quân sự trác việt của mình.

Những chiến dịch lớn do Lý Thế Dân chỉ huy gồm:

- Bình định thành Tiết Cử và thành Tiết Nhân do hai cha con giữ. Nhà họ Tiết xuất thân là đại cường hào khu vực Cam Túc, có thế lực lớn ở địa phương. Đem quân phản Tùy vào năm Đại Nghiệp thứ 13. Tháng 7 năm đó xưng là Tần Đế. Gần như cùng một lúc khi Lý Uyên tiến quân từ Thái Nguyên đến Tràng An, hai cha con Tiết Cử cũng từ Thiểm Tây tiến vào Tràng An. Ý đồ của cả hai bên đều nhằm chiếm căn cứ địa Quan Trung để đánh vào đô thành làm chấn động các quần hùng. Lý Uyên cố mau chân tới trước, Tiết Cử cũng không chịu kém cạnh. Hai bên đối mặt nhau ở Tràng An phủ, đánh đi đánh lại kiêu kéo chưa dứt hào hùng và nghiêm trọng. Tần vương Lý Thế Dân đảm nhiệm chức nguyên soái thảo phạt miền Tây nỗ lực vô cùng trong gần một năm mới đánh tan triệt để được ba mươi vạn quân của nhà họ Tiết. Ý nghĩa của chiến dịch này là tạo dựng được căn cứ địa ở Quan Trung. Tính quan trọng của nó không kém gì so với sự kiện Hàn Tín xuất binh từ Hán Trung bình định Tam Tần.

- Bình định Lưu Vũ Châu (nay là huyện Sóc tỉnh Sơn Tây). Nơi đây có nhiều anh kiệt khởi binh vào tháng hai năm Đại Nghiệp thứ 13. Họ dựa vào tộc dân du mục hùng mạnh ở phương Bắc, lợi dụng cơ hội quân chủ lực của Lý Uyên đã vào Quan Trung để cướp lấy căn cứ địa Sơn Tây của Lý Uyên rồi đánh vào Thái Nguyên. Tháng 11, Lý Thế Dân ra quân đánh lại. Đến tháng tư năm sau, mới thu phục lại được toàn bộ đất đai ở khu vực Sơn Tây. Thắng lợi chiến dịch này sẽ bảo đảm giữ vững được yếu địa chiến lược ở Sơn Tây, làm cho thế lực vương triều nhà Đường có thể tiếp tục phát triển về hướng Nam.

- Bình định Vương Thế Sung và Đậu Kiến Đức. Đó là trận chiến tối cao, không tưởng tượng nổi, có ý nghĩa lớn nhất và quy mô tầm cỡ nhất do Lý Thế Dân chỉ huy trong đời. Cho nên trong bản mật tấu với Lý Uyên, Lý Thế Dân có nhắc tới Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát muốn làm hại mình với lý do "báo thù cho Thế Sung và Kiến Đức". Vương Thế Sung là viên tướng nổi tiếng nhà Tùy, đã đánh bại quân Ngõa Cương là quân nông dân khởi nghĩa có quy mô lớn nhất thời kỳ Tùy Mạt. Tháng 4 năm sau lại xưng đế ở Lạc Dương, lấy quốc hiệu là Trịnh. Đậu Kiến Đức là lãnh tụ quân nông dân ở khu vực Hà Bắc, Sơn Đông. Ông xưng là Hạ Vương. Tháng 7 năm 620, sau khi Lý Thế Dân bình định xong Lưu Vũ Châu, lại nhận lệnh đi chiến đấu, mang quân đi Hà Nam. Thế Dân đánh chớp nhoáng vào các thành thị xung quanh Lạc Dương, cắt đứt đường cung ứng tiếp tế cho Lạc Dương rồi bao vây Lạc Dương. Hai bên đối chọi với nhau vài tháng. Tháng ba năm sau, Đậu Kiến Đức cầu kết với Vương Thế Sung, soái lĩnh mười vạn quân Hà Bắc xuất hiện bất ngờ sau lưng Lý Thế Dân. Thế là đằng trước mặt và đằng sau lưng Lý Thế Dân đều có quân địch. Lý Thế Dân bàn luận với mọi người, dẫn đội quân tinh nhuệ đi đánh trận Hồ Lao (Hà Nam). Thế Dân dùng cách lấy ít đánh nhiều, phá tan đại quân của Đậu Kiến Đức, đánh vu hồi, bức địch vào thế cô lập không

có viện trợ khiến Vương thế Sung phải đầu hàng. Cả chiến dịch kéo dài mười tháng mới bình định xong Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Đông... Đó là trận chiến có tính quyết định cho việc thống nhất toàn quốc của vương triều nhà Đường. Cho nên, trong một bài thơ, Bạch Cư Dị có tán tụng công tích và sự nghiệp của Lý Thế Dân: "Bất Sung, giết Đậu, mọi miền yên vui".

- Bình định Lưu Hắc Đát. Bộ phận tàn quân của Đậu Kiến Đức còn Lưu Hắc Đát. Lưu lại khởi binh và có được thanh thế cực mạnh. Phải cả Lý Thế Dân và Lý Nguyên Cát cầm quân, đánh trong ba tháng mới thắng. Nhưng Lưu Hắc Đát trốn được. Phải đợi một ít lâu, quân Đường mới trở lại chiếm lấy đất đã bị mất. Sau cùng, do thái tử Lý Kiến Thành được phong nguyên sách dùng chính sách vừa trấn áp, vừa phủ dụ mới ổn định được Hà Bắc. Qua đó, có thể thấy tài năng về quân sự cũng như về chính trị của Lý Kiến Thành.

Thái tử trấn ở giữa, xung quanh là những binh quyền của các hoàng tử được phân nhiệm. Đó là một nét truyền thống của lịch sử Trung Quốc. Sách lược này có ưu điểm rõ ràng. Như vậy, quan hệ giữa thái tử với các bộ phận của chính phủ trung ương, cũng như quan hệ giữa các đại thần trong triều với nhau được củng cố và ổn định. Nhưng hiển nhiên cũng có nhược điểm là thái tử không thể tạo dựng được công lao rõ rệt. Đành phải dựa vào nguyên tắc đạo đức "lập duệ ngôi trường" do sự công nhận và do sự an bài chính trị để duy trì địa vị của mình. Một khi những hoàng tử khác lập được công trạng quá lớn, danh vọng của thái tử không tránh khỏi bị ảnh hưởng. Mà trong hoàng thất nhà Đường buổi mới lập nghiệp, lại có tình huống đặc biệt: bản thân Lý Uyên không phải là một nhà quân sự ưu tú, luôn sợ hãi sự lao khổ trong chiến tranh. Còn tài cán của Lý Nguyên Cát chỉ có hạn. Do đó, Lý Uyên phải dựa tối đa vào người con thứ Lý Thế Dân. Không những Lý Thế Dân có tài cán và trí thức hơn người mà còn có tâm lòng sôi nổi, không quản gian khổ, dám mạo hiểm đường đầu mà tranh thành lấy đất. Hết lần này đến lần khác gặt hái được công lao lớn nên uy phong mỗi ngày mỗi lớn, át cả Lý Kiến Thành.

Tháng bảy, năm thứ tư đời Vũ Đức, Lý Thế Dân về Tràng An, mang theo hai tù binh là Vương Thế Sung và Đậu Kiến Đức. Lúc vào thành được đón bằng nghi thức thật trang trọng. Vị Tàn Vương mới hai mươi ba tuổi này mặc áo giáp vàng. Đi hộ tống sau Vương là hai mươi năm viên đại tướng, hơn một vạn kỵ binh. Trước và sau có quân nhạc tấu khúc khai hoàn. Thanh thế thật hào hùng, uy phong lẫm liệt. Nghi trượng diễu trên mặt phố lớn. Thị dân tranh nhau đến xem, lời hoan hô vang lên bất tận. Lý Thế Dân cười trên một con tuấn mã. Trong lòng nghĩ đến một sự kiện xảy ra không lâu ở Lạc Dương. Ngày hôm đó, Thế Dân cùng với mưu sĩ trong vương phủ là Phòng Huyền Linh, ăn mặc quần áo thường dân đến xin đạo sĩ nổi tiếng Vương Viễn Tri vài lời chỉ bảo. Họ tới nơi ở của đại sĩ Vương Viễn Tri, chưa kịp sai người đến báo trước thì đạo sĩ đã ra cửa đón, bái tạ nồng nhiệt và nói: "Trong hai vị, có một vị là thánh nhân. Có phải là Tàn vương đó không ạ?". Lý Thế Dân rất đổi kinh ngạc, đành thừa nhận. Đạo sĩ lại bảo: "Đại vương sẽ là thiên tử". Lý Thế Dân xua tay. Đạo sĩ không nói gì nữa. Sự việc này giữ lại nơi Lý một ấn tượng sâu sắc. Suốt đêm Lý không ngủ được. Cái câu: "Đại vương sẽ là thiên tử" cứ văng vẳng bên tai. Chẳng lẽ Đế vương lại gặp mệnh trời chăng? Lý không tin lắm. Câu nói của Vương Viễn Tri có thể là do Phòng Huyền Linh an bài từ trước. Trong vương phủ, lòng dạ Phòng Huyền Linh thật sâu sắc và nhạy cảm. Lại rất hợp với tâm sự của Lý Thế Dân. Cứ mỗi lần chiếm được một địa phương nào, những người khác đều vội thu nhặt gấm vóc, vàng bạc, các đồ quý. Còn Phòng, ông chỉ chăm lo việc quản lý và thanh lý các loại sách, văn thư giấy tờ trong phủ. Phòng đi thăm hỏi các nhân tài, nhân sỹ. Một con người như Phòng sẽ không cam lòng làm quan kéo mần sân khấu trong vương phủ. Bất kể việc này do Phòng xếp đặt hay không, cứ biết là thái độ tỏ ra với Vương Viễn Tri là mình đã lòng mong mỏi được làm thiên tử. Mà đó là dục vọng. Kỳ thực, các tướng lĩnh, mưu sĩ và một số người trong vương phủ chẳng là cũng muốn mình làm nên đại sự mà đội trời đạp đất đi theo mình sao?

Nghĩ đi nghĩ lại, Thế Dân đã đi đến Thái Miếu. Nơi đây, Lý Uyên không bày yến tiệc gì cả. Theo chế độ từ trước, thường phải có lễ "âm tri". Tức là để uống rượu vui chúc mừng thắng lợi. Kể thắng trận sẽ báo cáo chiến quả như: giết được bao nhiêu địch, bắt được bao nhiêu tù binh, đánh xong thành được chiến lợi phẩm là bao nhiêu v.v... Ôi! Một vinh dự quá lớn. Thái tử Kiến Thành lại gọi tên cúng cơm là Thế Dân ra mà bảo rằng: "Trận chiến này, chú Hai có công trùm thiên hạ!". Anh em nhìn nhau cười.

Tháng 10 năm đó, Lý Uyên vắt óc ra mới nghĩ ra một chức hiệu quan trọng mới và phong cho Thế

Dân làm "đại tướng thiên sách". Có nghĩa là từ trước đến nay, tất cả các chức quan hiện có đều không thể so sánh được với chức của Thế Dân. Lý Thế Dân rất đắc ý. Lý cũng biết phụ thân quyết không thay đổi vị trí của thái tử huỳnh trưởng. Lý mượn có thiên hạ đã thái bình, xây dựng một "quán văn học" trong thiên sách phủ (thực tế là Tần vương phủ) để thu nhận văn sĩ bốn phương. Trong đó, nổi tiếng hơn cả có "mười tám học sĩ". Những vị học sĩ này chia ra làm ba ban, luân lưu nhau thường trực tại phủ. Mỗi khi Tần vương ở cung về, thường cùng với họ bàn bạc mọi vấn đề. Nhưng "văn học quán" không chú trọng đến văn học. Mười tám vị học sĩ không phải là những nhà học giả. Đó là những túi khôn (trí nang) của Lý Thế Dân. Trong đó nhiều người về sau này thay nhau làm tể tướng như Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối... họ là những chính trị gia kiệt xuất trong cách cai trị với các quan niệm mới mẻ.

Thái tử Lý Kiến Thành cũng không phải là tầm thường. Thái tử cũng thu tóm một số lượng lớn những nhân tài làm thủ hạ. Ngụy Trinh, Vương Qua, Vi Đình... đều là những nhân sĩ tuấn kiệt, siêu quần xuất chúng. Cuối năm 622, Lưu Hắc Đạt ở Hà Bắc lại dấy binh làm loạn lần thứ hai. Ngụy Trinh nói với Lý Kiến Thành: "Công lao của Tần vương che lấp cả thiên hạ. Điện hạ giữ địa vị đông cung chỉ là vì điện hạ là anh cả, chưa có đại công lao làm chấn động thiên hạ. Nay ở Hà Bắc, Lưu Hắc Đạt nổi loạn, điện hạ nên tự cầm quân ra mà đánh sẽ thu được công lao thành tích và danh vọng. Hơn nữa lại đi lại với hào kiệt mọi nơi để mưu cầu sự an toàn". Kiến Thành tán đồng ý kiến. Sau khi được Lý Uyên phê chuẩn liền mang theo Ngụy Trinh dẫn quân đi Hà Bắc. Đánh là thắng. Hơn thế, Kiến Thành còn áp dụng các biện pháp chính trị cho Hà Bắc, xây dựng được nền thống trị ổn định. Hành động quân sự lần này tuy không vượt qua được những chiến tích trước đây của Tần vương, nhưng cũng cho thấy tài năng của Lý Kiến Thành. Lại còn việc Lý Đại Thành và Lý Nguyên Cát cùng đến Hà Bắc. Hai người kết thành một cộng đồng đối phó với bè đảng của Tần vương. Tình thế này thật không có lợi cho sự phát triển của Lý Thế Dân. Lý Nguyên Cát đang từ tư thế trung lập, đã ngã hẳn sang phía ông anh cả sau khi được Kiến Thành hứa sẽ phong Nguyên Cát là thái đệ kế thừa hoàng quyền.

Đến nước này, sự đối đầu giữa Lý Kiến Thành và Lý Thế Dân càng rõ. Hai bên tìm mọi cách đặt cạm bẫy, đào chân tường, tiêu hao đối phương, mở rộng lực lượng của mình.

Trong những nước cờ giao kết nơi hậu cung, Lý Kiến Thành đi được những nước thành công hơn Lý Thế Dân. Những năm xé chiều, Lý Uyên ham mê sắc dục, hưởng lạc, sủng ái hàng loạt phi tần cung nữ. Chỉ có vài năm mà sinh ra hai mươi đứa con. Các bà mẹ của những hoàng tử nhỏ đó cũng cần có sự bảo đảm về sau này. Nói chung, về mọi mặt tình huống cho thấy ưu thế ngã về Lý Kiến Thành. Mà Thành cũng biết rằng những người đàn bà đó cứ vây quanh phụ thân suốt ngày. Phụ thân còn sức sống nhưng kiệt sức để cung đón, phụng thừa. Người thường đem các quý vàng bạc ra để làm vui lòng các cung phi. Nghe nói Lý Kiến Thành cùng với cha, đều sủng ái Trương Tiệp Hảo, phi tần Doãn Đức. Lại còn có cả sự lai vãng về thể xác nhiều lần đếm không xuể. Như vậy, Lý Kiến Thành có cả một máy tuyên truyền bên cạnh phụ thân. Thậm chí còn hình thành một mạng lưới tình báo. Lý Thế Dân tức giận lắm mới dám viết vào bản mật tấu nói Lý Kiến Thành "loạn dân trong hậu cung". Nhưng Lý Thế Dân có tính cách cương liệt, tính toán về mình tuy không bằng ông anh, nhưng cũng không phải là không biết gì. Lý nhiều năm đi chinh chiến ngoài xa, nhiều tiền của cứ ùn ùn cúng tiền vào cung Vợ Lý là một người đàn bà có đầu óc làm chính trị. Nàng luôn luôn vào trong cung hoạt động cho sự nghiệp của chồng. Trước mặt bố chồng, nàng tạo ra một hình tượng lương thiện ôn hòa, nồng nàn và hiếu thuận để tranh thủ được cảm tình cho chồng.

Với các cung nữ trong triều nàng có nhiều liên hệ. Cũng phải nói thêm là Lý Uyên không phải là một vị quân vương mê muội. Ông tuy thích phái nữ, nhưng phái nữ ảnh hưởng đến ông không lớn. Có thể thấy thế lực của phái nữ trong hậu cung không có tài dụng gì lắm đối với sự thành bại của anh em dòng họ Lý. Trong chính sử ghi chép có ý khuếch đại lời xưa nói là mượn tay đàn bà để gây họa cho quốc gia là có ý gián tiếp làm giảm giá trị của Lý Uyên.

Là những nhà chính trị có cơ trí và sáng suốt. Kiến Thành và Thế Dân đều biết rõ giá trị cao quý của nhân tài. Ngoài việc họ niềm nở đón nhận nhân tài ra, họ lại còn hết sức đi săn nhân tài. Có một lần Lý Kiến Thành sai người đưa cho kỵ tướng Úy Trì Kính Đức là thủ hạ của Lý Thế Dân cả một xe vàng, bạc và vật quý để tỏ lòng giao kết bình đẳng, không phân biệt tôn ty. Úy Trì Kính Đức cự tuyệt và báo sự việc đó với Lý Thế Dân. Lý Thế Dân lấy làm tiếc mà rằng: "Sao tướng quân không

nhận lấy? Người khác có chất vàng cao lên đến trời tôi cũng không hoài nghi tướng quân. Sau khi nhận rồi sẽ biết rõ mặt mũi của họ". Cũng như vậy, Lý Thế Dân cũng chú ý đến các bộ hạ của Kiến Thành. Về mặt này Thế Dân thành công hơn Kiến Thành.

Ngoài ra, trong các đại thần trong triều, các tướng lĩnh địa phương, hai bên đều có những người ủng hộ. Cứ thế, dần dà hình thành một phái ủng hộ thái tử và một phái ủng hộ Lý Thế Dân. Phương pháp trực tiếp hơn là hai bên mưu hại nhau. Nghe nói có lần Lý Thế Dân theo Lý Uyên đi đến phủ Tề vương, Lý Nguyên Cát cho bố trí thích khách mai phục, chuẩn bị giết Lý Thế Dân. Sau khi Lý Kiến Thành biết được cố gắng ngăn chặn lại mới thôi. Thực sự Lý Kiến Thành không phải là không muốn làm việc này, có điều làm như thế này là quá nguy hiểm mà thôi. Lại một lần nữa Lý Thế Dân uống rượu trong phủ của Lý Kiến Thành, sau lúc về nhà, bị thổ huyết lênh láng. Lý Uyên biết được hoài nghi bảo Lý Kiến Thành: "Tần vương không uống được nhiều, sau này không được tụ tập uống rượu vào ban đêm!". Chuyện này là ngẫu nhiên hay là việc đầu độc không thành công của Kiến Thành. Thật khó mà biết rõ. Hình như trường hợp trên có nhiều khả năng hơn.

Sử sách còn lại chỉ ghi về Kiến Thành và Nguyên Cát mưu hại Thế Dân, mà không ghi chép mấy may gì về Thế Dân mưu sát anh và em trai. Sự thực Lý Kiến Thành có quyền thừa kế hợp pháp, chiếm ưu thế về mọi mặt. Cho nên người cần phải sử dụng đến âm mưu và thủ đoạn phải là Lý Thế Dân. Mà cuối cùng, người sử dụng âm mưu và đi đến thành công cũng lại là Lý Thế Dân. Chẳng qua chỉ là vì ghi chép thiếu sót, người đời sau biết đâu mà nói. Nhưng trong cuốn "Dương Văn Can những sự biến" có ghi lại một vài chỗ khả nghi.

Dương Văn Can đã từng là túc vệ cho đông cung, liên hệ mật thiết với Kiến Thành. Sau đó làm đô đốc Khánh Châu giữ địa hạt tương đương với bộ phận giáp ranh giữa Cam Túc và Thiểm Tây ngày nay. Tháng 6 năm Vũ Đức thứ 7, Lý Uyên dẫn Lý Thế Dân, Nguyên Cát đến cung Nhân Trí (Thiểm Tây) để tránh nóng nực, Kiến Thành ở nhà giữ Trảng An. Sử có chép việc Kiến Thành dùng tư lệnh bắt Dương Văn Can chiêu mộ các dũng sĩ đưa vào kinh thành và nhân cơ hội này làm cuộc binh biến. Ngay sau đó bị mọi người pháp hiện, Dương Văn Can bèn cầm binh dẹp phản loạn. Nhưng trong dã sử của những người đời Đường lại ghi: "Người ta tố cáo sai cho đông cung". Đó là sự vụ không tình huống thực tế thế nào? Trong thời kỳ này, Lý Kiến Thành một mực mở rộng lực lượng vũ trang trong cung, có ý đề phòng lực lượng của Tần vương. Kiến Thành sai Dương Văn Can đưa dũng sĩ vào thành. Điều đó cũng thuộc vào cử chỉ chắc muốn làm một việc ghê gớm. Nhưng không có ý đồ sai Dương Văn Can làm binh biến. Vì không cần phải như vậy, và cũng không có khả năng thành công. Kiến Thành không đến nổi ngốc như vậy. Nhưng cử động như vậy cũng thuộc tính chất phi pháp. Do vậy, Lý Thế Dân cứ giữ chặt lấy điểm này không buông tha, còn mở rộng nó ra, sai người đi mật báo để kích thích tâm lý hoài nghi của Lý Uyên.

Quả nhiên, sau khi nhận được mật thư, Lý Uyên cả giận, hạ chiếu tới Trảng An, hạ lệnh cho Lý Kiến Thành đến Nhân Trí cung. Lý Kiến Thành lật đật đi vào, chỉ mang theo hơn mười vệ sĩ kỵ binh. Nhìn thấy cha, khầu đầu tạ tội. Lý Uyên mắng té tát không ngớt. Đây lòng bị phần, Lý Kiến Thành không còn trấn tĩnh được, nhảy lên và đâm vào tường, Lý Uyên vẫn bức tức không nguôi, sai người bắt giữ Lý Kiến Thành. Mặt khác, cho triệu Dương Văn Can tới. Sứ giả tới Khánh Châu, mới thực tình với Dương Văn Can. Dương rất sợ hãi. Biết rằng sẽ không có điều hay ho gì, Dương liền cầm binh làm phản.

Thế là Lý Uyên sai Lý Thế Dân cầm quân đi dẹp phản loạn. Trước lúc Lý Thế Dân lên đường. Lý Uyên bảo: "Dương Văn Can thông liên với Kiến Thành, có thể còn có nhiều người hưởng ứng chúng. Người hãy đi nhanh lên. Thành công trở về sẽ lập người lên thái tử! Còn như Kiến Thành ta không muốn giết nó, sẽ phế nó thành Thục vương. Đất Thục hẹp và heo hút, dễ kiểm chế. Nếu nó không phụng sự người được cũng dễ bắt giữ nó!". Hình như đó là lần đầu tiên trong đầu óc của Lý Uyên ý kiến thay đổi thái tử nảy ra.

Nhưng sau khi Lý Thế Dân xuất binh, nhiều người đều có những lời bênh vực Kiến Thành. Họ phân tích nhiều về sự thực tế, cho rằng bản thân ông ta đã là thái tử, quyết không thể có âm mưu làm phản. Lý Uyên nghĩ lại thấy thực tình là như vậy. Căn do là ở nơi giữa anh em chúng tranh đoạt với nhau. Lý Uyên bèn cho Lý Kiến Thành về Trảng An, vẫn là lưu thủ. Có điều là tất cả các tội danh đều gán vào đầu các thuộc hạ của đông cung và thuộc hạ của phủ Tần vương. Bắt Vương Qua, Vi Đình của đông cung và Đỗ Yêm ở phủ Tần vương phải đi đây nơi xa. Mãn kịch sự biến tuy nhiên

được kết thúc một cách hồ đồ. Có điều là oán hận giữa hai người anh em lại sâu thêm một nấc nữa. Sau năm thứ 6 đời Vũ Đức, xung đột giữa hai anh em nhà họ Lý càng ngày càng kịch liệt, hình thành thế cực nước và lửa không dung nhau. Hơn nữa, chính trị nhà Đường cũng rất hỗn loạn. Mệnh lệnh của hoàng thượng, của thái tử và của Tàn vương thường xung đột nhau. Các quan không có cách chọn lựa nào cả. đành chấp nhận lệnh nào hạ xuống trước thì thi hành. Thực trạng này không thể kéo dài được.

Thế thì, là người cha, là hoàng đế như Lý Uyên sẽ có thái độ như thế nào? Phải nói là người cha không cho thấy rõ sự thiên lệch dành cho ba đứa con. Nhưng là hoàng đế, ông biết phải ủng hộ đứa con cả kế thừa quyền của mình. Đó là một phương pháp xử lý theo nguyên tắc chuẩn mực. Cũng khó mà trách Lý Uyên có một chút gì không đúng trong vấn đề này. Cho nên thế lực của Lý Thế Dân càng ngày càng bị ức chế. Và lại, Lý Uyên không thể xử lý quá vội vàng để đề phòng sự việc đột nhiên xảy ra. Trong gia đình đế vương cũng khó có thể được sự tín nhiệm tuyệt đối. Huống chi ba đứa con của hoàng đế, họ đều là những người anh hùng như vậy.

Nhưng tình hình vẫn cứ đi về hướng phát triển không có lợi cho Lý Thế Dân. Từ năm thứ 5 đời Vũ Đức, Lý Thế Dân không có một chiến công đặc biệt nào để có thể trở nên sáng chói. Với Lý Kiến Thành, sau khi đã hoàn thành trọng trách bình định Hà Bắc, ngược lại vị trí càng được củng cố vững chắc hơn. Quan niệm "lập duệ lấy trưởng" cũng không thay đổi. Các tướng lĩnh địa phương và quần thần ủng hộ thái tử đông đảo hơn số người ủng hộ Tàn vương. Đứng trên địa vị có ưu thế cao hơn. Được sự giúp đỡ của Lý Uyên, thái tử đã làm yếu dần lực lượng của Lý Thế Dân. Năm thứ 7 Vũ Đức, Lý Nguyên Cát vu cáo hãm hại Úy Trì Kính Đức, Trì bị bỏ ngục dính vào tội phải chết. Lý Thế Dân có thái độ cứng rắn, xin yêu cầu thả Trì về. May mà được miễn. Cùng năm đó, một viên chiến tướng khác của Lý Thế Dân là Trình Tri Tiết bị đưa đi làm sứ ở Khang Châu. Trình nhất định không chịu đi, nói với Thế Dân rằng: "Cổ cánh của đại vương sắp bị người ta tiêu trừ sạch rồi. Tự thân còn được yên ổn lâu dài sao? Trì Tiết thả chết không đi, xin mong đại vương sớm có quyết đoán!".

Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối là mưu sĩ chủ yếu của Tàn vương phủ. Lý Kiến Thành bảo Nguyên Cát: "Những người đáng sợ trong Tàn vương phủ chỉ có Phòng và Đỗ". Kiến Thành và Nguyên Cát lại bầm tấu với Lý Uyên rằng Phòng và Đỗ luôn luôn khích anh em họ Lý có những bất hòa. Lý Uyên hạ lệnh cho Phòng và Đỗ phải xa rời vương phủ, không được tiếp nhận chỉ thị của Tàn vương, họ còn được lưu lại ở Tràng An, không biết về sau bị xử lý ra sao.

Mùa hạ năm Vũ Đức thứ 9, đột nhiên có bọn giặc thảo khấu vài vạn kỵ binh xuất hiện nơi biên ải. Theo lệ thường sẽ đưa Lý Thế Dân dẫn quân đi chống cự. Nhưng lần này Lý Kiến Thành lại đề xuất cử Lý Nguyên Cát lãnh binh. Mục đích là không để Lý Thế Dân cầm quân, có binh quyền trong tay. Lý Uyên biết rõ điều này nhưng đồng ý. Không chỉ như vậy, Lý Nguyên Cát còn đề xuất phải điều những dũng tướng trong Tàn vương phủ như Úy Trì Kính Đức, Trình Tri Tiết, Đoạn Chí Huyền, Tàn Thúc Bảo đến dưới trướng mình để cùng đi chinh chiến. Lại còn yêu cầu điều những tinh binh do Tàn vương chỉ huy trước đây đến doanh trại của Nguyên Cát. Đó là việc bếp núc đã nấu sẵn, chỉ việc châm lửa lên. Nếu đáp ứng những yêu cầu trên có nghĩa là Tàn vương phủ chỉ còn là cái khung rỗng tuếch, chỉ là nơi trú ngụ của những kẻ đợi bị chém đầu! Đó là dây dẫn ngòi nổ.

Ở địa vị thế yếu, phương pháp của Lý Thế Dân đối phó với Kiến Thành chỉ có thể là dùng âm mưu mà cải biến, đột phát không chế đối phương.

Ngay từ trước thời kỳ đó, những thuộc hạ trong Tàn phủ đã nghĩ đến chuyện này rồi. Phòng Huyền Linh nói với ông Vô Kỵ rằng: "Bây giờ sự hiềm khích đã quá rõ. Một khi tai họa loạn lạc phát sinh ra đột xuất, việc sinh tử, tồn vong có lúc chỉ cách nhau gang tấc. Bây giờ, tình thế đã như vậy rồi!". Mọi người cùng với Đỗ Như Hối khuyến cáo Lý Thế Dân: "Cần phải ra tay thật nhanh, tiêu diệt Kiến Thành, Nguyên Cát".

Cho đến lúc Phòng và Đỗ bị đuổi ra khỏi Vương phủ thì tình thế càng rối ren, khẩn trương. Những thuộc hạ còn lại vội vàng nghiên cứu kế sách.

Khi Lý Uyên đồng ý với quyết định điều các chiến tướng và binh mã trong Tàn phủ nhập vào đoàn quân dưới sự chỉ huy của Tề vương, sự tình đã đến khâu cuối cùng. Úy Trì Kính Đức, Trưởng Tôn Vô Kỵ đến gặp Lý Thế Dân và tuyên xưng: "Nếu còn không ra tay, mọi người phải xa rời Lý Thế Dân mà cao chạy xa bay, giữ lấy mệnh chứ không chịu bó tay để bị giết!". Đương nhiên, Lý Thế

Dân cũng không thể phục tùng cái chiếu lệnh chết người này. Lý phái Trương Tôn Vô Kỵ gọi Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối đến bàn việc lớn. Ngờ đâu nhận được trả lời: "Phụng chỉ không cho phép gặp mặt đại vương. Nếu cứ lên lút mà đến sẽ mất mạng. Cho nên không dám tuân lệnh!". Câu trả lời này có ý nghĩa thực sự của nó là: "Nếu Tần vương vẫn cứ không quyết đoán, sự bàn bạc cũng chỉ là rỗng tuếch và phí công. Họ không muốn gần bó nữa". Lý Thế Dân cả giận: "Huyền Linh, Như Hối dám phản ta à?". Lý rút ra một con dao đưa cho Úy Trì Kính Đức và bảo: "Người hãy đi xem xem, nếu quả là hai người đó không chịu đến, người hãy chặt đầu chúng rồi về đây gặp ta!".

Úy Trì Kính Đức, Trương Tôn Vô Kỵ lại đến gặp Phòng và Đỗ, nói với họ rằng: "Tần vương đã hạ quyết tâm, không chậm trễ được nữa". Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối hóa trang thành hai đạo sĩ đi vào Tần vương phủ. Đây là màn âm mưu chính biến rất ít thấy trong lịch sử Trung Quốc, khi mà kế hoạch đến tận lúc cuối cùng này mới quyết định. Ngày 3 tháng 6, Tần vương Lý Thế Dân cho gửi mật tấu tới Lý Uyên. Đó là một miếng mồi được họ xếp đặt.

Theo sự ghi chép trong chính sử, ngày mùng 4 tháng 6 Lý Thế Dân đột nhiên ra tay vì Lý biết rằng Kiến Thành và Nguyên Cát đã bố trí xong mưu kế. Một khi Lý Nguyên Cát xuất thân có bố trí tiệc rượu tiễn đưa. Trong tiệc có bố trí thích khách giết Lý Thế Dân rồi giết tiếp luôn Úy Trì Kính Đức v.v... Vương Tri là hạ thuộc của Lý Kiến Thành mật báo tin này cho Lý Thế Dân biết. Cho nên bắt đắ dĩ Lý Thế Dân mới ra quyết định như vậy.

Điều đó hoàn toàn là không đúng. Cả kế hoạch của Lý Kiến Thành là làm yếu dần lực lượng của Lý Thế Dân. Nếu Lý Thế Dân vội vã giao binh quyền, bỏ thả mấy mấy viên chiến tướng của Tần phủ thì Ls chỉ là một vương không có đầu. Như vậy cần gì phải mở yến tiệc hoặc rượu tiễn mừng gọi là Hồng môn yến nữa? Từ xưa nay, các nhà chính trị gia không làm việc vô bổ.

Nhưng Lý Kiến Thành tuyệt không nghĩ tới các kế hoạch hầu như hoàn mỹ của mình lại trực tiếp tạo nên sự diệt vong của mình. Cái đó không phải vì Lý Kiến Thành ngu xuẩn mà là vì ưu thế của Lý quá đầy đủ.

Lý Thế Dân dám xưng là nhà quân sự kiệt xuất. Nhưng Lý không thể điều động được quân đội trong thành Tràng An, Vũ Lực mà chỉ có thể sử dụng được đội cận vệ và những võ sĩ trong Tần vương phủ. Cộng tất cả chỉ có chừng hơn tám trăm người. Còn đội vệ binh của thái tử đông cung theo quy định đã nhiều hơn ở Tần vương phủ quá nhiều. Lại cộng thêm vài nghìn người trong phủ Tề vương. Các vệ sĩ ở phủ Tề vương đều là những dũng sĩ được tuyển chọn và được huấn luyện cẩn thận. Nhưng không chỉ có thế, thái tử đã trấn thủ nhiều năm ở kinh thành. Vài vạn cấm quân trong kinh thành, trên danh nghĩa không phải là do thái tử quản. Nhưng trên thực tế họ là những người thân tín của các tướng lĩnh tức là cũng gần như thái tử quản được. Với một sự so sánh lực lượng như vậy thử hỏi Lý Thế Dân có dám manh động không? Trước đây, Lý Uyên thấy các con bất hòa với nhau nên nghĩ cách phái Lý Thế Dân đến Lạc Dương ở phía Đông. Nhưng, Lý Kiến Thành lại cho rằng khi Thế Dân đến Lạc Dương, sẽ chiếm cứ một phương. Tay Thế Dân nắm quân đội sẽ chẳng ai làm gì được. Do vậy Kiến Thành khuyên Lý Uyên thay đổi ý kiến. Lý Kiến Thành nói với Lý Nguyên Cát: "Tần vương đến Trường An, chẳng qua chỉ là một gã thất phu. Ta sẽ dễ bề đối phó". Câu nói này không phải không có lý!

Nhưng tất cả mọi người đều phạm phải một sai lầm chí mạng. Họ không rõ: cuối cùng, Lý Thế Dân có một sự gan góc, một tâm hồn thể nào!

Ngày mùng 3 tháng 6, Lý Thế Dân dâng mật tấu. Lý Uyên sai người gọi Kiến Thành, Nguyên Cát vào cung lúc sáng sớm ngày hôm sau. Đồng thời, mật báo viên trong nội cung là Trương Tiệp Hảo báo cho Lý Kiến Thành về nội dung mật tấu của Lý Thế Dân. Kiến Thành triệu Nguyên Cát đến họp bàn. Hai người cho rằng Lý Thế Dân dâng tờ tấu như vậy ắt hẳn sẽ có hành động tương ứng và sự việc càng trở nên nghiêm trọng hơn. Nguyên Cát bảo: "Lệnh cho cận vệ quân tăng cường giới bị, lấy cớ là ốm mà không vào triều để nghe ngóng tình hình đã". Kiến Thành bảo: "Như vậy hóa là ta tự nhận lầm lỗi? Để đề phòng những sự bất ngờ xảy ra, tôi đã lệnh cho các nơi phải binh mã sẵn sàng, tăng cường phòng vệ. Có điều gì mà sợ? Em vào cung tham gia hầu hạ phụ hoàng, hỏi han mọi việc sao!".

Sáng ngày hôm sau, Lý Kiến Thành, Lý Nguyên Cát chỉ mang theo một vài người tùy tùng thân, đi qua Huyền Vũ môn (cửa bắc hoàng cung), vào cung Kiến Thành nhìn thấy người phụ trách cấm vệ Huyền Vũ Môn là Thường Hà rất yên tâm vì trước đây Thường Hà cũng tham gia chiến đấu với

Kiến Thành. Đi đến cửa cung, thấy vắng lặng hẳn đi. Chỉ thấy mấy vệ sĩ đứng gác ở hai bên. Kiến Thành và Nguyên Cát đi chậm lại. Phía trước là Lâm Hồ điện. Bỗng nhiên, Kiến Thành phát hiện thấy bên cạnh điện có bóng người động đậy, kinh ngạc quá chừng, thét lớn: "Hong rồi", và lập tức quay đầu ngựa, định chạy ra ngoài cung. Lúc này, Thế Dân thúc ngựa tới, lớn tiếng: "Đại lang, đứng lại! Đại lang, đứng lại!". Kiến Thành có chút do dự. Nguyên Cát đã thấy hơn chục người cưỡi ngựa từ hai bên Lâm Hồ điện điên cuồng xông tới. Nguyên Cát vội kéo cung bắn tên về phía Lý Thế Dân. Nguyên Cát vốn dũng mãnh, nhưng lúc này tâm lý hoảng loạn, cung kéo chưa đủ sức đã bắn. Liền mấy phát mà chẳng bắn trúng. Thế Dân dừng ngựa lại, bình tĩnh bắn một phát sau lưng Kiến Thành, Kiến Thành kêu lên, ngã khỏi ngựa.

Trong giây phút này, Ủy Trì Kính Đức chỉ huy hơn mười kỵ sĩ xô tới. Một loạt mũi tên được bắn đến tới tấp. Nguyên Cát bị một mũi tên trúng vào mình, ngã dưới chân ngựa. Ngoảnh đầu lại, thấy bọn kỵ binh của Thế Dân, hoảng hốt chạy vào khu rừng ven đường. Những cây và cành khô trong rừng cản bước của Nguyên Cát và kéo cả Lý Thế Dân ngã sòng soài xuống đất. Nguyên Cát nhảy tới, giật lấy cánh cung khỏi tay Lý Thế Dân, lấy dây cung xiết chặt vào đầu Lý Thế Dân. Vừa vặn lúc đó, Ủy Trì Kính Đức đã đến kịp, hét lên như điên: "Nghịch tặc dám cả gan!". Nguyên Cát vội buông cung bỏ chạy đến điện Vũ Đức là nơi phụ vương ở, Ủy Trì Kính Đức đòi nào lại buông tha Nguyên Cát nên cứ đuổi theo và bắn mấy phát tên, giết chết Nguyên Cát. Trận nào loạn đi qua trong phút chốc. Cửa Huyền Vũ đột nhiên khôi phục lại sự yên tĩnh vốn có. Trong cơn hỗn loạn, một người tùy tùng thân cận với Lý Kiến Thành chạy trốn được, về tới cung thái tử ở phía đông hoàng thành. Tướng Phùng Lập trong đội cận vệ của đông cung nghe nói thái tử đã bị Tần vương bắn chết liền than rằng: "Lúc sống nhận ơn người, ta coi cái chết như không!". Rồi triệu tập các tướng lĩnh ở đông cung cùng với hơn hai nghìn người trong phủ Tề vương, tiến thẳng vào Huyền Vũ môn. Lúc đó, một trận chém giết trong cửa Huyền Vũ môn mới vừa kết thúc. Chưa kịp hoàn hồn, đã nghe thấy ngoài cung có tiếng vó ngựa dồn dập như mưa to gió lớn, ào ào kéo đến. Chỉ một loáng đã đến cửa cung. Trương Công Cảnh thủ hạ của Thế Dân là một người cao to, khỏe mạnh, lập tức đóng hai cánh cửa vừa to vừa nặng lại. Vừa cài then xong, đối phương đã gõ cửa, đập cửa. Phùng Lập và một số người thấy cửa đã đóng, liền chỉ huy dàn hai hàng binh mã thành thế trận, tìm lấy một khúc gỗ lớn và bắt đầu đâm mạnh vào cửa cung. Trong cung, quân của Lý Thế Dân không đến một trăm người. Nếu cửa bị phá tan ra, tình thế sẽ nguy hiểm vô cùng.

Bên cạnh Huyền Vũ môn, có phòng dinh của các sĩ quan bảo vệ. Những người như Lữ Thừa Hành hoặc như người phụ trách đội cấm vệ ở Huyền Vũ môn là Thường Hà sớm đã bị Lý Thế Dân mua chuộc. Họ thấy tình hình khẩn cấp. Chẳng nghĩ đến việc binh lực không đầy đủ, họ cứ thông lĩnh các vệ sĩ tiếng công phía bên sườn và hô hoán lên ầm ĩ. Họ chiến đấu rất ác liệt với binh mã của đông cung. Ánh đao kiếm loang loáng, máu chảy lênh láng hoặc phun phi phi. Tiếng đâm, chém không ngớt ở phía ngoài cung. Những tiếng đâm phá cửa cung tạm thời được dừng lại.

Ở một bên kia, tại phủ Tần Vương, đã chiêu tập được nhiều dũng sĩ nuôi dưỡng ngầm trong lúc hòa bình. Phụ nhân của Lý Thế Dân là Trương Tôn Thị thân tự ủy lạo các tướng sĩ tác chiến hết sức mình. Một đội quân tinh nhuệ tiến về phía Huyền Vũ môn. Tình thế chung có chiều hơi êm đi. Các tướng sĩ của đông cung thái tử thấy không công phá nổi Huyền Vũ môn, vội chuyển hướng đánh sang phủ Tần vương ở cạnh phía Tây hoàng cung. Tần phủ trống rỗng. Phòng Huyền Linh và một số người khác cứ đóng cửa, trấn giữ. Họ nghe thấy tiếng hò hét loạn xạ, tiếng kêu la ầm ĩ như những đợt sóng. Ai nấy đều lo sợ, không yên.

Trong lúc này, ở trong cung, Ủy Trì Kính Đức xách hai chiếc đầu lâu của Kiến Thành và Nguyên Cát. Có vài kỵ binh đi theo sau. Họ đi về phủ Tần vương. Ủy Trì Kính Đức giơ hai chiếc đầu lâu lên mà hét lớn: "Thái tử và Tề vương mưu phản, Tần vương phụng lệnh hoàng thượng bình loạn! Nay đã diệt đầu kẻ ác, không có liên can gì đến mọi người dân!". Bọn vệ sĩ ở phủ đông cung và Tề vương thấy chủ đã chết, không còn lòng dạ nào mà chiến đấu nữa, lũ lượt hạ vũ khí tản đi mọi ngả. Còn vài vị tướng lĩnh thấy tình thế không hay cũng chạy ra khỏi thành. Cuộc chiến đấu đã kết thúc. Lý Uyên cùng Bùi Tịch và vài người đã ra khỏi thuyền trên Ao biển, đợi ba người vào cung mãi mà chẳng thấy bóng dáng. Bỗng có vệ sĩ đến báo có người làm loạn ở cửa Huyền Vũ, tình hình ra sao chưa rõ. Lý Uyên kinh sợ hết hồn. Một mặt triệu tập các thị vệ. Một mặt phái người đến dò xét. Lúc này Ủy Trì Kính Đức trang nghiêm khôi giáp, tay cầm thương dài, khắp người đầy máu loang lổ,

tiền thẳng vào nội cung, đi tới trước Lý Uyên, Lý Uyên thấy vậy, chẳng biết xử lý sao cả. Bùi Tịch vốn nghiêng về Kiến Thành, bèn ở ở chẳng nói năng gì. Tiêu Vũ vốn ủng hộ Thế Dân, nói với Lý Uyên: "Công của Tần vương bao trùm cả thiên hạ, bốn bề quy về một tâm lòng. Bệ hạ nên lập Tần vương làm thái tử, giao phó mọi đại sự quốc gia cho Tần vương, mọi việc sẽ ổn". Lý Uyên định thần lại, bảo: "Tốt lắm. Đã từ lâu ta vẫn có ý này".

Sự biến ở Huyền Vũ Môn, từ toàn cục hình thế chính trị đương thời mà nói, xem lại sự chênh lệch của hai lực lượng mà công nhận đó là một hành động cực kỳ gan dạ và mạo hiểm. Sự nắm chắc thành công ở Thế Dân và các mưu sĩ của Lý đem chọn lấy một điểm mà những người khác không bao giờ nghĩ tới rồi tỉ mỉ mưu toan kế hoạch, chuẩn bị lâu dài (mua chuộc tướng lĩnh cấm vệ quân không phải việc làm trong ngày một ngày hai được) rồi ra tay một cách đột nhiên. Đương nhiên Lý Thế Dân không thể có biện pháp khác. Cũng như chơi cờ vậy, một bên đang vào thế yếu toàn diện nhưng chỉ cần chớp lấy một cơ hội sát sao, đặt nó vào tình trạng không còn nghĩ đến sinh tử tồn vong rồi dốc toàn lực công kích để đạt được ý muốn của mình. Ở đây, khí chất cá nhân của Lý Thế Dân thể hiện một cách đầy đủ. Còn Lý Kiến Thành thất bại là vì ý thức ưu thế của mình quá mạnh. Đã muốn trừ khử Lý Thế Dân lại còn muốn giữ cái mỹ danh chính nhân, quân tử để tự chuốc lấy tai họa mà chết. Chính vì vậy mà trong cuộc đấu tranh về quyền lực trong nền chính trị chuyên chế tràn đầy những điều biến ảo phong vân. Những nhân tố ngẫu nhiên quá nhiều. Do vậy, những chính trị gia có kinh nghiệm không lấy gì làm tin tưởng vào sự đáng tin cậy của địa vị có ưu thế cho lắm. Thường thường, trong tình huống cơ được ưu thế cũng sớm phải lựa chọn những thủ đoạn phi thường. Thậm chí phải tiêu diệt ngay cả những đối thủ không đủ đối trọng hoặc chưa xứng đáng với mình. Chính vì những kinh nghiệm như vậy cứ tích lũy lại quá nhiều mà cuộc đấu tranh chính trị của Trung Quốc trở nên ngày càng tàn khốc.

Sự biến ở Huyền Vũ môn là "chính nghĩa" ư? Câu hỏi này thật khó trả lời. Theo đạo đức phong kiến, Lý Thế Dân giết anh để đoạt ngôi. Theo cách nói của những nhà tư tưởng thời Thanh mạt chỉ giản đơn là việc xấu hổ đối với nhân loại. Đương nhiên, để che giấu hành vi không đạo đức của mình (với ý nghĩa đương thời), Lý Thế Dân tự tìm ra cho mình nhiều lý do, làm cho các vị quan hết sức bôi xấu Kiến Thành, Nguyên Cát đi và ngay cả phụ thân của Lý, cũng xem như trong nhà họ Lý chỉ có một mình Lý Thế Dân có sự thông minh trời cho, có thánh trí và nhân đức. Nhưng ở đây có được bao nhiêu điều có thể tin được? Chúng ta chỉ có thể thay đổi một tiêu chuẩn. Như Lý Thế Dân là con người có tài năng như vậy, ông cũng có quyền đoạt lấy điều mà ông khát vọng. Nhưng đó không phải là cái "chính nghĩa" theo nghĩa thông thường. Nói cho đến cùng, lịch sử không phát triển theo nguyên tắc đạo đức. Bình luận về đạo đức trong sự biến Huyền Vũ môn hầu như không quan trọng gì. Chúng ta chỉ biết đó là một hiện tượng thường có trong nền chính trị chuyên chế. Chỉ có những nhà chính trị ưu tú mới có được thành công. Kết quả của họ có ích cho lịch sử.

Ngày 7 tháng 6 năm Vũ Đức thứ 7, tức là ba năm sau việc xảy ra sự biến ở Huyền Vũ môn, Lý Uyên hạ chiếu phong Lý Thế Dân làm thái tử. Qua vài hôm sau, Lý Uyên thoát vị, chính thức truyền ngôi cho Thế Dân và làm thái thượng hoàng. Lý Thế Dân lên ngôi hoàng đế (sau khi chết được xưng làm Thái tông) là đã toại nguyện. Năm sau đó, tức là năm 627, có cuộc cải cách gọi là "trình quan" (có cách nhìn mới toanh). Trong lịch sử Trung Quốc điều nổi tiếng đó được gọi là "trình quan chi trị". Trung Quốc phát triển thành một đế quốc thịnh vượng và cường mạnh. Thành tích lớn lao này cho thấy Thế Dân tuy là một nhà âm mưu nhưng không phải là vì có sự biến nói trên mà bị tổn thương.

Lý Uyên là con người rất thông minh. Trong khi tất cả mọi quyền lớn đều nằm trong tay Lý Thế Dân thì ông còn làm hoàng đế gì chứ? Lại nữa, một con người dám giết cả anh lẫn em há chẳng dám giết cả phụ thân sao? Ông có nghĩ đến điều này. Sau đó, thái thượng hoàng thường nói với hoàng đế là mình có lo lắng về sinh mệnh qua cái ngày diễn ra sự biến ở Huyền Vũ môn. Hoàng đế liền quỳ sụp xuống, nước mắt giàn giụa, gục xuống chân thái thượng hoàng, áp sát vào đầu vú thái thượng hoàng, biểu thị không dám vọng ân dưỡng dục (điều này là thói quen của dân tộc thiểu số phương Bắc. Họ Lý có dòng máu của người Hồ). Nhưng đó là quan hệ giữa thái thượng hoàng với hoàng đế chứ không phải là quan hệ giữa hoàng đế với thái tử Tần vương. Khi đối phó với Lý Kiến Thành, Lý Nguyên Cát, Lý Thế Dân tỏ ra cực độc ác và vô tình. Nhưng sau đó, ông tỏ ra rất rộng lượng với các quan, tướng trong phủ đông cung và phủ Tề vương. Như vậy có thể tiêu trừ nhanh

chóng di chứng về sau của sự biến Huyền Vũ môn. Ở đây không tồn tại vấn đề đạo đức mà thuần túy là sự cần thiết cho lợi ích. Vị hoàng đế Đường Thái Tông chính là một nhà chính trị có tình cảm khoan dung, anh minh và giỏi chữ không phải là một kẻ dung tục lấy việc báo thù làm vui. Ông quý nhân tài. Ông dùng tất cả những người mà Lý Kiến Thành đã dùng. Trong đó người có tiếng nhất là Ngụy Trinh.

Về Ngụy Trinh, chúng ta nói chuyện ngoài lề một chút. Ngụy Trinh dám một mình phạm đến long nhan, nổi tiếng về nói thẳng và hùng biện, ông phê phán hoàng đế mà chẳng hề chừa lại dư địa. Có lúc Đường Thái Tông nóng điên lên. Nhưng ông đã từng nói một câu sau đây: "Người ta thường bảo Ngụy Trinh này cương trực nhưng tôi lại thấy sự ủy mị của nó". Lời nói này khéo lắm vậy! Lòng trung canh cánh đối với hoàng đế cũng là một sự ủy mị đáng yêu. Không những các chính trị gia nói chung của thời đại phong kiến có rất ít người nhìn thấy điều đó mà cho đến ngày nay cũng ít người nghĩ đến sự khéo léo của câu nói. Lý Thế Dân dùng Ngụy Trinh. Lý Thế Dân quả thật không tầm thường mà là phi thường!

Phần 08 - Chính Trị Đầu Giường

Cơ trí và xảo thuật của người đàn bà nắm quyền

Trò chơi quyền lực không phải chỉ là cuộc du hý của đàn ông, đầu giường của người đàn bà cũng có con đường thần bí dẫn đến Kim Loan điện. Một khi người đàn bà đã vờn bàn tay, nắm được then nút của quyền lực, phẩm cách tàn nhẫn của chính trị chuyên chế bám sát bà ta. Toàn bộ những tính chất lượng thiện của nữ tính đều chết đuối trong bể đã tâm mở rộng ra vô hạn.

Trò chơi quyền lực không phải là cuộc chơi riêng của các đấng nam nhi, mà nhiều vị nữ nhi cũng tham dự. Chỉ có điều, trong chế độ phong kiến lấy nam nhi làm trung tâm. Nữ giới nắm được tư cách điều khiển, tham dự vào trò chơi không dễ dàng. Hầu như chỉ có một phương pháp duy nhất là khống chế các ông chồng hoặc là sau khi góa bụa, khống chế các con trai của họ. Nhưng cái kiểu quan trường tầm thường đó cũng không được vì nó bị hạn chế ít nhiều, chỉ ở hoàng cung mới là thuận lý và hợp văn bản. Vì về một ý nghĩa nào đó, quốc gia đã được coi như tài sản riêng của hoàng gia. Hoàng hậu hoặc hoàng thái hậu là thành viên chủ yếu trong hoàng thất, có quyền xử lý cái của cải riêng đó trong tình huống đặc biệt. Chẳng phải là đến tận giờ có nhiều người còn thích gọi cái danh xưng "quốc mẫu" đó sao? Đó là vĩ chữ "quốc" thành ra chữ "gia". Nhìn nhận nhiều người thống trị tối cao là gia trưởng. Do đó, có khi "mẫu" có thể điều khiển quyền lực của "phụ". Nhưng khống chế hoàng đế quả là một vấn đề rất khó. Trên có đề cập đến Giả Nam Phong. Nhưng ông chồng của bà Giả là đồ xuẩn ngốc bẩm sinh. Cái phần may mắn (hay là chua xót) ấy không phải là bất cứ một vị hoàng hậu nào cũng có. Thật may mắn như hoàng đế tồn tại như một sinh vật cũng giống như A.Q. là người làm công vật ở quê làng Thiệu Hưng. Hoặc như A. Tam đi nhặt rau dại trên bãi sông Thượng Hải chẳng hạn cũng đều có yêu cầu nơi người đàn bà. A.Q vốn rất ghét phụ nữ nhưng để được "ngủ" với bà Ngô, cũng phải quỳ xuống. Hoàng đế vị tất đã không phải vì được ngủ gật mà không quỳ xuống. Cho nên trên đầu giường của người đàn bà có một con đường bí mật dẫn đến điện Kim Loan.

Lại nói một mặt khác, đất nước Trung Hoa là đất nước của lễ nghĩa, trọng nam khinh nữ là một đạo lý lớn. Hoàng hậu hoặc hoàng thái hậu vẫn phải phụ thuộc vào cái chữ "hoàng". Chỉ có một vị phi phạm, trước làm hoàng hậu, sau làm thái hậu, tự mình làm hoàng đế là Võ Tắc Thiên. Có một vị nào đó được tôn xưng là "nhất đại văn tôn" (đầy chữ nghĩa của một thời đại) rất khâm phục bà và đã nói với bà hoặc mách bảo nhiều điều hay lắm. Tiên sinh ấy, về sau cũng bị vị nữ hoàng "hiện đại" cho ăn bả. Ấu cũng là duyên phận.

Không nói những chuyện phiếm. Mọi lời nói đều quy về Võ Tắc thiên. Trước hết, Tắc Thiên không phải là tên của bà ta mà là tên được tôn vinh thêm vào sau khi bà chết. Toàn danh là "Tắc thiên thuận thánh hoàng thái hậu". Bà hầu như không có tên gọi (trong thời cổ đại người đàn bà không có tên là chuyện thường tình). Lúc bà mới vào hoàng cung, Đường Thái Tôn ban cho danh gọi là "My". Sau này bà chuẩn bị lên ngôi hoàng đế mới đặc biệt tạo ra tên của mình gọi là "độc chiếu". Căn cứ vào hình tượng là "nhật, nguyệt lâm không" có nghĩa là chiếu sáng khắp nơi. Trước tiên là "My", sau là "Độc chiếu"... Đó là con đường đi của Võ Tắc Thiên.

Phụ thân của Võ Tắc Thiên là võ sĩ Hoạch, trước là nhà buôn giàu có ở đất Thái Nguyên. Sau đó, đi theo Đường cao tổ Lý Uyên khởi binh được coi như một công thần không to không nhỏ. Khi Đường Thái Tông Lý Thế Dân lên làm hoàng đế, là vị hoàng đế vô cùng thất vọng. Hễ thấy con gái nhà ai xinh đẹp là hạ chiếu bắt vào cung làm vợ lẽ. Võ Tắc Thiên cũng vào cung năm Trinh Quan năm thứ 11. Lúc đó mới mười bốn tuổi. Đối với nhiều cô gái bị tiến vào cung vua không chỉ là một điều hạnh phúc mà còn là điều tai hại. Vì vậy trong hoàng cung có hàng nghìn cô gái mà chỉ có một người đàn ông là chồng, đó là hoàng đế. Có trời mà biết được mình rỗng có thể đến được với mình một lần không? Nhiều cô gái từ khi vào cung đến cả đời cũng không thấy mặt rồng, chẳng khác gì một bông hoa tươi đẹp bị ngắt ra rồi vứt sang một bên cho đến khi khô héo như mụn giẻ bỏ đi. Do vậy, khi Võ Tắc thiên vào cung, mẹ của Võ khóc suốt suốt. Cô gái mới mười bốn tuổi đó trấn tĩnh, nói với mẹ: "Gặp thiên tử biết đâu chẳng phải là một sự may mắn, sao mẹ lại khóc như trẻ con vậy?".

Sau khi Võ Tắc Thiên tiến cung. Vì gia đình của Võ có một địa vị nhất định, người lại xinh đẹp nên

được phong là "tài nhân". Đó là danh vị và phẩm cấp hoàng đế ban cho vợ lẽ ở cấp thấp, Lý Thế Dân rất thích Võ Tắc Thiên, đặt tên là "Vũ My". Vũ My đồng âm ỷ mị. Cổ đại lại có một khúc nhạc gọi là khúc "Vũ My Nương". Không biết con người hiểu sắc, giỏi và sành tán thưởng Lý Thế Dân có nghĩ đến điều này hay không. Cứ biết "My" không những có nghĩa là xinh đẹp mà lại còn có nghĩa là sắc đẹp làm mê hoặc lòng người. Vì vậy, các cung phi trong cung thường gọi Võ là "A My". Khi bực tức gọi là "Hồ My". Trong bài viết truyền tụng thiên cổ có đề cập đến việc ca ngợi Võ Tắc Thiên của Vương Thanh ở Lạc Dương cũng có trách Võ "Hồ My luôn làm mê hoặc chủ".

Tất nhiên, A My rất xinh đẹp. Nhưng xinh đẹp và hình hài ra sao, chẳng có họa sĩ đương thời nào lưu lại được chân dung. Nghe nói pho tượng Phật Lưu Xá ở động đá Long Môn phỏng theo dung nhan của Võ Tắc Thiên mà tạo nên. Nếu cách nhìn đó như nhiều người tin tưởng và nguỵ hoặc, không đến nỗi sai thì có thể từ đó mà suy ra để tìm thấy sự sáng lòa, thân hình đầy đặn, nhẹ nhàng, trán rộng, lông mi dài, mắt to, diện mạo êm dịu, hiền hòa và có nét cong, sống mũi cao, miệng rộng. Đường cong của môi làm xúc động lòng người - nếu nói theo từ vựng hiện đại là làm rung nhục cảm. Tiêu chuẩn để xét mỹ nhân của các đế vương và quý tộc đời Đường là khỏe mạnh, thân hình đầy đặn thanh thoát, gợi cảm không như đời sau lại thích cái vẻ ẻo lả, gầy nhom, có khí thế mà không có sức. Đại khái cái kiểu như Lâm Đại Ngọc thì người thời Đường chẳng ưa chút nào. Đáng tiếc là A. My không có vận may. Thái Tông Lý Thế Dân, con người đã từng rong ruổi khắp trung nguyên, lực đánh đổ quần hùng, tám gọi phong vân, uy vũ không chỉ một thời đó tuổi tác lại ở vào buổi xế chiều. Ông trở nên tiêu cực và trầm ngâm.

Ông lại viển vông yêu cầu được trường sinh, uống tràn cung mây những thuốc đủ loại đến nỗi nằm dài trên giường lâu không dậy. Năm 649, Lý Thế Dân bắt quá mồi năm mươi ba tuổi đã vứt bỏ công danh sự nghiệp huy hoàng và cả cuộc sống hưởng lạc. Vứt bỏ cả Vũ My Nương mới có hai mươi sáu tuổi đầu. Ô hô, một cuộc đời! Số phận tàn khốc đến như vậy! Vũ My tươi trẻ, xinh đẹp làm say lòng người, thông minh tuyệt đỉnh, lại có nhiều quý kế, tràn đầy sinh khí, tính dục thịnh vượng... phải sống với một đám con gái tuyệt sắc bên cạnh thái giám. Vũ My bị đưa xuống am ni cô cùng với những người khác. Những cô gái này đều đã qua việc "sử dụng" của hoàng đế nên liệt vào sản phẩm kém. Lại vì những người này không có con nên không có lý do để giữ lại trong cung. Trong am ni cô chỉ có ngọn đèn nhỏ, bài tập kinh màu vàng, ẩm đạm theo ngày tháng muốn chôn vùi những cô gái vừa như hoa ngọc lại vừa như con báo cái.

Nhưng, Vũ My không cam lòng với số phận. Năm mười bốn tuổi, khi mới vào cung, Vũ My đã nghĩ đến việc có thể dựa vào sắc đẹp của mình mà làm một vốn buôn bán lớn. Khi phát hiện thấy ông khách mua hàng Thái Tông sắp sửa về trời mà nàng chưa thỏa lòng mua sắm, nàng bèn đưa mục tiêu chuyển sang người khách mua thứ hai.

Đó là thái tử Lý Trị là Đường Cao Tông về sau này.

Thoạt đầu, Thái Tông định lập Lý Thừa Cán làm thái tử. Cán sinh vào năm Thái Tông hai mươi bốn tuổi. Tính tình giống Đường Thái Tông thích đường võ nghệ, can đảm, hùng dũng. Nhưng hành vi quá phóng túng không như Thái Tông có thái độ thận trọng. Nói chung, sau khi hoàng thái tử đã được xác lập ngôi vị, thái tử ở Đông cung đợi chờ thời gian để kế vị có quan hệ không dễ xử lý với phụ hoàng. Thêm vào đó, tính tình của hai cha con đều ngả về cương liệt. Như vậy thì đến ngay trong những gia đình bình thường dễ phát sinh ra xung đột nữa là. Đến nỗi người cha có ý định chuẩn bị lập thái tử khác và người con có âm mưu làm chính biến. Sự việc bại lộ. Việc lập Lý Thừa Cán làm thái tử không thành, mà bị lưu đầy đi Khâm Châu rồi sau chết ở đó. Rõ ràng là Thái Tông muốn mưu trừ hậu họa nên áp dụng một vài thủ đoạn. Tiếp sau, lập thái tử Lý Trị làm thái tử. Lý Trị ôn hòa, lương thiện, nhưng yếu đuối. Rất cung kính và hiếu thuận. Nhưng trong nội tâm chịu nhiều ức chế. Giữa một người cha anh hùng với một đứa con nhu nhược yếu đuối cũng tồn tại một đối kháng tâm lý.

Trong khoảng thời gian Thái Tông nằm trên giường bệnh, Lý Trị luôn hầu hạ bên cha. Vũ My nhằm đúng cơ hội này, cũng hết sức ân cần hầu hạ bên cạnh giường của hoàng đế để tiện việc săn sóc con mồi thái tử. Vũ My hơn Lý Trị bốn tuổi. Không những về mặt phong tình nam nữ nàng có kinh nghiệm phong phú hơn Lý Trị mà về mặt tâm lý cũng phát đạt hơn nhiều. Lúc đầu nàng chỉ tỏ ra quan tâm đến thân thể của thái tử. Đồng thời với việc hầu hạ hoàng đế, nàng dành một phần để lo liệu cho thái tử. Dần dà tưới tẩm vào trái tim thái tử một mối tình âm áp tựa như lòng mẹ mà cũng

tựa như tấm lòng của người cha đưa tới. Lý Trị là con người có tình cảm không ổn định. Mẹ đẻ lại mất sớm. Bên cạnh Vũ My, Lý Trị cảm thấy rất ít khi mình có được sự nồng nàn mãi nguyên như vậy.

Không biết sao, sự tình giống như sự biến hóa nào đó. Có lúc Vũ My mang nước trà, hoa quả đưa cho Lý Trị. Bàn tay tươi mát, mềm mại, rục rờ, nồn nà ấy đặt lên thân thể chàng. Cứ đặt đến chỗ nào là chỗ đó ngừng hoạt động một lúc dù có ý thức hay không. Lý Trị kinh ngạc, ngược nhìn lên thì bắt gặp đôi mắt của A My như dòng nước mùa xuân chảy tung tăng làm cho lòng mình cũng nhảy nhót lên. Có lần Thái Tông chợp mắt vào giấc ngủ, Lý Trị ngồi mơ màng bên cạnh giường bỗng cảm thấy ở phía bên cạnh bên kia có một cặp mắt nhìn chăm chăm vào mình. Chàng ngược nhìn lên, thấy cả thân hình A My sắp ngả vào mình, bộ ngực nổi lên sao mà cao thế. Chàng nhìn A My tham lam và thèm muốn, ánh mắt bám chặt vào da thịt trắng như tuyết của nàng. Trong lòng chàng nghĩ lung tung: "Ta hãy ôm chặt cái thân hình này vào lòng xem, mùi vị nó ra sao chẳng?". Không ngờ, A My quay lại, nở nụ cười đăm đuôi kiêu sa làm cho chàng càng lúng túng sợ hãi. Lúc đó, nơi sâu thẳm của trái tim chàng xuất hiện và lớn mạnh một quyết tâm không chế ngự được là ăn trộm trái cấm, phản kháng và báo thù dục vọng của phụ thân.

Khi mùa hạ đến, bệnh tình của Thái Tông có cơ không trị nổi, Lý Trị hầu hạ bên cạnh phụ thân suốt cả đêm ngày. Lúc tảng sáng muốn đi ngoài, nhìn thấy mấy cung nữ đang ngủ gật ở phía góc tường. Chàng cũng không muốn sai bảo hoặc gọi bọn cung nữ nên đi một mình. Chàng đi đến chỗ vệ sinh thì nghe thấy có tiếng chân nhẹ nhàng đi theo mình. Ngoảnh lại, thấy A My. Lý Trị vừa vui mừng vừa sợ, lắp bắp hỏi: "Thế nào mà Vũ tài nhân cũng tới ư?". A My quay mình chào chàng và nói: "Thiếp thay quần áo cho thái tử". (Các vương công, quý tộc ngày cổ đại luôn có các tỳ nữ hầu hạ thay quần áo cho khi đi vệ sinh). Lý Trị vội lắc đầu: "Tài nhân là người mà hoàng thượng yêu há lại làm cái việc tiện dịch đó cho ta?". A My từ từ thở dài, vừa đi gần đến cạnh Lý Trị vừa nói: "Sau này muốn hầu hạ thái tử cũng không có cơ hội nữa đâu!". Nói đoạn liền cởi quần áo ngoài cho thái tử rồi đột nhiên ôm lấy chàng. Một làn hơi nóng chạy khắp toàn thân của thái tử làm cho huyết mạch của thái tử sôi lên, không còn nghĩ đến gì nữa, trong cơn thèm muốn, thái tử đi đến cùng cực của sự thỏa mãn làm cho rằng bất cứ về mặt nào. A. My cũng làm cho chàng vừa ý. Nhưng cô gái khác so với A. My thực chỉ là những khúc gỗ.

Giấc mộng mùa xuân đã qua đi. A. My lệ nhỏ đôi hàng: "Thân thiếp đem tấm thân này phó thác lâu dài cho thái tử, chỉ sợ thái tử bỏ thiếp như thay áo! Để đêm dài một bóng cô đơn khiến lòng người giá buốt!". Lý Trị cảm động quá mức cũng rơi nước mắt, nắm lấy tay A. My nói: "Nàng hãy tạm thời nhẫn nại. Đợi đến lúc ta được đăng lập, nhất định sẽ đón nàng về cung, thề không phụ nàng!". Hai người cứ gọi nhau: khanh khanh, thiếp thiếp, thề bồi núi cao biển rộng, đi gần nhau rồi lại về bên cạnh giường Thái Tông.

Chẳng bao lâu, Thái Tông chết, Lý Trị lên ngôi hoàng đế. Vũ My và các cô gái khác đã từng được ngài ngự "nằm" mà không có con đều bị đưa tới chùa Cảm Nghiệp làm ni cô. Thời gian đi như tên bay. Thoáng một lát đã qua một năm. Năm đó được cải là năm đầu Vĩnh Vy (680). Đợi đến mùa xuân Vũ My (có thể còn có pháp danh ni cô nhưng không thấy ghi chép) khổ tâm chờ đợi, ngày lại ngày vẫn không thấy bóng dáng Lý Trị. Nàng tức giận mắng nhiếc nàng như trời sập đất rung trong lòng. Nào là câu thề sơn cùng thủy tận, nào là một sợi hy vọng vẫn cứ như thế thôi, ma dốt lỏi quỷ đưa đường. Cuối cùng, Lý Trị tự mình đến chùa Cảm Nghiệp thắp hương, các ni cô trong chùa đều là những tỳ thiếp cũ của Thái Tông. Họ đều ngạc nhiên, chỉ có sminh Vũ My là biết rõ. Quả nhiên sau khi thắp hương xong, hoàng đế triệu Vũ My vào tới một căn phòng mật. Vũ My quỳ xuống trước mặt hoàng đế, nắm lấy đôi chân hoàng đế mà khóc nức nở: "hoàng đế còn nhớ thiếp không?". Lý Trị cũng khóc, hai người ôm lấy nhau cùng khóc một thôi. Họ gạt nước mắt rồi nói chuyện ôn tồn. Lý Trị phát hiện ra rằng Vũ My là ni cô một năm mà vẫn đẹp như xưa. Những sợi tóc lòa xòa như mây đen trên đầu đã biến mất tung tích còn dung nhan vẫn nồn nà, tươi mát, đầy quyến rũ. Hoàng đế hứa đi hứa lại nhiều lần, nhất định sẽ đưa Vũ My về cung.

Khi về cung, Vương hoàng hậu hỏi mĩa mai Lý Trị: "Hoàng đế tới chùa Cảm Nghiệp để cầu xin Bồ Tát nào đó?". Thì ra đã có thái giám thân tín mật báo hành vi của hoàng đế cho hoàng hậu biết. Lý Trị đành báo với hoàng hậu về Vũ tài nhân. Hoàng hậu rộng lượng bảo: "Bệ hạ có cả bốn biển, sao lại để cho một cô gái mà mình yêu ở trong lòng đi làm ni cô?". Lý Trị cũng nói ra điều khó xử.

Nguyên là thời cổ đại, dân tộc thiểu số sống ở phía Bắc Trung quốc, con trai kế thừa sản nghiệp của phụ thân còn có quyền thừa kế cả những thiếp của phụ thân để lại (trừ mẹ đẻ). Dòng họ Lý sống lâu dài tạp cư với các bộ lạc ty tiện, lại có huyết thống người Hồ. Về mặt này không mấy điều cấm kỵ. Nhưng khi họ lấy được thiên hạ, lấy nho giáo làm chính thống, con lấy thiếp của cha là loạn luân. Vương hoàng hậu bảo: "Cái đó có gì là khó? Chỉ cần nói là lúc hoàng đế còn sống đã ban cho là xong? Lý Trị cả mừng, cảm tạ hoàng hậu nghìn lần, vạn lần. Lý phải người đến chùa Cảm Nghiệp tách riêng Vũ My khỏi các ni cô, cho trang điểm và sửa sang lại.

Vương hoàng hậu khuyến khích hoàng đế mang Vũ My vào cung, không phải là vì có đức tốt đẹp không ghen tuông. Ngược lại, chính là ghen tuông ấy. Hoàng hậu vốn không có con, một người phi tên là Tiêu Thục được Lý Trị đặc biệt sủng ái. Với bà, đó là một sự uy hiếp. Bà cho rằng đưa Vũ My vào cung tức là chia trái tim của Lý Trị ra, làm lung lay đến địa vị của Tiêu Thục. Bà đâu có hiểu rằng đó lại là việc đưa ma đến, rước quỷ đi, càng giở trò càng hỏng!

Cái đạo Vũ My mới vào cung, nhận được sự ôn thuận ngọt ngào không kể xiết, đặc biệt là với Vương hoàng hậu. Hoàng hậu thích gì, Vũ My thích nấy. Nhiều việc đáng lẽ là các thị nữ phải làm, Vũ My đều cam tâm tự nguyện làm giúp bà như bưng nước, chải đầu, trang điểm. Vũ My còn làm khéo và chu tất hơn bọn thị nữ. Đặc biệt là khi nào Vũ My nghe ngóng được những tin tức gì hay chuyện lật vật về Tiêu Thục, đều cho hoàng hậu biết qua những câu chuyện lúc nhàn rỗi. Vương hoàng hậu sướng rơn, thấy mình tìm được đúng một người giúp việc tốt. Thế rồi, bà luôn dựa vào những chất liệu mà Vũ My đã cung cấp cho mình để công kích Tiêu Thục trước mặt hoàng đế. Đồng thời luôn miệng khen Vũ My, nói rằng Vũ My có phẩm hạnh đoan trang. Dần dà, địa vị của Tiêu Thục trong trái tim của hoàng thượng cũng bị xuống nước. Và tình cảm giành cho Vũ My với hoàng đế càng được nâng cao lên, được yêu hơn ngày này hơn ngày khác. Vào cung chưa lâu, Vũ My đã được lên bậc "Chiêu Nghi". Nói về thân phận, Vũ My chỉ còn ở dưới có hai người. Vũ My đẻ thêm cho hoàng đế hai đứa con. Địa vị càng được củng cố.

Lý Trị sủng ái Vũ My như vậy. Đương nhiên không phải vì được hoàng hậu tán tụng. Trong đó còn có nhiều nhân tố tâm lý phức tạp. Dẫn duệ của Đường Thái Tông là ba con trai. Lý Trị là nhỏ nhất. Hai người anh là thái tử Lý Thừa Cán trước đây và Ngụy Vương Lý Thái. Họ đều là những người có tài năng. Lúc bé được cha mẹ yêu chiều. Lý Trị yếu đuối, nhiều bệnh tật, tuy không phải là đần nhưng không được cơ trí và mẫn cảm cho lắm cho nên không được cha mẹ coi trọng. Ông lớn lên trong cảm tưởng bị o ép. Trong lòng vẫn có một sắc thái âm trầm u uất. Sau này, ông được lập làm thái tử cùng với một nguyên nhân trọng yếu. Đó là do cậu Trưởng Tôn Vô Kỵ của anh em Lý Trị là người có công đầu trong các công thần của Thái Tông cố sức chủ trương để Lý Trị kế vị ngôi hoàng đế để dễ bề khống chế.

Sau khi lên ngôi hoàng đế. Tính cách đã được hình thành từ thuở còn là trẻ con, không thể cải biến được. Đó là con người trầm uất và nhu nhược. Khi được đặt lên vị trí còn cao hơn trước nữa, thường vì thiếu tự tin mà hình thành khuynh hướng tâm lý bạo phát thất thường. Vũ My hiểu biết sâu sắc Lý Trị nên có thể ngênh hợp được tâm thái của Lý Trị đúng lúc. Vũ My mềm mại và uyển chuyển không ai bì được. Tính ôn hậu nồng nàn lại lắng như nước làm cho Lý Trị hưởng thụ được đầy đủ sự tôn nghiêm cao quý nhất khi Lý Trị mất đi trạng thái bình thường dùng cách ngược đãi con gái để tìm khoái cảm tình dục thì chỉ có Vũ My là có thể cùng hoàng đế chơi cái trò chơi này. Càng bị đánh lại càng trở nên sắc đẹp yêu ma làm mê mẩn lòng người. Còn thêm vào hàng trăm kiểu cách công phu ở trên giường chiếu khiến cho Lý Trị nhận được sự mãn nguyện đầy đủ mà không người nào khác có thể đưa lại cho Lý. Vào những thời cơ thích đáng, Vũ My cũng có khả năng nắm lấy bản tính nhu nhược của Lý Trị. Trong lúc nũng nịu những nhẽo, có xen vào một tí chút móc máy nổi khổ tâm bức cho hoàng đế phải xấu hổ không tên. Với A. My, hoàng đế có phần yêu thích và cũng có một chút sợ hãi không nói ra được. Về lâu về dài, Lý Trị không xa rời khỏi Vũ My. Lý tham lam cái phong tình vạn màu sắc của người con gái Vũ My. Để được sự hưởng lạc mà Lý cần, Lý tình nguyện dùng trăm phương ngàn kế để nịnh Vũ My.

Rất nhanh chóng, Vũ Chiêu Nghi áp đảo được Tiêu Thục. Bà bắt đầu đối phó với hoàng hậu. Vương hoàng hậu xuất thân trong giới quý tộc, quen bày tỏ thân phận mà không hiểu là người phụ nữ phải chiều và phụng thờ chồng mình như thế nào. Lại không hiểu phải tặng ân huệ cho các phi tần và những người ở cạnh mình ra sao, mua chuộc lòng người ra sao. Mẫu thân của Vương hoàng hậu là

Liễu thị cũng có thừa danh giá, vào cung thăm con gái, không coi ai ra gì cả. Vũ Chiêu Nghi thường đi lại trong cung; trên dưới đều biết cả. Khi Vũ Chiêu Nghi thấy ai bị uất ức bởi hoàng hậu hoặc Liễu thị liền tới an ủi họ. Thường mang những thứ được hoàng đế ban thưởng cho, chia cho mọi người. Vũ đã bố trí cả một mạng lưới tình báo trong cung hoàng hậu. Nhất cử nhất động của hoàng hậu được Vũ My biết rõ như bàn tay mình. Trong lúc vui chuyện trước và sau khi Vũ ngủ với hoàng đế, Vũ nói ra những việc làm của hoàng hậu. Lúc cố ý, lúc không. Bắt đầu là mấy chuyện vui vẻ rồi nói đến việc hoàng hậu oán trách hoàng đế. Nhưng chỉ nói qua loa. Cũng có đá qua Tiêu Thục một vài câu.

Không lâu, Vũ Chiêu Nghi lại sinh một con gái. Ngày mãn nguyệt, Hoàng hậu đến thăm, đùa chơi với bé một lúc. Sau đó, hoàng đế lại thân hành đến thăm. Vũ Chiêu Nghi thấy hoàng đế lấy làm vui sướng lắm, đầy mặt gió xuân, bá lấy cổ hoàng đế làm nũng, đùa cho đến nỗi toàn thân hoàng đế ngứa ngáy hẳn lên. Vui đùa một lát rồi Vũ Chiêu Nghi nắm lấy tay hoàng đế để hoàng đế nhìn thấy đứa bé. Mở chăn ra, thấy công chúa không động đậy gì, sắc mặt xám ngợt. Vũ My vội vàng bế con lên, đã thấy có người làm cho nó chết ngạt. Vũ Chiêu Nghi kinh sợ, mắt trừng trừng. Sắc mặt bà chẳng khác gì sắc mặt đứa bé đã chết. Lúc sau, bà mới rơi những giọt nước mắt bi thương, nói giọng run run hỏi một cung nữ: "Người có thấy ai đến đây không?". Cung nữ trả lời: "Chỉ có hoàng hậu vừa mới đến, ngoài ra không có ai". Hoàng đế tức giận quát: "Hoàng hậu dám giết con gái ta! Mấy hôm trước hoàng hậu đã cãi nhau với phi tần họ Tiêu, nay lại làm nên tội ác này, ta dung làm sao được chứ!". Vũ Chiêu Nghi khuyên hoàng đế, nói rằng hoàng hậu chỉ hồ đồ nhất thời mà thôi, không nên vì việc này mà quá tức giận. Hoàng đế tức giận bỏ đi. Chuyện này tạm thời không nhắc tới.

Có câu tục ngữ: "Hổ dữ không ăn thịt con". Nhưng, đối với con người mềm dẻo, kiêu kỳ, xinh đẹp, có lòng độc ác và chí lớn như Võ Tắc Thiên, câu tục ngữ trên không đúng nữa. Bà có thể giết con để hãm hại Vương hoàng hậu, lại chính là vì bà yêu đứa con của bà. Có điều sự tồn tại của đứa con có liên quan đến địa vị của bà. Nó đến với bà đúng vào lúc không hợp thời cơ. Để đạt được mục đích của mình, ngay cả đứa con cũng có thể giết đi được. Lần này, chẳng qua chỉ là một sự bắt đầu. Qua đi vài ngày, trong cung hoàng hậu, có lời của Vũ Chiêu Nghi cáo phát với hoàng đế: "Vương hoàng hậu cùng mẹ là Liễu thị dùng tà thuật, yểm bùa có lời phù phép làm ảnh hưởng đến mọi hành vi của người khác". Cũng không biết nội dung việc làm của Vương hoàng hậu. Nhưng, làm rõ việc này cũng không dễ. Vì khi Cao Tông mới kế nghiệp, chính quyền nằm trong tay các đại thần cổ cựu như Trương Tôn Vô Kỵ, Chư Toại Lương. Họ nhận lời ủy thác của Thái Tông phải giữ cho hoàng đế, hoàng hậu là đôi "trao tài gái sắc". Chẳng những họ không tin Vương hoàng hậu có sai sót gì. Mà còn nhìn nhận Vũ thị chỉ là người con gái nằm ở giường của Thái Tông mà lại được lập là hoàng hậu của đứa con trai. Như vậy sẽ làm trò cười cho mọi người. Họ kiên quyết phản đối việc phế truất Vương hoàng hậu. Việc này kéo dài nhiều ngày mà vẫn chưa giải quyết được. Nhưng cũng có một bộ phận đại thần bất mãn với quyền thế của Trương Tôn Vô Kỵ quá lớn nên hoan nghênh ý định của Cao Tông. Họ nhờ vào sự việc này mà làm giảm thế lực của Trương Tôn Vô Kỵ đi. Như khai quốc công thần Lý Huân đã đáp lời của Cao Tông: "Đó là việc trong nhà của bộ hạ. Cần gì phải hỏi người khác!". Câu này thực tế là mũi tên bắn bên ngoài mà là nói lên Trương Tôn Vô Kỵ và một số người đã quản lý rộng quá. Việc gì cũng quản. Thậm chí, Lễ bộ thượng thư Kính Tông còn công khai nói tại triều đình: "Chuyện người nhà quê có thêm vài đầu thóc lại thấp thỏm đối bà vợ ấy mà... Con việc thiên tử lập hoàng hậu thì có liên can gì đến mọi người, việc gì phải đến lượt mọi người dị nghị lăng nhăng?". Có sự khuyến khích của một số người này, Lý Trị thấy mạnh tay hẳn lên. Đến năm Vĩnh Vi thứ 6, Lý Trị lập Vũ Thị lên ngôi hoàng hậu. Mùa xuân năm sau, phế thái tử Lý Trung mà lập Lý Hoành là con của Vũ hoàng hậu làm thái tử. Hoàng hậu Vũ lên ngôi lúc ba mươi hai tuổi. Vì rất tài giỏi trong việc giữ gìn nhan sắc nên ở tuổi này bà vẫn còn là một cô gái lộng lẫy, xinh tươi. Ngay cả khi đã sáu, bảy mươi tuổi trông Vũ vẫn tràn trề sinh lực, đầy quyền rũ. Nhưng bà rất giỏi về giữ gìn nhan sắc. Đến nỗi khi bà 60, 70 tuổi cũng không phải là già. Bà ba mươi hai tuổi vẫn là cô gái lộng lẫy và non tươi.

Đồng thời với việc lập Vũ hoàng hậu, Vương hoàng hậu và phi tần Tiêu Thục đều bị phế và trở thành kẻ hầu hạ, dân thường về lãnh cung. Lý Trị là con người quả đoán, mềm dẻo, yếu đuối. Chỉ vài ngày sau, mỗi tình cũ trở lại, ông lại đi thăm họ. Thái giám dẫn hoàng đế đi nhiều ngả ngoằn

ngẻo, hun hút, tới một ngôi viện hẻo lánh. Chỉ có một ngôi nhà có cái cổng lớn đóng im ỉm. Các lá song cửa bị bịt kín, ở nơi tường có lách ra được một vòm động để đưa thức ăn vào cho người ở bên trong. Lý Trị nhìn thấy, lòng đầy nổi bi ai, lớn tiếng nói vào trong động: "Hoàng hậu và phi tần Thực ở đâu đây?". Bên trong, Vương thị và Tiêu thị nghe thấy tiếng nói của hoàng đế, vui buồn lẫn lộn, khóc lên như mưa như gió. Vương thị bò ra phía gần cửa động, thò tay ra, nói giọng oán hờn cay đắng: "Lũ thiếp có tội bị phé thành tỳ nữ, nô tỳ đâu còn được xứng đáng gọi với danh vị tôn quý đó!". Lại một lời khấn cầu ảo não: "Nếu như hoàng đế còn nghĩ đến tình xưa, xin cho hai kẻ chúng tôi được thấy mặt trời một lần nữa và cho gọi cái viện này là "Viện hồi tâm". Lần này, thái độ của Lý Trị rất cương quyết: "Trẫm sẽ tùy theo mà xử lý. Các người hãy chờ đợi!".

Vương hoàng hậu và Tiêu phi tần vốn trước đây là tình địch của nhau, oán trách nhau nhưng sống với nhau ít ngày trong bóng tối đã trở nên thân mật nhất đời. Nghe thấy lời của hoàng đế, họ vui mừng khôn tả, nóng lòng chờ đợi trong nhà đen. Quả nhiên, hai ngày sau, nghe tiếng xích khóa lạch cạch, họ vui mừng quá ôm chặt lấy nhau. Thái giám đi vào trong phòng, tuyên đọc thánh chỉ. Trời ơi, đó là lời trách thậm tệ hai người đàn bà không có lòng hồi cải. Mỗi người bị đánh một trăm trượng! Phi tần Tiêu Thực cắn răng cắn lợi, rít lên: "Con hồ ly họ Vũ làm điều độc ác này ư! Nguyên kiếp sau, ta là mèo, mi là chuột. Ta sẽ ăn sống nuốt tươi mi!". Vì câu nói này mà khi Võ Tắc Thiên còn sống, trong cung hoàng hậu tuyệt đối không nuôi mèo.

Một trăm trượng đã đánh cho hai vị quý phu nhân tan xương, nát thịt. Chưa xong, hoàng hậu Vũ còn sai cắt chân tay họ, nhét vào chum tương. Chỉ có chiếc đầu lâu là thò ra ngoài gọi là đầu lâu ngâm rượu. Cho chết cả hai rồi chặt đầu. Xem ra, vị hoàng hậu xinh đẹp, yếu điệu họ Vũ, không chỉ hiểu được niềm khoái lạc khi ngược đãi mà còn tài giỏi hưởng thực khoái lạc tàn khốc, bạo liệt. Đương nhiên là mọi tin tức đến tai vua khiến vui không vui. Ngày hoàng đế trở về sau khi thăm nơi giam cầm Vương hoàng hậu và phi tần họ Tiêu, ngài hăng hái lắm. Nào ngờ ngài lại bị Vũ hoàng hậu làm nũng phỉnh phờ quá tình vì làm cho chiêu lệnh trừng phạt hai người bị giam nặng hơn lên. Nay lại nghe hai người đó bị dày áo, hành hạ đến chết. Ngài cảm thấy bối rối quá. Nhưng sau khi Vũ hoàng hậu đã ra tay thúc mọi chuyện này lại hầu hạ ân cần nồng đượm, đầu mày cuối mắt đối với hoàng đế, làm cho toàn thân và tinh thần của hoàng đế được trăm phần giải thoát và sung sướng thì sự kiện này mờ nhạt dần.

Đối với một người đàn bà, được giữ ngôi hoàng hậu là đã đạt được đỉnh cao nhất rồi. Nhưng, với Vũ hoàng hậu, sẽ không chỉ có thế. Trước đây, giữa đêm Thái Tông duyệt các đơn tấu của bách quan hoặc xử lý công việc của đất nước, nàng Vũ My bé nhỏ thường hầu hạ bên cạnh người. Khi hoàng đế mệt mỏi, tránh sao khỏi những chuyện cười cười nói nói, lời lẽ. Lợi dụng lúc hoàng đế vui vẻ, Vũ My lấy những tờ tấu ra đọc rồi hỏi hoàng đế về những chuyện to lớn trong triều đình và cách xử lý như thế nào? Thường, phạt, thăng, giáng ra sao? Căn cứ vào đâu mà quyết định? v.v... Thái Tông lại yêu vì Vũ My thông minh. Bị "mái sù" là thiên tính của những người đàn ông nên hoàng đế phân tích và giải bày hết về pháp luật, chế độ, chính trị và tập quán của triều đình nhà Đường. Cho đến khi được phong Chiêu Nghi cho Cao Tông, Vũ My vẫn thường xuyên ở bên cạnh Cao Tông xử lý việc triều chính. Tất cả đều thành thạo. Có khi tùy tiện hỏi một vài câu nào đó rồi phát biểu ý kiến một cách ngẫu hứng. Cao Tông Lý Trị kếm cha mình một khoảng vài dặm. Vũ Chiêu Nghi nay không phải là Vũ My ngày xưa. Cho nên, trong nhiều sự việc, Chiêu Nghi còn cao hơn cả hoàng đế. Nhưng bà không có ý biểu hiện sự cao mình của mình mà tìm cách biến ý kiến quyết định của mình ra thành ý kiến quyết định của Cao Tông. Tới khi Vũ Chiêu Nghi trở nên hoàng hậu, việc hai vợ chồng kết hợp lại để giải quyết mọi công việc chính trị đã trở nên nếp quen. Như vậy, hai bàn tay đẩy dạn và khéo léo của Vũ hoàng hậu đã nắm vào nút lưới quyền lực của đế quốc nhà Đường. Trong đám các đại thần trong triều, có hai người sáng suốt ủng hộ Cao Tông lập Vũ hoàng hậu tên là Lý Nghĩa Phủ và Hứa Kính Tôn. Họ đều giỏi và hiểu rõ lòng chủ tướng của mình, để được sủng ái. Vũ Chiêu Nghi vừa nhẹ nhàng liên lạc với họ, tặng thêm vật phẩm cho họ rồi nói với Cao Tông thăng chức cho họ để tăng cường lực lượng ủng hộ Vũ hoàng hậu trong triều đình. Điều này cũng phù hợp với ý định của Cao Tông. Do đó, từ chức Trung thư xá nhân, Lý Nghĩa Phủ được thăng lên Trung thư thị lang liệt vào hàng quan chức trọng yếu trong triều đình. Hứa Kính Tôn được thăng lên Thượng thư bộ lễ, nắm những vấn đề kinh điển, triều nghi, bài xích những dị nghị, dư luận phản đối việc lập Vũ hoàng hậu. Sau khi Vũ chiêu nghi được lập thành hoàng hậu không lâu, cả Hứa và Lý

đều được thăng lên chức vụ tể tướng. Họ cũng hiểu đó là nhờ lực lượng của Vũ hoàng hậu. Họ cũng nhạy cảm và thông minh thấy Vũ hoàng hậu là người đàn bà phi thường nên tự nguyện ngã theo phía Vũ hoàng hậu, mà Cao Tông thì vẫn coi họ trước sau là những đại thần trung thành.

Trước đây có hai nhân vật đầy thế lực là Trường Tôn Vô Kỵ và Chư Toại Lương. Họ được di chiếu của Thái Tông nhận chức phụ chính cố mệnh đại thần. Lực lượng của Chư Toại Lương có hạn. Lúc Vũ hoàng hậu sắp được phong hoàng hậu, chưa bị đẩy ra khỏi kinh đô, làm quan địa phương. Sau đó, bị Lý Nghĩa Phủ và Hứa Kính Tôn hãm hại, liên tục bị giáng chức và bị chết ở nơi xa xôi hẻo lánh. Trường Tôn Vô Kỵ phe lớn hơn, ông là anh hoàng hậu trưởng tôn của Thái Tông và là cậu của Cao Tông. Công lao ông rất lớn. Ông là một trong những người hoạch định kế sách cho sự biến ở Huyền Vũ Môn, công thần hàng đầu của Thái Tông, là nhân vật then chốt trong việc lập Cao Tông lên ngôi thái tử. Khi Thái Tông già yếu, ông nắm quyền đại thần, có vây cánh lớn. Đến nỗi Thái Tông phải nhường nhịn ông chút ít. Nếu Trường Tôn Vô Kỵ không bị đánh đổ, Vũ hoàng hậu chưa yên tâm. Nên đã có ám lệnh cho Hứa Kính Tôn tìm cơ hội dựng cho ông một tội trạng. Hứa Kính Tôn là một trong mười tám vị học sĩ trong Tán vương phủ. Một con người giỏi quá đáng! Năm 659, từ một vụ án không có liên quan gì, ông tra hỏi ra kế hoạch âm mưu làm phản của Trường Tôn Vô Kỵ và thu thập được toàn bộ những lời cung khai tỉ mỉ. Trường Tôn Vô Kỵ bị miễn chức. Cuối cùng bị bức phải tự sát. Cháu ngoại và các quan khác dựa vào Vô Kỵ cũng lần lượt bị xử lý. Như vậy, Vũ hoàng hậu đã mượn tay của Cao Tông mà hoàn thành được kế hoạch mở rộng vây cánh trong triều và trừ khử phe cánh đối lập của mình. Cao Tông luôn có những bệnh chóng mặt, nhức đầu (vấn đề về phương diện thần kinh cột sống). Năm Hiền Khánh thứ 5, bị một trận đau ác liệt, không xem được các tờ tấu, liền để hoàng hậu họ Vũ làm đại diện thay mình xử lý mọi việc. Vũ đã có kinh nghiệm về chính trị. Trong triều lại có các quan đại thần tâm phúc. Mọi công việc được an bài thỏa đáng. Cứ đợi khi hoàng đế khỏi bệnh sẽ được giải quyết. Nhưng công việc quá nhiều, các quan không thể không nghe lệnh của Vũ hoàng hậu vì việc nọ có liên quan chặt chẽ với việc kia. Bệnh tình của hoàng đế lúc thuyên giảm, lúc tái phát. Cứ như thế nhiều lần, mọi quyền lực đều chuyển sang tay của Vũ hoàng hậu. Ngay cả đến lúc hoàng đế có thể làm được, cũng không biết đâu mà xử lý. Có rất nhiều sự việc mà hoàng đế không hề biết đến cũng không được giải quyết với danh nghĩa của hoàng đế. Ngay cả những việc có ý kiến quyết định của hoàng đế cũng thường bị hoàng hậu gạt đi hoặc làm khác đi theo ý định của hoàng hậu. Đến lúc này, Cao Tông mới phát hiện ra vợ mình vốn đang diễn một vai diễn cực kỳ lợi hại.

Cứ như thế vài năm, Cao Tông trở nên một hoàng đế rỗng, muốn tìm cách cướp lại quyền lực từ tay vợ, định chuẩn bị gán cho vợ một tội danh như trước đây mà màn kịch phế Vương hoàng hậu. Cuối năm 664, Cao Tông triệu Tây Đài Thị Lang là Thượng Quan Nghi vào cung, bảo: "Hoàng hậu can dự triều chính đã làm ngược lại chế độ do tổ tông định ra. Gần đây Vương Phục Thăng có cáo phát hoàng hậu cho đạo sĩ Quách Hành Trăn vào trong cung để dùng tà thuật yểm bùa... Nên xử lý thế nào đây?".

Việc yểm bùa và dùng ma thuật là cái tội gán cho để phế truất hoàng hậu trong nhiều thời đại. Thượng Quan Nghi cũng biết là thật, giả ra sao rồi. Nhưng ông rất hiểu rõ tâm tình của hoàng đế trong lúc này. Ông liền tâu: "Hoàng hậu chuyên chính như vậy, mọi người trong thiên hạ sẽ phản đối, xin bệ hạ cho chiếu chỉ phế truất hoàng hậu đi!". Thượng Quan Nghi viết ngay tại chỗ chiếu chỉ của hoàng đế phế truất hoàng hậu.

Vũ hoàng hậu vốn coi trọng công tác tình báo bên cạnh hoàng đế, có điều gì bà không để mắt tới? Bản thảo tờ chiếu chỉ còn nằm trên bàn làm việc của hoàng đế, vết mực còn chưa ráo, hoàng hậu đã xông vào cung thờ hồn hên, mắt nhìn bốn phía, thấy bản chiếu chỉ. Hoàng hậu nắm lấy, vừa đọc lên, vừa cười lạnh lùng: "Hoàng đế muốn giết thiếp. Hiện đang là cơ hội tốt, thần thiếp đâu có dám có lời gì? Tại sao lại nhát gan như thế này, bịa ra tội danh nói xấu thiếp?". Nói đoạn, xé vụn bản thảo chiếu chỉ ra thành những mảnh nhỏ, vút tung khắp nơi. Liền sau đó hai hàng nước mắt tuôn rơi, bà khóc không thành tiếng: "Từ khi thiếp ở trong cung của tiên hoàng, được hạnh phúc rơi vào tay bệ hạ. Có điểm nào phụ lòng bệ hạ đâu? Nếu hôm nay bệ hạ không giết thiếp, thiếp nhất quyết không ra khỏi điện một bước!". Nói xong, bà ngã vào lòng hoàng đế, khóc lớn thành tiếng.

Cao Tông vốn không mạnh dạn, thấy Vũ hoàng hậu vào cung chân tay đã bủn rủn lại nghe Vũ hoàng hậu nói đến việc sống chết lại càng bối rối. Năm này, Vũ hoàng hậu đã bốn mươi tuổi.

Nhưng da thịt vẫn như tuyết, hai má đỏ hồng hồng, nằm vào lòng hoàng đế, lại càng đẹp rực rỡ hơn nữa... hoàng đế mê mẩn, hai tay ôm lấy nàng. Hoàng đế nghĩ đến lần ân ái bên giường bệnh của Thái Tông, tình vợ chồng ân ái đã nhiều năm. Ông đâm ra ảo não và ân hận, ông vội vàng nói một vài lời tốt đẹp với hoàng hậu. Thấy hoàng hậu vẫn chưa nguôi, liền lúng túng nói thêm: "Ta không có tâm địa đó. Thượng Quan Nghi khuyên bảo ta..."

Lời nói vừa ra khỏi miệng, Vũ hoàng hậu đã nhảy lên, cười lên mấy tiếng: "ha, ha..." lạnh lẽo: "Đời nào mà chẳng có gian nịnh, tặc thần? Hoàng đế đã không quan sát được tình huống, lại cả nghe những lời nói bậy, phé bỏ quốc hậu. Chẳng lẽ lại như đứa trẻ lên ba? Một thân thiếp bị nguy hại vì người ta không biết đủ đạo lý. Một khi bọn nịnh thần nắm đạo lý, thiên hạ sẽ lâm nguy thì bệ hạ có phải đạo với tổ tông không? Có phải với bản dân thiên hạ không?". Vũ hoàng hậu nói một thôi một hồi về đạo lý làm cho hai tai của hoàng đế đỏ bừng. Hoàng thượng phải rút lui từng bước. Cuối cùng đành phải đỡ cho mình không được khỏe mạnh nên không tránh khỏi những điều hồ đồ. Sau này, tất cả mọi đại sự quốc gia, hoàng đế đều phải có hoàng hậu để hỗ trợ xử lý. Nói tới đây Vũ hoàng hậu mới thôi, không khóc nữa, dịu dàng và nồng ấm kéo lấy tay hoàng đế, biểu thị thái độ sẽ chịu đựng gian khổ nhiều hơn nữa vì sự nghiệp to lớn của hoàng đế. Tiếp theo sau, hoàng hậu giờ tất cả những ngón thành tạo tuyệt vời của mình mới có ra làm cho hoàng đế được thỏa mãn khoái cảm. Cùng gối cùng giường, trăng gió bạt ngàn... hoàng đế vô cùng cảm động, giận mình không thể giao thiên hạ cho Vũ hoàng hậu.

Một cơn mưa to gió lớn đã đi qua. Nhưng sự việc cũng chưa phải đã là xong xuôi. Hoàng hậu họ Vũ làm cho câu chuyện to ra, mượn đó mà xây dựng được uy quyền. Vương Phục Thắng không trốn nổi cái chết. Điều đó chẳng cần nói tới. Thượng Quan Nghi đáng thương bỗng dưng cũng bị hại cùng đứa con. Tra xét sâu hơn nữa, Vương Phục Thắng là đầy tớ trong cung thái tử Lý Trung, Thượng Quan Nghi cũng là thuộc hạ của đông cung thái tử, cho nên thái tử cũng liên lụy vào... Họ đều bị chết. Những vị đại thần có thân tình đi lại với Thượng Quan Nghi và cả những vị quan không thuận mắt hoàng hậu đều bị đày đi nơi xa. Vậy là, thanh thế và uy quyền của Vũ hoàng hậu chấn động khắp nơi.

Cao Tông cũng không thể không thực hiện lời hứa. Từ đó trở đi, mỗi khi hầu triều, Vũ hoàng hậu đều ở đằng sau hoàng đế, che màn, nghe chính sự. (Hoàng đế chưa chết mà hoàng hậu đã công nhiên rũ màn xuống lắng nghe triều đình bàn bạc. Trường hợp này của Võ Tắc Thiên là cái lệ đặc biệt trong lịch sử Trung Hoa). Hoàng đế sợ vợ. Sự thông hiểu về chính trị cũng như sự cơ trí, minh mẫn trong việc xử lý mọi việc của hoàng đế đều thua kém vợ. Cho nên ngồi trên điện mà không biết ăn nói ra làm sao, chỉ là bù nhìn mà thôi. Việc lớn việc nhỏ đều do Vũ hoàng hậu phán quyết. Việc thăng, giáng, sinh, tử của các quan đều nằm trong tay Vũ hoàng hậu. Trong các tập tấu gửi lên không được chỉ kính trình một người là hoàng đế mà phải kính trình "nhị thánh".

Cao Tông là con người nhu nhược. Nhưng không ngờ ngờ, lại càng không như Tần Huệ Đế bị bệnh bạch trĩ. Dưới sự kìm kẹp của vợ, hoàng đế đã thành bù nhìn nên hoàng đế thường buồn bực. Thậm chí lấy làm tiếc cho việc đã có ý định phế truất hoàng hậu trước đây của mình. Trách mình sao khi đó không cương quyết và tiến hành nhanh gọn. Hoàng đế vẫn rất lo lắng tình trạng Vũ hoàng hậu thao túng tất cả mọi quyền bính như thế này. Nếu ta chết đi, thiên hạ của họ Lý sẽ có thể bị thay bằng họ Vũ chẳng. Hoàng đế phải thoát ra khỏi cái cục diện này. Không đề cập đến việc phế bỏ hoàng hậu nữa. Nhưng hoàng đế tìm ra được một phương pháp tốt: trao quyền lực này sang thái tử. Thái tử Lý Hoàn là con đẻ của Vũ hoàng hậu nên bà không thể phản đối được. Nếu làm được điều này thì ít nhiều thiên hạ nhà họ Lý sẽ không rơi vào tay họ khác.

Trước hết, cho thái tử thông thuộc mọi chính sự. Đến mùa thu năm 667 hoàng đế vịn cớ bị ốm nhiều, ra lệnh cho thái tử "giám quốc". Gọi là giám quốc nhưng chỉ là hư danh. Làm như vậy có thể củng cố được địa vị của thái tử. Đến năm 673, Cao Tông bị một trận ốm nặng, liền lệnh cho thái tử lên Diên Phúc điện để nhận những lời tâu trình của các quan và thụ lý mọi việc. Tuy rằng, trong những ngày này, Vũ hoàng hậu vẫn nắm các quyền lực chủ yếu. Nhưng Cao Tông đã dần dần mờ nhạt được vài con đường dẫn đến phương pháp đối phó với Vũ hoàng hậu. Hơn nữa, thái tử rất được lòng mọi người, công khai bước lên đài chính trị. Hoàng hậu thấy mình có thể bị thua chồng.

Đến năm 675, dưới sự áp chế của vợ, Lý Trị đã trở nên thông minh ra, chuẩn bị một nước cờ quyết định. Mùa xuân năm đó, Lý trị tập các quan đến để luận bàn chính sự đưa ra việc bệnh của mình

mỗi ngày một trăm trọng, có nên để hoàng hậu chấp chính không? Lời đưa ra bàn này thực sự là "làm ra vẻ". Nó không phù hợp với quan niệm luân lý truyền thống. Đương nhiên sẽ bị một bộ phận các quan phản đối. nếu có người phản đối, Cao Tông sẽ lập tức thừa thế mà chuyển mũi tên và quy thành nghị định văn bản. Cái kế hoạch chân thực này sẽ tịt miệng Vũ hoàng hậu lại. Sau đó hoàng đế nhường vị cho thái tử rồi lên ngôi thái thượng hoàng. Nước cờ này tương đối tế nhị và sâu sắc. Các quan trong triều phản đối hoàng hậu chấp chính. Vì sức khỏe, hoàng đế cũng không thể chấp chính được mà nhường ngôi cho con là thái tử. Việc đó há chẳng thuận lý lắm sao? Lại nữa, thái tử đã hơn hai mươi tuổi, đã tham dự triều chính nhiều năm. Một khi thái tử lên ngôi vua thì hoàng hậu sẽ không kiểm được lý do gì để can dự vào quốc sự. Tuy vậy, nào có ai ngờ, tháng tư năm đó, thái tử Lý Hoàn bị chết trong cung! Đó là cú đánh trả lại có hiệu lực của Vũ hoàng hậu đối với chồng sau khi nhận được tin tình báo cho biết hoàng đế chuẩn bị nhường ngôi cho con. Cao Tông đau buồn không nguôi, hạ chiếu phong thêm cho thái tử tôn hiệu là "Lý Kính hoàng đế". Hoàng tử chưa kế vị ngôi vua mà đã được phong cho tôn hiệu là hoàng đế. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc có chuyện như vậy.

Thái tử Lý Hiền kế vị. Lý Hiền cũng là con đẻ của Vũ hoàng hậu. Lý học rộng, tài cao, tiếng tăm lừng lẫy. Lý Hiền ở cung phía đông (đông cung) đã năm năm, bị Vũ hoàng hậu điều tra, ghép vào tội có âm mưu làm phản. Hoàng hậu bị bức phải hạ lệnh phế truất Lý Hiền. Sau đó, Lý Hiền lại bị Vũ hoàng hậu bức phải tự sát.

Hoàng đế không còn phương pháp nào nữa. đành thừa nhận thất bại. Ông bị nhiều bệnh, sức lực tàn lụi và chết vào năm 683. Vũ hoàng hậu là thái hậu nhiếp chính rồi đổi tên nước là "Chu" và trở thành vị nữ hoàng đế đầu tiên trong lịch sử Trung Hoa. Bà làm hoàng đế cho đến năm bà tám mươi hai tuổi. Trước lúc lâm chung có để lại di chúc được chôn với danh nghĩa hoàng hậu nhà Lý. Hầu như bà không có những địch thủ có tầm cỡ nên muốn làm gì thì làm. Bà có quá nhiều âm mưu cho nên cũng giảm bớt lời bàn tán. Võ Tắc Thiên không chỉ là một nhà chiến lược tài ba mà còn là một nhà chính trị nữ giới xuất sắc nhất trong lịch sử Trung Quốc. kể từ năm đầu Lân Đức Cao Tông, bà nắm quyền lực tối cao được bốn mươi năm. Trong bốn mươi năm trời đó Võ Tắc Thiên đã thi thố, áp dụng nhiều thủ đoạn chính trị có hiệu quả. Sử dụng nhiều đại thần tài cán, làm cho nền kinh tế, văn hóa trong xã hội đời Đường được phát triển. Nhưng, để giữ vững địa vị của mình, bà dùng kiểu chính trị đặc vụ, bổ nhiệm các viên quan thật "cứng". Đối với những thành viên trong gia thất nhà Đường hoặc những ai phản đối mình, bà dùng thủ đoạn cực kỳ tàn khốc để tiêu diệt. Bảo là bà giết người không chớp mắt không phải là quá. Âm mưu và bạo ngược của nội bộ tập đoàn thống trị thời đại Võ Tắc Thiên đếm được trên đầu bàn tay trong lịch sử Trung Quốc.

Nếu muốn bênh vực bà một câu, chúng ta có thể nói rằng: "Hung tàn và bạo ngược không phải là thiên tính của bà mà là phẩm cách chính trị chuyên chế đã cho bà. Đấu tranh quyền lực là một trò chơi nguy hiểm. Mỗi khi bà đã vào cuộc, phải bảo đảm cho sự khản trương cao độ mà chuẩn bị đối phó với một sự tập kích từ mọi nơi tới. Đặc biệt là một phận nữ nhi như bà đã dám phá hoại nguyên tắc nói chung của trò chơi quyền lực, vượt lên bản thân mình để giành lấy quyền lực sẽ đón gặp mỗi nguy hiểm càng lớn hơn. Cho nên bà đã phải dùng thủ đoạn phi thường để bảo vệ mình. Chúng ta đã thường nói: "Hổ dữ không ăn thịt con". Câu nói này không thích hợp với Võ Tắc Thiên. Bà đã giết một con gái, hai con trai, một đứa cháu. Nhưng đó là những công việc làm cho bà vui ư? Trong quá trình chém giết đó, người đàn bà tươi đẹp như bà cảm thấy bị thương không? Hình như không thể nói được. Hay là vì bà cướp đoạt lấy quyền lực và bảo vệ nó để đạt đến mục đích cao hơn nữa mà chà đạp lên tình cảm thiện luân của nhân loại. Với một nữ tính đầy tài năng như bà, nếu có thể tìm thấy được con đường bình thường dẫn đến ngai vàng của quyền lực thì bà sẽ không làm như bà đã làm chẳng?". Sự biền hộ này chỉ thích hợp với một số những chính trị gia phong kiến nào đó. Tuy vậy, tàn nhẫn là phẩm cách chính trị chuyên chế, là hành vi của kẻ tàn nhẫn. Dù như thế nào chăng nữa, cũng không thể tha thứ được hành vi đã làm của bà. Thế mà bao nhiêu nhà học giả có tên tuổi đã dùng hàng nghìn hàng vạn lời tán tụng để "mỹ hóa" Võ Tắc Thiên.

Phần 09 - Gió Mây Biển Đông

Buôn bán chính trị của tập đoàn quân sự

Trong thời Ngũ Đại có bao nhiêu là chuyện kỳ lạ? Một số tướng lĩnh quân sự thời đó, một khi đã đủ lông đủ cánh, hoặc đơn lẻ, hoặc liên hợp lại... Chỉ trong một khoảnh khắc đã làm nên chuyện long trời lở đất, cải triều hoán đại dễ như lật lên lật xuống một chiếc bánh rán. Vì tập đoàn quân nhân cần dùng những cán giáo của họ để lấy về lợi ích chính trị và kinh tế. Sau cùng vị hoàng đế thông minh, khéo sử dụng chính sách mua bán, giảm trừ nguy cơ, thu hồi binh quyền, tăng cường sự khống chế. Kết quả của việc đó lại làm yếu đi sức lực của một quốc gia.

Mùa hè năm thứ 6 đời Hiền Đức nhà Hậu Chu (năm 959) Thế tông hoàng đế Sài Vinh bị bệnh, mất tại đô thành Đông Kinh (Khai Phong - Hà Nam). Hoàng đế mới ba mươi chín tuổi. Con trai là Sài Tông Huân lên kế nghiệp lúc đó mới lên bảy. Chính quyền Hậu Chu này gặp phải nổi bất hạnh lớn. Trong mười nước quân chủ thời Ngũ Đại, Sài Vinh là con người vũ danh, anh minh nhất. Ông là cháu nội hoàng đế khai quốc nhà Hậu Chu và được thu nhận như con nuôi mà kế nghiệp địa vị hoàng đế. Lên ngôi được bốn năm, ông chinh đốn nền chính trị, trừ bỏ điều cũ, khởi xướng điều mới, phát triển nông nghiệp. Cùng một lúc, ông tích cực huấn luyện quân đội, liên tục đánh ra nước ngoài và được những thắng lợi liên tiếp. Đương thời, Trung Quốc ở vào trạng thái có nhiều thế lực chính trị phân liệt, chia cắt. Về phía tây, Thế Tông đánh Hậu Thục, chiếm lấy Thiểm Tây, một bộ phận Cam Túc. Đánh xuống phía nam Đường, chiếm lấy mười bốn vùng châu thổ nằm giữa Trường Giang và sông Hoài, mở rộng bờ cõi nên thành thế chân động, vang dội. Tháng tư năm Hiền Đức thứ 6, Chu Thế Tông tự thân dẫn vài vạn quân chinh phạt phía Bắc thu hồi lại mười sáu châu U, Vân (nay là Trung và Bắc Hà Bắc) bị quân Khiết Đan chiếm cứ đã nhiều năm gọi là phạt Liêu. Nước Liêu của người Khiết Đan nổi tiếng về thiện chiến. Nếu có thể thu phục được Liêu, Thế Tông sẽ hoàn thành được kế hoạch thống nhất Trung Quốc thật nhanh chóng. Việc Bắc phạt mới đầu thuận lợi. Trong mười mấy ngày đã hạ được ba cửa quan Ngõa Kiều, Ích Tân và Dư Khẩu. Đáng tiếc là Thế Tông ốm đột ngột, phải rút binh về kinh đô. Đến tháng sáu, ông mất tại kinh đô mà hoàng đế mới chỉ là một đứa trẻ. Tình hình này làm cho mọi người lo lắng.

Nguy cơ sẽ đến từ các thế lực chính quyền đối kháng cũng lại đến từ trong nội bộ của chính quyền nhà Chu. Thời Ngũ Đại có mười nước là một thời đại đặc biệt không ổn định trong lịch sử Trung Quốc. Từ khi Chu Ôn diệt Đường, xây dựng nên nhà Lương (907) đến giờ chỉ có hơn năm năm mà giải đất trung nguyên đã dựng nên nào Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu. Cả bảy năm triều đại (vì tên của các triều đại này đã được sử dụng từ trước nên theo tập quán vẫn dùng mà thêm vào phía trước chữ "hậu" biểu thị là đời sau). Cùng lúc, ở phương Nam trước sau kiến lập chín thế lực chính quyền Nam Đường. Lại cộng thêm Bắc Hán ở phía Bắc Sơn Tây. Cộng cả lại là mười nước. Do đó có cái tên là mười nước của thời Ngũ Đại. Có người hình dung sự thay đổi, hưng vong của các chính quyền mười nước thời Ngũ Đại như là lật đi lật lại không ngừng một chiếc bánh rán trên lò.

Sở dĩ có cái cục diện như thế này là vì toàn quốc ở vào trạng thái phân liệt. Lại nữa là vì tình hình nội bộ của các chính quyền. Triều đình cũng không có lực lượng khống chế các tướng lĩnh quân sự. Đó là thời đại quân nhân xưng hùng. Ai có quân đội cường mạnh, người đó có thể cắt lấy một mảnh đất và làm hoàng đế. Tướng lĩnh và các thủ hạ của họ cũng không khách khí gì. Chỉ cần có đủ lông đủ cánh, mạnh mẽ, dù đơn lẻ hoặc liên hợp lại, họ lật đổ ngay ông chủ cũ của mình. Cải triều hoán đại tức là lại làm cái việc phân phối quyền lực và tài sản. Cho nên bọn tướng lĩnh không quan tâm đến việc làm hoàng đế hoặc dựng người này người khác lên làm hoàng đế, mình cứ làm khai quốc công thần là vui vẻ rồi. Trong cái thời đại này mà hoàng đế là một cậu bé thì khác gì để một viên ngọc vô tri mặc áo lung thugn xanh xang, mũ mấn rồi cho đi diễn phố?

Khi Chu Thế Tông còn sống đã phí mất bao nhiêu sức lực để tăng cường sức mạnh cho chính phủ trung ương. Phương pháp chủ yếu của ông là tăng cường sức mạnh cho cấm quân, làm yếu các phiên trấn. Cấm quân là quân đội bảo vệ kinh thành và giữ an toàn cho hoàng đế, lấy tinh chứ không lấy nhiều. Sài Vinh cải tạo cấm quân thành quân đội chiến đấu trực thuộc trung ương. Trong các cuộc nam chinh bắc chiến, đều lấy cấm quân làm cốt lõi. Như vậy, các tướng lĩnh địa phương không uy hiếp được chính quyền trung ương. Nhưng, chỉ khi nào bản thân hoàng đế có sức mạnh

thì điều này mới có lợi. Đẳng này, hoàng đế mới có bảy tuổi.

Trước lúc Thế Tông sắp mất, đã xuất hiện một điềm gỡ. Trong thành Đông Kinh có lưu truyền một câu về là: "điểm kiểm là thiên tử". Điểm kiểm là đô điểm kiểm ở điện. Đó là chức quan tối cao của quân cấm vệ. Đương thời, người con rể của thái tổ Quách Uy tên là Trương Vĩnh Đức đảm nhận chức vị này. Sài Vinh thấy Trương là người thân tín nên mới để Trương nhận chức vị quan trọng này. Nhưng, nay nghe thấy câu về này, tuy Thế Tông không nghi ngờ Trương Vĩnh Đức có âm mưu làm phản. Nhưng trong lòng không khỏi có điều nghĩ ngợi và sợ có kẻ xúi giục Trương cướp chính quyền. Ông hạ lệnh giải chức của Trương Vĩnh Đức mà bổ nhiệm Triệu Khuông Dẫn làm thống soái cấm vệ quân. Trước khi lâm chung, ông cử tể tướng Phạm Chất làm cố mệnh đại thần cho hoàng đế mới. Sau đó vị hoàng đế đang độ tráng niên đó đã lia đời.

Triệu Khuông Dẫn người Lạc Dương, xuất thân từ một gia đình quan về quân sự. Lúc trẻ tuổi là một tướng lĩnh thấp dưới bộ hạ của quân phiệt Quách Uy. Trong thời gian Quách Uy khởi binh lấy Hán rồi dựng nên cơ nghiệp Chu, Triệu Khuông Dẫn đã tích cực tham gia và bắt đầu được trọng dụng. Sau đó, Thế Tông đi chinh phạt bốn phương, Triệu Khuông Dẫn đều đi theo bước chiến chinh, được nhiều thành công và được thăng lên đô chỉ huy sứ trước điện, là tướng lĩnh cấp cao của quân cấm vệ. Sở dĩ Thế Tông chọn Triệu là có nghĩ đến một đoạn lịch sử dài của Triệu trong bộ phận cấm vệ quân. Tuy địa vị có kém Trương Vĩnh Đức nhưng được thăng lên Đô điểm kiểm trước điện là thuận với lý lẽ. Hơn nữa việc đề bạt Triệu là do bàn tay mình tự cất nhắc một kẻ thân tín lên đại tướng. Lại tương đối trung thành so với bọn tôn thất nhà Chu. Nhớ lại, trước đây hai năm, lúc đánh nhau với Nam Đường, chủ tướng phía Đường sai người lén lút mang biểu Triệu Khuông Dẫn một số lượng lớn vàng bạc. Nhưng Triệu Khuông Dẫn không nhận mà mang toàn bộ giao cho triều đình. Sự việc này là một ấn tượng đẹp mà Thế Tông nhớ mãi.

Không kể an bài ra sao, cứ biết su khi Thế Tông băng hà, không khí trong thành cứ là hoảng hốt, không yên ổn. Trước đó, bốn triều đình: Lương, Đường, Tấn, Hán đều chẳng qua là hoàng đế của nhị, tam đại. Công phủ của mười năm coi như kết thúc. Nào ai lại tin một vị hoàng đế mới có bảy tuổi lại có thể ngồi dưới long đình một thời gian dài? Ở các quán ruwoju, quán trà trên hè phố, các bậc bô lão thường ngồi bàn chuyện, họ thường hỏi nhau: "Phen này, ai sẽ là hoàng đế đây?" - "Điểm kiểm chứ? Người ta đồn: "Điểm kiểm làm thiên tử" mà. Trương Điểm Kiểm bị miễn rồi. Không còn ai lại nói rằng điểm kiểm làm thiên tử? Chẳng là còn có Triệu điểm kiểm nữa sao? Số trời thật chẳng biết đâu mà lường! Lại thay triều đổi đại. Kinh thành sẽ có đại loạn!"...

Ngày mười một tháng giêng năm Hiên Đức thứ 7, nửa năm sau ngày chết của Thế Tông, ở Trần Châu và Định Châu có quan phi ngựa đến báo tin Khiết Đan và Bắc Hán đã câu kết với nhau, có vài vạn quân kéo đến biên giới Chu. Tể tướng cố mệnh đại thần Phạm Chất đang vui tết năm mới, nghe được tin báo. Ông ngạc nhiên giẫy lất rồi vội triệu điện tiền điểm kiểm Triệu Khuông Dẫn, đô chỉ huy sứ điện tiền Thạch Thủ Tín cùng bàn bạc kế hoạch lớn với một vài người. Giờ đây, Triệu Khuông Dẫn ba mươi tư tuổi, thân hình khôi ngô, oai vệ, hơi đầy đặn. Khô mặt hơi vuông. Đôi lông mày treo lên, vừa đen vừa thô. Phía dưới là hai con mắt thô lỗ. Hai hàng ria mép vênh lên một chút (theo bức chân dung còn truyền lại). Trông thật là có khí sắc. Triệu trấn tĩnh nói với Phạm Chất: "Tiên đế đã định quét sạch và bình định phương Bắc. Nhưng không may, Người đã mất. Hoàn thành sự nghiệp mà tiên đế bỏ dở là việc của chúng ta! Nay Bắc Đường coi thường con tiên đế còn nhỏ tuổi, đã dám cất binh phạm đến ta, chẳng qua là tìm lấy con đường chết mà thôi! Tôi nguyện lĩnh quân ngự cổ, Thạch tướng quana lưu thủ kinh thành, xin tể tướng an tâm". Thạch Thủ Tín và những người khác biểu thị cùng một lòng. Thế rồi, làm theo ý của Triệu Khuông Dẫn. Cấm quân chia làm hai bộ phận. Một bộ phận do Triệu Khuông Dẫn lãnh đạo đi lên phía Bắc. Thạch Thủ Tín soái lĩnh một bộ phận đi lưu trấn kinh đô.

Ngày mùng ba tháng giêng xuất quân. Ngày hôm đầu, không biết duyên cớ gì, trong kinh thành rầm rộ lên câu về: "Điểm kiểm làm thiên tử". Những người có tiền, hoang mang, lúng túng, đi cất giấu vàng bạc và các báu vật, đóng gói hành lý, chuẩn bị rút chạy ra ngoài. Trong nhà nào có con gái thì tỏ ra khấn trương lạ thường. Những kinh nghiệm xưa nay đã cho mọi người biết rằng: "Cứ mỗi lần dựng lên một vị thiên tử mới là y như rằng có pónng tủng, lòng tay cho bọn thuộc hạ quan quân tướng sĩ trong kinh thành đi cướp đoạt vài ngày gọi là đề "báo đáp". Đối tượng bị cướp đoạt trước tiên là các kho tàng nhà nước, gian hàng nhà buôn, các nhà giàu. Có khi ngay cả các vương công

đại thần cũng không thoát khỏi. Cho nên có câu gọi là "quét chợ" là có ý vơ sạch cả chợ. Cách chừng bốn mươi dặm về phía Bắc kinh thành có một thị trấn nhỏ gọi là Trần Kiều Trạch. Đó là một nơi rất náo nhiệt. Ngày mồng ba, quân của Triệu Khuông Dã đi khỏi Khai Phong từ rất sớm. Quân tiến vừa phải. Không nhanh, cũng không chậm. Hoàng hôn xuống, quân lính, ngựa xe trú lại nơi đây. Một hôm, ông sai một cánh quân đi tiên phong vượt qua sông Hoàng Hà, giữ chặt bến sông là nơi phải qua nó mới vào được kinh đô để phòng bắt trặc. Tất cả quân sĩ còn lại đều được chuẩn bị thỏa đáng. Ông uống vài chén rượu và đánh một giấc ở trạm Trần Kiều Trạch là nơi gọi là phủ thống soái lâm thời. Ở trại quân cách trạm Kiều Trạch không xa, đốt lên một ngọn bạch lạp lớn. Tướng lĩnh quân cấm vệ cao cấp đô sứ nhà Lý Sứ Vân, tán viên chỉ huy sứ Vương Ngạn Thăng cũng đang uống rượu với một đám quân quan. Nói đến việc đánh nhau với quân Liêu, mọi người lại nhớ đến Thế Tông Sài Vinh và liên đới nói cả về vị hoàng đế trẻ tuổi chẳng hiểu biết gì. Mọi người vẫn nôm nớp: "Thiên hạ không yên ổn, chúa lại quá nhỏ tuổi, chuyện sau này biết ra sao đây!". Lại có người bảo: "Trong kinh thành đồn ầm lên câu vè: "Điểm kiểm làm thiên tử". Có lẽ đó là ý trời chăng?". Người nói đi, kẻ nói lại. Không hết chuyện. Lúc đó, có một viên sĩ quan văn thư tên là Miêu Huấn, đứng dậy và nói lớn: "Hôm nay, trên trời có điềm lạ, chư vị có biết không?". Mọi người đều rõ về vị sĩ quan Miêu Huấn này. Ông hiểu được nhiều hiện tượng về các vì sao, lại có học vấn về tướng số, tai biến cùng những điều rất kỳ quái. Mọi người im lặng, nhìn vào Miêu Huấn. Có người vội hỏi: "Hiện tượng trên trời có gì lạ? Ngài nói ngay đi!". Miêu Huấn làm ra bộ mặt huyền bí. Điều bộ và lời nói cũng có điều đặc biệt: "Giữa giờ Ngọ ngày hôm nay, tôi thấy dưới mặt trời lại có một vòng thái dương, một luồng khí đen cứ lằng dằng không thôi. Thật là kỳ quái!". Nói đoạn, chỉ vào vị quan chỉ lệnh tên là Sở Chiêu Phụ mà tiếp: "Lúc đó tôi có chỉ cho Sở huynh xem mà, có đúng thế không?". Sở Chiêu Phụ gật đầu như chiếc búa bổ lên đe và liên tiếp đáp: "Đúng, đúng, không sai chút nào!".

Lát sau, tất cả mọi người reo ầm lên. Có người reo lên: "dưới mặt trời lại có một mặt trời, là triệu chứng gì nhỉ". Người bên cạnh đáp: "lại còn phải nói ra làm gì kia chứ? Tất nhiên là thiên tử cũ thoát vị, thiên tử mới lên ngôi!". Như vậy chẳng khác gì lửa cháy thêm dầu, cháy bùng lên. Mọi người nhao nhao nói với Lý Ngạn Thăng và Lý Sứ Vân: "Chúng tôi muốn lập điểm kiểm làm thiên tử. Xin nhị vị tướng quân làm chủ cho!". Lý Sứ Vân lập tức đứng dậy, đi mời em của Triệu Khuông Dã là Triệu Khuông Nghĩa cùng những người thân tín với Triệu Khuông Dã, quan thứ ký Triệu Phổ... đến để bàn bạc. Vương Ngạn Thăng đi mời hai vị tướng lĩnh cao cấp khác là điện tiền ngưu hầu Lý Hán Siêu và nội điện đô ngưu hầu Mã Nhân Vũ. Đợi cho cả bốn vị đến trại quân, mọi quân nhân lại reo hò một trận ầm ĩ. Vương Ngạn Thăng nói với Triệu Khuông Nghĩa và những người khác về hiện tượng kỳ lạ trên trời mà Miêu Huấn vừa mới trình bày rồi bảo: "Mọi người đều muốn lập Triệu điểm kiểm làm thiên tử. Bọn chúng tôi cũng muốn nhờ vào đó mà mưu đồ phú quý. Trên là phù hợp với hiện tượng trên trời, dưới là phù hợp với lòng dân. ngài thấy thế nào?". Triệu Khuông Nghĩa có chiều luống cuống, nói: "Lập thiên tử là việc lớn. Nếu mọi người không cùng một lòng, tôi e sẽ mắc tai họa!". Lý Sứ Vân đứng dậy, nhìn về Lý Hán Siêu, Mã Nhân Vũ, khua tay lên, nói rít lên: "Có Lý Ngưu Hầu, Mã Ngưu Hầu, Vương chỉ huy sứ và tôi ở đây, ai dám không nghe nào? Ai không theo sẽ bị chém đầu!". Lại một trận reo hò ầm ĩ cả trại quân: "Ai không nghe sẽ bị chém đầu!". Lý Hán Siêu, Mã Nhân Vũ đã sớm biết sự việc này là như thế nào rồi. Nếu không tán thành tức là đưa đầu ra để ị chém. Họ biểu thị tán thành và hứa giúp đỡ mọi người.

Thế rồi, tất cả các quan quân từ trung cấp trở lên được tập hợp lại trong trại quân, tuyên bố kế hoạch chuẩn bị lập Triệu điểm kiểm lên ngôi thiên tử. Những viên tướng tá này đều là tay ranh mãnh cả. Rất nhiều người chẳng phải những kẻ lần đầu tiên tham gia màn náo kịch thay triều đổi đại làm gì mà không bằng lòng? Ai cũng muốn trở về kinh thành, mó máy khí giới, مطم chắc sẽ kiếm được "màu mè". Họ vui vẻ, mặt nở, môi cười. Có người đã tính toán: khi về đến thành sẽ cướp bóc nhà nào? Sẽ chiếm lấy một vài nàng trong nhà có hàng đàn ca nữ chứ? Lúc này, Triệu Phổ đứng phắt dậy, giơ tay bảo mọi người lặng yên. Mọi người biết ông là người thân tín của Triệu Khuông Dã. Lời nói của ông ta cũng sẽ là lời nói của Triệu Khuông Dã.

Triệu Phổ nói lớn: "Các vị ủng hộ lập vua mới, chẳng qua là muốn tìm phú quý. Nhưng, phải thế nào mới giữ vững được phú quý. Các vị đã nghĩ tới chưa?". Câu này làm cho mọi người tập trung chú ý. Có người giục: "Ngài nói tiếp đi, làm sao có thể giữ gìn được phú quý?". Triệu Phổ nói: "Một

khi lập thiên tử mới, nếu thiên hạ thái bình thì các vị là những vị quan có công huân. Tất nhiên thiên tử sẽ ban thưởng hậu hĩnh cho các vị. Các vị sẽ được thăng quan tiến tước. Rồi đời con truyền đời cháu. Như vậy là giữ gìn được phú quý lâu dài". Nói xong, nét mặt ông hơi biến đổi: "Nhưng mà, triều đại thay đổi tuy nói là do thiên mệnh nhưng cũng là lòng người. Hôm qua tiền quân đã qua sông giữ lấy những con đường chủ yếu. Những tiết độ sứ của các trấn đều lãnh binh cắt giữ lấy một phương. Ở biên giới cũng như mọi nơi, bốn bề đều có địch. Sau khi đại quân kéo vào thành, nếu có những hành động bậy bạ, phóng túng, cướp đoạt sẽ làm loạn cả kinh thành. Mà kinh thành đã bị loạn, những tiết độ sứ của các trấn sẽ kéo binh làm phản, đánh chúng ta. Chỉ trong một khoảnh khắc, thiên hạ đã đại loạn. Thử hỏi các vị có thể giữ gìn được phú quý lâu dài không? Do đó, muốn giữ được phú quý lâu dài, phải quản lý quân đội cho nghiêm ngặt. Vào thành không được cướp bóc, giết người!".

Mọi người nghe Triệu Phổ nói một mạch. Thì ra ông ta muốn phá cái quy củ "quét chợ" có từ xưa. Có người không vui: "Không được cướp bóc thì lập thiên tử làm gì?". Có người chửi khê: "Quân một sách thói tha, chẳng ra cái đồ gì đâu!". Nhưng đại bộ phận các tướng lĩnh đều đứng xung quanh Triệu Phổ. Không ít người trong số các tướng lĩnh cho là ông nói phải mà có đạo lý. Vì vậy ý kiến của Triệu Phổ được thông qua.

Triệu Khuông Dẫn ngủ được một giấc ngon lành. Đến canh năm, người em là Triệu Khuông Đạt đi vào phòng, gọi ông dậy và cho ông biết các tướng lĩnh đã đến trước trạm Trách. Triệu Khuông Dẫn bảo em ra ngăn trở một lát. Ông nói ông thụ ân của Thế Tông nguyên hết sức trung thành để đền đáp lại. Tuy có nói về thiên mệnh nhưng không nhẫn tâm cướp thiên hạ của ấu chúa trong lúc gặp nguy nan. Các tướng tá nghe nói, không đáp lại mà cứ xông vào cửa lớn, tràn vào trong sân trạm Trách. Ngay cả các vệ sĩ giữ cổng cũng không ngăn cản được.

Đến lúc này, Triệu Khuông Dẫn mới từ trong phòng bước ra. Lúc đó, trời đã hé sáng. Nét mặt ông oai nghiêm, người ông cao to, đứng trên thềm trước nhà đón ánh sáng ban mai. Quả nhiên là rất có cốt cách của một thiên tử. Ông nhìn ra phía sân, các tướng tá xếp hàng theo bậc cao thấp. Ai nấy đều lưng đeo đao, kiếm. Trong ra vẻ một phái quân sự bức phải làm phản.

Một vị tướng lĩnh bước đi chững chạc tiến đến, hành lễ rồi bẩm báo: "Chúng quân không có chủ, ần ần để không đủ uy để phục vụ, xin nguyện lập thái úy (chức quan danh dự của Triệu Khuông Dẫn) làm thiên tử!". Triệu Khuông Dẫn định nói thì người phía sau ông mở chiếc áo ánh vàng chói lọi gọi là hoàng bào tượng trưng cho thân phận hoàng đế choàng lên người ông. Tất cả các tướng sĩ, quân lính nhất tề quỳ rạp xuống đất, hô vang: "Hoàng đế của chúng ta muôn năm, vạn vạn năm!". Một cơn sóng đắc ý trào dâng trong tim Triệu Khuông Dẫn, trừ trừ mãi mới nhận, cười không ra tiếng.

Lễ bái đã xong, Triệu Khuông Dẫn vẫn lúng túng không biết xoay sở ra sao, nét mặt đau khổ. Ông nói với mọi người: "Các người mưu đồ phú quý mới ủng hộ, lập ta làm thiên tử. Bây giờ không còn cách nào khác. Nhưng phải nghe mệnh lệnh của ta. Nếu không, ta sẽ không đáp lại!". Mấy vị tướng lĩnh cấp cao hô lớn: "Xin tuân theo mệnh lệnh". Triệu Khuông Dẫn đưa ra ba điều kiện:

- 1). Không được kinh động đến tôn thất nhà Chu vì các vị là chủ nhân cũ của ta.
- 2). Không được phạm đến các vị đại thần trong triều. Họ là đồng liêu của ta.
- 3). Không được cướp bóc các kho của triều đình, các nhà dân.

Điều thứ ba là điều Triệu Phổ đã nói. Nay được Triệu Khuông Dẫn nói lại, giản đơn mà rõ ràng hơn. Nói xong, đôi lông mày của thiên tử mới nhướn lên, mắt mở to ra, tuyên bố một cách dữ dội: "Sau này sự việc thành công sẽ được trọng thưởng. Ai vi phạm mệnh lệnh sẽ bị diệt ba tộc họ!". Các tướng tá lại bái một lần nữa biểu thị lòng phục tùng. Cuộc binh biến Trần Kiều là sự kiện nổi tiếng trong lịch sử, được ghi lại: Trần Kiều sự biến.

Hoàng bào khoác lên.

Đến đây, coi như đã diễn xong một màn kịch tối trọng yếu mà cũng đầy kịch tính.

Đại quân lập tức xuất phát, hỏa tốc kéo về Đông Kinh. Trên đường, hai viên quan trung cấp nói vụng với nhau: "Cứ truyền mãi về: 'Điểm kiểm làm thiên tử'. Tưởng là điểm kiểm Trương. Nào ngờ lại là Triệu điểm kiểm. Thật là lạ!". Viên quan kia nói lại: "Đồ mày ngốc. Kể ra, Trương điểm kiểm cũng có thể làm thiên tử. Nhưng vì khi câu về được đồn đại thì ông không thành công. Nếu không, chuyển làm sao được đến Triệu điểm kiểm?".

- Có phải là ra quân đánh Khiết Đan không? Nếu thu quân về kinh, người Khiết Đan đến đánh thì

sao?

- Đồ ngốc! Làm gì có chuyện đó?

- Thực ra, Triệu điểm kiểm đã tính đến việc ông ta sẽ làm thiên tử! Vậy mà ông ta cứ nản nã không chịu đáp lại, cứ phải để mọi người ép mãi mới chịu làm là sao?

- Dốt nát lắm! Thế mới gọi là cao tay. Cũng như buôn bán vậy. Anh trả giá, nài họ bán cho anh. Họ lại sát giá. Nếu không thế thì sau khi thiên tử về kinh lại thả rông quân lính trong ba ngày, quy cũ từ ngày xưa đã được sửa đổi rồi sao?

Người bảo người khác là dốt nát ấy mới biết được nhiều điều mà không biết hai, ba điều. Nhưng ông vua khai quốc trong mười nước thời Ngũ Đại phần nhiều là những vị có tầm mắt thiên cận, kém mưu lược. Họ không tính toán được đầy đủ mà cũng không có lực ngăn cản được bọn binh lính phóng túng cướp đoạt gây nên tai họa. Triệu Khuông Dẫn là con người nhìn xa, trông rộng. Ông thấy được cái cơ sở hùng hậu do Chu Thế Tông giành lấy được, ông dựa vào điểm này mà tiến hành việc thống nhất đất nước, xây dựng nên một vương triều nhiều đời lâu dài. Ông hết sức tranh thủ sự giúp đỡ của tất cả giai tầng thống trị để có thể bảo đảm sự củng cố và phát triển của chính quyền mới. Lại nữa, thừa lúc người ta bị nguy khốn, quan diệt vua là không có đạo đức. Làm cái trò bề ngoài, ra cái điều bị mọi người bức mà phải làm sẽ che được tai mắt của thiên hạ. Dù ít dù nhiều cũng có thể tiêu tan đi một phần cái ôi thối không đạo đức mà duy trì cái bộ mặt đạo đức "thành quân". Ngược lại, truyền thống của người Trung Quốc là chỉ cần cái bộ mặt, còn những cái dơ bên trong thì không cần đi sâu. Cái vị quân quan thông minh đó đọc ít sách quá. Nhưng anh ta biết Triệu Khuông Dẫn trước sau vẫn có cái tư thái tựa hồ như bị động nắm lấy quyền chủ động cũng không dễ gì.

Tốc độ hồi sư cực nhanh. Vừa chính Ngọ đã đến thành, các quân sĩ giữ thành không may may kinh ngạc, để cho quân của Triệu Khuông Dẫn vào thành. Thực ra, trong âm mưu này còn có thêm vài nhân vật trọng yếu nữa. Đó là tướng cao cấp của quân cấm vệ giữ kinh thành Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Kỳ. Họ không chế cả kinh thành. Chỉ có tướng cấm vệ thân quân phó đô chỉ huy sứ là Hàn Thông mong manh biết được tin tức, liền cưỡi ngựa từ cung về phủ. Ông chuẩn bị triệu tập các bạn thân tín để bàn bạc việc binh phản. Giữa đường, ông bị Vương Ngạn Thăng trông thấy. Vương đuổi ông đến tận nhà và giết ông.

Tất cả mọi việc đều được an bài thỏa đáng. Cho nên sau khi Triệu Khuông Dẫn về kinh, lệnh cho các đội quân trở về với các dinh phòng. Ông cũng trở về phủ đệ của ông và phái bộ phận thân tín soái lĩnh một số ít quân đội làm nốt những việc còn lại. Một lát sau, các tướng đã giải tể tướng Phạm Chất và một số đại thần có liên quan đến phủ Triệu. Mặt Phạm Chất trắng bệnh, ông run run nhìn Triệu Khuông Dẫn, bối rối. Triệu Khuông Dẫn không lên mặt thiên tử mà vẫn giữ lễ tiết gặp mặt như trước đây. Ông âm ự, khóc lóc mà nói: "Đã đi đến bước này, thật là vi phạm cả trời đất, ta là người có tội!". Phạm Chất chưa kịp đáp lời, viên quan quân đứng ngay cạnh là Lỗ Ngạn Khôi, tay cầm bảo kiếm, nói đồng dục: "Lớp người chúng tôi không có chủ. Nay đã lập được thiên tử!". Phạm Chất sợ nhảy thót lên, nhìn về phía các đại thần cùng bị đưa đến với mình. Mặt mày mọi người rầu rĩ muốn khóc. Họ biết rằng nếu hôm nay không lập được thiên tử, chẳng ai muốn về nhà mà sống. Người nọ nhìn người kia, đưa mắt nhìn nhau một chút rồi cùng nhau lùi lại vài bước, cùng quỳ xuống, khấu đầu thành tiếng và hành lễ theo nghi thức gặp thiên tử. Lúc này, Triệu Khuông Dẫn không khách khí nữa, ngồi ổn định, không nhúc nhích. Ông đợi cho mọi người hành lễ xong, mới an ủi vài câu. Ông bảo đảm cho họ vẫn được hưởng vinh hoa phú quý. Mọi người đều vui vẻ hẳn lên.

Đi từng bước một, việc gì phải làm ngay sẽ không được trì hoãn. Triệu Khuông Dẫn liền dẫn Phạm Chất và những đại thần khác vào cung và triệu tập các quan trong triều, cử hành nghi thức nhường ngôi báu. Hơi mất thời gian một chút là việc an bài các ban và thứ tự sắp xếp, dàn hàng các quan viên cao thấp văn võ khác nhau. Vì là việc thay đổi ngôi thiên tử. Dù rằng Triệu Khuông Dẫn tận khả năng tranh thủ sự giúp đỡ của càng nhiều càng tốt. Nhưng ông cũng phải nghĩ đến những người thân tín của mình, những công thần của ông. Thế là lại phải xếp đặt. Đến tận hoàng hôn mới coi là xong cái việc để mỗi người vào vị trí của mình. Tiếp sau đó, có người ẵm hoàng đế mới lên tám tuổi, đặt lên bệ ngọc. Triệu Khuông Dẫn quỳ trước mặt hoàng đế một lần cuối cùng. Hàn lâm thừa chỉ Đào Cốc đứng bên cạnh, rút từ ống tay áo ra như kiểu học trò quỳ thuật, một tờ chiếu chỉ thư

nhường ngôi hoàng đế từ hoàng đế cuối cùng triều Chu sang cho hoàng đế khai quốc triều Tống (cũng gọi là Tống Thái Tổ). Ông đọc tờ chỉ lên, giọng sang sảng. Đó là một áng văn chương lời hoa mỹ, trang nhã, tía tốt, lên trầm xuống bổng, lúc bốn từ, lúc lại sáu từ đi với nhau. Không biết đã phải mất bao công sức trong bao nhiêu ngày mới có được áng văn đó. Tiểu hoàng đế Sài Tông Huân nghe thấy người ta đọc chiếu thư của mình ban ra mà cứ dờ ra như gỗ, chẳng hiểu gì cả. Sau đó, Triệu Khuông Dẫn ngồi lên vị trí của hoàng đế nhỏ. Hoàng đế nhỏ cũng quỳ xuống gần vị trí của Triệu, trao đổi nhau động tác khấu đầu. Lại có một học sĩ đi ra, tuyên đọc chiếu chỉ của Triệu Khuông Dẫn phong ông làm Trịnh Vương, dặn ông phải bảo vệ bài vị tổ tông cho cẩn thận. Buổi lễ kết thúc. Năm đó lấy niên hiệu là Tống, gọi là đời Kiến Long.

Tất cả mọi việc xảy ra trong một ngày. Từ lúc rạng sáng khoác hoàng bào tới khi trời tối là kết thúc lễ nhường ngôi. Đó quả là một quá trình từ trời sáng đến hết ngày. Nhiều người còn kinh ngạc. Việc xê dịch từ thời đại Chu sang thời đại Tống sao mà lại nhanh chóng như vậy. Sự thực, không cần phải kinh ngạc một chút nào cả. Vì tất cả mọi việc đều đã được an bài chu đáo và bí mật chuẩn bị từ trước. Đã có nhiều kẻ sách được vạch ra trong nhiều đêm ở những nơi kín đáo mới có thể đăng hoàng trong một ngày hoàn thành được ngay nơi điện đường. Thậm chí thời gian binh biến được chọn vào ngày đầu năm. Như vậy cũng có ý nghĩa: bắt đầu ngày mới, năm mới, vạn vật canh tân. Ai nắm binh quyền, người đó có thể làm hoàng đế. Đó là thông lệ của mười nước thời Ngũ Đại. Triệu Khuông dẫn đã tự mình tiến hành một lần. Thử nghiệm càng sâu sắc. Thế thì, người khác có thể làm được không?? Vỡ kịch cũ diễn lại, không khó gì mà nhìn nhận ra. Không ngăn cản việc cảm thấy phải suy nghĩ về việc đó một cách sâu sắc.

Một hôm, vào năm Kiến Long thứ hai (961). Triệu Khuông Dẫn mở tiệc rượu trong cung. Toàn các tướng lĩnh cao cấp quân cấm vệ, những đại thần ủng hộ việc lập ông lên ngôi hoàng đế như Thạch Thủ Tín, Cao Hoài Đức, Vương Thâm Kỳ, Trương Lệnh Đạt v.v... được mời đến dự. Trong khi mọi người đang vui vẻ uống rượu, hoàng đế bảo những kẻ hầu hạ tả hữu đi vào phía trong rồi chau mày, than thở: "Nếu ta không dựa vào lực lượng của các vị thì không có được ngày hôm nay. Ta cảm nhớ đến đại đức của các vị mãi mãi không thôi. Tuy vậy, làm thiên tử cũng rất khó khăn. Thật chẳng bằng một tên tiết độ sứ ở ngoài vui vẻ. Ta chẳng có một ngày nào ngủ đủ giấc cho đến sáng, cũng chẳng có lạc thú!". Thạch Thủ Tín cùng mấy người vội hỏi xem vì duyên cớ gì. Chỉ nghe được Triệu ú ớ, ừ ừ, lẩm bẩm: "Cái đó cũng chẳng khó hiểu gì. Cái ngôi vị của hoàng đế, ai chẳng muốn ngồi thử một chút!".

Các tướng lĩnh sợ quá, cho rằng hoàng đế nghi họ làm phản. Ai nấy đều rời vị trí và khấu đầu, miệng hô lên: "Sao bệ hạ lại nói như vậy? Giờ đây, mệnh trời đã định, ai còn dám khác lòng?". Triệu nói: "Không đâu! Tuy các vị không có tâm địa khác. Nhưng giả dụ bộ hạ của các vị có tham vọng mưu đồ phú quý, một khi đã khoác hoàng bào lên cho một vị nào đó. Vị ấy không muốn làm mà lại không thể không làm ư?". Đó là việc lấy chuyện cũ ra mà tỏ nỗi lo lắng chứ không phải là vô duyên vô cớ gì.

Bọn Thạch Thủ Tín biết hoàng đế đã nói ra những lời như vậy, chắc hẳn sẽ không chịu kết thúc mọi việc một cách nhẹ nhàng. Chắc chắn là đã có mưu kế. Bèn hỏi: "Làm thế nào để trốn tránh được cuộc sống?". Hoàng đế liền thân mật giải bày gan ruột: "Người ta sinh ra ở đời chỉ là một cái nháy mắt là hết. Gọi là muốn được phú quý, chẳng qua chỉ là tích trữ vàng và tiền để mình có thể hưởng lạc nhiều hơn và không để cho con cháu rơi vào cảnh cùng quẫn. Các vị sao chẳng nắm binh quyền, ra khỏi kinh thành mà trấn thủ các đại phiên, mua lấy những mảnh ruộng đất, những tòa nhà đẹp đẽ, để lại cho con cháu sản nghiệp vĩnh cửu. Lại cũng mua thêm một số ca nữ, vũ nữ, ngày nào cũng uống rượu ngon, vui vẻ sung sướng đến hết đời. Cuộc hôn nhân giữa quân và thần của chúng ta đã không có điều nghi kỵ, trên dưới yên ổn, chẳng là đã tốt sao?".

Đó là chính sách mua chuộc, buôn bán của Triệu Khuông Dẫn. Lấy sự đãi ngộ kinh tế hậu hĩnh để đổi lấy binh quyền trong tay bọn họ. Các tướng lĩnh không lấy làm vui trong tình hình đó. Mà cũng không dám không tuân theo. Sau khi về nhà, họ vội vàng viết giấy yêu cầu được giải trừ quân chức. Như vậy là Triệu Khuông Dẫn nắm gọn trong tay đội quân cấm vệ lớn nhất mà cũng dễ tiêu tốn nhất buổi đương thời. Cái điều mà người hậu thế gọi là "Chén rượu giải binh quyền" được mọi người thường hay nhắc đến.

Như trên đã nói, sự hưng phế thay đổi chính quyền của mười nước trong thời Ngũ đại như một

chiếc bánh rán, cứ lật đi lật lại không ngừng. Sự biến ở Trần Kiều chẳng qua chỉ là một lần lật bánh mà thôi. Thoạt đầu có lẽ chẳng ai tin vương triều nhà Tống do Triệu Khuông Dẫn dựng lên lại có thể kéo dài được hơn ba trăm năm. Cho nên có người than rằng: "Tự cổ đến giờ, lấy được thiên hạ một cách dễ dàng, đã có má ai được như họ Triệu. Nói thế là dễ dàng cũng là nói với sự so sánh tương đối. Tống triều của họ Triệu có thể thống trị thiên hạ lâu dài là nhờ ở sự làm cho tập quyền trung ương vững mạnh. Bao gồm binh quyền, chính quyền, tài quyền. Trong đó đặc biệt quan trọng là binh quyền. "Chén rượu giải binh quyền" chỉ là màn mở đầu. Sau đó phổ biến toàn quốc, các biện pháp thi hành càng triệt để hơn. Hơn nữa, chính vì họ Triệu được thiên hạ quá dễ dàng nên rất sợ người khác noi theo cái gương này. Do vậy, nhiều đời hoàng đế về sau đề phòng các tướng sĩ rất kỹ đến mức phải phòng cả nội lẫn ngoại. Người cùng tham gia Trần Kiều sự biến rồi lại kế nghiệp Tống thái tổ và trở nên hoàng đế thái tông Triệu Khuông Nghĩa bảo: "Việc quốc gia không ngoài sự ưu lo đối ngoại và hoạn nạn đối nội. Cái lo bên ngoài dễ đề phòng. Cái hoạn nạn bên trong thường đột biến mà đến, làm cho mọi người lo sợ nhất. Các vị đế vương đặc biệt thận trọng và mất nhiều sức lực vào vấn đề này. Lại cũng chính vì các tướng lĩnh bị triều đình kiềm chế quá nghiêm khắc. Dùng tướng không linh binh, chỉ khi nào sắp vào trận đánh mới điều phối quân tới. Đó là chế độ quy định. Sau cùng, chia ra Bắc Tông, Nam Tống. Đất nước tuy không có đajai loạn, nhưng về đối ngoại, đã thu phục và trấn định được các bộ phận Liêu, Tây Hạ, Kim. Và sau cùng nhà Tống bị nhà Nguyên diệt. Nhiều vương triều của các thời đại đã bàn luận về sự yếu kém trong quan hệ đối ngoại của triều Tống. Người đời Tống đối phó với sự áp bức của các nước đối địch hình như chủ yếu chỉ có một số các nhà văn học viết nên một số bài thơ và tự nói lên cái gọi là chủ nghĩa yêu nước với chút lòng khảng khái, anh hùng mà đại bộ phận là trống rỗng, không có sức thuyết phục. Tất cả những cái đó có nguồn gốc từ sự biến Trần Kiều.

Phần 10 - Không Còn Cách Lựa Chọn

Những con sông âm mưu của chính quyền nông dân

Thái bình thiên quốc nổi lên và sụp xuống như một trận mưa to gió lớn đột nhiên dấy lên. Thất bại của nó ở chỗ nó làm một bãi sông chứa đầy những con sông đầy ắp âm mưu hiểm độc. Nói cho cùng, chính quyền nông dân vốn không đầy đủ cái "chất" khác biệt căn bản với chính quyền phong kiến. Tất cả những chứng bệnh của mô thức chính trị phong kiến đều thấm thấu vào trong những sinh hoạt chính trị của chính quyền nông dân.

Ngày 28 tháng giêng năm Hàm Phong thứ ba của nhà Thanh (1852), quân nông dân Thái bình thiên quốc, hơn mười vạn người vây lấy thành Giang Ninh. Giang Ninh là thủ đô lúc mới lên của nhà Minh (Nam Kinh). Trường thành xây dựng cao và kiên cố. Quân Thái bình lập doanh trại ngoài thành, đối mặt vài ngày với quân Thanh giữ thành đào một đường ngầm tới phía dưới lên công Nghi Phong.

Ngày 10 tháng 2, quân Thái bình lại một lần bao vây dưới chân thành. Bỗng nhiên có tiếng nổ âm vang kinh thiên động địa, gạch đá bay tung, bụi khói bốc lên cao vài trượng. Trường thành toác ra một lỗ hổng. Mùi khói diêm tiêu chưa tan, hàng nghìn vạn quân lính hò hét, xông vào trong thành. Quân Thanh giữ thành rối loạn, không chống cự nổi. Cả tuyến ngoại thành kiên cố bị thất thủ. Ngày thứ hai, các quân nhân Thái bình từ mọi hướng tiến vào nội thành như trận mưa bão lớn, mỗi chiến binh đầu chít khăn đỏ, mặc áo ngắn như những giải vân hà loang loáng. Sau khi công khắc được Giang Ninh, Thái bình thiên quốc định đô tại nơi đây và đổi là "Thiên Kinh".

Mười một năm đã qua, dưới thành Thiên Kinh tức là Nam Kinh lại diễn lại màn kịch trước đây. Có điều cả hai bên công và thủ đều thay đổi địa vị. Ngày 6 tháng 6 năm Đồng Trị thứ ba (1864), Tăng quốc Phiên chỉ huy quân Thanh đào đường ngầm đánh đổ Thái bình môn. Đội quân tiến vào như một đàn ong. Quân Thái bình bị vây khốn vài ngày không còn ý chí chiến đấu. Chạy tản ra bốn phía. Quân Thanh mạnh mẽ, hùng dũng, hò hét âm ỉ. Thấy ai là giết ngay. Máu chảy từng vũng lên lán, chiều đến, kết thành những đám vừa đen vừa đỏ. Thái bình thiên quốc bùng lên rồi sụp xuống như một cơn mưa to gió lớn ập tới. Ngày 10 tháng 12 năm Đạo Quang thứ 30 nhà Thanh, Quảng Đông có một tiên đạo trường tư thực gọi là Hồng Tú Toàn lợi dụng một bộ phận giáo đồ Gia tô hỗn tạp với mê tín dân gian Trung Quốc, tổ chức nên hội Bái Thượng Đế, phát động khởi nghĩa tại thôn Kim Điền huyện Qué Bình, Quảng Tây - chưa được hai năm đã phát triển thành một đội ngũ gần một triệu người, từ Quảng Tây đánh ra Hồ Nam, Hồ Bắc rồi men theo sông Trường Giang xuống đông Giang Nam, công khắc Nam Kinh. Sau khi xây dựng kinh đô tại Nam Kinh, tiếp tục phái binh Bắc phạt, Tây chinh. Phạm vi hoạt động lan ra hơn nửa đất nước Trung Quốc. Nền thống trị của triều Thanh bị trận bão tố này công kích lao đảo muốn ngã xuống, cơ hồ tan rã. Nhưng về phía Thái bình thiên quốc, trong thành Nam Kinh, vì tranh giành quyền lực, tập đoàn lãnh đạo đã phát sinh ra một loạt những âm mưu dấy lên nổi loạn. Từ đó, cuộc khởi nghĩa nông dân này bắt đầu đi vào con đường suy vong. Mặc dầu có vài vị tướng lĩnh ưu tú mang hết tâm sức ra, chống đỡ gian khổ vài năm trời cũng không cứu nổi được thất bại và dẫn đến màn kịch Tăng Quốc Phiên công phá Nam Kinh.

Phải nói rõ thêm: khởi nghĩa nông dân trong lịch sử Trung Quốc đại diện cho quảng đại nhân dân khát vọng có được ruộng đất, cải thiện được cuộc sống. Thực tế là yêu cầu cải thiện quan hệ sản xuất phong kiến. Cái đó nói cho cùng là sự chinh đốn vòng vèo tự thân của quan hệ sản xuất phong kiến. Về bản chất không có một ý nghĩa gì về phản phong. Tất cả những đặc điểm cơ bản của các mô thức đó đều thấm thấu vào sinh hoạt chính trị của chính quyền nông dân. Lịch sử cung cấp cho chính quyền nông dân một mô thức chính quyền duy nhất. Đó là một mô thức chính quyền duy nhất. Đó là mô thức chuyên chế phong kiến. Từ những ý nghĩa trên mà nói, cái lý luận biến chất của chính quyền nông dân là lý luận phi "lô gích". Vì chính quyền nông dân vốn không có đầy đủ cái "chất" khác biệt căn bản với chính quyền phong kiến. Như vậy, không thể biến được. Ngược lại, chỉ có một con đường bình thường ngoài sự thất bại. Đó là phải thích ứng thật nhanh với mô thức chính trị phong kiến mà lịch sử đã cung cấp cho. Trong mô thức này, phát triển và lớn mạnh, rút ra từ chính quyền quốc gia đã có từ trước. Đó là quy kết của lịch sử về khởi nghĩa nông dân chứ không

phải là sự thất bại của nó.

Cuộc khởi nghĩa Thái bình thiên quốc so với nông dân khởi nghĩa trước kia đều có những nhân tố thời đại mới ít hoặc nhiều. Nhưng những nhân tố đó quá mỏng manh, không đủ để có được phương hướng cơ bản cải biến cuộc vận động mô thức chính trị phong kiến. Ta chỉ nói giản đơn: "Đứng trước mặt Thượng đế mọi người đều bình đẳng như nhau. Đó là giáo lý của đạo Gia tô và cũng là cương lĩnh của Thái bình thiên quốc. Nhưng nó không có nội hàm của tư tưởng tự do bình đẳng trong xã hội phương Tây thời cận đại. Mà chỉ là phiên bản ảo tưởng của chủ nghĩa bình quân. Do đó, nó chỉ là tiếng kèn hiệu phát động dân chúng mà không thể trở thành hiện thực chính trị. Chế độ đẳng cấp phong kiến vẫn là chế độ chính trị thực tế của chính quyền Thái bình thiên quốc. Thậm chí trên, dưới phân chia nghiêm khắc, quá nhiều điều úy kỵ, chế độ lễ tiết vụn vặt và khô cứng. Tư tưởng nam nữ bình đẳng của Thiên quốc đã từng được mọi người tán dương. Nhưng thực chất, không có ai được tự do thân thể với những quần thần nam nữ phổ thông mà bình đẳng dựa vào chính quyền Thiên quốc. Không giống như nam nữ bình đẳng với ý nghĩa hiện đại. Sự thực, tập đoàn lãnh đạo cấp trên vẫn thế, thiếp thành bầy, chẳng kiêng nể điều gì hết. Thái bình thiên quốc trừng trị người cũng đã man đến sợ. Tóm lại tính chất phong kiến của chính quyền này đã được thấy rõ từ buổi ban đầu.

Nói như vậy, không phải là phủ định cuộc khởi nghĩa của Thái bình thiên quốc mà cũng không phải là chỉ ra tính chất hạn chế của nó. Đây chỉ là lắng đọng một chút sự thực cơ bản. Bản chất chính quyền Thái bình thiên quốc cũng là chính quyền phong kiến. Như vậy, trong chính quyền phong kiến tất xảy ra những hoạt động đấu tranh chính trị và âm mưu. Chúng xuất hiện ngay trong nội bộ. Khi chính quyền bị một áp lực lớn đối địch phía ngoại, lãnh đạo của nó phải ghim mình, ít nhất là tránh mâu thuẫn, xung đột nội bộ. Nếu xung đột nội bộ không tránh được, cũng phải tìm lấy một thủ đoạn tắt yếu để điều chỉnh, bổ cứu để giảm bớt ảnh hưởng đến chính quyền. Nhưng, tầng lớp lãnh đạo của Thái bình thiên quốc không chú ý đến những điểm này. Họ đã rơi vào cuộc tranh chấp và âm mưu tranh cướp quyền lực chuyên chế nên đã làm tiêu tan cả sự thành công mà đáng lẽ ra có thể thu hoạch được. Ngay từ đầu kết cấu chính quyền trong nội bộ Thái bình thiên quốc đã không được cân bằng. Người sáng lập ra hội Bái Thượng Đế ngoài Hồng Tú Toàn còn có Mã Văn Sơn là người vào hội sớm giúp đỡ Hồng bằng hoạt động tuyên truyền. Cả hai đều là người ở huyện Hoa thuộc Quảng Đông. Nhưng căn cứ hoạt động của họ lại là ở dải núi Tử Kinh huyện Quế Bình thuộc Quảng Tây. Nông dân Trung Quốc xưa nay vẫn có quan niệm hẹp hòi về đất quê hương. Tình hình này dẫn đến sự xa cách giữa lãnh tụ và quần chúng. Cho nên, nhân vật chủ yếu hoạt động tổ chức quần chúng ở dải núi Tử Kinh là người thợ đốt than bản địa tên là Dương Tú Thanh.

Dương Tú Thanh xuất thân từ một gia đình nghèo khổ, mẹ chết sớm, đã từng rời khỏi nhà, đi lông bông, tổ chức mấy kẻ giang hồ, hảo hán lại với nhau, thông thuộc một số quy củ vào hội, nhóm kiểu dân gian. Người biết chữ không nhiều, nhưng giao du rộng, gan góc, trung dũng, mưu lược nhiều, dám làm dám chịu. Năm 27 triều Đạo Quang (1847), giữa hội Bái Thượng Đế với địa chủ huyện Quế Bình phát sinh xung đột. Phùng Văn Sơn bị Đoàn Luyện bắt giữ, giam vào ngục trong huyện. Hồng Tú Toàn lấy lý do đi Quảng Châu và xa rời Quế Bình. Người đốt than bản địa gom góp một số tiền hối lộ cho quan. Kết quả, Phùng Văn Sơn phải ngồi tù chín tháng. Năm thứ hai trở thành du dân vô nghiệp bị áp giải về nguyên quán. Hội Bái Thượng Đế qua cơn đả kích đó, khiến lòng người giao động, xuất hiện khuynh hướng ly tán.

Một hôm, người bạn kết nghĩa của Dương Tú Thanh là Tiêu Triều Quý triệu tập một số quần chúng bàn bạc những công việc ngày hôm sau. Dương Tú Thanh cùng đến dự. Ý kiến của mọi người khác nhau. Chủ trương cũng mỗi người một cách, bàn bạc loạn xạ cả lên. Bỗng nhiên, Dương Tú Thanh đứng thẳng rồi ngã đổ xuống đất, bất tỉnh nhân sự. Mọi người xúm lại xem, thấy Dương sùi bọt mép, mắt trợn lên, chân tay khuỵu khớp, mặt mũi thật kỳ quái. Mọi người không biết gì nhưng cũng nhận ra sự tình. Một số nơi ở Trung Quốc tồn tại hàng nghìn năm một đạo dân gian gọi là đạo "Vu" (Vu giáo) có lẽ "giáng thần", thần linh nhập vào con người. Ở Tầm Châu gọi là "giáng đồng". Lúc đương thời, đạo này rất thịnh hành, cho nên mọi người không kinh ngạc hoang mang, chỉ đợi xem thần linh nào ộp vào Dương đại ca và xem thần linh sẽ nói gì với mọi người.

Một lát sau, thấy Dương Tú Thanh đứng dậy, cử chỉ chậm rãi, lạnh lợi mà nghiêm trang, giọng nói khác hẳn lúc thường: "Ta đây là Thiên phụ (Thượng đế) xuống phàm trần, có điều cần bảo với các

người". Tiêu Triều Quý vội bảo những người bên cạnh quỳ xuống. Mọi người kính cẩn quỳ xuống nghe lời Thượng đế dạy. Hội Bái Thượng Đế tin vào Thượng đế gia tô. Nhưng ngay bản thân họ cũng không biết ý nghĩa về đạo Gia tô. Chỉ biết Thượng đế là lớn nhất, chúa tể của các thần. Nhiều người coi Thượng đế như đức Quan Đế, Thái thượng lão quân. Họ không hoài nghi gì.

Thượng đế ốp vào Dương Tú Thanh và tiếp tục nói: "Các người đã có lòng tin vào đạo của ta thì không được ăn ở hai lòng, không được nghi ngờ mà phản lại đạo mà đi!". Tiêu Triều Quý vội thay mặt mọi người kính bái: "Không phải chúng con hai lòng. Gần đây, tông hội có nhiều nỗi khó khăn nên mọi người lo lắng ạ".

Thượng đế an ủi mọi người: "Thượng đế sẽ phái các người phải làm xong một việc lớn nên bày ra một số khó khăn để rèn luyện các người. Nếu không hai lòng, đại sự nhất định thành công. Sinh thời được hưởng phú quý. Chết được lên thiên đàng vô cùng sung sướng vui vẻ. Nếu phản bội chân giáo sẽ bị hồ vồ rắn cắn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo. Sau khi chết phải xuống địa ngục, chịu mọi gian khổ! Hôm nay ta nhớ sai lầm của các người, tạm không xử phạt. Sau này mà còn có những sự việc như vậy thì ta sẽ không tha...". Mọi người đều nghe và khấu đầu.

Thượng đế đỡ dành một người, trả lời thêm vài điều, nhìn thấy tâm lý mọi người đã yên ổn, Ngài mới thăng thiên. Lúc đó, Dương Tú Thanh dường như ngủ một giấc, chẳng biết gì. Một lát sau mới tỉnh dậy, chẳng biết những gì xảy ra trong mình, chỉ nói: "Thiên phụ giáng ân cho chúng ta như vậy, dạy dỗ chúng ta, phải nghe lời iThiên phụ, không được sai lời mà đi tìm đường tử!".

Qua việc giả làm thần, đóng vai thánh này, giải cứu được nguy cơ của hội Bái Thượng Đế. Sau đó, Hồng Tú Toàn từ Quảng Châu về tới Quế Bình, Dương Tú Thanh coi như cùng với sự có mặt của các hội viên, diễn lại màn kịch mà Thiên phụ đã ốp vào mình để truyền chỉ dụ. Ở phòng họp này, Hồng Tú Toàn không còn cách nào khác, giải quyết không dám lật tẩy cái trò chơi của Dương Tú Thanh, đành rậm rạp cùng mọi người quỳ xuống, nghe lời giáo huấn của Thiên phụ. Như vậy, Dương Tú Thanh đã tìm ra một kiểu ức chế và làm giảm vai trò của Hồng Tú Toàn mà đề cao được địa vị của mình lên.

Sau cuộc khởi nghĩa Kim Điền, Thái bình quân đánh vào châu Vĩnh An, trú quân lại nửa năm. Sau khi đã xác định pháp lệnh, quy chế và quy mô kiến quốc, Hồng Tú Toàn với thân phận là người sáng lập ra hội, được đưa lên làm Thiên Vương. Rồi Vương lại phong quan tước cho mọi người. Vương là tước vị cao nhất. Lại phân ra ba loại: Đông Vương Dương Tú Thanh, Tây Vương Tiêu Triều Quý là loại một. Nam Vương Phùng Văn Sơn, Bắc Vương Vĩ Sương Huy là loại hai. Dự Vương (dự là bên cánh) Thạch Đạt Khai là loại ba. Đồng thời còn quy định các Vương được phong kể trên đều chịu sự tiết chế của Đông Vương. Từ chỗ này ta thấy sự đặc biệt trong địa vị của Hồng Tú Toàn và thế lực mạnh mẽ của phái Quảng Tây. Sau đó, Tiêu Triều Quý và Phùng Văn Sơn chết sớm. Người có thể kháng lại được với Dương Tú Thanh càng ít đi.

Sau khi định đô ở Nam Kinh, chính thức kiến lập chính quyền quốc gia. Toàn bộ chế độ do Dương Tú Thanh chủ trì lập ra. Đại quyền quân quốc hoàn toàn nắm trong tay Dương Tú Thanh. Theo quy định, phạm những đại sự cơ mật trong quân đội, các quân tướng bậm với Vĩ Sương Huy, Thạch Đạt Khai. Hai vị này thấy thi hành được, báo với Dương Tú Thanh. Được Dương Tú Thanh phê chuẩn xong mới tấu với Hồng Tú Toàn hạ chiếu thực hiện. Nếu không thông qua Dương Tú Thanh thì những tờ tấu của Vĩ Sương Huy và Thạch Đạt Khai không đến được Hồng Tú Toàn một cách trực tiếp. Nhiều nhất là Hồng Tú Toàn dùng quyền phủ quyết. Nhưng quyền phủ quyết cũng không có cách nào thực hiện. Cho nên Hồng Tú Toàn có hiệu xưng "Thiên vương" và "vạn quốc chân vương", "con thứ hai của Thiên phụ" (Gia tô con cả). Nhưng, thực tế Hồng chỉ là một cái khung rỗng, là con rối trong tay điều khiển của Dương Tú Thanh. Trong thành Nam Kinh, quân nhân cấp dưới có truyền thuyết: "Hồng Tú Toàn đã chết từ lâu. Nay chỉ theo hình dáng ông rồi đeo thành con rối bằng gỗ cho mũ, áo, cân, đai rồi để vào trong Thiên vương cung. Dương Tú Thanh cứ bảy ngày lại vào cung một lần. Các vị quan không nhìn thấy Dương. Cái đó cũng là vè, nhưng cũng có thể thấy Hồng là một lãnh tụ trên danh nghĩa mà thôi.

Đó là như vậy, Dương Tú Thanh không chịu để Hồng Tú Toàn an nhàn, dễ chịu. Thỉnh thoảng lại làm nhục Hồng. Có một lần Hồng Tú Toàn hạ lệnh khiển trách đánh roi một cung nữ. Dương Tú Thanh biết được, cũng mượn cơ giả làm Thượng đế hạ phàm trách mắng Hồng Tú Toàn xử sự không xứng đáng, phải đánh thiên bốn mươi trượng. Vĩ Sương Huy và mấy người cầu xin khổ sở

xin thay mặt Thiên vương chịu quả trách. Không cho phép như vậy. Hồng Tú Toàn không biết làm thế nào, phủ phục xuống đất, chuẩn bị đầu gối chịu đòn. Đông vương là Dương Tú Thanh bảo: "Đã nhận sai lầm, chịu xử phạt, đánh một trận rồi tha". Hồng Tú Toàn còn khấu đầu tạ ân.

Để dựng lên uy quyền cá nhân, chuẩn bị đợi thời gian cướp lấy địa vị của Hồng Tú Toàn chỉ là ông vua trên danh nghĩa, Dương Tú Thanh chèn ép cả những thành viên lãnh đạo khác trong Thiên quốc, hòng bức người đứng đầu các phủ phải nghe lời mình. Vĩ Sương Huy là Bắc Vương, là một trong các lãnh tụ của Kim Điền sự biến. Về chức tước kém Dương Tú Thanh. Chỉ vì bộ hạ của Vĩ là một tướng lĩnh phản biến mà Dương Tú Thanh đánh Vĩ vài trăm roi, đến nỗi Vĩ không đứng lên được nữa. Vĩ Sương Huy xuất thân từ gia đình giàu có. Đọc sách nhiều. Hiểu được sự diệu kỳ của đấu tranh quyền lực. Bất kể Dương Tú Thanh giáo huấn gì cho mình, Vĩ luôn tỏ ra mềm dẻo, phục tùng. Bàn luận không quá ba, bốn câu, quỳ xuống, khấu đầu nói: "Xin anh Tư dạy bảo, tiểu đệ lòng dạ còn non hầu như không biết" (Dương Tú Thanh là con thứ tư của Thượng đế). Người anh của Vĩ có sự tranh chấp nhà cửa với người anh vợ lẽ của Dương Tú Thanh. Dương tức giận hỏi Vĩ: "Trị tội như thế nào?". Vĩ Sương Huy bẩm: "Phải tứ mã phanh thây, nếu không chẳng đủ để cảnh cáo đại chúng". Nhưng, thực tế trong lòng Vĩ hậu Dương Tú Thanh đến tận xương tủy.

Ngoài ra còn một việc nữa. Dương Tú Thanh càng trở nên bạo ngược trong việc trừng trị thì số người phạm tội càng lên. Thủ hạ của Yến vương Tần Nhật Vồng có một con ngựa chần gia súc, chỉ vì trông thấy người chú của Dương Tú Thanh mà không đứng dậy chào cũng bị cái vị quý hóa Đông vương đánh cho hai trăm roi da. Mà Đông vương còn chưa hả giận, còn đem con ngựa đến giao cho Tần Nhật Vồng xử phạt. Tần Nhật Vồng chuyển giao con ngựa cho bố vợ Mỹ vương Thạch Đạt Khai là người chủ quản pháp đình của thiên quốc tên là Hoàng Ngọc Côn để xử lý. Hoàng Ngọc Côn cho rằng đã bị đánh hai trăm roi rồi thì không cần xử phạt nữa. Đông vương cá giận cho rằng như vậy là không kính trọng mình. Thế là Tần Nhật Vồng bị đánh một trăm roi. Hoàng Ngọc Côn bị đánh ba trăm roi. Người chần ngựa bị tứ mã phanh thây! Cái phương pháp dùng hành động bạo liệt để tích uy này tất nhiên dẫn đến sự bất mãn của nhiều người.

Tuy nhiên, trong chính quyền có tính chất chuyên chế của phong kiến, đấu tranh quyền lực là không thể tránh được. Nhưng với những nhà chính trị có kinh nghiệm, chỉ ít cũng chú ý đến hai điểm: quyết không vì những chuyện vặt hàng ngày mà để phát sinh ra xung đột. Quyết không gán sự oán cá nhân vào đấu tranh quyền lực. Nhưng chính quyền Thiên quốc là một chính quyền ấu trĩ. Những người lãnh đạo của nó mang trong mình quá nhiều tâm lý hẹp hòi của nông dân, chưa học được cả một loạt phương pháp điều chỉnh quan hệ nội bộ giai cấp thống trị phong kiến. Cho nên mới phát sinh ra Dương Tú Thanh như vậy, đã có những hành vi của người lãnh đạo tối cao với việc như tranh chấp nhà cửa với anh vợ lẽ, ông chú không được người ta bái chào nhỏ nhất liền tùy ý muốn trừng phạt là trừng phạt. Những con sông nhỏ trong Thái bình thiên quốc đáng ra có thể chảy bình thường, cũng có đấu tranh quyền lực ở mức hạn chế. Nhưng bên trong nó có gieo rắc quá nhiều oán hận cá nhân và càng ngày càng trở nên không chấp nhận được.

Năm thứ sáu đời Thanh Hàm Phong (1856), đạo doanh quân Thanh ở Giang Nam uy hiếp Tân Kinh bị quân Thái bình công phá. Trước khi đó, tuy quân Bắc phạt của Thái bình thiên quốc gặp phải điều không lợi, quân tây chinh thắng lợi lớn, hai bên bờ Nam sông Trường Giang từ Nam Kinh đến Vũ Xương đều nằm trong bàn tay khống chế của quân Thái bình. Hình thế toàn bộ có lợi cho Thái bình thiên quốc. Thế là, Dương Tú Thanh bắt đầu hoạt động tranh quyền thực hiện âm mưu mà Dương đã mưu tính từ lâu.

Ông ta chẳng có nhiều ngón chơi. Vẫn là cái trò đội lốt ma quỷ thần thánh, giả vờ là Thiên phụ giáng phàm nhập vào mình mà gọi Hồng Tú Toàn đến. Lúc này, Hồng Tú Toàn trở nên thần dân và là người con ưu tú nhà Mãn Thanh, rất quý củ, trang nghiêm đi từ cung điện Thiên vương, tới phủ Đông vương, khấu đầu trước Thiên phụ bắt đầu một cuộc đối thoại.

Thiên phụ nói: "Người và Đông vương đều là con của ta. Đông vương có công lao to như vậy, sao chỉ gọi là Cửu thiên tuế?".

Hồng Tú Toàn đáp: "Đông vương lấy được giang sơn. Đáng lẽ phải là vạn tuế. "Thiên phụ lại nói: "Chẳng lẽ thế tử Đông vương cũng xưng thiên tuế?".

Hồng Tú Toàn trả lời: "Đông vương thế tử đã được xưng hô vạn tuế, thế tử Đông vương càng là vạn tuế mà còn là vạn tuế đến thế thế, đại đại...".

Thiên phụ sung sướng quá, bảo: "Ta về trời đây..."

Như vậy là Dương Tú Thanh nói thẳng với Hồng Tú Toàn rằng Dương không thể ở dưới Hồng Tú Toàn được. Hồng Tú Toàn cũng hiểu rằng: lần này, tuy thiên phụ chưa thủ tiêu cái xưng hô "vạn tuế" của mình. Nhưng cái không "vạn tuế" của Đông vương còn ghê gớm hơn cái "vạn tuế" của ông ta. Một khi ông ta "vạn tuế" lên, mình sẽ tính sao?

Mọi người có thể chỉ trách Dương Tú Thanh không nên mưu đồ đoạt quyền của Hồng Tú Toàn.

Nhưng với Dương Tú Thanh mà nói, ông ta có công to nhất trong việc lấy được thiên hạ. Quyền lực của thiên quốc nằm trong tay ông ta, dựa vào đâu mà phải tôn phụng Hồng Tú Toàn là chủ? Mọi người cũng có thể yêu cầu Hồng Tú Toàn nhường địa vị của mình đi. Nhưng, với Hồng Tú Toàn mà nói, ông là người sáng lập ra hội Bái T hượng Đế và đã ngồi trên bệ ngọc hoàng đế. Tại sao lại phải nhường đi? Ai bảo đảm cho ông được an toàn trong những ngày về sau? Tóm lại, một loạt những con sông bên trong là không thể tránh được. Điều có thể suy nghĩ là chọn lấy một thời cơ nào đó và áp dụng thủ đoạn nào đó để không chế động loạn. Cả Hồng lẫn Dương đều không làm tốt được hai điều đó.

Khi Hồng Tú Toàn về đến Thiên vương phủ, lập tức hạ một chỉ, phân phát đến cho Vĩ Sương Huy, Thạch Đạt Khai đang ở mặt trận Hồ Bắc, ra lệnh cho hai người này hỏa tốc về Thiên kinh để trừ diệt Đông Vương. Sĩ Vương Huy vốn có ý muốn đó từ lâu, nhận mật chiếu, dẫn một đoàn người, ngựa đội đêm mà trở về. Về đến thành đúng là lúc giữa đêm. Quân sĩ giữ thành thấy Bắc vương hồi kinh, không hề có ý nghi ngờ gì.

Vĩ Sương Huy vào thành, tìm đến Yên vương Tần Nhật Vãng chiếm cứ các nơi hiểm yếu trong kinh thành, không chế tất cả mọi con đường đi tới Đông phủ. Sau đó, Vĩ Sương Huy soái lĩnh một đội binh thân tín, tiến thẳng vào Đông vương phủ.

Hành động này như một tiếng sấm lớn không kịp bật tai. Trong Đông vương phủ không có nhiều vệ sĩ trực. Đâu có kháng cự nổi? Dương Tú Thanh đang nằm mơ giấc mơ "vạn tuế" của mình, nghe thấy tiếng động, vội vàng chồm dậy, đi ra phòng quan sát, bị bắt ngay tại chỗ. Quân lính giải Dương đến trước mặt Vĩ Sương Huy. Dương trông thấy Vĩ tay cầm trường kiếm, đằng sau là đám tùy tùng, sát khí đằng đằng, kinh hãi run lên, vội vàng xin thể tình: "Tôi và anh cùng có mặt trong cuộc khởi nghĩa Kim Điền, anh không thể giết tôi!". Lúc đó, Sĩ Huy còn chưa quên chuyện diễn trò ma quỷ của Dương mà rằng: "Mi muốn hoán vị, ta phụng mệnh anh Hai đến giết mi. Việc hôm nay, không thể vện cả đôi bên. Nếu ta không giết mi, ta chỉ có chết!". Nói đoạn, rút kiếm định tự sát. Dương Tú Thanh ngăn người, không kịp có phản ứng gì. Rước kiếm trong tay Vĩ Sương Huy bị một thủ hạ giật lấy. Trong lúc chém giết loạn xạ, giết ngay Dương Tú Thanh. Gia đình họ hàng của Dương cùng với đội cận vệ, người phục dịch v.v... trong phủ lên tới trên một nghìn người đều bị giết sạch. Ngày xưa, Đông vương phủ hiển hách vô bì, nay thành những đồng xác chết chồng lên nhau, máu me chảy khắp chốn. Các quan viên, binh sĩ của phủ Đông vương có đến hai vạn người. Đại đa số không lưu trú trong phủ. Trong đó có năm nghìn quân tinh nhuệ đóng dinh ở phía ngoài phủ. ngày thứ hai, tin Đông vương bị giết làm cho mọi người nhón nháo. Cũng có người bị kích thích quá độ, chủ trương cất binh làm phản để báo thù cho Đông vương. Có một vị sứ giả của Thiên vương chạy đến doanh trại, truyền đại chiếu chỉ cho các quân quan đại ý nói: "Đông vương mưu phản cho nên Bắc vương, Yên vương phải xử lý. Đúng ra chỉ ra lệnh cho họ giết Đông vương và ba người anh em củ ảnh. Những người khác không liên quan thì được tha. Nhưng giờ đây, Bắc vương và Yên vương lạm sát những người vô tội, làm ngược lại mệnh lệnh của Thiên vương làm cho mọi người kinh sợ, hoang mang. Hiện bắt giữ hai người này, mỗi người bị phạt bốn trăm trọng. Lại lệnh cho các thuộc hạ của Đông vương đi xem xử phạt để tỏ ra sự công bằng của Thiên vương".

Sĩ quan và binh lính của phủ Đông vương cũng không hoàn toàn tin như vậy. Họ mang vũ khí, dưới sự chỉ huy thống nhất của quân quan, chỉnh đốn đội ngũ đến xem nơi xử tội (hình trường). Quả nhiên, Vĩ Sương Huy và Tần Nhật Vãng bị đưa đến hình trường thật, gục xuống đất, tiếp nhận hình phạt. Người chịu trách nhiệm phạt đánh hai người bằng gậy gỗ. Đánh vào mông và đùi rất mạnh. Gậy gỗ bị gãy lại thay bằng gậy khác. Thấy vậy mọi người mới thở phào. Sau khi bị trừng phạt, Vĩ Sương Huy và Tần Nhật Vãng không thể đi được, bị người ta khiêng đi. Sau đó lại có sứ giả truyền đại chiếu chỉ của Thiên vương: Đông vương đã dền tội, cho quân đội của Đông vương phủ được giải tán, phân chia, cắt vào các đội quân khác.

Nghe ra cũng hợp tình hợp lý. Mọi người tuân theo mệnh lệnh, bỏ vũ khí xuống và được đưa đến hai tòa nhà lớn để đợi an bài. Đợi cho đến khi tất cả mọi người vào trong hai tòa nhà, trong lúc mọi người nhàn nhã nói chuyện phiếm với nhau, có hai cánh quân bao vây chặt lấy hai tòa nhà, một toàn binh sĩ lăm lăm khí giới trong tay tiến vào cổng lớn, thấy ai giết nấy. Lúc đó mọi người mới biết là bị lừa. Có người ôm đầu lẫn trốn, có người ra tay phản kháng. Nhưng trong tay không có tác sát, lại bị nhốt trong phòng, còn đâu là con đường sống? Năm ngàn quân tì nh nhuệ biến thành những đồng thịt be bét máu trong một loáng thời gian.

Đó cũng là mưu đồ độc địa của Vĩ Sương Huy. Hắn vốn muốn thay thế địa vị của Dương Tú Thanh, không giết hết những người còn lại của Đông vương, hắn chưa hả lòng. Cho nên thù hằn bị hình phạt trên da thịt cũng cố tiêu trừ đại họa trong trái tim. Đợi đến khi những quân nhân của phủ Đông vương bị tiêu diệt như kẻ của hắn bày ra, những quan viên văn chức càng cho là chưa đủ. Họ phái các đội quân đi sục sạo khắp trong thành. Phàm những người nằm trong hệ thống họ hàng của Đông vương phủ và cả những người có quan hệ mật thiết hàng ngày với Dương Tú Thanh gồm lớn bé già trẻ, thậm chí cả con nít... đều bị giết. Đến con gà, con chó cũng không để lại. Có đến chừng hai, ba vạn người bị giết. Chém giết trong ba tháng, làm cho kinh thành trở thành một lò sát sinh.

Cuộc thảm sát đại quy mô này, đương nhiên không thể nói là do ý của Hồng Tú Toàn. Nhưng ít nhất thì trong lúc mới đầu cũng nhận được ở Hồng một sự dung túng nhất định. Hoặc nói một cách khác, ít nhất có một bộ phận nhỏ trong đó là những người mà Hồng muốn giết. Cái gọi là chỉ giết một Dương Tú Thanh và ba người anh em của hắn, chẳng qua là nói bề ngoài mà thôi. Dực Vương Thạch Đạt Khai nghe nói Thiên kinh xảy ra vụ tàn sát lớn, biết rằng tàn sát như vậy sẽ làm cho lòng dân tan tác. Ông bèn trở về kinh thành, đến thăm Vĩ Sương Huy, yêu cầu Vĩ ngừng việc chém giết. Đối mặt, Vĩ Sương Huy chẳng nói gì. Đợi khi Thạch Đạt Khai đi khỏi, tức giận và thù giết cả Thạch Đạt Khai. May thay, có người lộ tin đó cho Thạch. Ông phải chạy trốn suốt đêm, không dám ra khỏi thành, dùng thùng thả ra ngoài tường thành mà xuống. Sau khi Vĩ Sương Huy biết tin, sai người đuổi theo không được, giết cả gia đình còn lưu lại trong thành của Thạch.

Vĩ Sương Huy giết người đến nỗi làm cho trời phải tức giận, người phải oán hờn. Cuối cùng, các lực lượng khác nhau liên hợp lại, giết ngay Vĩ Sương Huy. Nhưng sự kiện này ghi chép lại đến nay còn rất mơ hồ. Trong cuốn "Tự thuật của Lý Tự Thành" cũng ghi có vài câu giản đơn về chuyện này. Nhưng làm cái việc này đâu có thể dễ dàng như vậy? Bên trong không thể không có những âm mưu. Người chủ trì kế lớn phải là Hồng Tú Toàn. Trong kinh thành lúc đó, trừ Vĩ Sương Huy, Tần Nhật Vồng ra, không có mặt mấy tướng lĩnh có địa vị cao, nếu không phải Hồng Tú Toàn chủ trì thì Vĩ Sương Huy sẽ không chém giết được như thế. Sau khi giết Vĩ Sương Huy, Hồng Tú Toàn lại giết nốt Tần Nhật Vồng. Như vậy là tất cả những tội ác đều có người đảm nhận trách nhiệm. Thiên vương minh thánh vẫn như xưa, chẳng có điều tiếng gì. Cái con người Hồng Tú Toàn không đồ nổi bằng tú tài thực sự là một con người rất giản đơn.

Chuyện về sau, Thạch Đạt Khai trở về kinh làm phụ chính bị Hồng Tú Toàn nghi ngờ và không chế nên phần chi ra đi, mang theo một lượng lớn lính tinh, tướng giỏi của thiên quốc. Đến giờ, lãnh tụ chủ yếu của cuộc khởi nghĩa Kim Điền, trừ những người chết ở chiến trường như Tiêu Triều Quý, Phùng Văn Sơn, người thì bị giết, người thì bị phân tán chỉ còn lại có một mình Hồng Tú Toàn. Cái sinh khí của Thái Bình thiên quốc cũng đã tự nó tàn đi nhiều. Tuy nhiên, sau này có Lý Tự Thành, Trần Ngọc Thành giữ vững được vài năm gian khổ. Còn Hồng Tú Toàn thì ngoài họ Hồng ra, không tin bất cứ một ai. Thật là nhà cao thì tường đổ, độc một thanh gươm không chống chọi được gì.

Trên đã nói, sự phát triển thành thực trong mô hình chính trị phong kiến là sự thu gọn của lịch sử nông dân khởi nghĩa. Nhưng quá trình này tương đối gian nan. Thế lực mấy năm đầy đủ của Thái bình thiên quốc rất mạnh, nhiều mâu thuẫn tích tụ lại chưa kịp giải quyết. Lòng dạ các lãnh đạo thượng tầng quá ư hẹp hòi, lại thiếu trí thức lịch sử và kinh nghiệm chính trị. Cho nên, một khi phát sinh ra xung đột về quyền lực, sẽ khó mà không chế được. Đó là nguyên nhân lớn của sự thất bại mà Thái bình thiên quốc phải gánh chịu.